

PHÁO ĐÀI TRẮNG

ORHAN
PAMUK



nhà nam



nhà xuất bản trẻ

Table of Contents

LỜI TỰA

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

Tưởng niệm Nilgun Darvinoglu (1961-1980), con người tốt bụng, em gái ngoan hiền



“Đó là gì, nếu không phải là khởi đầu của một tình yêu, nếu ai đó khơi dậy trong ta những mối lưu tâm, nếu ai đó đã xen vào cuộc đời ta bằng cách nào không rõ, và nếu thiếu tình yêu của người ấy thì ta sẽ chẳng thể nào sống nổi?”

MARCEL PROUST

LỜI TỰA

Mùa Hè năm 1982, tôi tìm được tập bản thảo viết tay ấy dưới đáy một chiếc rương bụi bặm ở Gebze (*một thành phố gần Istanbul, thủ đô Thổ Nhĩ Kỳ*), khi lục lọi hàng tuần theo thói quen trong đám "hồ sơ" lộn xộn của chính quyền thành phố, ngập đầy những sắc lệnh, chiếu chỉ, văn tự, biên bản tòa án và các báo cáo công vụ. Với tấm bìa trang nhã bằng thứ giấy vân cẩm thạch có những hoa văn mơ hồ, gợi nhớ về giấc mộng nào đó, được viết bằng nét chữ rõ ràng, dễ đọc, tập bản thảo ấy nổi bật hẳn lên giữa đám công văn giấy tờ bạc phếch và lập tức khiến tôi chú ý. Bàn tay ai đó, chắc là có chủ ý, muốn kêu gọi tính tò mò của tôi, đã viết trên trang thứ nhất cái tựa đề: "Con nuôi người thợ làm chần". Tôi hài lòng đọc nhanh hết tập sách mà bên lề các trang giấy có những hình người đầu bé xíu vẽ bởi bàn tay con trẻ, mặc những bộ y phục dính chi chít cúc. Tập bản thảo khiến tôi rất thích thú, nhưng vì lười chép lại, nên lợi dụng sự tin cậy của người nhân viên, vốn rất trọng nề tôi và chẳng hề theo dõi, tôi giấu nó vào trong cặp, đơn giản là tôi đã đánh cắp quyển sách ấy trong đám giấy tờ mà ngay cả vị kaimakam (*người đứng đầu một tỉnh hoặc một khu vực (tiếng Thổ)* trẻ tuổi cũng không dám gọi là "hồ sơ lưu trữ". Thời gian đầu, tôi đọc đi đọc lại quyển sách nhiều lần mà không biết phải làm gì với nó. Sự hoài nghi của tôi đối với lịch sử vẫn còn chưa hết, nhưng tôi chú ý đến bản thảo không chỉ từ phương diện khoa học, văn hóa hoặc lịch sử, mà còn bởi rất thích lối hành văn của nó. Rồi điều đó khiến tôi phải nghĩ về tác giả của bản thảo. Khi tôi và các đồng sự buộc phải rời trường Đại học Tổng hợp, tôi quay về nghề cũ của ông tôi, vốn là một người từng xuất bản các bách khoa thư, và chính khi đó tôi đã nghĩ tới chuyện đưa một bài về tác giả tập bản

thảo mà tôi tìm được vào cuốn bách khoa thư *Những người nổi tiếng* mà tôi phụ trách phần lịch sử.

Tôi bắt đầu dành cho việc đó tất cả những giây phút rảnh rỗi, ngoại trừ thời gian làm bách khoa thư và nhậu nhẹt. Tôi tra cứu các nguồn tư liệu về giai đoạn ấy và thấy một số sự kiện được phản ánh trong sách không tương ứng với thực tế lịch sử. Chẳng hạn, trong thời gian năm năm Koprulu (*Pasha Koprulu Mehmet (1575-1661): đại tể tướng dưới triều Mehmet IV*) giữ chức tể tướng, đúng là ở Istanbul đã xảy ra một trận đại hỏa hoạn, điều đó cũng được phản ánh trong các tư liệu thành văn, nhưng trận dịch hạch được bản thảo đề cập đến, mà lại lây lan rộng đến mức tương chừng như đáng được ghi vào lịch sử, thì trong các văn bản ấy lại chẳng có lời nào nhắc đến. Tên tuổi nhiều vị đại thần được nêu không đúng, hoặc nhầm lẫn, một số vị bị thay tên đổi họ. Họ tên của các vị đại sứ chiêm tinh không tương ứng với tên họ ghi trong Biên niên sử vua triều đình, nhưng tôi không chú tâm lắm vào những chi tiết này, vì cho rằng đây là chủ ý của tác giả. Mặt khác, phần lớn các sự kiện lịch sử nêu trong bản thảo đều được khẳng định, có một số sự kiện còn trùng hợp khá chi tiết, chẳng hạn như vụ ám sát đại sứ chiêm tinh Huseyn Etendi, diễn ra trong chuyến đi săn thỏ của hoàng đế Mehmet IV (*Mehmet IV (1642-1693): vị sultan thứ 19 của đế quốc Ottoman (1299- 1923), tức Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, trị vì trong quãng thời gian 1648-1687), tại khu rừng gần cung điện Mirahor, điều đó cũng được sử gia Naimai ((1655-1716): nhà sử học Ottoman) nhắc đến. Tôi cho rằng tác giả bản thảo hẳn là một người mơ mộng và ham đọc sách, khi làm việc đã sử dụng các tư liệu tương ứng, đã đọc vô số sách vở và sau đó đưa một số chi tiết vào các ghi chép của mình. Những trước tác của Evlyia Chelebi mà tác giả có nhắc đến, rõ ràng là chỉ được ông ta đọc lướt, nhưng qua bản thảo thì chẳng rõ hai người có quen biết nhau hay không. Tôi vẫn không mất hy vọng tìm ra dấu vết của tác giả, nhưng các truy cứu trong những thư viện Istanbul đã khiến cho niềm hy vọng đó tan thành mây khói. Tôi không kiếm được một tài liệu hay quyển sách nào đã hiến tặng hoàng đế Mehmet IV trong*

khoảng thời gian từ năm 1652 đến năm 1680, cả ở thư viện trong cung điện Topkapi (cung điện hoàng gia ở Istanbul - thủ đô Thổ Nhĩ Kỳ, nay là Viện Bảo tàng) cũng như các thư viện khác mà tôi đã tìm thấy rằng chúng có thể đã được chuyển đến. Tài liệu duy nhất mà tôi đã gặp được trong các thư viện ấy là công trình của "nhà thư pháp thuận tay trái", được nhắc đến trong bản thảo. Tôi cố gắng theo dõi số phận của những công trình ấy, gửi vô số thư từ đến các trường đại học tổng hợp Italy, nhưng chỉ nhận được những hồi âm bực mình, còn những mưu toan tìm kiếm trong các nghĩa địa Gebze, Jennethisar và Uskudar con người đã viết nên cuốn sách mà không lưu lại tên họ mình đều chẳng mang lại kết quả mong muốn. Tôi chấm dứt các cuộc tìm kiếm và ngồi viết một bài cho bách khoa thư, dựa trên nội dung của bản thảo. Nhưng như tôi đoán trước, bài viết không được chấp nhận, không phải vì nó thiếu cơ sở khoa học, mà bởi người tôi đề cập đến là một nhân vật khuyết danh.

Có thể chính vì thế mà mối quan tâm của tôi đối với quyển sách lại càng lớn hơn. Thậm chí tôi còn muốn thôi việc, mặc dù tôi rất yêu công việc và các đồng nghiệp của mình. Có thời, gặp ai tôi cũng nói về quyển sách, như thế không phải tôi phát hiện được, mà chính tôi đã viết ra nó. Để kêu gọi chú ý, tôi nói về ý nghĩa biểu trưng của quyển sách đó, nói rằng nó giống với hiện thực ngày nay, rằng càng đọc quyển sách ấy tôi càng hiểu thêm thời đại bây giờ. Sau những lời như vậy, đám thanh niên, chủ yếu là những người quan tâm đến chính trị, các mối quan hệ Đông-Tây và nền dân chủ đã chú ý đến quyển sách đó, nhưng chẳng bao lâu sau những người trẻ tuổi ấy, cũng như bạn bè tôi, đã quên lãng nó. Một ông giáo sư, bạn của tôi, đã đọc xong cuốn sách vì tôi chèo kéo, khi mang trả có nói rằng những câu chuyện như thế đây rấy trong các bản thảo chôn cất tại những ngôi nhà gỗ cũ kỹ trên các ngõ phố Istanbul. Cư dân của những ngôi nhà đó, nếu coi sách là Thánh thư Koran, thì sẽ cất nó lên nóc tủ, còn không, họ sẽ xé rời từng tờ ra để nhóm bếp lò.

Và thế là, đọc đi đọc lại bản thảo hết lần này đến lần khác, được khích lệ bởi một cô gái đeo kính, điều thuốc không lúc nào rời môi, tôi quyết định đem nó đi xuất bản. Độc giả sẽ thấy rằng khi dịch ra tiếng Thổ hiện đại, tôi đã không hề chú trọng đến phong cách, tôi cứ đọc vài câu trong nguyên bản để trên bàn, sau đó tôi đi sang một phòng khác, đến bên chiếc bàn khác, nơi tờ giấy trắng đang đợi, tôi ngồi xuống ghế và cố gắng diễn đạt nội dung vừa đọc bằng ngôn ngữ thời nay. Nhan đề quyển sách không do tôi đặt ra, mà là của nhà xuất bản đã đồng ý in nó, Chắc có người sẽ hỏi tôi, có ý nghĩa gì đặc biệt trong những lời đề từ in ở trang nhất hay không. Tôi cho rằng, thói quen tìm kiếm một mối liên hệ nào đó trong tất cả mọi thứ là căn bệnh của thời đại chúng ta. Và chính bởi cũng ngã theo căn bệnh chung ấy, tôi đã cho xuất bản câu chuyện này.

FARUK DARVINOGL

Khi bị những chiến thuyền Thổ Nhĩ Kỳ chặn lại, chúng tôi đang trên đường từ Venice đến Naples. Chúng tôi có ba tàu, còn những chiếc galera (*Chiến thuyền thời Trung cổ, bằng gỗ, có buồm, thường do nô lệ chèo*) nhấp nhô hiện lên sau màn sương mù của họ thì nhiều vô kể. Nỗi sợ hãi và âu lo bao trùm lên tàu chúng tôi, bọn phu chèo, phần lớn là người Thổ và người Moor thì mừng rỡ huyết sáo khiến chúng tôi bắt đầu mất tinh thần. Cũng như hai chiếc kia, tàu chúng tôi quay mũi về phía đất liền ở hướng Tây, nhưng khác với họ, chúng tôi không tăng được tốc độ. Thuyền trưởng của chúng tôi sợ nếu bị bắt làm tù binh, ông ta sẽ bị treo cổ, nên không dám ra lệnh quất roi vào đám nô lệ đang ngồi sau tay chèo. Sau

này, tôi thường nghĩ rằng chính sự hèn nhát của viên thuyền trưởng đã khiến cho cuộc đời tôi thay đổi.

Giờ đây, tôi nghĩ rằng, đời tôi đã thay đổi chính vào thời điểm mà thuyền trưởng tỏ ra hèn nhát. Cuộc đời, như ai cũng biết, chẳng bao giờ định trước được, và tất cả những gì xảy ra chỉ là một chuỗi các sự kiện ngẫu nhiên. Nhưng ngay cả những người biết được chân lý ấy, vào một thời điểm nào đó của cuộc đời, khi ngoảnh lại phía sau, cũng sẽ hiểu rằng tất cả những điều ngẫu nhiên mà họ trải qua lại chính là quy luật. Tôi cũng có một giai đoạn như vậy; giờ đây, khi tôi ngồi bên chiếc bàn cũ để viết cuốn sách này và nhớ lại màu sắc của những galera Thổ Nhĩ Kỳ nhô lên từ màn sương, tôi nghĩ hôm nay chính là thời điểm thích hợp để bắt đầu và kết thúc một câu chuyện nào đó.

Trông thấy hai chiếc tàu kia lách qua đám galera rồi mất dạng trong sương mù, thuyền trưởng của chúng tôi phấn chấn hẳn lên, rồi cuộc ông ta bạo dạn ra lệnh quất roi vào bọn phu chèo, nhưng chúng tôi đã bỏ lỡ cơ hội; hơn nữa, đến lúc ấy, khi bọn nô lệ đã đánh hơi thấy mùi tự do, roi vọt không còn tác dụng nữa. Những chiếc chiến thuyền Thổ Nhĩ Kỳ sắc sảo đã xuyên thủng bức tường sương mù và xông thẳng về phía chúng tôi. Thuyền trưởng quyết định giao chiến, nhưng tôi nghĩ, ông ta làm như vậy không chỉ để chống lại quân giặc, mà còn để đề nén nỗi sợ hãi và sự luống cuống của chính mình; vừa giục giã bọn phu chèo, thuyền trưởng vừa ra lệnh chuẩn bị đại bác để tấn công, nhưng chẳng mấy chốc ý chí chiến đấu đã tiêu tan. Nếu chúng tôi không nhanh chóng đầu hàng, con tàu bị tấn công dữ dội sẽ đắm ngay lập tức, bởi vậy chúng tôi quyết định kéo cò trắng.

Trong khi chờ những con tàu Thổ Nhĩ Kỳ giữa trời yên biển lặng, tôi xuống khoang, thu dọn đồ đạc gọn gàng, như thể không phải đang đợi quân thù, những kẻ sẽ khiến cho cả cuộc đời tôi thay đổi, mà đang chờ bạn bè đến thăm; tôi mở chiếc rương nhỏ và lo đang xếp lại những cuốn sách. Khi giở quyển sách mà tôi đã mua ở Florence bằng một khoản tiền lớn, nước mắt tôi ứa ra; nghe bên ngoài có tiếng kêu, tiếng bước chân người chạy bồn chồn, tiếng động âm ỉ, nhưng trong đầu tôi chỉ quanh quẩn một ý nghĩ: rồi đây tôi sẽ phải rời bỏ cuốn sách đang cầm trong tay, và tôi không muốn nghĩ về những gì đang xảy ra, mà chỉ muốn nghĩ về những gì người ta viết trong sách, dường như trong đó chứa đựng toàn bộ quãng đời quá khứ của tôi mà tôi không muốn chia lìa. Như thể cầu nguyện, tôi lẩm nhẩm những câu chữ vô tình đập vào mắt, nhắc lại những lời yêu quý mà tôi đã vui sướng đọc đến thuộc lòng, để ghi sâu trong dạ toàn bộ cuốn sách, để khi bọn chúng đến thì sẽ không phải nhớ tới chúng và những đọa đày chúng sẽ bắt tôi phải chịu đựng, mà chỉ nhớ về những sắc màu tươi đẹp của cuộc đời đã qua.

Thời đó, tôi là một người khác, mẹ tôi, vợ chưa cưới và bạn bè đã gọi tôi bằng một cái tên khác. Cho đến tận bây giờ, thỉnh thoảng

trong giấc mơ, tôi vẫn nhớ về con người đã từng là tôi trước đây, và tôi thường toát mồ hôi khi choàng tỉnh dậy. Đó là một người chừng hai mươi ba tuổi, chỉ biết phân biệt những sắc màu tưởng tượng nhợt nhạt của những đất nước không có thực, do chúng ta bịa ra trong nhiều năm ròng, những con vật chưa bao giờ tồn tại trên đời và những vũ khí kì lạ chưa từng có trên đời; con người đó đã nghiên cứu khoa học và nghệ thuật ở Venice và Florence, anh ta cho rằng mình hiểu biết về thiên văn, toán học, vật lí và hội họa; dĩ nhiên, anh ta tự mãn là đã lĩnh hội được vô số điều trong số những thứ đã được sáng tạo nên từ trước khi anh ta có mặt trên đời, và anh ta thường nói về mọi thứ với nụ cười khinh khỉnh hạ cố; anh ta tin chắc rằng có nhiều điều anh ta còn làm được xuất sắc hơn; anh ta là người xuất chúng vô song; anh ta cho mình là thông minh siêu phàm và tài năng hơn hết thảy mọi người: nói tóm lại, đó là một người trẻ tuổi thường tình. Mỗi khi tôi cần suy ngẫm về thời quá khứ của mình, tôi thường bực bội khó chịu bởi lẽ trước đây tôi đã là cậu thanh niên ấy, bởi tôi đã nói với người yêu về những tình cảm, về những dự án, về thế giới và khoa học - tôi thường xuyên làm điều đó - và coi sự thán phục của vợ chưa cưới như là chuyện dĩ nhiên. Nhưng tôi thường an ủi mình rằng những độc giả đang kiên trì theo đuổi đến tận kết cục những ghi chép của tôi sẽ hiểu rằng người thanh niên ấy không phải là tôi. Và rất có thể, các độc giả nhân nại sẽ nghĩ như giờ đây tôi đang suy nghĩ, rằng, vào một ngày đẹp trời nào đó, câu chuyện của chàng trai trẻ ấy sẽ được tiếp nối ở đoạn mà nó bị ngắt quãng - lúc đọc quyển sách yêu quý của tôi.

Khi bọn giặc đổ bộ lên con tàu của chúng tôi, tôi bỏ quyển sách vào rương và ra khỏi buồng tàu. Trên boong đang diễn ra cảnh hỗn loạn. Người của chúng tôi đang bị dồn thành đám, và bị lột trần ra để khám xét. Tôi thoáng nghĩ, trong cảnh loạn xạ này có thể nhảy qua boong tàu, nhưng hiểu rằng không ai để cho tôi bơi thoát, chúng sẽ bắn tên đuổi theo; vả lại, tôi cũng không biết chúng tôi đang ở cách bờ bao xa. Thoạt đầu tôi không bị ai động đến. Các nô lệ Hồi

giáo được coi xiềng đang phẫn khích hò hét, đôi kẻ còn có ý định lập tức thanh toán các giám thị. Tôi quay về khoang tàu. Một lúc sau, tôi bị phát hiện, và chúng bắt đầu lục lọi đồ đạc của tôi. Chúng dốc hết các thứ trong rương ra để tìm vàng bạc; sau khi đồ đạc được mang đi hết thì có một người xuất hiện, y cầm mấy quyển sách còn sót lại, lo lắng giờ xem và dẫn tôi đến gặp thuyền trưởng.

Thuyền trưởng (sau này tôi được biết đó là một người Venice cải đạo Hồi) cư xử với tôi tử tế, hỏi tôi biết làm gì. Để không bị đưa đến các galera, tôi nói rằng tôi rành thiên văn và ban đêm có thể định hướng được, nhưng chúng không quan tâm đến điều đó. Thấy thế, sực nhớ mình còn giữ được quyển sách về giải phẫu học, tôi tự xưng là thầy thuốc. Lát sau chúng dẫn đến một chiến binh bị thương mất cánh tay, nhưng tôi bảo tôi không phải là bác sĩ giải phẫu. Chúng nổi nóng và định tống tôi xuống galera nhưng trông thấy những quyển sách của tôi, viên thuyền trưởng liền hỏi tôi có biết gì về nước tiểu và mạch hay không. Nhờ đáp liêu là có biết, tôi thoát khỏi số phận một phu chèo và cứu được thêm mấy quyển sách của mình. Nhưng tôi phải trả giá đắt cho các đặc quyền đặc lợi ấy. Những người Cơ Đốc giáo bị tống đi làm phu chèo lập tức căm ghét tôi. Nếu làm được, chắc họ đã giết chết tôi ngay đêm đầu tiên, khi tất cả chúng tôi bị nhốt trong hầm tàu, nhưng họ sợ, vì thấy tôi đã thiết lập được mối quan hệ nào đó với người Thổ. Vị thuyền trưởng do dự của chúng tôi đã bị phơi xác trên cọc, các giám thị trông coi nô lệ thì bị xẻo tai xẻo mũi và thả bè trôi trên biển để làm gương. Khi các vết thương trên mình những người Thổ tự liền miệng, - tôi chữa chạy không chỉ bằng kỹ năng mà cả bằng sự láu vặt - ai cũng tin tôi là thầy thuốc. Ở dưới hầm tàu, khi đêm đến, thậm chí ngay cả những kẻ ghen ăn tức ở, từng tố cáo với người Thổ rằng tôi không phải là bác sĩ, cũng nhờ tôi xem những vết thương của họ.

Đoàn tàu tiến vào Istanbul một cách rất long trọng. Vị Padishah nhỏ tuổi (*Padishah* - danh hiệu tương đương với Hoàng đế ở đế quốc Ottoman, *Ba Tư* (cổ) và nhiều nước hồi giáo khác trước đây) - ấu vương Ottoman, ngự duyệt cuộc khai

hoàn. Quốc kì Ottoman được kéo lên trên tất cả các cột cờ trên tàu; bọn thanh niên bắn tên vào những lá cờ rủ của chúng tôi, ảnh Đức Mẹ Đồng Trinh và thánh giá bị để lộn ngược. Vùng ngoại ô vang lộng tiếng đại bác chào mừng. Những cuộc lễ lạt long trọng, mà hầu hết tôi đều theo dõi với nỗi buồn chán, kinh tởm và khinh nhạo, kéo dài lâu khác thường, đến nỗi nhiều người đi xem lẫn ra say nắng. Đến chiều tối, chúng tôi thả neo ở Kasimpasha (*một vùng thuộc địa phận châu Âu của Istanbul*). Lũ chúng tôi bị xiềng vào dây xích để dẫn đi trình Padishah. Nhằm nhục mạ danh dự quân nhân của chúng tôi, người Thổ bắt chúng tôi đeo binh giáp lộn ngược, còn các thuyền trưởng và sĩ quan thì bị tròng những vòng sắt vào cổ; với bộ dạng như vậy chúng tôi được giải đến cung điện trong tiếng hò reo hoan hỉ, trong tiếng nhạc nhạo báng được chơi bằng kèn trống đoạt được từ con tàu của chúng tôi. Dân chúng đứng ven đường vui vẻ và tò mò nhìn chúng tôi. Chúng tôi không nhìn thấy Padishah, nhưng Ngài đã tuyên cho mình một số nô lệ. Họ đưa chúng tôi đến Galata (*một vùng thuộc địa phận châu Âu của Istanbul*) và giam vào nhà tù của Pasha Sadik. (*Pasha: một tước hiệu đại thần trong xã hội Ottoman và các nước đạo Hồi, thường gồm cả quan võ và quan văn*)

Nhà tù thật tồi tệ và kinh tởm, hàng trăm tù binh thối rữa dần mòn trong những phòng giam chật hẹp bẩn thỉu. Tôi nhận thấy có nhiều người cần đến nghề nghiệp mới của tôi, thậm chí một đôi kẻ đã được tôi chữa khỏi. Tôi kê đơn cho các giám ngục bị đau lưng và đau chân. Vì vậy, tôi lại được tách ra giam riêng trong một phòng nhỏ khá tử tế, có ánh sáng mặt trời. Nhìn những người còn lại, tôi thầm cảm ơn số phận, nhưng rồi vào một buổi sáng, lính canh đánh thức tôi cùng tất cả mọi người và bảo phải đi làm. Khi tôi bảo tôi là thầy thuốc và có kiến thức về khoa học, bọn lính canh chỉ phá lên cười: Pasha đang xây tường bao quanh khu vườn của Ngài, cần có nhiều người làm. Sáng sáng, từ trước khi mặt trời lên, chúng xiềng chúng tôi vào dây xích và giải ra ngoài thành phố. Suốt ngày chúng tôi nhật đá, và đến chiều tối, lại bị xiềng, chúng tôi quay về nhà

giam, tôi nghĩ rằng Istanbul là một thành phố xinh đẹp, nhưng phải sống ở đây như một ông chủ, chứ không phải như một tên nô lệ.

Nhưng dù sao đi nữa tôi cũng không phải là một tù binh tầm thường. Tôi không chỉ chữa bệnh cho những nô lệ đang chết dần chết mòn trong nhà giam, mà cả những người nghe danh tôi là thầy thuốc mà tìm đến. Phần lớn các khoản tiền kiếm được nhờ hành nghề chữa bệnh, tôi buộc phải đút lót cho trưởng nhóm nô lệ và bọn lính canh, để thỉnh thoảng chúng lén dẫn tôi ra ngoài nhà tù. Với số tiền giấu giếm được bọn chúng, tôi thuê người dạy tiếng Thổ. Ông thầy dạy tôi là một người Thổ hiền lành đã đúng tuổi, thuộc số những người phục vụ Pasha. Ông rất sung sướng thấy tôi lĩnh hội khá nhanh tiếng Thổ, và bảo rằng chẳng mấy chốc tôi sẽ trở thành một người Hồi giáo. Lần nào ông cũng lấy làm bối rối, ngượng nghịu khi nhận tiền học phí từ tay tôi. Ngoài ra, tôi còn đưa tiền nhờ ông mua thức ăn, vì tôi nóng lòng chăm lo sức khỏe bản thân.

Một buổi chiều mù sương, một viên *kiahia* (quan gia trong những nhà quyền quý) bước vào phòng giam tôi tàn của tôi và bảo Pasha muốn gặp mặt tôi. Cảm thấy ngạc nhiên và lo lắng nhưng tôi cũng tức tốc soạn lên đường. Tôi đoán rằng, có lẽ ai đó trong số người thân ở Tổ quốc, có thể là cha tôi, cũng có thể là nhạc phụ tương lai, đã gửi tiền sang để chuộc tôi về. Vừa rảo bước trong sương mù qua những con phố ngoằn ngoèo chật hẹp, tôi vừa mừng tượng đến lúc bỗng chốc mình lại ở nhà, choàng tỉnh dậy sau giấc ngủ và nhìn thấy những người ruột thịt. Tôi đoán rằng họ đã nhờ cậy ai đó tới cứu giúp tôi, và nếu ra khỏi làn sương mù này, tôi sẽ có mặt trên con tàu đưa tôi về cố quốc; nhưng khi chúng tôi bước vào dinh thự của Pasha, tôi hiểu rằng sẽ chẳng dễ gì mà thoát khỏi chốn này. Ở đây, ai cũng rón rén đi nhẹ nói khẽ.

Thoạt đầu, người ta đưa tôi vào tiền sảnh, sau đó mới dẫn vào phòng. Ngọa dài trên chiếc ghế sofa hẹp là một người tầm thước, niềng nở, chân phủ tấm chăn. Bên cạnh có một người nữa, vóc dáng

vạm vỡ. Người nằm trên sofa chính là Pasha, ông vẫy tay ra hiệu bảo tôi đến gần. Chúng tôi bắt đầu trò chuyện, ông hỏi han, tôi thì đáp lời rằng về cơ bản tôi đã nghiên cứu thiên văn, toán học, kỹ thuật, ngoài ra còn hiểu biết đôi chút về y học và đã cứu chữa được nhiều người. Có lẽ, tôi sẽ còn kể với ông nhiều hơn nữa, nhưng Pasha nói rằng xét qua việc tôi đã học được tiếng Thổ một cách mau lẹ như vậy, hẳn là tôi cũng sáng dạ, và nói thêm là ông đang ốm, và các thầy thuốc không chữa được cho ông khỏi bệnh, ông đã nghe đồn đại nhiều về tôi và cũng muốn thử xem tay nghề của tôi điều nghệ đến chừng nào.

Pasha bắt đầu kể về bệnh tình của ông, cứ như thể trên thế gian này chỉ có mình ông mắc phải căn bệnh ấy, và ông mắc bệnh là bởi bọn địch đã lừa dối Đức Allah mà vu oan giá họa cho ông. Nhưng tôi đoán chắc ông ta đang mắc căn bệnh mà chúng tôi thường gọi là hen suyễn. Tôi thăm bệnh cho ông kỹ lưỡng, nghe tiếng ho rồi sau đó xuống bếp làm những viên bạc hà và thuốc nước chữa ho từ các loại cây thuốc tìm được ở đây. Biết Pasha sợ bị đầu độc, tôi bèn uống một ngụm thuốc nước và nuốt một viên trước mặt ông. Ông lệnh cho tôi lập tức ra khỏi dinh thự và quay về nhà giam, về sau, viên kiahia giảng giải cho tôi rõ rằng Pasha không muốn để cho những thầy thuốc khác sinh lòng tự hiềm. Ngày hôm sau, tôi lại tới thăm bệnh cho ông, nghe tiếng ông húng hắng ho và khuyên ông cứ tiếp tục dùng các loại thuốc đó. Như một đứa trẻ nít, Pasha rất thích những viên hoàn tán đủ màu mà tôi dốc vào lòng bàn tay ông. Khi quay về phòng giam, tôi không ngớt cầu Chúa cho ông được khỏe hơn. Sang ngày hôm sau thì có gió Bắc thổi về: tôi thầm nghĩ, với tiết trời đẹp như thế bất kì ai cũng sẽ cảm thấy sáng khoái hơn, nhưng không thấy ai đến gọi tôi cả.

Một tháng sau, đang lúc đêm tối, người ta lại cho gọi tôi. Pasha đã đi lại được và rất lanh lẹ phấn chấn. Tôi phấn khởi thấy ông đã làm chủ được hơi thở và đang tuyên phạt ai đó. Nom thấy tôi, ông mừng rỡ bảo rằng tôi đã chữa cho ông lành bệnh, và tôi là một thầy

thuốc giỏi. Vậy tôi muốn nhận được đặc ân gì ở ông không ? Tôi hiểu rằng ông chẳng thể nào lập tức giải phóng cho tôi và gửi tôi về cố quốc, nên chỉ phàn nàn về nhà giam, về những xiềng xích, và nói rằng tôi sẽ có ích cho ông, nếu tôi được nghiên cứu y học, thiên văn, khoa học, vậy mà tôi lại buộc phải làm những công việc chân tay nặng nhọc chẳng đâu vào đâu. Tôi cũng không biết ông lắng nghe tôi tới chừng mực nào. Phần lớn số tiền trong chiếc túi nhỏ mà ông ban cho tôi bị bọn lính canh đoạt mất.

Một tuần sau, đang đêm viên kiahia lại đến, bắt tôi thè thốt sẽ không chạy trốn, rồi tháo xích trói cho tôi. Bọn họ vẫn dẫn tôi đi làm, nhưng đám lính canh đối xử với tôi đã độ lượng hơn trước. Ba ngày nữa trôi qua, viên kiahia mang đến cho tôi quần áo mới, và tôi hiểu rằng mình được Pasha bảo trợ.

Đêm đêm tôi được mời vào dinh thự. Tôi kê đơn thuốc cho những tay hải tặc già bị căn bệnh thấp khớp hành hạ, và cho những anh lính trẻ khốn khổ vì chứng đau dạ dày, tôi chích huyết cho những người ghẻ lở và những kẻ béo phì mắc bệnh thống phong. Tôi cho đưa con trai nói lắp của một người hầu trong dinh Pasha uống thuốc nước và một tuần sau tôi được thằng bé đã hết tật lắp bắp ấy đọc tặng một bài thơ.

Mùa Đông cứ thế trôi qua. Đến mùa Xuân, không thấy ai quấy quả gì tôi đến mấy tháng liền, rồi tôi hay rằng Pasha đã cùng với hạm đội lên đường đi Địa Trung Hải. Giữa ngày hè oi bức, những người chúng kiến con tuyệt vọng và giận dữ của tôi bèn thuyết phục rằng tôi chớ nên than phiền về tình cảnh của mình, bởi tôi đã kiếm được bọn tiền nhờ việc chữa bệnh rồi. Một cựu nô lệ cải sang đạo Hồi từ nhiều năm trước và đã lấy vợ ở đây xui tôi nên tìm cách chạy trốn. Vì người ta đang lừa dối tôi đấy, họ sẽ chẳng đời nào để một nô lệ có ích cho họ trở về Tổ quốc đâu. Tôi chỉ có thể được tự do chừng nào tôi, cũng như ông ta, cải sang đạo Hồi mà thôi. Tôi đồ chừng chắc ông ta gọi chuyện để tôi cởi mở, nên vội đáp rằng tôi

không có ý định bỏ trốn. Thật ra, không phải là tôi không có ý định bỏ trốn, chẳng qua là không đủ lòng can đảm thôi. Tất cả những kẻ chạy trốn đều bị bắt lại khá nhanh. Họ bị đánh đập dã man, rồi sau đó, trong các buồng giam tôi lại phải bôi thuốc mỡ lên vết thương cho những kẻ bất hạnh này.

Đến mùa Thu, Pasha cùng hạm đội từ cuộc hành binh trở về; ông bần đại bác chào mừng Padishah, cố gắng tổ chức hội hè cho dân chúng như năm ngoái, nhưng rõ ràng là cuộc hành binh không được tốt đẹp lắm. Số tù binh đưa về nhà giam không nhiều. Sau đó chúng tôi được biết quân Venice đã đốt mất sáu chiếc tàu. Tôi tìm cách nói chuyện với đám tù binh, hy vọng nhận được tin tức gì đó từ quê hương, nhưng phần lớn tù binh mới là người Tây Ban Nha; họ kín tiếng, vô học và sợ sệt, luôn cầu giúp đỡ và xin bánh mì. Chỉ có một người xem ra đáng cho tôi lưu tâm: cánh tay đã bị xén cụt, nhưng anh ta không nản chí và luôn nói rằng một vị tổ tiên của anh ta cũng từng gặp hoạn nạn như vậy, nhưng khi thoát được đã dùng một tay còn lại để viết các thiên truyện phiêu lưu; anh ta hy vọng rằng số phận của mình rồi cũng như thế. Tôi vẫn thường nhớ đến con người đó mỗi khi hư cấu các thiên truyện của mình - để mà sống, còn anh ta thì mơ ước được sống, để mà sáng tác truyện. Sau đó một thời gian ngắn, nạn dịch hạch bùng lên trong nhà giam, mang đi tới hơn một nửa số nô lệ: tôi thoát được nhờ những khoản tiền hối lộ mà tôi cúng cho lính canh cho nên tôi được sống riêng trong phòng biệt giam và không bị lây bệnh.

Những người sống sót lại bị dẫn đi làm những công việc mới. Tôi chẳng phải đi đâu. Tối đến, nô lệ kháo chuyện rằng họ bị đưa đến phía bên kia vịnh Sừng Vàng (*vịnh nhỏ thuộc phần châu Âu của Istanbul*), và ở đó họ làm việc với các thợ mộc, thợ may, thợ sơn đang làm những con tàu, tháp chuông và pháo đài bằng bìa các tông. Sau đó, chúng tôi hay tin Pasha sắp cưới con gái của tể tướng cho con trai mình và đang chuẩn bị một đám cưới hết sức linh đình.

Một buổi sáng họ gọi tôi đi gặp Pasha. Tôi lên đường, nghĩ bụng có lẽ ông lại bị viêm phổi. Pasha đang bận, tôi ngồi trong phòng mà chờ đợi. Lát sau cánh cửa hông mở ra, và một người hơn tôi chừng năm tuổi bước vào, tôi nhìn anh ta và lặng đi vì kinh hãi.

Người vừa đi vào giống tôi đến kì lạ. Đích thị là tôi ! Tôi đã thoáng nghĩ vậy vào giây phút đầu tiên. Cứ như thể có ai đó muốn trêu chọc tôi, lại dẫn tôi vào phòng qua cánh cửa đối diện với cánh cửa mà tôi vừa bước vào ban nãy; rồi dường như người đó nói với tôi rằng: coi này, mày phải như thế này chứ, mày phải bước vào phòng như thế này, chân tay mày phải cử động như thế, người ngồi trong phòng phải nhìn mày như thế ! Chúng tôi chào nhau, nhìn thẳng vào mắt nhau. Tuy nhiên, xem ra anh ta không có vẻ ngạc nhiên. Lúc ấy tôi thoáng nghĩ, kì thực anh ta cũng chẳng giống tôi lắm, vì anh ta để râu hàm; cứ như là tôi đã quên mất khuôn mặt của chính mình nom ra làm sao rồi. Anh ta ngồi xuống đối diện tôi và tôi chợt nhớ ra rằng đã một năm nay, tôi chẳng soi gương lần nào.

Một lúc sau, cánh cửa mà tôi bước vào lúc nãy chợt mở ra, và anh ta được gọi đi. Tôi ngồi lại chờ và nghĩ rằng câu chuyện vừa xảy ra chẳng phải là một trò đùa bày đặt vụng về, mà chỉ là kết quả từ trí tưởng tượng đau ốm của tôi. Chẳng là trong những ngày ấy tôi thường thấy những ảo mộng nào đó chập chờn trước mắt: như thể tôi đã trở về nhà, người thân ủa ra đón tiếp, rồi bỗng dưng tất cả biến mất, còn tôi lại đang ở trên tàu, trong khoang của mình... Tất cả những cái đó trở thành niềm an ủi, tựa như giấc mơ trong cổ tích. Tôi còn chưa kịp nghĩ con người kia cũng bước ra từ những câu chuyện cổ tích của tôi, chỉ khác là chúng đã biến thành sự thực, thì cánh cửa xịch mở, và người ta gọi tôi.

Pasha đang đứng cách bản sao của tôi một đoạn. Ông lệnh cho tôi hôn gấu áo người ấy, rồi, khi tôi đã tuân theo, ông hỏi thăm tôi công việc thế nào. Tôi bắt đầu phàn nàn về cuộc sống nặng nề trong nhà giam, và về chuyện tôi mong mỏi được trở về Tổ quốc, nhưng ông không muốn nghe. Pasha nhắc rằng tôi đã nói với ông về

chuyện tôi có những hiểu biết về khoa học, về thiên văn và kĩ thuật, vậy thì, tôi có biết gì về thuốc nổ và pháo hoa không ? Tôi lập tức trả lời là có biết, nhưng bắt gặp ánh mắt của kẻ giống hệt như mình, tôi đâm nghi là đang bị giăng bẫy.

Pasha bảo rằng đám cưới mà ông đang sửa soạn sẽ rất khác thường, sẽ có một đêm pháo hoa vượt trội tất cả những cuộc được tổ chức trước đó. Người giống hệt tôi, mà Pasha gọi đơn giản là "Hoja" (*tiếng xưng hô thông dụng ở nhiều nước Hồi giáo, gốc từ tiếng Ả-rập, còn được phiên âm thành "Hajji", "Hodja", "Hoxha", "Hodza", v.v... tương tự như "thầy", thường dùng để gọi một người đàn ông Hồi giáo một cách trân trọng*), đã từng làm pháo hoa để mừng sinh nhật Padishah; Hoja có đôi chút hiểu biết về nghề này, hồi đó anh ta làm việc với ông thợ thuốc nổ người Malta, nay đã quá cố, và Pasha cho rằng tôi sẽ có ích cho anh ta. Hóa ra, chúng tôi sẽ bổ sung cho nhau ! Nếu chúng tôi tổ chức được một màn pháo hoa hoành tráng vui vẻ, Pasha sẽ có thưởng. Tôi cho rằng đã đến lúc đề đạt nguyện vọng trở về Tổ quốc, nhưng Pasha hỏi từ khi đến Istanbul tôi có lần nào quan hệ với đàn bà hay không, và khi nghe câu trả lời của tôi, ông bảo tự do mà không có đàn bà thì chẳng có ý nghĩa gì. Pasha nhắc lại đúng những lời lẽ mà bọn lính canh đã nói với tôi; chắc là mặt tôi nom thộn lắm nên ông phá lên cười. Quay về phía Hoja, ông bảo anh ta phải chịu tất cả trách nhiệm. Chúng tôi đi ra.

Trong khi chúng tôi đi về nhà bản sao của tôi, tôi nghĩ bụng, mình tuyệt nhiên chẳng có gì để dạy cho anh ta cả. Nhưng cả anh ta cũng chẳng biết gì nhiều hơn tôi. Chúng tôi cùng nghĩ về một điều: cốt làm sao để chế được một thứ hỗn hợp thuốc nổ tốt. Để làm được điều đó, chúng tôi phải cân đong kĩ lưỡng, trộn thuốc nổ, làm pháo và đem đến mang ra đốt thử dưới chân tường pháo đài. Trong khi những người làm thuê cho chúng tôi đốt những quả pháo mới làm được trong ánh mắt khâm phục của bọn trẻ ngoại thành, chúng tôi ngồi dưới hàng cây, trong bóng tối, hồi hộp và tò mò chờ đợi kết quả; chúng tôi cũng làm như vậy tại các cuộc thử nghiệm những quả pháo phi thường của mình vào lúc ban ngày. Sau những cuộc thử

pháo ấy, đôi khi dưới ánh trăng, đôi khi trong màn đêm dày đặc, tôi cố gắng ghi chép những điều trông thấy vào cuốn sổ nhỏ. Đến khuya, chúng tôi quay về ngôi nhà có những ô cửa sổ hướng ra vịnh Sừng Vàng của Hoja, và trước khi chia tay, chúng tôi cùng thảo luận chi tiết về các kết quả.

Ngôi nhà của anh ta bé nhỏ, tối tăm và bất tiện. Cửa chính mở ra một ngõ phố ngoằn ngoèo, với dòng nước đen ngòm chảy từ đâu ra không rõ, biến mặt đường thành một thứ đất sét có mùi chua khắm. Trong nhà hầu như không có đồ đạc, nhưng mỗi lần bước vào tôi đều cảm thấy chật chội và trong lòng dấy lên một nỗi buồn kì lạ. Có thể, con người muốn tôi gọi anh ta một cách đơn giản là Hoja, vì không thích cái tên được kế thừa từ ông nội, đã gieo nỗi buồn đó vào lòng tôi; anh ta theo dõi tôi, tựa hồ như muốn học theo tôi một điều gì đó, nhưng không biết chính xác là điều gì. Tôi không thể nào quen với việc ngồi trên chiếc đi văng mà anh ta kê sát tường, nên khi chúng tôi thảo luận với nhau về các thí nghiệm, tôi thường đứng, đôi khi nóng nảy đi đi lại lại trong phòng. Tôi nghĩ rằng Hoja rất khoái như thế - anh ta ngồi, và có thể cứ thế mà quan sát tôi bao lâu tùy thích trong ánh sáng mờ đục của ngọn đèn.

Cảm nhận được cái nhìn của anh ta hướng vào mình, tôi chợt thấy bất an, bởi lẽ cơ hồ như anh ta không nhận ra sự giống nhau giữa hai chúng tôi. Hoặc có thể anh ta cũng nhận ra nó, nhưng cố tình lờ đi. Như thể anh ta đang giở trò với tôi: bày đặt ra một thí nghiệm nho nhỏ với tôi và rút ra những kết luận nào đó. Do vậy, những ngày đầu tiên anh ta ngắm nghía tôi đúng như thế: cứ như thể anh ta đang nghiên cứu một điều gì đó, và sau khi nghiên cứu xong thì lại càng thấy quan tâm hơn nữa. Tuy nhiên, dường như anh ta lo sợ không dám dẫn lên bước nữa để củng cố sâu hơn kiến thức của mình, và điều đó khiến tôi cảm thấy buồn chán. Sự ngần ngại của anh ta khiến tôi vững dạ, nhưng không xua tan bớt nỗi bất an. Anh ta muốn vô tình kéo tôi vào cuộc tranh luận: một lần khi chúng tôi đang bàn bạc về các thí nghiệm, lần khác - khi anh ta hỏi tại sao

đến giờ này tôi vẫn chưa là tín đồ Hồi giáo; nhưng tôi đoán được mưu mô của anh ta nên đánh trống lảng, nói sang chuyện khác. Anh ta cảm nhận được sự thận trọng của tôi, và tôi hiểu rằng anh ta khinh thường tôi, nên tôi lấy làm bực bội. Trong những ngày ấy, giữa chúng tôi chỉ có một điểm chung duy nhất là cả hai đều thấy khinh miệt nhau. Tôi cố gắng kèm chế, vì cho rằng nếu chúng tôi tổ chức được màn bắn pháo hoa thành công mỹ mãn, không xảy ra sự cố gì, thì có khả năng họ sẽ cho phép tôi được trở về Tổ quốc.

Một lần, giữa đêm khuya, khi quả pháo thăng thiên của chúng tôi bay vút lên đặc biệt cao, Hoja ngây ngất vì thành công nên đã nói rằng một lúc nào đó anh ta sẽ làm một quả pháo bay tận Mặt Trăng; chỉ cần tìm ra công thức pha chế thuốc nổ và đúc vỏ thích hợp để nhồi thuốc pháo. Tôi cố gắng giảng giải rằng Mặt Trăng ở rất xa, nhưng Hoja ngắt lời tôi, nói rằng anh ta cũng biết vậy, nhưng chẳng lẽ Mặt Trăng lại không phải là hành tinh gần chúng ta nhất hay sao ? Tôi tán thành, nhưng anh ta không trấn tĩnh được, mà ngược lại, càng thêm phẫn khích tợn.

Hai hôm sau, vào lúc nửa đêm, anh ta lại hỏi: thế tại sao tôi cứ chắc mẫm rằng Mặt Trăng là hành tinh gần chúng ta nhất ? Nhỡ đó là do thị giác bị đánh lừa thì sao ? Bấy giờ, lần đầu tiên tôi mới nói với anh ta là tôi đã nghiên cứu về thiên văn, và trình bày vắn tắt các luận điểm vũ trụ học cơ bản của Ptolemy (*Tên đầy đủ theo tiếng Latinh là Ptolemaeus Claudius (khoảng 90- 160): nhà thiên văn học, nhà toán học người Ai Cập (hoặc Hy Lạp) thời cổ đại*). Tôi nhận thấy anh ta nghe rất chăm chú nhưng lại không dám nói một điều gì đấy để biểu lộ sự quan tâm của mình. Khi tôi ngừng lời, anh ta nói là có biết học thuyết của Batlamius, nhưng điều đó không làm thay đổi sự ngờ vực của anh ta về việc liệu có hành tinh nào đó gần chúng ta hơn Mặt Trăng hay không. Đến gần sáng, anh ta nói về hành tinh đó như thể đã có những chứng cứ về sự tồn tại của nó.

Ngày hôm sau, anh ta ấn vào tay tôi một quyển sách được viết bằng nét chữ xấu khủng khiếp. Mặc dù vốn tiếng Thổ chẳng được bao nhiêu, tôi cũng nhận ra đây là bản tóm lược Almageis  (Luận văn khoa học của Ptolemy) - trong đó tôi chỉ chú ý đến cách gọi tên các hành tinh bằng tiếng Ả-rập, mà cũng chẳng phải quan tâm đặc biệt gì cho lắm. Thấy quyển sách không gây ấn tượng gì đối với tôi và thấy tôi đặt nó xuống, Hoja liền nổi giận. Anh ta bảo rằng lẽ ra tôi chớ nên tự tin như thế mà hãy thử đọc quyển sách anh ta đã phải bỏ ra tới bảy đồng tiền vàng để mua về. Hệt như một cậu học trò ngoan ngoãn, tôi giờ cuốn sách ra và bắt đầu kiên nhẫn lật từng trang nhưng chỉ thấy một bản sơ đồ khá sơ sài. Trên bầu trời có vẽ các hành tinh xung quanh Trái Đất. Vị trí của các hành tinh được đánh dấu đúng, nhưng người vẽ không mấy may có chút khái niệm nào về trật tự phân bố của chúng. Sau đó, tôi chú ý đến một ngôi sao không lớn nằm giữa Trái Đất và Mặt Trăng, nhìn kĩ thì thấy ngôi sao này về sau mới được vẽ thêm vào cuốn sách, vết mực còn mới han. Tôi lật giờ cuốn sách đến tận trang cuối cùng rồi trả lại cho Hoja. Anh ta nói, giọng rất nghiêm trọng, rằng nhất định sẽ tìm ra ngôi sao đó. Tôi làm thinh không nói không rằng - sự im lặng ập đến khiến cả tôi lẫn anh ta đều cảm thấy bực bội trong lòng. Do việc không có thêm một quả pháo thăng thiên nào có thể bay cao đến mức lọt vào khoảng không giữa các vì sao, chúng tôi cũng thôi không trở lại đề tài này nữa. Thành công nho nhỏ của chúng tôi vẫn chỉ là một sự tình cờ ngẫu nhiên, chứa đựng điều bí mật mà chúng tôi không lí giải được.

Hoja kiếm được trong một tiệm nhỏ ở Istanbul thứ thuốc nổ mà ngay cả người bán hàng cũng chẳng biết gọi là gì, chúng tôi đạt được kết quả rất tốt về độ chói sáng, về công suất và mức độ rực rỡ của pháo hoa. Chúng tôi cho rằng loại thuốc nổ vàng vàng hơi lấp lánh ấy là hỗn hợp gồm diêm sinh và sulphate đồng. Với loại thuốc nổ đó, chúng tôi chế ra đủ thứ hỗn hợp có thể tưởng tượng ra để thu được những gam màu khác nhau, nhưng chúng tôi không hài lòng với gam cà phê sữa và màu xanh phớt. Hoja bảo dù sao đi nữa, so

với những gì mà từ xưa tới nay Istanbul được chứng kiến thì đây cũng là thứ tốt nhất rồi.

Sau màn trình diễn pháo hoa vào đêm thứ hai trong hôn lễ, thành công của chúng tôi được hết thảy mọi người công nhận, ngay cả những kẻ thù địch đã từng bày mưu tính kế ngáng trở công việc của chúng tôi. Tôi đâm ra lo lắng, khi nghe nói từ bờ bên kia vịnh Sừng Vàng, Padishah cũng sẽ chiêm ngưỡng đêm pháo hoa; tôi sợ rằng sẽ xảy ra điều gì đó không ổn, và tôi sẽ chẳng bao giờ được trở về quê cũ nữa. Khi hiệu lệnh mở màn đêm pháo hoa được ban ra, tôi lẩm nhẩm đọc kinh cầu nguyện. Thoạt đầu, để chào mừng các vị quan khách, chúng tôi bắn những trái pháo thăng thiên đủ sắc màu; tiếp đến là một loại pháo nổ theo vòng tròn - chúng tôi gọi nó là "Cối xay gió"; trong khoảnh khắc, cả bầu trời rục lên những sắc đỏ, sắc vàng và thiên thanh, kèm theo tiếng nổ kinh hồn và đẹp lộng lẫy trên cả kỳ vọng của chúng tôi; những trái pháo được bắn lên càng nhiều thì vòng tròn càng xoáy nhanh hơn, nhanh hơn nữa, rồi đột nhiên nó chói lóa, soi sáng mọi thứ vằng vặc như giữa ban ngày và ngừng lại. Tôi chợt tưởng như mình đang ở Venice; tôi mới tám tuổi, lần đầu tiên được đi xem pháo hoa, và cũng như bây giờ, lúc ấy tôi thấy mình thật bất hạnh - tôi không được mặc chiếc áo khoác màu đỏ mới tinh của mình, mà anh trai tôi đang diện nó, vì áo của anh ấy đã bị rách toạc vào buổi tối hôm qua khi hai đứa tôi choảng nhau; những trái pháo nổ vào đêm hôm ấy cũng đỏ hết như màu chiếc áo khoác mới dính hàng dây cúc của tôi mà tôi không được mặc và đã thì sẽ không bao giờ mặc nữa, đối với anh tôi thì nó hơi chật.

Tiếp đến, chúng tôi bắn một loạt pháo kiểu khác gọi là "Đài phun nước"; từ dưới những mái nhà cao chùng năm thân người lửa bắt đầu tuôn ra; những người đứng ở bên kia bờ vịnh chắc sẽ nom thấy ngọn lửa rõ hơn chúng tôi; và cũng như chúng tôi, họ hẳn cũng phải rất hân hoan khi từ đài phun nước những trái pháo bắt đầu vọt lên cao; nhưng chúng tôi còn muốn khiến họ hân hoan hơn nữa kia - bởi những chiếc bè mảng đã tròn thành chao đảo trên mặt nước. Từ

những ngọn tháp pháo đài bằng bìa các tông tượng trưng cho các chiến công trong quá khứ được gắn vào các bè, những trái pháo phát nổ và bay vút lên bầu trời. Tiếp đó, chiếc thuyền buồm mà trên đó tôi đã bị bắt làm tù binh lướt đến và các chiến thuyền khác giã pháo như mưa vào nó. Vậy là tôi được sống lại thêm lần nữa cái ngày tôi bị bắt làm tù binh. Khi những con tàu bằng bìa các tông bắt đầu bốc cháy và chìm dần xuống làn nước, cả hai bên bờ vịnh dậy lên những tiếng hô lớn: "Sáng danh Đức Allah ! Sáng danh Đức Allah !" Sau đó chúng tôi kích hoạt lũ rồng, từ mõm, từ lỗ tai và mũi chúng những ngọn lửa phụt ra. Những con rồng bắt đầu vờn đấu với nhau. Theo chủ ý ban đầu, chúng tôi không định để cho con nào được thắng cả, nhưng khi trời đã sẩm tối, người của chúng tôi trên các bè mắng cho quay các bánh xe guồng nước thì đàn rồng bắt đầu từ từ vươn cao lên bầu trời trong tiếng hò reo huyên náo vừa thán phục vừa kinh hoàng của người xem. Khi những con rồng lại một lần nữa ầm ầm lao thẳng vào nhau như sấm động, những quả pháo trên các bè bùng lên; tất cả mọi ngòi nổ mà chúng tôi bố trí trên mình những con quái vật cần được đốt lên đúng vào thời điểm đã định, để tất cả mọi thứ xung quanh, như chúng tôi đã suy tính, nom y hệt như cảnh trong địa ngục. Tôi nhận ra là chúng tôi đã thành công, khi nghe tiếng nức nở của một thằng bé đứng cách chúng tôi một quãng: cha nó đã quên băng cả con mình, cứ ngựa mặt, há hốc mồm mà nhìn lên bầu trời dữ dội. *Giờ thì ta sẽ được trở về xứ sở*, tôi nghĩ bụng. Trên một chiếc bè màu đen mà khán giả không nhìn thấy, một tạo vật chúng tôi gọi là "quỷ Shaitan" (*quỷ sứ - theo truyền thuyết Hồi giáo, tương ứng quỷ Satan trong Thiên Chúa giáo*) bắt đầu bay lên bầu trời địa ngục; chúng tôi gắn vào nó nhiều pháo đến nỗi đâm lo sợ rằng nó sẽ bay lên bầu trời cùng cả chiếc bè lẫn người được bố trí trên đó, nhưng mọi sự đã diễn ra yên ổn: sau khi bốc cháy, những con rồng biến mất, "quỷ Shaitan" bay vọt lên trời, những trái cầu lửa từ thân nó không ngót tuôn ra kèm theo tiếng nổ đi đoàn. Có một thoáng chốc tôi đột nhiên thấy lo lắng, bởi nghĩ rằng không khéo chúng tôi làm cho cả Istanbul khiếp vía; ngay chính bản thân tôi cũng gần như hoảng sợ; tôi có

cảm tưởng rằng rốt cuộc tôi đã bắt tay vào thực hiện điều cốt yếu mà tôi muốn làm trong đời mình, và chẳng có ý nghĩa gì chuyện tôi đang ở thành phố nào: tôi muốn "Quý Shaitan" bay lượn và phun lửa trên trời như vậy suốt đêm. Nó hơi chao đảo một chút rồi lao xuống vịnh Sừng Vàng trong tiếng reo hò phấn khích từ cả hai bờ. Rồi xuống nước rồi, nó vẫn tiếp tục cháy bùng bùng.

Sáng hôm sau, hệt như trong truyện cổ tích, Pasha ban cho Hoja một túi nhỏ đầy tiền vàng. Ông nói rất hài lòng về màn biểu diễn pháo hoa, nhưng thấy hoảng sợ về chiến thắng của quý Shaitan. Chúng tôi còn tổ chức bắn pháo hoa hàng chục lượt nữa. Ban ngày, chúng tôi sửa chữa những mô hình bị cháy sém, nghĩ thêm những trò mới. Các tù binh từ nhà giam được gửi đến giúp chúng tôi nhồi thuốc vào các trái pháo. Một nô lệ bị cháy thui cả mặt và mù mắt khi mười bao thuốc nổ tung.

Hôn lễ kết thúc, và tôi thôi không gặp Hoja nữa. Tôi lấy làm mừng vì thoát khỏi ánh mắt ghen tỵ của con người lúc nào cũng theo dõi tôi, nhưng đồng thời cũng nhớ lại một cách chẳng phải là không hài lòng về những ngày sôi nổi đã cùng bên nhau. Khi nào được trở về nhà, tôi sẽ kể với tất cả mọi người về nhân vật có bề ngoài giống hệt tôi nhưng chẳng bao giờ anh ta nhắc tới chuyện đó. Ngồi trong phòng giam, để giết thì giờ, tôi cứu chữa bệnh nhân, và một lần, khi được Pasha cho gọi, tôi hồi hộp, hầu như cảm thấy được hạnh phúc, vội vã đến gặp ông. Ông lập tức tỏ lời khen ngợi, ông nói, rằng tất cả mọi người đều vui thích thỏa thuê và hài lòng với màn trình diễn, rằng tôi rất có năng khiếu, v.v... Rồi ông đột ngột bảo nếu tôi chịu cải đạo thành người Hồi giáo thì ông phóng thích tôi ngay. Tôi sững sốt vì quá bất ngờ, líu cả lưỡi vì luống cuống và bỗng xử sự như một đứa trẻ ngốc nghếch, tôi bảo rằng tôi muốn được về nhà, và chuyển sang nói về mẹ, về vị hôn thê. Làm như không nghe thấy những tiếng lấp bắp của tôi, Pasha nhắc lại lời mình lần nữa. Tôi làm thinh. Không hiểu bởi đâu tôi bỗng nhớ tới bạn bè thuở thơ ấu - những kẻ vô công rồi nghề dám xúc phạm cả bố

đề, có những đứa tôi không chịu nổi. Khi tôi nói không đồng ý cái đạo, Pasha nổi giận. Tôi quay về phòng giam.

Ba ngày sau, Pasha lại cho gọi tôi. Ông đang trong tâm trạng phấn khởi. Tôi vẫn chưa thể nhận định được liệu tôi cái đạo thì có thoát khỏi nơi đây không. Pasha hỏi tôi đã suy nghĩ về đề nghị của ông chưa, và hứa rằng sẽ thân chinh cưới cho tôi cô gái đẹp nhất Istanbul. Ông kinh ngạc khi nghe tôi tuyên bố một cách dũng cảm rằng tôi không muốn cái đạo, và bảo tôi đúng là thằng ngu. Ông nói, quanh đây chẳng có ai để tôi phải hổ thẹn vì đã từ bỏ tôn giáo của mình cả. Ông giảng sơ qua về đạo Hồi. Rồi sai đưa tôi về nhà giam.

Lần thứ ba, người ta không đưa tôi đến gặp Pasha nữa. Viên kiahia hỏi tôi quyết định thế nào rồi. Biết đâu tôi có thể chịu cái đạo, nếu như người chất vấn tôi không là kiahia. Tôi nói, hiện tại tôi chưa sẵn sàng làm việc đó. Viên kiahia dẫn tôi ra khỏi nhà và giao cho một người khác. Một người cao gầy, giống hệt những người mà tôi thường thấy trong mơ, thận trọng cầm tay tôi như thể dắt người bệnh, đưa tôi ra vườn; rồi một người khác xuất hiện, người này cao lớn và hiện thực đến nỗi khó có thể mơ thấy. Đến gần bức tường, họ trói tay tôi lại. Cả hai đều vác rìu - Pasha đã ra lệnh chém đầu tôi, nếu tôi vẫn không chịu trở thành một người Hồi giáo. Tôi chờ người vì khiếp sợ.

Họ nhìn tôi vẻ thương xót. Tôi im lặng. Tôi nghĩ bụng, mong sao họ đừng cật vấn thêm, nhưng một lúc sau họ lại hỏi một lần nữa. *Tôn giáo là thứ mà vì nó người ta dễ mất mạng nhất*, tôi nghĩ thầm; tôi yêu quý và thương xót bản thân mình cũng giống như hai con người đang đặt ra cho tôi những câu hỏi kia và bắt tôi phải từ bỏ tín ngưỡng của mình. Tôi buộc mình không nghĩ về những gì đang xảy ra, cố hồi tưởng trước mắt bức tranh mà tôi nhìn thấy từ cửa sổ nhà mình trông ra vườn: trên bàn có chiếc khay khám trai đựng những quả đào và anh đào, sau bàn là chiếc ghế sofa bằng mây đan, trên ghế có những chiếc gối lông điệp màu với khung cửa sổ màu xanh,

xa hơn chút nữa là vành giếng có những con chim sẻ đang đậu, rồi đến những cây anh đào, cây ôliu. Giữa những bụi cây ấy, một gốc dẻ cao vượt lên, chiếc võng buộc vào cành nó đung đưa khe khẽ trong làn gió thoảng. Các đao phủ lại hỏi một lần nữa, tôi đáp là không từ bỏ tôn giáo của mình. Họ liền bắt tôi quỳ trước đoạn đầu đài và ấn đầu tôi xuống đó. Tôi nhắm mắt nhưng lập tức mở ra. Một người đã vung rìu lên, nhưng người kia ngăn lại, nói là có thể tôi đã đổi ý. Họ xốc tôi dậy và bảo tôi nghĩ lại.

Tôi suy nghĩ, còn họ thì bắt tay đào một cái hố ngay bên cạnh đoạn đầu đài. Tôi đoán chắc họ sẽ chôn tôi ngay tại đây, và thấy hoảng sợ, không những trước cái chết, mà cả trước sự kiện tôi sẽ bị lấp đất chôn. Tôi hiểu rằng cần phải quyết định ngay trước khi họ đào xong huyệt; vừa lúc họ đào được một cái hố chưa sâu lắm và lại gần tôi. Tôi nghĩ thầm phải chết ở đây thật là ngu ngốc. Tôi liền nói là chưa sẵn sàng để thành một tín đồ Hồi giáo, nhưng nếu như tôi được về phòng giam yêu dấu mà tôi đã thấy rất quen thuộc, để suy nghĩ suốt một đêm, thì có thể đến sáng mai tôi sẽ có quyết định cải đạo, nhưng tuyệt nhiên không phải ngay bây giờ, một cách tấp lự như vậy.

Họ tóm lấy tôi, kéo tôi lại gần đoạn đầu đài và lại bắt tôi quỳ xuống. Trước khi đặt đầu lên thớt, tôi chợt thấy một bóng người lướt giữa hàng cây và kinh ngạc thấy chính là tôi đang đi ở đó không một tiếng động, hầu như chân không chạm đất, có điều là trên mặt tôi có bộ râu. Tôi định lên tiếng gọi cái bóng của mình, nhưng nói không nên lời, vì đầu đã bị ấn xuống thớt chém. Tôi phục tùng đao phủ và nghĩ điều vừa thấy không phải là giấc mơ, lưng và gáy lạnh toát. Rốt cuộc tôi bị lôi dậy và họ nói rằng thể nào Pasha cũng nổi giận. Họ vừa cười trói vừa chửi rửa, gọi tôi là kẻ thù của Đức Allah và Muhammad. Họ điệu tôi lên dinh thự của Pasha.

Khi đến gần Pasha, tôi hôn gấu áo ông, rồi ông nói rằng ông rất thích chuyện tôi thà chết chứ không từ bỏ tín ngưỡng của mình,

nhưng rồi ngay lập tức ông bảo tôi đã ngoan cố một cách không cần thiết, vì đạo Hồi là tôn giáo vĩ đại nhất. Xét theo cách ông nói, mỗi lúc ông càng thêm tức giận và càng quyết tâm trừng phạt tôi. Sau đó, ông nói là đã hứa với một người, và tôi nghĩ chắc nhờ người đó mà tôi thoát được những chuyện không may, và người đó, theo cách diễn đạt của Pasha, là một nhân vật lạ lùng, và chính là Pasha. Nhưng đến đây Pasha nói thêm là ông tặng tôi cho Hoja. Thoạt đầu tôi chẳng hiểu gì cả; Pasha giải thích, bây giờ tôi là nô lệ của Hoja, có một văn tự chứng nhận điều đó, và kể từ bây giờ tự do của tôi phụ thuộc vào Hoja, anh ta muốn làm gì tôi thì làm. Nói xong điều đó, Pasha ra khỏi phòng.

Hoja đã ở trong dinh thự Pasha và đợi tôi. Tôi đoán chắc là mình đã nhìn thấy anh ta trong vườn, giữa đám cây cối. Chúng tôi cùng về nhà Hoja. Trên đường về anh ta nói rằng ngay từ đầu đã biết là tôi sẽ không chịu từ bỏ tôn giáo của mình. Anh ta thậm chí đã chuẩn bị cho tôi một phòng trong nhà mình. Rồi Hoja hỏi tôi có đói không. Tôi vẫn chưa hoàn hồn và chẳng muốn ăn uống gì cả. Nhưng rồi tôi vẫn ăn một chút sữa chua và bánh mì. Hoja nhìn tôi nhai bánh với vẻ hài lòng. Anh ta ngắm tôi như thể gã nông dân đang cho con ngựa tốt mới tậu được ngoài chợ ăn cỏ và đang suy tính xem sẽ sử dụng nó như thế nào trong việc đồng áng. Tôi thường hay nhớ lại ánh nhìn ấy của Hoja, nhưng sau đó anh ta quên khuấy tôi và chìm đắm vào những suy tính về chiếc đồng hồ mà anh ta muốn trình Pasha và những vấn đề cụ thể về vũ trụ học.

Sau đó, Hoja nói rằng tôi có nhiệm vụ dạy cho anh mọi điều, vì mục đích đó mà anh ta đã xin Pasha cho tôi về ở cùng, anh ta chỉ thả tôi ra khi tôi đã truyền lại tất cả những gì tôi biết. Mấy tháng trôi qua, tôi mới hiểu được, cái từ "tất cả" ấy bao gồm thiên văn, y học, kĩ thuật, khoa học - những thứ mà tôi đã học được ở Tổ quốc. Tiếp đến là tất cả những gì được viết trong các cuốn sách mà anh ta lấy về từ phòng giam của tôi, tất cả những gì tôi nhìn thấy và nghe được, tất cả những gì tôi suy nghĩ về sông hồ, mây mù, những gì tôi biết về

nguyên do các trận động đất và sấm chớp. Đến khuya, anh ta nói rằng cái mà anh ta quan tâm nhiều nhất là các ngôi sao và hành tinh. Nhìn ánh trăng tràn qua cửa sổ, anh ta bảo tôi cần phải xác định chính xác liệu ngôi sao đó có tồn tại ở giữa Trái Đất và Mặt Trăng hay không. Trong khi tôi bất giác bực bội để ý sự giống hệt nhau giữa hai chúng tôi, sau khi chạm trán với Thần Chết trong ngày hôm ấy, Hoja thôi không dùng đến từ "dạy" nữa, mà bắt đầu nói: nếu như chúng ta cùng nghiên cứu, nếu như chúng ta cùng phát minh được, nếu chúng ta cùng làm việc với nhau...

Chúng tôi đã bắt đầu làm việc với nhau như thế, như hai anh em, như hai người học trò ngoan ngoãn, chăm chỉ làm bài tập ngay cả khi không có người lớn ở nhà và theo dõi sau cánh cửa để ngó. Thoạt đầu, tôi có cảm tưởng mình là người anh, tình nguyện ôn lại bài cũ để giúp thằng em lười nhác hơn có điều kiện đuổi kịp mình; Hoja cư xử như đứa em út sáng ý, cố chứng minh rằng kiến thức của ông anh trai chẳng có ý nghĩa gì đặc biệt. Anh ta cho rằng sự khác biệt về vốn kiến thức giữa chúng tôi được xác định bởi khối lượng sách vở mà tôi đã đọc, những quyển sách mà anh ta đã lấy về từ phòng giam của tôi và rải trước mặt mình. Anh ta rất thông minh và có khả năng làm việc phi thường, không những học được tiếng Italy rất nhanh, mà còn có ý định hoàn thiện hơn nữa thứ ngoại ngữ này; qua sáu tháng anh ta đã đọc hết tất cả những quyển sách của tôi, nhắc lại tôi nghe những gì tôi đã kể cho anh ta nghe theo trí nhớ, và cho rằng tôi không còn điểm nào trội hơn anh ta nữa. Anh ta xử sự như thể mình là chủ nhân của những kiến thức độc đáo, xuất chúng, vượt hẳn nội dung chứa đựng trong những quyển sách mà bản thân anh ta vẫn coi là vô bổ. Qua sáu tháng học tập, chúng tôi đã không còn là một cặp cùng học với nhau và cùng đạt được thành tích. Anh ta nói thành tiếng những suy luận của mình, còn tôi thì chỉ nhắc về một số chi tiết, để anh ta có thể tiếp tục phát triển ý tưởng của mình, giúp anh ta ôn lại những gì anh ta đã biết.

Những "ý tưởng" mà phần lớn tôi đã quên hết, thường đến với anh ta vào ban đêm, lúc chúng tôi đã dùng xong bữa tối đạm bạc, còn trong khu phố ánh đèn tắt dần và tất cả xung quanh chìm vào im lặng. Buổi sáng, anh ta đi dạy ở trường tiểu học ngay trong giáo đường, cách nhà hai khu phố, một tuần hai lần vào tháp đồng hồ (*Nguyên văn muvakithan - địa điểm trong giáo đường Hồi giáo, nơi đặt chiếc đồng hồ báo giờ chính xác cho các tín đồ đọc kinh cầu nguyện trong ngày*) của ngôi giáo đường ở một khu phố khá xa, nơi tôi chưa đến bao giờ. Thời gian còn lại chúng tôi hoặc cùng nhau chuẩn bị cho những "ý tưởng" mà anh ta đã bày tỏ chiều hôm ấy, hoặc bàn luận về ý tưởng đó. Vào những buổi chiều như vậy tôi thường hy vọng sắp tới tôi sẽ được thả về nhà. Tôi cho rằng những cuộc tranh luận về ý tưởng của Hoja mà tôi không đi sâu một cách nghiêm túc, ngăn cản cuộc hồi hương của tôi, nên tôi chẳng bao giờ tỏ ý phản đối điều gì.

Cứ như vậy, năm đầu tiên chúng tôi sử dụng khoa học cho thiên văn, cố gắng chứng minh sự tồn tại hoặc không tồn tại của một ngôi sao giả tưởng nào đó. Khi làm việc với những kính viễn vọng đặt mua ở Florence, với các thiết bị thiên văn khác hoặc với các sơ đồ, Hoja quên bẵng hành tinh giả tưởng; anh ta nói rằng cần phải giải quyết vấn đề sâu sắc hơn và chúng tôi sẽ tranh luận về hệ thống Ptolemy, nhưng thực ra chúng tôi không hề tranh cãi, chỉ có anh ta nói, còn tôi thì lắng nghe. Anh ta suy luận rằng thật ngu ngốc khi nhận định về môi trường trong suốt nơi những hành tinh bám vào, vì rất có thể chúng được một thứ khác nào đó treo giữ: có thể là một thể lực vô hình hoặc một lực hấp dẫn; sau đó anh ta nêu ý tưởng rằng có thể Trái Đất xoay quanh một thiên thể nào đó kiểu như Mặt Trời, cũng như các tinh cầu khác xoay quanh trung tâm nào đó của chúng mà ta chưa biết. Rồi Hoja lại tuyên bố rằng anh ta suy luận quy mô hơn Ptolemy nhiều, bởi vì anh ta nghiên cứu sự hội tụ mới của các tinh tú và tìm ra một lý thuyết mới: chắc là Mặt Trăng xoay quanh trái đất, còn Trái Đất thì xoay quanh Mặt Trời; có thể trung tâm là sao Kim cũng nên. Nhưng rồi Hoja nhanh chóng chán ngấy

tất cả những cái đó. Anh ta nói vấn đề không phải ở chỗ đề xuất những ý tưởng mới, mà ở chỗ làm thế nào để giới thiệu với người đương thời về các vì sao và sự chuyển động của chúng, và người đầu tiên cần giới thiệu là Pasha. Đến lúc đó chúng tôi mới được biết Pasha Sadik đã bị đày đi Erzurum (*thành phố ở Đông Bắc Thổ Nhĩ Kỳ*). Nghe nói ông tham gia một cuộc chính biến không thành.

Trong khi chờ đợi Pasha trở về từ chốn lưu đày, Hoja dự định viết luận văn về các dòng chảy ở Bosphorus, và thế là hàng tháng trời chúng tôi đi đo dòng chảy và nhiệt độ các con sông đổ vào vịnh này, theo dõi mực nước biển lên xuống, mang chai lọ đi dọc theo các thung lũng quanh Bosphorus, nơi gió thổi buốt tận xương tủy.

Để chuẩn bị công trình dành cho Pasha, ba tháng ròng chúng tôi ở Gebze, sự chênh lệch thời gian namaz (*giờ cầu nguyện cố định hàng ngày của người Hồi giáo; ba lần một ngày (đôi với người Hồi giáo dòng Shia) hoặc năm lần một ngày đôi với người Hồi giáo dòng Sunni*) trong các giáo đường khác nhau gọi cho Hoja một ý tưởng: anh ta muốn chế tạo một loại đồng hồ hoàn hảo không chệch vào đâu được để báo giờ cầu nguyện. Chính khi đó tôi đã báo cho anh ta biết thế nào là một cái bàn. Khi vật dụng do bác thợ mộc làm theo bản vẽ của tôi được mang vào nhà anh ta nói nó chẳng khác nào một phiến đá mai táng và sẽ mang theo tai họa, nhưng rồi sau đó anh ta quen dần với cả những chiếc ghế lẫn cái bàn và bảo ngồi sau bàn thì dễ suy nghĩ và dễ viết hơn. Khi chúng tôi quay về Istanbul để thuê làm chiếc bánh răng hình elip tương ứng với vòng quay của Mặt Trời nhằm xác định giờ namaz, chiếc bàn gỗ cũng về theo chúng tôi trên lưng một con lừa.

Trong những tháng làm việc đầu tiên, lúc chúng tôi ngồi đối diện nhau bên bàn, Hoja cố tìm cách xác định giờ cầu nguyện và tuần chay ở các nước khác, nơi mà do quả đất tròn nên có sự chênh lệch lớn về giờ giấc. Một vấn đề khác khiến chúng tôi quan tâm là liệu trên Trái Đất này, ngoài Mecca (*Thánh địa của người Hồi giáo*) còn có một nơi nào mà cho dù anh có ngoảnh mặt về đâu thì vẫn cứ nhìn về

phía *kibla* ((tiếng Ả-rập): hướng nhìn thiêng liêng của người Hồi giáo khi cầu nguyện, từ thế kỉ VII là Mecca) hay không ? Thấy tôi thờ ơ với những vấn đề đó, Hoja nhìn tôi vẻ khinh khỉnh, trong những khoảnh khắc như vậy, tôi cho là anh ta nhận ra chỗ vượt trội của tôi, và cũng có thể, anh ta tức giận bởi thấy tôi đoán ra điều đó. Cho nên, Hoja nói rất lâu về khoa học và trí tuệ: anh ta hy vọng đề án của mình sẽ gây ấn tượng đối với Pasha, khi ông ấy quay về Istanbul. Đây là lí thuyết mới về vũ trụ học, dễ hiểu hơn nhờ có sơ đồ hoàn thiện về các hành tinh - một chiếc đồng hồ kiểu mới, anh ta sẽ gieo những hạt giống phục sinh khoa học, kêu gọi sự quan tâm chú ý của toàn thể mọi người. Hàng ngày, cả hai chúng tôi sống trong chờ đợi.

Những ngày ấy, Hoja suy ngẫm về chuyện làm thế nào chế tạo thêm một chiếc bánh răng lớn hơn nữa, để khỏi phải tuần nào cũng chỉnh lại đồng hồ, mà chỉ cần mỗi tháng một lần, thậm chí, trong tương lai, anh ta còn dự định tạo ra một cỗ máy sao cho mỗi năm chỉ cần chỉnh đồng hồ hai lần. Anh ta cho rằng, vấn đề nằm ở chỗ phải tìm ra nguồn lực nào đó có thể khiến cho bộ máy chuyển động, một lực có thể tăng lên và mạnh thêm, tương ứng với khoảng thời gian được tăng lên giữa hai lần chỉnh giờ. Rồi một hôm, qua người quen ở tháp đồng hồ, anh ta biết là Pasha đã từ Erzurum trở về.

Sáng hôm sau, anh ta đến mừng Pasha. Giữa đám khách khứa, Pasha chú ý đến Hoja và các sáng chế của anh ta, thậm chí ông còn hỏi thăm tôi. Tối hôm ấy, chúng tôi tháo rời chiếc đồng hồ rồi lắp lại, bổ sung thêm một số chi tiết vào mô hình cũ và sửa sang lại lớp thép vàng. Hoja đọc cho tôi nghe một đoạn trong diễn từ mà anh ta viết với ngôn ngữ thơ ca bay bướm nhằm thu hút chú ý của cử tọa. Đến gần sáng, để bớt hồi hộp, anh ta bắt đầu đọc bài viết về các hành tinh và lí thuyết chuyển động của chúng. Sau đó, anh ta chuyển các thiết bị vào chiếc xe ngựa được đặt thuê từ trước và lên đường đến dinh thự của Pasha. Tôi ngạc nhiên thấy tất cả máy móc và đồng hồ, chất đầy căn nhà của chúng tôi trong mấy tháng qua, giờ đây lại có thể xếp gọn gàng trong một chiếc xe độc mã. Hoja trở về rất muộn.

Khi các thứ máy móc được dỡ xuống khu vườn của Pasha, với sự lạnh nhạt khó chịu của người già, Pasha nói đùa rằng ông chẳng thích những vật lạ lùng kia, nhưng Hoja cứ đọc cho ông nghe bài diễn từ đã học thuộc lòng sẵn từ trước. Pasha chợt nhớ đến tôi và thốt lên câu mà về sau Padishah sẽ lặp lại: "Điều này là do hấn dạy

cho nhà ngươi, đúng không ?" Hoja đáp lại bằng câu hỏi khiến Pasha kinh ngạc: "Ai cơ ạ ?" - mặc dù anh ta lập tức đoán người được nói đến là tôi. Pasha bảo tôi là một nhà khoa học ngớ ngẩn. Hoja kể cho tôi nghe về tất cả chuyện đó, nhưng lúc ấy anh ta không nghĩ về tôi: anh ta chỉ hồi tưởng lại tất cả những gì đã xảy ra tại dinh thự của Pasha. Hoja quả quyết rằng tất cả những thứ đó là do anh ta nghĩ ra và tự tay chế tạo, nhưng Pasha không tin, và có vẻ như muốn tìm kẻ bày đặt ra tất cả những thứ này, nhưng không thể nào chấp nhận người đó lại chính là Hoja, người mà ông sùng ái.

Tóm lại, thay vì bàn luận về các ngôi sao, họ lại nói về tôi. Tôi biết là Hoja không thích thú gì câu chuyện đó. Sau một thoáng im lặng, Pasha chuyển sang nói chuyện với các vị khách khác. Trong buổi dạ tiệc, khi Hoja cố gắng gợi chuyện về các ngôi sao và những phát minh, Pasha nói ông muốn hình dung lại khuôn mặt của tôi nhưng trước mắt ông cứ hiện lên vẻ mặt của Hoja. Khách khứa rất đông, họ bắt đầu nói về những người giống hệt nhau như bản sao, về những người anh em sinh đôi mà ngay cả mẹ đẻ của họ cũng chẳng phân biệt được, về những người giống nhau đến nỗi ngay chính họ cũng hoảng sợ khi mới gặp nhau, nhưng về sau thì không thể chia tay nổi, như thể cùng bị mê hoặc, về những tên cường đạo đã nhầm lẫn các nạn nhân của chúng. Khi bữa tiệc kết thúc và khách khứa từ biệt ra về, Pasha bảo Hoja lưu lại.

Một lần nữa, Hoja bắt đầu giải thích, thuyết phục, nhưng Pasha lơ đãng ngồi nghe, thậm chí còn có vẻ không hài lòng, như thể tâm trạng ông bị thay đổi vì người ta đang báo cho ông biết những tin tức không rõ ràng lắm, nhưng khi Hoja đọc lần thứ ba bài diễn từ thuộc lòng từ trước, còn Pasha thì nhìn Trái Đất và các hành tinh khác chuyển động trên mô hình của chúng tôi một lần nữa, ông chợt thấy quan tâm và chú ý nghe hơn. Hoja lặp lại rằng các hành tinh không chuyển động theo cách như từ trước tới nay người ta vẫn tưởng, mà đúng như trên mô hình. "Thôi được, - Pasha nói, - ta hiểu

rồi. Cứ cho là như thế, cũng được chứ sao ?" Thế là Hoja thôi không nói gì nữa.

Tôi nghĩ chắc là họ cùng im lặng như vậy khá lâu. Đưa mắt nhìn qua cửa sổ về phía vịnh Sừng Vàng tối om, Hoja lên tiếng: "Tại sao Pasha im lặng, tại sao ông không tiếp tục câu chuyện ?" Tôi cho rằng Hoja có những phỏng đoán nào đó về chuyện này, nhưng anh ta không nói gì cả. Dường như anh ta cảm thấy bất an vì mình không giống những người khác. Sau đó, Pasha quan tâm đến chiếc đồng hồ, ông nhìn vào trong ruột nó và hỏi về tác dụng của những chiếc bánh răng, của bộ máy và trọng lượng của nó. Ông thò ngón tay sờ vào bộ máy của chiếc đồng hồ, với vẻ sợ sệt như khi người ta sờ vào cái miệng đen ngòm của con rắn độc rồi vội vàng rút tay lại. Lúc đó Hoja đang nói về những chiếc đồng hồ treo trên các tháp, về tác dụng của lễ namaz, sẽ được thực hiện đồng lúc ở tất cả mọi nơi. Đột nhiên Pasha kêu lên: "Tránh xa hẩn đi ! Hoặc đánh thuốc độc cho hẩn chết đi hoặc thả hẩn ra ! Nhà ngươi sẽ được nhẹ nhõm hơn." Chắc là tôi đã nhìn Hoja một cách khiếp hãi và hy vọng. Anh ta nói rằng sẽ chưa giải thoát cho tôi, chừng nào họ chưa quan tâm đến công việc của chúng tôi.

Tôi cũng không hỏi là anh ta đang nói đến công việc nào. Chắc bởi tôi lờ mờ đoán rằng bản thân Hoja cũng không trả lời được câu hỏi ấy. Sau đó, hai người nói về những vấn đề khác. Pasha nhìn mặt và khinh khỉnh nhìn các thiết bị la liệt bày trước mặt ông. Hoja mong ông trở lại quan tâm đến chúng, nhưng anh ta đã chờ đợi vô ích đến tận khuya. Cuối cùng, anh ta xếp các thứ máy móc bỏ lên xe ngựa. Tôi chợt nghĩ về những ai sống trong những ngôi nhà dọc đường chiếc xe ngựa trở về trong bóng tối và trong bầu im lặng, về những ai đêm đó không thể nào chợp mắt. Người đó chắc hẳn đã nghe thấy tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ lẫn trong tiếng cọt két của chiếc xe ngựa khuất dần trên phố, và lấy làm kinh ngạc.

Cho đến tận sáng, Hoja không chịu ngồi xuống. Nến tàn, tôi định thắp một ngọn khác nhưng anh ta không cho. Tôi biết rằng Hoja chờ đợi ở tôi một lời nào đó, liền nói: "Rồi Pasha sẽ hiểu." Tôi nói câu đó khi trời còn chưa sáng hẳn, nhưng chắc Hoja cảm thấy sự do dự trong giọng nói của tôi, nên một lúc sau anh ta thốt lên: "Tại sao lúc đó Pasha lại im lặng ? Bí ẩn chính là chỗ ấy."

Gặp dịp thuận tiện đầu tiên, anh ta vội đến gặp Pasha để tìm giải đáp cho sự bí ẩn đó. Nhưng lần này Pasha vui vẻ đón tiếp Hoja. Pasha nói rằng ông hiểu dự định của Hoja. Trong khi Hoja hỏi lòng hỏi dạ bởi câu đó, ông khuyên anh ta nên nghiên cứu về vũ khí. "Một loại vũ khí có thể biến thế giới thành một nhà tù dành cho tất cả kẻ thù của chúng ta !" Ông nói như vậy, không giải thích thêm đó phải là loại vũ khí như thế nào. Nếu như Hoja có cách nghiên cứu theo hướng đó thì ông sẽ ủng hộ. Dĩ nhiên, ông không hề đả động gì đến phần thưởng mà chúng tôi mong đợi. Ông chỉ trao cho Hoja một chiếc túi nhỏ đựng đầy những đồng *akcha* (tiền lẻ bằng bạc của Thổ Nhĩ Kỳ thời xưa). Tại nhà mình, chúng tôi mở túi và đếm được mười bảy đồng tiền - một con số lạ lùng ! Trao chiếc túi, Pasha nói rằng ông sẽ thuyết phục Padishah tiếp Hoja. Ông nói rằng ấu vương rất thích "những cái trò như thế". Cả tôi, lẫn một người nhẹ dạ như Hoja đều không thể nào coi đó là một lời hứa nghiêm chỉnh, thế nhưng sau đó một tuần, chúng tôi bất ngờ được thông báo là khi tan tiệc *iftar* (tiệc lớn mà người Thổ Nhĩ Kỳ tổ chức vào buổi tối đầu tiên sau tuần chay), Pasha sẽ dẫn chúng tôi - đúng thế, cả tôi nữa, - đi tiếp kiến Padishah.

Hoja soạn lại bài diễn từ đã đọc trước Pasha sao cho một đứa bé chín tuổi có thể hiểu được. Nhưng không hiểu sao anh ta không nghĩ về Padishah, mà chỉ nghĩ về Pasha, về chuyện tại sao khi đó Pasha lại im lặng. Một khi nào đó anh ta sẽ giải đáp được điều bí ẩn này. Vũ khí mà Pasha mong anh ta chế tạo thuộc loại như thế nào ? Tôi không thể nói được câu gì, mà Hoja cũng chẳng mong đợi điều đó. Anh ta đóng cửa phòng ngồi một mình đến tận khuya, còn tôi thì đã không nghĩ đến chuyện quay về quê cũ, và như một thằng bé

ngốc nghếch, cứ nhìn ra cửa sổ mà mơ tưởng rằng người ngồi làm việc sau bàn là tôi, chứ không phải Hoja, và khi nào muốn thì tôi sẽ đứng dậy, đi đâu tùy thích !

Thế rồi, khi trời gần tối, chúng tôi chất các thiết bị của mình lên xe ngựa và lên đường đến cấm thành. Tôi yêu những đường phố Istanbul và ước ao một khi nào đó tôi sẽ đi dưới những cây-dẻ, cây tiêu huyền cổ thụ kia một cách vô hình, như một bóng ma. Chúng tôi đưa các thiết bị vào sân thứ hai của cấm thành, như người ta hướng dẫn.

Padishah là một cậu bé nhỏ nhắn, má đỏ hây hây. Ngài sờ mó các máy móc của chúng tôi như sờ đồ chơi, và tôi không còn nhớ rõ có phải chính lúc đó tôi đã mong thành người cùng trang lứa hoặc thành bạn của ấu vương, hay là mười lăm năm sau khi tôi gặp lại Ngài lần nữa. Lập tức tôi nhận thấy không nên có định kiến với Ngài. Hoja cứ đứng đĩnh, còn Padishah và tùy tùng của Ngài tò mò chờ đợi. Rốt cuộc Hoja bắt đầu nói, anh ta thêm vào bài thuyết trình lắm điều mới mẻ: anh ta nói về các hành tinh như thể đang nói về các sinh linh có trí tuệ, có hiểu biết về số học và đại số và biết chuyển động hài hòa với những kiến thức đó; anh ta mô tả các ngôi sao như là những sinh thể hấp dẫn và bí hiểm. Hoja phấn khởi hẳn lên khi thấy ấu vương ngẩng đầu nhìn lên trời một cách thán phục. Rồi Hoja biểu diễn trên mô hình các hành tinh chuyển động ra sao - đây là sao Kim, nó chuyển động như thế này, còn ngôi sao to tướng kia là Mặt Trăng, nó di chuyển theo cách khác. Hoja xoay các ngôi sao gắn trên mô hình, chúng rung lên leng keng khiến Padishah hoảng sợ lùi lại, nhưng rồi Ngài cố trấn tĩnh, xích lại gần chiếc hộp thần kì và cố gắng hiểu những gì nghe thấy.

Giờ đây, khi sắp xếp lại hồi ức, tôi nhận thấy quá khứ của mình hệt như một bức tranh hạnh phúc, giống như những câu chuyện cổ tích tôi đã được nghe từ thuở nhỏ, và như những bức tranh minh họa các chuyện cổ tích đó. Chỉ còn thiếu những ngôi nhà mái đỏ, hệt

như những chiếc bánh ngọt, và quả cầu thủy tinh mà nếu dốc ngược thì sẽ thấy tuyết trong lòng nó tuôn rơi. Sau đó, cậu bé bắt đầu đặt câu hỏi còn Hoja thì trả lời.

Những ngôi sao kia làm thế nào mà bám được vào không khí ? Chúng được treo vào một bầu khí quyển trong suốt ! Thế môi trường khí quyển đó làm bằng gì ? Bằng một thứ chất liệu trong suốt ! Chúng không va vào nhau chứ ? Không, giống như trên mô hình này, chúng được treo trên những tầng bậc khác nhau ! Nhiều sao như thế, tại sao trên mô hình không có nhiều tầng khí quyển ? Tại vì các hành tinh ở xa lắm ! Xa như thế nào ? Xa lắm, xa vô cùng ! Thế những hành tinh khác có các quả chuông biết kêu leng keng khi chúng chuyển động không ? Không phải đâu, những cái chuông nhỏ này do chúng tôi chế ra để biết được khi nào hành tinh quay được đúng một vòng đầy chứ ! Sấm có liên quan đến những cái này không ? Không ! Thế sấm liên quan đến cái gì ? Liên quan đến mưa ! Ngày mai liệu có mưa không ? Nhìn trời như thế này thì chắc là không ! Thế trời nói gì về con sư tử ốm của Padishah ? Trời nói là con sư tử sẽ khỏi, nhưng cần kiên trì chờ đợi ! Vân vân và vân vân...

Lúc nói về con sư tử ốm, Hoja cũng nhìn lên trời như khi nói về các hành tinh, về đến nhà, anh ta nhận xét một cách bao dung về ấu vương. Điều quan trọng không phải ở chỗ cậu bé không phân biệt được đâu là khoa học đích thực, đâu là câu chuyện tầm phào, mà quan trọng ở chỗ cậu ta đã chú ý đến vấn đề đó. Padishah đã lảm nhảm lặp lại lời Hoja, làm ra vẻ hiểu được những gì cần hiểu. Còn tôi thì suy nghĩ về việc có nên cải đạo làm người Hồi giáo hay không. Trong cái túi con chúng tôi được nhận khi ra khỏi cửa cung điện có đúng năm đồng tiền vàng. Hoja nói rằng Padishah đã hiểu đúng về chuyển động của các thiên thể. Ôi, Padishah, Padishah, mãi đến sau này, rất lâu sau đó, tôi mới hiểu được Ngài ! Tôi ngạc nhiên thấy ngoài cửa sổ đang lơ lửng đúng mặt trăng ấy, và tôi muốn làm một thằng bé ! Hoja không dừng được và lại quay về câu chuyện

của chúng tôi: vấn đề không phải ở con sư tử, mà là ở chỗ cậu bé yêu súc vật, chỉ thế mà thôi.

Ngày hôm sau, Hoja đóng cửa giam mình trong phòng để làm việc. Sau mấy ngày nữa, anh ta lại xếp các thiết bị lên xe ngựa lên đường tới trường tiểu học trước ánh mắt tò mò của những người hàng xóm đang dòm qua chấn song cửa sổ. Chiều ấy anh ta về nhà với vẻ mặt không vui, nhưng không đến nỗi phải im lặng: "Ta cứ tưởng bọn trẻ con sẽ hiểu được tất cả, giống như Padishah." Các em học sinh chỉ thấy hoảng sợ thôi, còn sau bài giảng của Hoja, một em bé trả lời câu hỏi của anh ta và bảo phía bên kia trời là địa ngục, rồi òa lên khóc.

Suốt cả tuần tiếp đó Hoja tự ám thị rằng Padishah đã hiểu các lí giải của mình; anh ta hồi tưởng lại từng phút một của khoảng thời gian chúng tôi ở trong sân thứ hai của cung điện và tìm ra nhiều khẳng định mới cho ý kiến của mình: vâng, cậu bé thật thông minh, vâng, ngay từ bây giờ cậu ta đã biết suy xét, vâng, ngay bây giờ đã là một nhân cách, biết chống lại ảnh hưởng của môi trường ! Sau này, trước khi Padishah bắt đầu nằm mơ thấy chúng tôi, cả tôi và Hoja đều đã bắt đầu mơ thấy ấu vương trong giấc ngủ. Hoja nghiên cứu chiếc đồng hồ, nhưng hình như suy tính cả về vũ khí - anh ta nói với Pasha như vậy khi được ông gọi đến. Nhưng tôi có cảm tưởng rằng anh ta không còn hy vọng vào Pasha nữa. Có lần Hoja nhận xét: "Ông ấy trở nên giống mọi người khác, ông ấy không muốn biết những điều chưa biết nữa". Một tuần sau, Padishah lại triệu Hoja vào cung.

Ngài vui vẻ nhìn Hoja: "Con sư tử của ta đã khỏi rồi, mọi chuyện xảy ra đúng như nhà ngoại đã nói." Họ bước ra vườn dưới sự hộ tống của đoàn tùy giá. Chỉ vào những con cá trong bể, Padishah hỏi Hoja có thích không. Kể cho tôi nghe về chuyện đó, Hoja nói: "Chúng đẹp lắm, mà ta chẳng biết nói về chúng như thế nào." Nhưng vào thời điểm ấy anh ta nhận thấy một trật tự nào đó

trong chuyển động của những con cá, như thể chúng thỏa thuận với nhau cùng tuân thủ theo trật tự ấy. Hoja nói rằng anh ta thấy những con cá rất thông minh. Một người lùn đứng bên cạnh lúc nào cũng luôn miệng nhắc nhở Padishah về những lời căn dặn của mẫu hậu, nghe thế liền phá lên cười, lập tức bị Padishah quở mắng. Khi lên xa giá, để trừng phạt tên lùn, Padishah không cho hắn ngồi cạnh Ngài.

Họ đi đến chuồng thú ở At Meydani (*quảng trường ở trung tâm Istanbul*), nơi nhốt sư tử. Padishah chỉ cho Hoja xem những con sư tử, báo, hổ bị xích vào các cây cột của một giáo đường cũ. Khi họ dừng lại trước con sư tử mà Hoja đã đoán là sẽ khỏi bệnh, ấu vương nói một câu gì đó với con vật, như thể giới thiệu Hoja với nó. Rồi họ đến gần con sư tử cái nằm xa trong góc; con này không nặng mùi như những con sư tử khác - nó sắp sinh con. Nhìn Hoja bằng đôi mắt lấp lánh, Padishah hỏi: "Con sư tử cái này sẽ đẻ mấy con, trong số đó có mấy con cái, mấy con đực ?"

Hoja bực bội kể với tôi là đã đi một nước cờ sai lầm: anh ta trả lời Padishah rằng mình có hiểu biết về thiên văn chứ không phải là một nhà chiêm tinh. Cậu bé đáp: "Nhưng chẳng phải nhà người cái gì cũng giỏi hơn đại sư chiêm tinh Huseyn Efendi hay sao !" Hoja không nói gì, hoảng sợ nhìn quanh, nhờ có ai trong đám tùy tùng nghe thấy rồi hót với Huseyn Efendi thì khốn. Padishah buồn rầu nhìn Hoja và hỏi: Hay là Hoja chẳng biết gì cả và chỉ ngấm sao một cách vô ích ?

Lúc đó, Hoja buộc phải nói những điều mà anh ta dự định sau này mới nói: các vì tinh tú dạy cho anh ta biết nhiều điều và những kiến thức đó giúp anh ta rút ra những kết luận rất có ích. Thấy Padishah mở to mắt lắng nghe, hiểu đúng sự im lặng mới đây của mình, Hoja nói: để quan sát các ngôi sao cần lập một đài thiên văn, giống như đài thiên văn mà vua Murat Đệ Tam (*Ahmet I (1590-1617): hoàng đế Ottoman, ông nội của Padishah Mehmet IV*), ông nội của vua Ahmet II tức là cụ kỵ của Padishah, đã xây cho Takiyuddin Efendi (*Takiyuddin (1526-1583): nhà*

thiên văn học, nhà toán học Ottoman, người gốc Hy Lạp) chín mươi năm trước, thế mà về sau chẳng ai làm việc tại đó, không ai trông coi đài thiên văn nên nó bị sụp đổ; cần phải xây dựng một cái tương tự như thế, không, tốt hơn hết là xây một ngôi nhà khoa học, nơi không chỉ nghiên cứu về thiên văn, mà nghiên cứu toàn bộ thế giới này, các con sông và các đại dương, núi non và các đám mây, thiên nhiên, động vật, một nơi cho các nhà khoa học tập trung lại, cùng nhau bàn luận về những nghiên cứu của mình, phát minh ra những kiến thức mới, khi đó trí tuệ của ta sẽ được phát triển.

Padishah lắng nghe đề án của Hoja - đề án mà lần đầu tiên tôi được nghe, - như đang nghe một câu chuyện thần thoại hấp dẫn. Trên đường về, ngồi trong xe, Padishah hỏi: "Thế thì theo ngươi, đàn con của sư tử cái sẽ như thế nào ?" Hoja đã chuẩn bị sẵn lời đáp, nên tuyên bố: số lượng sư tử đực và sư tử cái sẽ bằng nhau ! Kể với tôi về điều đó, Hoja nhận xét rằng trong câu trả lời của anh ta chẳng có sơ suất nào. "Ta sẽ nắm giữ thằng bé ngu dốt này trong tay mình, ta sáng trí hơn vị đại sư chiêm tinh Huseyn Efendi mà !" Tôi lấy làm lạ thấy anh ta nói như vậy về Padishah, thậm chí không hiểu sao tôi còn cảm thấy tức giận. Trong lòng buồn bực, tôi đi làm mấy việc vặt trong nhà.

Về sau, Hoja bắt đầu sử dụng từ "ngu dốt" như chiếc chìa khóa thần, có thể mở được bất kì ổ khóa nào: vì ngu dốt mà họ chẳng nghĩ ngợi gì khi nhìn những ngôi sao trên đầu chúng ta; vì ngu dốt mà họ đặt ra câu hỏi: kiến thức mà họ có thể thu nhận được dùng để làm gì; vì ngu dốt mà họ chỉ quan tâm đến kết luận mà chẳng hề chú ý gì đến các chi tiết; do ngu dốt nên họ y hệt như nhau... Dù rằng tôi không thích thú gì những nhận xét kiểu đó, ngay cả khi còn sống ở nước mình, nhưng tôi chẳng đáp lại anh ta câu nào. Cửa đáng tội, khi ấy anh ta chẳng quan tâm gì đến ý kiến của tôi mà đang suy nghĩ về những kẻ ngu muội của mình, còn sự ngu muội của tôi thì chắc là có tính chất khác hẳn. Trong những ngày mà chúng tôi nói mãi không hết chuyện, tôi kể cho anh ta nghe về giấc mơ của mình: anh

ta thế chỗ tôi quay về Tổ quốc của tôi, cưới vị hôn thê của tôi, trong đám cưới không ai đoán được chú rể không phải là tôi, còn tôi thì mặc bộ trang phục Thổ Nhĩ Kỳ đứng trong góc nhìn mẹ tôi sung sướng đón nàng dâu mới mà chẳng để ý đến dòng nước mắt tuôn rơi trên mặt mình - chính vì dòng nước mắt này mà tôi tỉnh ngủ - họ không hề nhận ra tôi, họ quay lưng lại với tôi, đi xa dần, rồi khuất hẳn.

Hai lần Hoja đến chỗ Pasha, xét theo mọi chuyện, Pasha không hài lòng thấy Hoja gần gũi với Padishah ngoài sự kiểm soát của ông. Pasha tiến hành những cuộc hỏi cung thật sự đối với anh ta. Mãi sau này, khi Pasha bị trục xuất lần thứ hai khỏi Istanbul, Hoja mới kể cho tôi biết là Pasha chú ý đến tôi, cho điều tra tin tức về tôi; giá tôi biết được điều này, chắc tôi đã hoảng sợ, lo lắng bị đầu độc. Dù sao đi nữa thì tôi cũng đã cảm thấy Pasha chú ý đến tôi nhiều hơn so với Hoja, tôi khoái chí thấy sự giống nhau của chúng tôi hấp dẫn Pasha nhiều hơn là hấp dẫn tôi. Hồi đó, sự giống nhau này là điều bí ẩn, không hiểu sao nó mang lại cho tôi một sự can đảm lạ lùng mà Hoja không ngờ tới. Đôi khi, tôi nghĩ chính nhờ sự giống nhau này mà chừng nào Hoja còn sống thì chẳng có điều gì đe dọa tôi cả. Có thể do vậy mà tôi đã phản đối Hoja khi anh ta liệt Pasha vào hàng những kẻ ngu dốt, điều đã khiến Hoja nổi giận. Ý thức được mình là gánh nặng mà Hoja không thể gạt bỏ thôi thúc tôi cư xử hỗn xược, không đúng với bản chất của mình. Chẳng con có gì, tự nhiên tôi gạn hỏi tỉ mỉ về những gì Pasha nói về cả hai chúng tôi, khiến Hoja nổi giận, một con thịnh nộ mà chính anh ta cũng không biết bởi nguyên có gì. Khi đó, anh ta nhắc lại thẳng thừng là có một âm mưu thâm độc đang được bố trí nhằm chống Pasha, bọn pháp binh đang toan tính gì đấy, và anh ta cảm thấy trong triều đình đang có một kế hoạch nào đó được chuẩn bị. Cho nên, một khi anh ta đã chế tạo vũ khí y lệnh của Pasha, thì không bao giờ lại làm điều đó cho quan tể tướng lâm thời, mà sẽ làm cho chính Padishah.

Có một thời gian, tôi nghĩ Hoja đang chế tạo một loại vũ khí nào đó, nhưng công việc không hề tiến triển. Tôi tin tưởng rằng nếu anh ta đạt được thành tựu nào đó thì chắc chắn anh ta sẽ khoe với tôi, và thậm chí còn cố gắng hạ nhục tôi, bằng cách lập tức hỏi tôi có cảm tưởng gì về công việc đó. Vào một buổi chiều hai chúng tôi đến một ngôi nhà nức tiếng ở Aksaray (*Một vùng ở phần châu Âu của Istanbul*), nghe nhạc, tiêu khiển thời gian với đàn bà - chúng tôi làm chuyện này mỗi tuần khoảng hai, ba lần. Trên đường về, Hoja nói anh ta sắp sửa làm việc đến sáng, sau đó anh ta hỏi han tôi về đàn bà, nhưng vừa về đến nhà là chui vào phòng riêng đóng chặt cửa lại. Tôi ngồi với những quyển sách đã chán không buồn giờ đến của mình, và đoán có lẽ Hoja đang giam mình trong phòng, ngồi nghĩ ngợi sau chiếc bàn vẫn chưa thực sự trở nên quen thuộc, nhưng chẳng nghĩ được gì nên anh ta vừa hổ thẹn vừa tức giận nhìn tờ giấy trắng trước mặt hàng giờ liền.

Khuya lắm rồi, anh ta ra khỏi phòng và gọi tôi bằng vẻ khiêm tốn của một người học trò đang cần được chỉ bảo. Chẳng hề ngượng ngùng gì, anh ta nói: "Mi giúp ta với ! Cả hai cùng nghĩ xem, một mình ta thì chẳng nghĩ ra được một điều gì." Tôi im lặng, không hiểu sao lại cho rằng anh ta đang nghĩ về bọn đàn bà. Thấy ánh mắt trống rỗng của tôi, anh ta nói một cách nghiêm chỉnh: "Mi biết không, ta đang nghĩ về bọn ngu si. Tại sao chúng lại ngu si như vậy ?" Và dường như đoán được câu trả lời của tôi, anh ta bổ sung thêm: "Thôi được, không hẳn là ngu si, nhưng đầu óc chúng thiếu một thứ gì đấy." Tôi không hỏi "bọn chúng" là những ai. "Chẳng lẽ đầu chúng không có chỗ để chứa kiến thức ư ? - Anh ta ngó quanh, như thể tìm từ ngữ diễn đạt. "Đầu chúng có cái hộp, trong hộp đó, giữa các thứ hồ lớn, cần phải có chỗ để chứa đựng một thứ gì đó, nhưng chắc là không có một chỗ như vậy. Mi có hiểu không ?" Tôi cũng muốn thuyết phục mình là tôi có hiểu một điều gì đó, nhưng không làm nổi. Chúng tôi im lặng ngồi rất lâu. "Tại sao con người ta lại khác nhau như vậy ?" - mãi sau, anh ta lên tiếng và nói thêm: - "Giá như

mi là một bác sĩ thực sự, mi đã có thể dạy ta, giải thích cho ta hiểu được, cơ thể chúng ta làm bằng gì và bên trong cấu tạo như thế nào thì hay biết mấy." Anh ta cảm thấy hơi ngượng ngùng, bối rối. Chắc là để tôi không hoảng lên, Hoja cố gắng giảng giải một cách bình tĩnh rằng anh ta sẽ không bó tay, sẽ đi đến tận cùng, vì anh ta muốn biết điều gì đang ở nơi kết cục, bởi vì chẳng còn lối thoát nào khác nữa. Tôi không hiểu, nhưng cũng cảm thấy thích khi nghĩ rằng tôi sẽ dạy anh ta học được nhiều điều.

Sau này, Hoja thường nhắc lại những lời đó, như thể cả hai chúng tôi đều cùng hiểu ý nghĩa của chúng. Tuy nhiên, đằng sau sự quyết tâm một cách phô trương của anh ta là sự tò mò, ham hiểu biết của một cậu học trò thích đặt nhiều câu hỏi; mỗi lần, khi anh ta nói là sẽ đi đến cùng, tôi có cảm tưởng rằng mình đang nghe tiếng thở than buồn rầu của một kẻ si tình, hiện phải lòng ai đó một cách vô vọng, đang tự hỏi rằng con có gì mà ông trời đổ xuống đầu mình một tai họa như vậy. Đồng thời, anh ta thường nhắc đi nhắc lại những lời đó, khi hay tin bọn jamssary (*vệ binh, tuyển từ bộ phận dân cư Thiên Chúa giáo của đế chế Ottoman (từ thế kỉ XIV trở đi)*), âm mưu phản loạn; nhắc lại điều đó khi kể với tôi rằng bọn học sinh tiểu học say mê các thiên thần hơn là quan tâm đến các hành tinh, thậm chí Hoja còn nhắc đến điều đó khi anh ta liệng vào xô nhà tập bản thảo mua được với khoản tiền lớn, sau khi đọc chưa được một nửa; nhắc đến điều đó, sau khi chia tay với đám bạn mà anh ta vừa gặp và trò chuyện ở tháp đồng hồ, đa phần là do thói quen; nhắc đến điều đó khi bị lạnh cóng trong nhà tắm chỉ được đốt sưởi một cách tồi tệ, hoặc sau khi đi nằm, đặt quyển sách trên tấm chăn hoa; nhắc lại điều đó sau khi nghe những câu chuyện ngu ngốc trong sân giáo đường, khi thực hiện nghi thức tẩy rửa (*nghi thức wudu của người Hồi giáo - dọn mình trước khi cầu nguyện*), khi hay tin hạm đội hoàng gia thất bại trong trận giao tranh với quân Venice; nhắc lại điều đó, sau khi kiên nhẫn tiếp chuyện những người hàng xóm trong khu phố đến thuyết phục Hoja lấy vợ, vì anh ta cũng đã khá lớn tuổi. Anh ta sẽ nhất định đi đến cùng.

Giờ đây, tôi nghĩ rằng, liệu có ai đó trong số những người có gan đọc đến tận cùng quyển sách này, kiên trì theo dõi những gì đã xảy ra với tôi, trên thực tế cũng như trong tưởng tượng, mà lại có thể nói rằng Hoja không giữ lời hứa của mình ?

Gần đến mùa Hè thì chúng tôi nghe tin trên bờ Bosphorus, ở Istinye (một địa điểm ở phần châu Âu của Istanbul) người ta tìm thấy xác của đại sư chiêm tinh Huseyn Efendi. Rốt cuộc Pasha cũng nhận được chiếu chỉ *fatura* (quyết định của tầng lữ tối cao trong đạo HỒI về một vấn đề hoặc hành động nào đó, chiếu theo Thánh Kinh Koran) về việc trảm quyết ông và vị đại sư không biết giữ mồm giữ miệng, lại gửi thư đi khắp xa gần bảo rằng Pasha Sadik sắp mất mạng, rằng điều đó có ghi trên các vì sao, bởi thế ông ta để lộ nơi mình ẩn náu. Ông ta định bơi sang Anatolia, nhưng bị đao phủ đuổi kịp và bóp cổ chết trên thuyền. Khi biết tài sản của đại sư chiêm tinh bị tịch biên, Hoja tìm cách chiếm những sách vở, giấy tờ và các quyển vở của ông ta - có bao nhiêu tiền để dành anh ta đều tiêu hết cho việc hồi lộ. Một buổi chiều, Hoja chở một chiếc hòm lớn đựng đầy bản thảo về nhà, anh ta đọc một mạch cả tuần hàng nghìn trang, rồi sau đó giận dữ nói rằng mình có thể viết xuất sắc hơn thế.

Và rồi Hoja bắt tay vào viết những quyển sách của mình, còn tôi thì phụ giúp anh ta. Hoja quyết định dâng lên Padishah hai bản biên khảo *Đời sống động vật* và *Những sinh linh huyền diệu*. Tôi kể cho anh ta nghe về những con ngựa, con la, thỏ, thằn lằn mà tôi đã thấy trong vườn nhà mình tại Empoli (một thành phố ở Italia) và trên các thảo nguyên. Trí tưởng tượng của Hoja không được dồi dào cho lắm, nên tôi phải kể cho anh ta nghe về những con ếch châu Âu có ria mép trong đầm hoa súng của nhà tôi, những con chim vẹt màu xanh da trời, biết nói lơ lơ giọng Ba Lan, những con sóc thường ngồi chải lông cho nhau trước khi giao phối. Trong quyển sách của chúng tôi có hẳn một chương tả kỹ lưỡng về đời sống của loài kiến mà Padishah rất quan tâm, nhưng Ngài không có điều kiện để làm quen, vì cung điện lúc nào cũng được lau chùi choáng lộn.

Mô tả những quy luật nghiêm ngặt trong đời sống loài kiến, Hoja mơ ước rằng chúng tôi sẽ trở thành những người bảo trợ cho ấu vương. Vì vậy, Hoja cho rằng chỉ mô tả những con kiến đen mà chúng tôi biết là còn chưa đủ, nên anh ta viết cả về loài kiến châu Mỹ có màu hung đỏ. Anh ta mơ ước viết được một quyển sách buồn thảm, mang tính giáo huấn bằng những câu chuyện đã xảy ra với đám ngu dân sống trong xứ sở của rắn, có tên gọi là châu Mỹ, và suốt đời chẳng muốn thay đổi một điều gì. Anh ta kể tỉ mỉ là sẽ viết về một cậu bé làm vua, rất yêu súc vật và săn bắn, do không thích khoa học nên bị bọn dị giáo Tây Ban Nha đóng cọc, nhưng tôi nghĩ, chắc gì anh ta dám viết như vậy. Một họa sĩ được chúng tôi mời đến vẽ minh họa cho những con bò sáu chân có cánh và những con rắn hai đầu, nhưng công việc của anh ta không làm chúng tôi hài lòng. "Trước đây, người ta cũng đã từng vẽ như người, - Hoja nói, - còn bây giờ thì phải vẽ ba chiều và có bóng chứ, xem kìa, ngay cả con kiến bình thường này cũng cố gắng công một cái bóng trên lưng, y như bản sao của nó."

Bởi không được Padishah vùi vào cung điện nên Hoja nhờ Pasha chuyển các công trình của mình cho Ngài và về sau rất lấy làm tiếc về chuyện đó. Pasha bảo rằng khoa học về các ngôi sao là thứ nhảm nhí, tầm bậy tầm bạ, rằng đại sư chiêm tinh Huseyn Efendi đã làm những việc không phải của mình, tức là bày đặt các âm mưu chính trị, và Pasha đồ rằng dường như Hoja đang mon men ngấp nghé chức vị ấy, rằng bản thân Pasha cũng rất tin tưởng vào khoa học, nhưng không phải là thứ khoa học liên quan đến các ngôi sao, mà phải là thứ khoa học gắn liền với việc chế tạo vũ khí, rằng chức vụ đại sư chiêm tinh chẳng may mắn gì đâu, ai cũng biết là những người giữ địa vị đó rốt cuộc đều bị giết chết, hoặc chính bản thân họ phải đi biệt xứ, vì họ biết quá nhiều bí mật, cho nên Pasha không muốn Hoja, người mà ông ta rất sủng ái và có kiến thức đáng tin, giữ một chức vụ như vậy, bởi đã có ứng viên là Sitki Efendi dốt nát và ngây thơ, một người có thể đảm đương tuyệt vời công việc đó.

Pasha nghe nói Hoja đang có trong tay các sách vở của đại sư chiêm tinh trước đây, nhưng ông không muốn anh ta nghiên cứu những cái đó... Hoja đáp rằng anh ta chỉ quan tâm duy nhất đến một thứ duy nhất là khoa học và nhờ chuyên cho Padishah các công trình của mình. Chiều đó, khi trở về nhà, Hoja vừa rửa sả Pasha vừa nói rằng anh ta sẽ chỉ làm mỗi việc duy nhất là nghiên cứu khoa học, và sẽ làm tất cả những gì cần thiết để nghiên cứu khoa học.

Suốt một tháng sau đó, Hoja chỉ tập trung mọi chú ý vào chuyện quyền sách về các con vật tương tượng của chúng tôi đã gây được ấn tượng như thế nào đối với Padishah và đoán già đoán non vì sao đến tận bây giờ anh ta vẫn chưa được triệu tới cung cấm. Cuối cùng, anh ta được mời tham dự một cuộc săn bắn. Hoja được đi bên cạnh Padishah, tôi ở cách xa một quãng, cùng đoàn tùy tùng lên đường đến Lâu đài Mirahor trên bờ sông Kagithane. Viên quan phụ trách săn bắn đã chuẩn bị chu đáo tất cả mọi thứ: người ta xua cho thỏ và cáo chạy ra, sau đó thả chó săn. Chúng tôi thấy một con thỏ lao bổ xuống nước rồi bơi đi, tất cả mọi người đều chứng kiến nó cố sống cố chết bơi đến bờ bên kia, bọn vệ binh muốn suýt chó sang đó. Thậm chí những người đứng xa như chúng tôi cũng nghe thấy Padishah không cho phép họ làm như thế; "Tha cho con thỏ ấy." Thấy bờ bên đó có một con chó chẳng biết của ai, thả lại lao xuống nước nhưng vẫn bị chó vồ. Mấy người vệ binh chạy tới giằng con thỏ khỏi mõm chó và đưa trình Padishah. Nhà vua nhỏ tuổi xem xét con vật, vui mừng thấy vết thương của nó không nghiêm trọng lắm, bèn sai đem thả thỏ lên đồi. Trong đám đông xúm quanh Ngài, tôi thấy thấp thoáng bóng Hoja và tên hề lùn tóc đỏ.

Tối hôm ấy, Hoja kể rằng Padishah đề nghị những người có mặt lí giải về chuyện vừa xảy ra. Đến lượt Hoja, anh ta nói sắp tới Padishah sẽ gặp kẻ thù đột ngột xuất hiện ở những nơi Ngài ít ngờ tới nhất, nhưng Ngài sẽ được tai qua nạn khỏi. Những kẻ ác ý liền nhao nhao gièm pha về cách lí giải đem Padishah so sánh với thỏ, nhưng Padishah bắt đàn đồng ca ấy, bao gồm cả tân đại sư chiêm

tin Sitki Efendi phải im miệng, và nói rằng Ngài sẽ nhớ lời Hoja. Rồi sau đó, khi buồn bã nhìn kết cục của con đại bàng bị mấy con chim ưng hành hạ và con cáo ra sức chống cự nhưng vẫn bị đàn chó xé ra từng mảnh, Ngài nói rằng con sư tử cái đã đẻ được hai con, một con đực và một con cái, và Ngài rất thích quyển sách về động vật, rồi Ngài kể về những con bò cái có cánh màu xanh da trời trong thung lũng sông Nile và những con mèo màu hồng. Hoja ngây ngất một niềm vui lạ thường, vừa đắc thắng lại vừa khiếp sợ.

Mãi về sau, chúng tôi được biết về những sự kiện xảy ra trong cung điện: Kosem Sultana (*Kosem Sultana (Mameiker) (mất năm 1651): vợ của hoàng đế Thổ Ahmet I, bà nội của Mehmet IV*), một bà cung phi của cựu hoàng đế đã cùng tư lệnh vệ binh âm mưu ám sát Padishah và thân mẫu của Ngài để đưa thái tử Suleyman lên ngôi, nhưng bà ta không thực hiện được kế hoạch. Kosem Sultana bị thất cổ, trào máu mũi mà chết. Hoja nghe được những chuyện đồn đại ấy khi anh ta đến tháp đồng hồ giáo đường. Anh ta chỉ đến đó và trường học, ngoài ra không đi đâu khác.

Đến mùa Thu, Hoja lại muốn nghiên cứu vũ trụ, nhưng để làm điều đó thì phải có đài thiên văn, song bọn ngu si chẳng coi các vì tinh tú là quan trọng, còn các vì tinh tú ấy thì chẳng thèm để ý đến bọn dốt nát đó. Mùa Đông đến, những ngày ảm đạm kéo dài lê thê. Vào một ngày như thế, chúng tôi được biết Pasha đã bị phế truất. Ông cũng suýt bị treo cổ, nhưng bà Valide Sultana (*Tức Turhan Hadice, vợ hoàng đế Ibrahim. Valide Sultana là chức danh mẫu hậu trong triều đình Ottoman*) - mẫu hậu của Padishah, không chấp thuận, nên Pasha chỉ bị tịch biên tài sản và bị đày đi Erzinjan. Từ đó, chúng tôi không biết thêm tin tức gì về Pasha, cho đến tận khi nghe tin ông chết. Hoja nói: bây giờ anh ta chẳng còn sợ ai và cũng chẳng phải báo ân cho người nào nữa. Tôi nghĩ bụng, không biết khi nói như vậy anh ta có nghĩ đến chuyện đã học được gì hoặc chưa học được gì nơi tôi hay không. Anh ta không hề tỏ ra rụt rè trước ấu vương cũng như trước thân mẫu của Ngài, như thế muốn nói: hoặc không có gì, hoặc là tất cả, nhưng khi về đến

nhà thì lại sống nhu mì giữa những đám sách vở, và chúng tôi lại chuẩn bị viết một quyển sách về những con kiến châu Mỹ màu hung đỏ.

Cũng giống như những mùa Đông trước và sau đó, chúng tôi hầu như không ra khỏi nhà, cuộc sống trôi qua một cách đơn điệu. Vào những đêm đông giá lạnh, chúng tôi ngồi ở tầng dưới nghe gió bắc thổi qua khe cửa, qua ống máng tràn vào nhà, và trò chuyện đến sáng. Hoja không những không xúc phạm tôi như trước đây, mà còn không làm điều gì khiến tôi có thể mất lòng. Tôi lí giải điều đó bằng việc không ai quan tâm đến anh ta, trong hoàng cung cũng như trong giới thân cận Padishah. Thỉnh thoảng, y như tôi, anh ta chợt phát hiện sự giống nhau giữa hai người, nhìn tôi, anh ta như thấy bản thân mình, và những lúc như vậy tôi đều tự hỏi: chẳng biết anh ta nghĩ ngợi điều gì ? Chúng tôi hoàn thành thêm một công trình lớn về động vật, song anh ta vẫn tiếp tục ngồi bên bàn làm việc, vì Pasha đang ở nơi lưu đày, mà như Hoja nói, anh ta không muốn tiếp xúc với những kẻ xa lạ. Thỉnh thoảng, do rỗi rãi, tôi ngồi giờ những trang viết, xem những con châu chấu màu tím, những con cá biết bay do tôi vẽ và hình dung, không biết Padishah sẽ nghĩ gì khi đọc quyển sách này.

Mãi đến đầu mùa Xuân, Hoja mới được gọi vào cung. Vừa trông thấy anh ta, cậu bé mừng rỡ vô cùng, theo lời của Hoja thì mỗi một lời nói, mỗi một cử chỉ của ấu vương đều cho thấy Ngài nghĩ nhiều về Hoja, nhưng Ngài không gọi anh ta vào cung vì bị bọn dốt nát cản trở. Padishah lập tức kể chuyện về âm mưu của bà nội và nói rằng Hoja đã tiên đoán đúng về hiểm họa đó, đoán đúng cả chuyện Padishah sẽ tai qua nạn khỏi. Trong cái đêm mà Ngài biết chuyện người ta muốn ám sát mình, Ngài không hề sợ hãi, vì nhớ con chó hung dữ đã không hại được con thỏ. Padishah khen ngợi Hoja và truyền lệnh ban cho anh ta một suất điền thổ ở địa điểm thích hợp. Đến cuối Hè thì văn tự về phần đất đó cần phải được hoàn tất để trao cho Hoja.

Hy vọng có được ít thu nhập từ phần đất đai ấy, trong khi chờ văn tự, Hoja ngồi vẽ kế hoạch xây một đài thiên văn nhỏ trên đó. Hoja tính toán kích thước của cái giếng, ước liệu giá thành các thiết bị sẽ lắp đặt, nhưng rồi chẳng bao lâu sau anh ta chán ngấy mọi việc. Có lần, anh ta tìm được ở cửa hàng sách cũ một bản sao chép cầu thả những kết quả quan trắc thiên văn của Takiyuddin. Anh ta bỏ ra hai tháng liền để kiểm tra tính xác thực của những quan sát ấy, rồi bực bội chấm dứt công việc, vì không thể nào phân loại được Takiyuddin đã phạm phải những sai lầm nào do sử dụng thiết bị rẻ tiền không chính xác, những sai lầm nào là do tính lơ đãng của người sao chép kém cỏi. Anh ta còn bực mình vì người chủ cũ của quyển sách đã chép những dòng thơ vào giữa các bảng lượng giác trên cơ sở hệ thống lục thập. Chủ nhân quyển sách đã sử dụng phương pháp *ebjed* (một phương pháp nghiên cứu dòng họ) và các phương pháp khác để tiên đoán một số điều trong tương lai, chẳng hạn như sau khi sinh bốn đứa con gái Hoja sẽ có quý tử, trong thành phố thế nào cũng xảy ra một trận dịch hạch để mà tách bạch những kẻ tội lỗi và người vô tội; ông hàng xóm Bahaeddin Efendi của Hoja sẽ chết... Thoạt đầu, Hoja vui vẻ đọc những điều sấm truyền ấy, nhưng rồi anh ta buồn hẳn đi. Anh ta bắt đầu nói với về quyết đoán lạ thường và dễ sợ rằng cái đầu của chúng ta cũng giống như chiếc rương hoặc chiếc tủ, có thể mở nắp nhìn vào để thấy những ý nghĩ ẩn chứa trong đó.

Hết mùa Hè rồi đến tận mùa đông cũng chẳng thấy người ta ban cho Hoja phần đất mà Padishah đã nói. Tới mùa Xuân năm sau, người ta bảo Hoja rằng đang làm lại địa bạ mới và phải chờ tiếp. Thời kì đó, Hoja được mời vào cung, mặc dù không thường xuyên lắm, và anh ta giải đáp những câu hỏi của Padishah, đại loại như: chiếc gương bị rạn, tia chớp xanh phía đảo Yassi, hoặc chiếc bình vô có rơi xuống bị vỡ, nước quả anh đào ép đựng trong đó chảy ra, nom hết như máu... là điềm báo điều gì. Padishah cũng hỏi han về những con vật trong quyển sách của chúng tôi. Về nhà, Hoja nói

rằng cậu bé đang bước vào tuổi thanh niên, đây là thời kì mà con người dễ chịu ảnh hưởng nhất.

Hướng tới mục đích đó, Hoja bắt tay vào viết quyển sách mới. Anh ta từng nghe tôi kể về sự diệt vong của bộ tộc da đỏ Aztec ở Mexico, tôi cũng đã kể đi kể lại cho Hoja về những hồi kí của Cortés (*Hernán Cortés (khoảng 1485-1547): chiến lược gia quân sự Tây Ban Nha, người đã khởi đầu quá trình xâm lược đế quốc Aztec trên lãnh thổ Mexico ngày nay*), anh ta cũng nhớ câu chuyện về vị hoàng đế nhỏ tuổi bị đống cọc vì tội coi thường khoa học. Tất cả những câu chuyện đó đều nói về bọn vô si, nè lúc người tốt đang mất cảnh giác đã giành phần thắng và khuất phục được họ, nhờ những loại vũ khí tối tân, nhờ ứng dụng các thiết bị khác nhau và nhờ cả những câu chuyện huyền thoại. Một thời kì dài, anh ta làm việc rất lâu sau cánh cửa đóng kín và không cho tôi xem những gì viết được. Tôi đoán anh ta đang chờ tôi tỏ ra quan tâm, nhưng nỗi buồn nhớ cố quốc tràn ngập trong lòng lúc đó khiến tôi cảm thấy mình vô cùng bất hạnh và căm ghét anh ta. Tôi cố dẹp sự tò mò của mình để có được vẻ thờ ơ trước kết quả công việc bèn bỉ mà anh ta cố đạt tới bằng cách đọc những quyển sách sòn cũ mua rẻ được và nghe những câu chuyện của tôi. Tôi hài lòng để ý thấy ngày này qua ngày khác anh ta mất dần sự tin tưởng vào những gì do chính tay mình viết.

Anh ta leo lên căn phòng nhỏ ở trên gác dùng làm thư phòng, ngồi suy nghĩ sau chiếc bàn được đóng theo bản vẽ của tôi, nhưng không viết được gì. Tôi biết anh ta không đủ can đảm để viết khi chưa bàn luận trước với tôi. Không chỉ những ý nghĩ của tôi mà anh ta làm ra vẻ coi thường đã làm anh ta mất tự tin, anh ta còn muốn biết ý kiến của những người tương tự như tôi, những người đã dạy dỗ và bỏ kiến thức vào đầu tôi. Không biết trong những trường hợp như vậy thì họ suy nghĩ như thế nào ? Đó chính là điều mà anh ta tha thiết muốn hỏi tôi nhất, nhưng lại lưỡng lự không dám hỏi. Tôi đã chờ đợi biết bao cái giây phút mà anh ta dẹp được lòng kiêu hãnh của mình và mạnh dạn hỏi tôi câu đó ! Nhưng anh ta đã không hỏi.

Tôi không biết Hoja đã kết thúc quyển sách hay chưa, nhưng một thời gian sau, anh ta xếp xó công việc viết lách và trở lại với điệp khúc về những kẻ ngu dốt. Cần phải nghiên cứu khoa học, vậy mà không thể hiểu được, tại sao chúng nó ngu si như vậy ! Tôi nghĩ rằng, anh ta lặp lại tất cả những điều đó do thất vọng, do không nhận được những dấu hiệu thiện cảm mong đợi từ phía triều đình. Thời gian trôi đi một cách vô vọng, Padishah ngày càng trưởng thành, mà điều đó đâu có mang lại lợi lộc gì.

Nhưng rồi vào mùa Hè mà Pasha Koprulu Mehmet trở thành tể tướng, rốt cuộc Hoja cũng nhận được phần đất mà Padishah ban cho, hơn nữa, anh ta còn được quyền tự chọn lấy lãnh địa của mình. Hoja được hưởng lợi tức từ hai chiếc cối xay ở gần Gebze và hai ngôi làng cách đó chừng một giờ đi xe ngựa. Chúng tôi đến Gebze vào mùa thu hoạch, thuê đúng ngôi nhà hồi trước, tình cờ vẫn còn bỏ không. Hoja đã quên những ngày tháng chúng tôi từng sống ở đây, khi anh ta còn nhìn chiếc bàn tôi mang từ chỗ ông thợ mộc về nhà với vẻ thù địch. Dường như cùng với ngôi nhà, những hồi tưởng cũng trở nên già nua và méo mó đi, mà Hoja thì lại quá thiếu kiên nhẫn để lấy những hồi tưởng về quá khứ làm chỗ dựa. Anh ta đã mấy lần đến các ngôi làng của mình để tìm hiểu về lợi tức những năm trước đây, dưới ảnh hưởng của Pasha Tarhunju Ahmet, người mà anh ta đã nghe những câu chuyện đồn đại gièm pha từ những người bạn ở tháp đồng hồ. Hoja còn tuyên bố đã tìm được một phương pháp đơn giản và dễ hiểu để theo dõi hoa lợi.

Đối với Hoja, những tìm tòi đó vẫn còn chưa đủ, chính anh ta cũng chẳng tin gì lợi ích và tính độc đáo của những khảo sát đó. Đêm đêm, khi thả bộ thư giãn trong khu vườn đằng sau ngôi nhà, anh ta ngược mặt lên trời và ngọn lửa say mê thiên văn lại bùng cháy lên. Tôi khuyến khích Hoja, hy vọng rằng anh ta sẽ tiến bộ trong các nghiên cứu, nhưng anh ta không hề quan sát hoặc hoàn thiện kiến thức của mình, mà lại tìm những đũa sáng dạ nhất trong đám thiếu niên quen biết ở Gebze và trong làng, rủ chúng đến nhà

mình, bảo rằng sẽ bắt chúng học hành một cách thực sự. Anh ta sai tôi về Istanbul lấy các thiết bị, tra dầu, sửa chữa những quả chuông nhỏ, đem lắp đặt ngoài vườn, và rồi không biết anh ta lấy đâu ra sự kiên quyết và niềm hy vọng để lập lại một cách chính xác các thí nghiệm về học thuyết vũ trụ, mà trước đây anh ta đã biểu diễn cho Pasha, sau đó là cho Padishah xem. Nhưng rồi nhiệt tình đối với thiên văn của anh ta nguội dần, khi thấy các thánh giả tản mát đi về mà chẳng đưa ra một câu hỏi nào, rồi sáng hôm sau, khi ngủ dậy, chúng tôi thấy một quả tim cừu còn ấm máu đặt ngay trước cửa.

Anh ta không lấy làm buồn vì những thất bại của mình: rõ ràng là những thiếu niên vùng này đâu có hiểu được sự chuyển động của Trái Đất và các vì sao, mà hiện giờ chúng thậm chí cũng chưa cần hiểu những cái đó, chỉ có những ai đã đến tuổi vị thành niên thì mới cần hiểu biết. Chúng tôi thu xếp công việc của mình, cử một người có vẻ thông minh nhất trong đám thanh niên sáng dạ ấy làm quản lý, rồi nhanh chóng trở về Istanbul.

Ba năm tiếp theo là thời kì nặng nề nhất của chúng tôi. Mỗi một ngày, mỗi một tháng, mỗi một mùa lại là sự lặp đi lặp lại buồn tẻ và chán ngán của ngày hôm trước, tháng trước, mùa trước. Chúng tôi cay đắng và thất vọng theo dõi sự lặp lại đơn điệu ấy và dường như chờ đợi một thất bại nào đó. Tháng hoặc, Hoja vẫn được gọi vào cung như trước, người ta nhờ anh ta giải đáp một vài hiện tượng chẳng nghĩa lí gì, thứ năm nào anh ta cũng gặp gỡ và bàn luận với những người bạn bác học, vẫn gặp các học trò của mình và đánh đập chúng, mặc dù không thường xuyên lắm. Những người rồi hơi vẫn đến giục Hoja lấy vợ, anh ta phản kháng lại chẳng kiên quyết lắm. Khi đến với phụ nữ, Hoja buộc phải nghe bản nhạc mà anh ta không còn yêu thích nữa; anh ta lại nói về bọn ngu dốt, với lòng căm phẫn đến mức ngạt thở; lại đóng chặt cửa giam mình trong phòng, ngồi trên giường giận dữ lần giờ những quyển sách đã thành chán ngấy, sau đó lại ngửa mặt nhìn lên trần hàng giờ, như thể chờ đợi một điều gì đó.

Những thành công của Pasha - tể tướng Koprulu Mehmet, mà Hoja nghe được ở tháp đồng hồ, qua lời của những người bạn, càng làm anh ta có cảm giác bất hạnh hơn nữa. Thuật lại cho tôi nghe về chiến thắng của hạm đội đối với quân Venice, về việc đoạt lại các hòn đảo Tenedos và Limnos hoặc việc trấn áp vụ nổi loạn của Pasha Abaza Hasan, anh ta nói thêm rằng đó chỉ là những chiến thắng cuối cùng và tạm thời, những thắng lợi đó cũng tương tự như con giầy giữa lần chót của một người thọt chân đại đột và vụng về đang sắp chìm ngấm trong đầm lầy; dường như Hoja chờ đợi một tai họa xảy ra, có thể thay đổi những ngày lê thê đơn điệu buồn tẻ của chúng tôi. Thêm nữa, anh ta không có đủ kiên nhẫn và niềm tin để nghiên cứu khoa học được lâu dài: anh ta không thể nghiên cứu về ý tưởng mới mẻ lâu hơn một tuần, chỉ ít lâu sau anh ta đã nhắc tới bọn ngu độn và quên hết mọi chuyện. Có đáng phải mệt mỏi vì những ý nghĩ về bọn chúng như vậy không ? Việc gì phải tức tối về chúng đến mức như thế ? Có thể, nguyên do là ở chỗ, chỉ gần đây thôi anh ta mới học được cách tách rời khỏi những người đó, hoặc do anh ta không thể tập trung tất cả ý chí và nỗ lực để nghiên cứu khoa học một cách kiên trì.

Chắc là con phấn khích đầu tiên được sinh ra từ nỗi buồn chán tinh thần. Do Hoja không thể chú ý sâu vào một chủ đề, giống như những đứa trẻ ngốc nghếch và ích kỉ không biết cách tự lo lắng cho mình, anh ta lang thang trong nhà, từ phòng này qua phòng khác, lên tầng xuống gác, nhìn qua cửa sổ một cách vô nghĩa. Tôi biết, khi anh ta rẽ vào chỗ tôi giữa những lần đi đi lại lại bất an trong ngôi nhà gỗ cốt kêt, anh ta chờ đợi tôi đưa ra một sự giải tỏa nào đó có thể an ủi anh ta, hoặc một ý nghĩ, thậm chí, một từ ngữ gieo hy vọng nào đó. Nhưng tôi không nói những câu mà anh ta mong đợi, vì Hoja đứng dưng trước nỗi căm ghét của tôi đối với anh ta. Tôi không nói những lời anh ta chờ mong, ngay cả khi anh ta vượt qua lòng kiêu hãnh của mình để nói mấy câu ngắn gọn, cốt để được nghe tôi đáp lại. Mỗi khi tôi được nghe một tin tức nào đó từ phía triều đình,

có thể lí giải một cách tốt đẹp, hoặc nghe anh ta nói lên một ý tưởng mới mẻ nào đó mà anh ta có thể thực hiện, thì tôi hoặc là bỏ qua ngoài tai, hoặc dập tắt hứng khởi của anh ta bằng cách chỉ ra điểm yếu của ý tưởng đó. Tôi thích thú theo dõi anh ta khổ sở dằn vặt giữa trống trải và vô vọng.

Có thể do một mình cô độc với bản thân mình quá lâu, hoặc do đầu óc đang trí không thể tập trung được, Hoja đã mất kiên nhẫn, nhưng sau đó anh ta lại tìm được giữa cái mông lung ấy một ý nghĩa khiến anh ta say mê. Lần này, tôi đáp lại Hoja, vì tôi muốn truyền cho anh ta sự mạnh dạn: những gì anh ta chợt nghĩ ra khiến tôi cũng quan tâm, tôi hy vọng rằng bây giờ anh ta sẽ để ý đến mình. Một hôm, khi trời gần tối, Hoja vào phòng tôi và hỏi, như thể đang nói về một chuyện thường nhật nào đó: "Tại sao ta lại là ta ?" Tôi đã trả lời câu hỏi đó, với lòng mong muốn tạo thêm dũng khí cho anh ta.

Sau khi nói với Hoja rằng tôi không biết tại sao ta lại là ta, tôi bổ sung thêm, ở nước tôi câu hỏi này cũng rất hay được đặt ra. Nói điều này, tôi không thể đưa ra một chứng cứ, hoặc một ví dụ nào, đơn giản là tôi chỉ muốn trả lời như anh ta mong đợi, có thể là do tôi cảm nhận một cách vô thức là anh ta thích trò chơi này. Anh ta ngạc nhiên, nhìn tôi và đợi tôi nói tiếp. Thấy tôi im lặng, anh ta không nhận được và bảo tôi nhắc lại: hóa ra, có người đã đặt ra câu hỏi này rồi ư ? Thấy tôi nhìn với nụ cười đồng tình, anh ta nổi cáu. Anh ta đưa ra câu hỏi ấy không phải vì người ta đã từng hỏi như thế, anh ta tự mình đặt ra câu hỏi đó và chẳng quan tâm gì đến ai khác cả. "Trong tai ta lúc nào cũng văng vẳng một giọng nói, như thể đang hát", một lúc sau anh ta nói vậy với một vẻ mặt lạ lùng. Ca nhân hát trong tai gọi cho anh ta nhớ về vị thân sinh quá cố, ông cụ trước khi chết cũng nghe như có người hát trong tai, nhưng đó là những bài hát khác. Còn cá nhân của Hoja thì cứ nhắc đi nhắc lại mãi một giai điệu, rồi cố gạt vẻ ngượng nghịu, anh ta hát lên: "Ta - đó là ta, ta - đó là ta, la la la !"

Tôi suýt phì cười, nhưng kìm lại được. Nếu như đây là một chuyện đùa, anh ta chắc là cũng sẽ cười, nhưng anh ta không cười gì cả, đầu biết là nom mình rất buồn cười. Tôi cần phải làm ra vẻ hiểu được cả cái điều nhảm nhí và ý nghĩa của điều anh ta vừa thốt lên, vì lần này tôi muốn anh ta tiếp tục. Tôi bảo rằng tiếng nói trong tai anh ta cần được tiếp nhận một cách nghiêm chỉnh, người hát không phải là ai khác mà chính là anh ta. Hoja nghe thấy trong giọng tôi có ý bông đùa, nên nổi giận. Cái đó thì không có tôi anh ta cũng biết rồi, điều anh ta muốn biết là tại sao giọng nói ấy cứ nhắc đi nhắc lại đúng câu đó mà không phải là câu khác !

Tôi không đáp, chỉ nghĩ bụng: không chỉ qua bản thân, mà còn qua những người anh em của mình, tôi biết rằng, tinh thần bất mãn ở những đứa trẻ ích kỉ có thể mang lại những kết quả tốt đẹp, nhưng cũng có thể kết thúc một cách vô bổ. Tôi bèn nói: không nên nghĩ về chuyện điều gì gọi nên câu nói ấy, mà chỉ nên nghĩ về ý nghĩa của chúng. Tôi thoáng nghĩ, hay là Hoja đã trở nên mất trí vì vô công rồi nghề, mặc dầu khi theo dõi anh ta, tôi thoát được nỗi buồn vô vọng và nhát sợ. Biết đâu, lần này anh ta sẽ khiến tôi kinh ngạc. Nếu như anh ta làm như vậy thì quả thực sẽ có điều gì đó xảy ra trong cuộc đời chúng tôi: "Theo mi, ta phải làm gì bây giờ?" - anh ta rầu rĩ hỏi. Tôi nói: cần phải suy nghĩ tại sao ta lại là ta, nhưng không thể khuyên giải, vì trong việc này tôi chẳng giúp được gì, mà anh ta phải tự mình giải quyết. "Vậy thì ta phải làm gì đây ? Ngắm mình trong gương chẳng ?" - anh ta hỏi một cách nhạo báng, nhưng đã có vẻ trấn tĩnh. Tôi im lặng để cho anh ta có cơ hội suy nghĩ. Anh ta nhắc lại: "Nhìn vào gương à ?" Đến lúc đó tôi nổi giận, cho rằng Hoja không thể tự mình đạt tới một điều gì đó. Tôi muốn anh ta nhận thức được điều ấy, muốn nói thẳng vào mặt rằng thiếu tôi thì anh ta chẳng nghĩ ra được điều gì, nhưng không dám nói như vậy, chỉ uể oải khuyên anh ta cứ nhìn vào gương. Không, tôi không đủ dũng khí, mà cũng chẳng đủ sức mạnh. Anh ta nổi cáu, sập cửa đi ra, hét tướng lên rằng tôi là một kẻ ngu dốt.

Ba ngày sau, khi gọi chuyện về chủ đề đó, tôi nhận thấy anh ta muốn nói về "những người kia", mà tôi cũng muốn tiếp tục trò chơi này, bởi vì, dù sao chẳng nữa, thậm chí chỉ mỗi câu chuyện này thôi cũng đã làm nảy sinh một hy vọng nào đó. Tôi khuyên anh ta nên soi gương lâu hơn, so với tục lệ ở đây. Ở bên ấy, không chỉ trong cung điện của vua chúa, trong tư dinh của các công nương và những bậc quyền quý, mà ngay cả nhà cửa của dân thường cũng treo nhiều tấm gương khung đẹp, và người ta làm như vậy vì họ nghĩ về bản thân mình. "Nghĩ bằng cái gì ?" - Hoja hỏi với mối quan tâm và sự ngây thơ khiến tôi kinh ngạc. Tôi cho rằng anh ta tin những điều tôi kể, nhưng Hoja cười: "Thế ra, từ sáng đến chiều người ta cứ soi gương à ?" Lần đầu tiên anh ta nhạo báng những gì mà tôi để lại ở đất nước của mình. Tức giận, tôi cố tìm một từ ngữ xúc phạm, nhưng không tìm được, liền buột mồm nói rằng con người ta cần phải tự suy nghĩ anh ta là ai, nhưng Hoja không đủ nghị lực để làm việc đó. Thấy vẻ đau khổ trên mặt anh ta, điều tôi mong muốn, tôi thấy thật hả dạ.

Nhưng tôi phải trả giá đắt cho sự vui mừng của mình. Không phải vì anh ta dọa sẽ đầu độc hoặc giết tôi, mà bởi vì mấy hôm sau anh ta yêu cầu tôi phải biểu lộ cái dũng khí mà anh ta đang thiếu. Thoạt đầu tôi định biến tất cả thành trò cười, bảo rằng soi gương để nghĩ về bản thân là chuyện đùa, tôi nói điều đó với sự tức giận chẳng qua để chọc tức anh ta, nhưng Hoja có vẻ không tin: anh ta dọa rằng nếu tôi không tỏ ra can đảm thì sẽ bốt khẩu phần và nhốt tôi trong phòng. Tôi vẫn phải suy nghĩ và viết ra giấy tôi là ai, để anh ta biết cách làm việc đó và xem tôi can đảm đến mức nào.

Thoạt tiên, tôi viết vài trang về những ngày tháng tuyệt vời, khi tôi sống cùng anh em ruột, mẹ và bà ngoại tại trang ấp của chúng tôi ở Empoli. Tôi cũng không hiểu tại sao mình lại chọn đúng đề tài đó để biện giải vì sao ta lại là ta; có thể là do tôi buồn nhớ những ngày tốt đẹp trong quá khứ, hơn nữa, sau khi nói những lời bực bội không cần thiết khiến Hoja nổi giận, tôi buộc phải viết và nghĩ về những gì để người đọc có thể tin được là người ta đã viết như vậy sau khi soi gương rất lâu, về những chi tiết mà nhất định người đọc phải chú ý. Thoạt đầu, Hoja không thích những gì tôi viết, vì ai mà chẳng có thể viết được như vậy, anh ta không tin đó là những gì người ta cần viết sau khi ngắm mình trong gương rất lâu và suy ngẫm, vì đó chưa phải là thứ can đảm mà tôi phát hiện Hoja đang thiếu. Đọc đoạn viết về cảnh tôi cùng mấy người anh và bố đi săn, cảnh tôi gặp con gấu ở núi Alps, nó và tôi đã nhìn vào mắt nhau lâu như thế nào về cảm tưởng của chúng tôi khi chúng kiến bày ngựa nhà tôi xéo chết người giám mã yêu quý, anh ta nhắc lại: ai mà chẳng viết được như vậy.

Tôi đáp là ở bên đó ai cũng sống như thế, tôi cũng như mọi người khác, tôi không có khả năng làm được gì hơn nữa. Nhưng anh ta không nghe, còn tôi thì sợ bị nhốt trong phòng nên lại tiếp tục viết về những hồi tưởng của mình. Bằng cách đó, trong vòng hai tháng liền, tôi khôi phục lại những chi tiết nhỏ nhặt dễ chịu trong quá khứ, sống lại những giây phút tốt đẹp hoặc xấu xa của đời mình, từ nhỏ cho đến tận lúc bị bắt làm tù binh - rốt cuộc tôi phát hiện ra mình rất vui lòng khi nhớ lại tất cả những cái đó. Hoja không cần phải bắt ép tôi nữa, mỗi khi anh ta nói muốn biết điều khác, tôi lại chuyển sang những hồi tưởng mới, lại viết câu chuyện khác về cuộc đời đã trải của mình.

Một thời gian rất lâu sau đó, tôi nhận thấy Hoja thích thú đọc những bản ghi chép của tôi nên bắt đầu chò dịp thuận tiện để lôi cuốn anh ta vào cuộc. Nhằm chuẩn bị tinh thần trước cho anh ta, tôi viết về những dẫn vật trẻ thơ của mình, về nỗi sợ đêm tối triền miên, về tình cảm yêu quý đối với một người bạn thời thơ ấu, người có thói quen cùng tôi đồng thời nghĩ về một chuyện gì đó, về chuyện cậu ta bị chết, mà tôi tưởng rằng mình cũng đã chết và sợ bị chôn cùng - tôi biết là Hoja sẽ rất thích khi đọc những chuyện như vậy. Một thời gian sau, tôi đánh bạo kể cho anh ta nghe về giấc mơ của mình: dường như trong bóng tối, thân xác rời khỏi tôi và thỏa thuận với ai đó giống hệt tôi mà tôi không nhìn rõ mặt, và chúng cùng nhau chống lại tôi. Hoja bảo trong những ngày ấy anh ta nghe thấy giọng nói trong tai thường xuyên hơn. Đúng như tôi dự đoán, câu chuyện về những giấc mơ đã gây ấn tượng đối với Hoja. Tôi liền van nài anh ta thử viết những gì tương tự như các hồi ức của tôi. Khi đó, sự chò đợi vô tận của Hoja sẽ chấm dứt, và anh ta sẽ xác định được ranh giới thực sự ngăn cách mình với bọn ngu dốt. Thỉnh thoảng, Hoja cũng được vùi vào cung, nhưng chẳng xảy ra điều gì đáng để hy vọng. Anh ta do dự, nhưng tôi cố nài, Hoja rụt rè và hồi hộp nói là sẽ thử viết. Sợ tỏ ra lỗ bịch, anh ta thậm chí còn nói đùa: nếu như cả hai cùng viết, hay là chúng tôi sẽ đồng thời soi gương với nhau ?

Nghe Hoja nói sẽ cùng viết, tôi không nghĩ anh ta muốn ngồi cùng bàn với tôi. Khi anh ta bắt tay vào viết, tôi nghĩ anh ta sẽ trở lại tâm trạng hội hè phấn khởi và tự do của một tên nô lệ lười nhác, nhưng tôi đã lầm. Anh ta nói chúng tôi cần ngồi đối diện nhau và làm việc, chỉ có vậy thì những bộ óc biếng nhác của chúng tôi mới tập trung ở những đề tài hiểm hóc, chỉ có vậy thì chúng tôi mới hỗ trợ được cho nhau trong những nguyện vọng sáng tạo. Nhưng tôi hiểu rằng, đó chẳng qua chỉ là cái cớ - anh ta sợ đối diện với sự cô độc của mình. Tôi biết, khi Hoja ngồi lăm bằm trước tờ giấy trắng cốt để tôi nghe thấy, anh ta chò tôi bày tỏ thái độ đồng tình trước những gì anh ta sắp viết. Được mấy dòng, anh ta đưa cho tôi xem, chẳng

ngượng ngùng gì, với vẻ tự nhiên con nít, như thể muốn hỏi: có cần viết như thế này về bản thân mình hay không ? Dĩ nhiên là tôi đáp lại theo cách khích lệ.

Bằng cách đó, sau hai tháng, tôi đã biết về cuộc đời Hoja nhiều hơn cả những gì biết được trong suốt mười một năm qua. Có một thời gian gia đình anh ta sống ở Edirne (*thành phố phía Tây bắc Thổ Nhĩ Kỳ*), nơi mà sau này chúng tôi sẽ đến cùng Padishah. Thân phụ anh ta mất sớm, Hoja không nhớ mặt ông. Mẹ anh ta là một người hay lam hay làm, sau đó đã tái giá. Bà được hai người con, một trai một gái với ông chồng thứ nhất. Xuất giá lần thứ hai, bà sinh thêm bốn đứa con trai. Ông chồng sau có nghề làm chăn. Dĩ nhiên, Hoja là đứa thích đọc sách hơn cả. Tôi cũng biết được Hoja là đứa sáng dạ nhất, nhanh nhẹn nhất và khỏe mạnh nhất trong số mấy anh em trai, và cũng là người công bằng nhất. Hoja hỏi tường về mấy người em trai với lòng căm ghét, nhưng không biết có nên viết về tất cả những điều đó hay không. Tôi khuyến khích anh ta, vì nghĩ có thể tới đây tôi cũng sẽ làm như vậy với chuyện đời mình. Trong ngôn ngữ và bút pháp của anh ta có một cái gì đó mà tôi cảm thấy thích thú và muốn thử áp dụng. Con người ta phải yêu quá khứ của mình, để sau này, qua nhiều năm tháng, người ta phải hài lòng về những gì đã ở phía sau lưng. Bản thân tôi chẳng hạn, tôi thấy yêu quá khứ của mình. Hoja cho rằng tất cả những người em trai của anh ta đều dốt nát, họ chỉ tiếp xúc với anh khi cần tiền, bởi Hoja hiến mình cho việc học tập. Anh ta được tiếp nhận vào trường medresè (*trường trung học Hồi giáo, thường được tổ chức trong các giáo đường*), nhưng khi tốt nghiệp trường này thì bị vu oan. Hoja không trở lại vấn đề này nữa, cũng không đã động gì đến phụ nữ. Thoạt đầu, anh ta viết là sửa soạn lấy vợ, nhưng sau đó giận dữ xé tan những gì vừa viết. Đêm ấy trời mưa rất to. Đó là đêm đầu tiên trong vô số những đêm khủng khiếp tiếp theo. Anh ta nói rằng tất cả những gì từng viết trước đây chỉ là bịa đặt và quyết định viết lại từ đầu. Anh ta yêu cầu tôi ngồi đối diện và cũng bắt tay vào viết - tôi đã phải trải qua hai đêm thức trắng. Hoja

thậm chí chẳng thèm ngó ngang đến bản thảo của tôi, tôi liếc thấy anh ta ngồi đối diện và lại viết một cách dễ dàng về những cái đó.

Mấy hôm sau, trên tờ giấy đắt tiền mà anh ta đưa về từ phương Đông, Hoja viết một câu "Tại sao ta là ta", nhưng dưới tiêu đề đó, anh ta chỉ viết về những chuyện thấp hèn và dốt nát của người khác. Tôi được biết sau khi mẹ chết, anh ta bị đối xử bất công, anh ta đến được Istanbul bằng phần tiền được chia, tìm được chỗ trọ trong một tu viện, nhưng về sau phải ra đi, vì những người ở đó khốn nạn, giả dối. Tôi muốn anh ta viết tỉ mỉ hơn về tu viện này, tôi nghĩ rằng sự ra đi của anh ta là một điều may mắn thực sự: anh ta đã tách mình ra khỏi những người khác. Khi tôi nói điều đó, Hoja phát cáu và đáp là tôi chỉ quan tâm đến những chi tiết bản thủ, đặng một lúc nào đó sử dụng để chống lại anh ta. Tôi đã biết quá nhiều về anh ta, mà bây giờ còn muốn biết cặn kẽ nữa - anh ta sử dụng một từ tục tĩu - và điều này khiến Hoja không thể không sinh lòng ngờ vực. Sau đó, anh ta mô tả kĩ lưỡng về chị gái Semra, chị ấy xinh đẹp và tốt bụng vô cùng, mà lão chồng thì cũng tệ hại vô cùng, anh ta viết rằng bao nhiêu năm rồi không gặp chị và rất buồn vì chuyện đó, nhưng khi tôi quan tâm hỏi han về người chị này thì anh ta lại nghi ngờ tôi và chuyển sang chuyện khác: về chuyện anh ta đã dùng những đồng tiền cuối cùng để mua sách và một thời gian dài chỉ làm mỗi việc đọc sách, sau đó xin được một chân thư lại. Anh ta kể về chuyện con người có thể vô sỉ đến mức nào, và sự nhớ đến Pasha Sadik, chúng tôi mới biết tin ông ta chết ở Erzinjan cách đây không lâu. Chính Pasha là người đã chú ý đến lòng say mê khoa học của Hoja, chính Pasha đã thu xếp cho anh ta vào dạy ở trường tiểu học, nhưng mặc dù thế, Pasha vẫn là một trong những kẻ ngu dốt. Ngồi hàng tháng trời mới viết được bản hồi kí, một đêm nào đó Hoja cảm thấy thất vọng và lại xé vứt đi. Vì vậy, vừa khôi phục trong trí nhớ những bài viết của anh ta và quá khứ của mình, tôi ghi lại rất tỉ mỉ mà chẳng hề lo sợ. Những trang cuối cùng, Hoja ghi chép dưới tiêu đề "Những kẻ ngu dốt mà tôi biết rõ"; anh ta lập ra một bảng phân loại những kẻ ngu dốt nhưng rồi

không cảm thấy hài lòng: tất cả những cố gắng của anh ta chẳng dẫn đến một kết quả nào, và rốt cuộc vẫn chưa hiểu được: tại sao ta lại là ta. Tôi, như bạn từng thấy, đã đánh lừa anh ta, tôi đã bắt anh ta suy nghĩ về những điều mà chính bản thân anh ta không hề muốn nghĩ. Anh ta sẽ trừng trị tôi cho biết tay.

Tôi không biết tại sao anh ta nhắc đi nhắc lại từ "trừng phạt", gọi nhớ về những ngày đầu tiên mà chúng tôi sống cùng nhau. Thỉnh thoảng tôi nghĩ rằng sở dĩ anh ta can đảm lên là do tôi tỏ ra nhát sợ. Lần đầu tiên, khi anh ta nhắc đến trừng phạt tôi quyết định phản kháng. Quá mệt mỏi vì nhớ những hồi ức của mình, Hoja đi lại loanh quanh trong nhà. Sau đó, anh ta rẽ vào chỗ tôi và nói rằng chúng tôi cần phải ghi chép ý nghĩ chính yếu và quan trọng nhất: con người nhìn nhận bản thân mình như thế nào khi soi gương, anh ta có thấu đạt bản thể của mình khi dõi theo dòng tư duy của mình hay không.

Ý tưởng lỗi lạc nhắc nhở về sự tương đồng giữa chúng tôi khiến cho tôi cũng thấy hồi hộp. Chúng tôi lập tức ngồi ngay vào bàn. Lần này tôi nửa đùa nửa thật viết lên tờ giấy: "Tại sao ta là ta". Nhớ đến đặc điểm rụt rè trước đây của mình, tôi liền viết về những gì liên quan đến điều đó hồi tôi còn nhỏ. Khi tôi đọc những dòng Hoja viết về những thói xấu của người khác, một ý nghĩ có vẻ quan trọng lóe lên trong đầu tôi: Hoja cần phải viết về những phẩm chất xấu xa của chính bản thân mình. Lúc đó Hoja đang đọc bài viết của tôi và nói anh ta không phải là kẻ hèn nhát. Tôi đáp, vâng, anh không phải là hèn nhát, nhưng mỗi một con người đều có thể có những thói hư tật xấu, nếu anh ta kiểm điểm về điều đó thì sẽ hiểu được mình. Tôi cũng sẽ làm đúng như thế, nếu như anh ta muốn được như tôi. Khi tôi nói ra điều phỏng đoán ấy, anh ta nổi giận, nhưng cố kiềm chế và nói một cách bình tĩnh: tất nhiên, không phải ai cũng cư xử tồi tệ với người khác, bởi vì đa số đều có khiếm khuyết và những phẩm chất tiêu cực, nhưng sẽ sai lầm nếu cứ đào sâu mổ xẻ những điều đó. Tôi phản đối và nói là anh ta có những thói xấu,

thậm chí rất xấu, và anh ta cần phải viết ra. Rồi tôi trơ tráo nói thêm: Hoja, anh còn thua kém cả tôi đấy."

Những ngày ác nghiệt khủng khiếp đã bắt đầu như thế. Trói tôi vào chiếc ghế đặt cạnh bàn, Hoja ngồi xuống đối diện và bắt tôi phải viết những điều anh ta mong muốn, dù chính anh ta cũng chẳng biết mình muốn điều gì. Ngoài sự giống nhau giữa hai chúng tôi, anh ta chẳng nghĩ ra được điều gì khác: như người soi gương, anh ta muốn biết phương pháp theo dõi tiến trình các ý nghĩ của mình. Tôi biết cách làm như thế nhưng cứ giấu giếm anh ta. Trong khi Hoja ngồi trước mặt đợi tôi viết những bí mật của mình, tôi viết đầy trang giấy những câu chuyện phóng đại về những thói hư tật xấu của bản thân, tôi sung sướng ghi lại các trường hợp ăn cắp vặt hồi bé và những lần dối trá vì ghen tỵ, những trò khôn vặt để tôi được yêu quý hơn các anh trai, những tội lỗi xác thịt hồi thanh niên. Hoja thích thú đọc những trang viết đó với sự hài lòng và sợ hãi lạ lùng khiến tôi kinh ngạc, rồi anh ta cúi kính, bắt tôi phải khổ sở hơn nữa. Có thể, anh ta nổi loạn vì khi đó không trấn áp nổi cái ác ẩn chứa trong bản thân mình. Rồi sau đó anh ta bắt đầu đánh đập tôi. Mỗi khi đọc về một tội lỗi khác của tôi, anh ta lại nói: "Ái chà, mi đúng là đồ vô sỉ", và nửa đùa nửa thật đâm vào lưng tôi. Một lần không tìm được, anh ta cho tôi một bạt tai. Càng ngày Hoja càng ít được vùi vào cung; có lẽ vì tức giận nên anh ta đánh tôi, hoặc vì không kiếm được việc gì khác để làm, ngoài việc quanh quẩn với tôi trong nhà. Qua việc anh ta đọc về những thói hư tật xấu của tôi là trừng phạt cứng rắn hơn, tôi cảm thấy một sự tự tin lạ lùng: lần đầu tiên tôi cảm thấy mình đã nắm chắc anh ta trong tay.

Một hôm, sau khi Hoja lại đánh đập tôi lần nữa, tôi nhận thấy anh ta thương xót tôi. Đó là một tình cảm tồi tệ, xen lẫn ghê sợ mà người ta cảm thấy với một người mà anh ta cho là không ngang hàng với mình. Tôi đoán như vậy, vì bây giờ anh ta không còn nhìn tôi một cách ghét bỏ. Anh ta bảo: "Thôi chúng ta sẽ không viết gì nữa", rồi đứng chính lại - "Ta không muốn mi viết", vì đã mấy tuần

rồi tôi viết về những thiếu sót của mình, còn anh ta thì chỉ ngồi theo dõi. Dần dần, chìm đắm vào một nỗi buồn còn sâu sắc hơn nữa, anh ta nói là đã đến lúc phải đi đâu đó, Gebze chẳng hạn. Anh ta lại chuẩn bị nghiên cứu thiên văn và bổ cứu công trình của mình về loài kiến. Thấy anh ta mất hết chút tôn sùng cuối cùng đối với mình, tôi hoảng sợ, và để bảo tồn sự hấp dẫn của mình, tôi đã bịa ra một câu chuyện hạ thấp nhân cách rất nhiều. Chăm chú đọc câu chuyện thú vị đó, thậm chí Hoja đã không nổi giận. Đúng như tôi dự đoán, điều duy nhất khiến anh ta quan tâm là do đâu tôi trở thành một người tồi tệ như vậy. Có lẽ, trong thời điểm đó, anh ta sẵn sàng cởi mở đến cùng. Dĩ nhiên, anh ta cũng hiểu rằng, ở đây có chút gì đó của một trò chơi. Hôm ấy, tôi đã nói với anh ta như một thằng hề cung điện, biết rõ chẳng ai coi mình là một con người. Tôi cố gắng khêu gợi sự tò mò đang tăng lên trong lòng Hoja: anh ta có mất gì đâu, để mà hiểu được vì sao tôi lại trở thành xấu xa như thế, vậy thì, lần cuối cùng, trước khi đi Gebze, anh ta hãy viết về những thiếu sót của mình ! Hơn nữa, chẳng cần thiết phải viết hoàn toàn sự thật và để ai đó tin là sự thật. Nếu như anh ta làm được điều đó thì sẽ biết được do đâu mà có những người như tôi, mất có một ngày để được những kiến thức như thế thì cũng đáng giá ! Cố ghìm sự tò mò và không thể cưỡng lại những lời thuyết phục của tôi, anh ta bảo ngày mai sẽ thử xem. Và tất nhiên, Hoja nói thêm: anh ta làm điều đó không phải là bị lôi kéo vào trò chơi ngu ngốc của tôi, mà bởi chính anh ta muốn như thế.

Ngày hôm sau là ngày sung sướng hạnh phúc nhất trong quãng đời nô lệ của tôi. Hoja không trói tôi vào ghế nữa, trong suốt ngày đó tôi ngồi bên bàn và hài lòng theo dõi thấy một con người khác hẳn đã xuất hiện như thế nào. Anh ta say mê làm việc, thậm chí còn không viết cái câu buồn cười "Tại sao ta là ta" của mình nữa. Anh ta có vẻ mặt một đứa trẻ đang đùa chơi và hò hét vui vẻ: tôi nhận thấy Hoja vẫn còn chìm đắm trong thế giới của mình. Nhưng cảm giác đó của tôi, cũng như vẻ mặt cố tỏ ra hối lỗi giả dối của anh

ta, đã không kéo dài được lâu. Một thời gian sau, trò chơi của anh ta chấm dứt, ý nghĩ phô ra mình là người có lỗi, cho dù là chẳng mấy chân thành, khiến cho Hoja hoảng sợ. Không cho tôi xem, anh ta xóa vội những gì đã viết. Mặc dù, giá như ngay sau khi viết những gì lóe lên trong đầu, Hoja lập tức đứng dậy khỏi bàn, biết đâu đó sẽ là điều cứu rỗi, và anh ta chẳng đánh mất sự yên ổn của mình.

Sau đó, Hoja làm việc rất chậm. Anh ta viết một điều gì đó, không cho tôi xem mà hủy đi, mỗi lúc lại càng mất tự tin hơn. Anh ta định cho tôi xem cái gọi là thừa nhận những bản chất xấu xa của mình, nhưng đến tận chiều tôi chẳng được đọc một câu nào mong đợi: anh ta xé tan và ném hết những gì đã viết. Cuối cùng, Hoja không còn sức lực để chịu đựng nữa, anh ta mắng chửi xúc phạm tôi, gào thét rằng đây là trò chơi bẩn thỉu của quân dị giáo. Nhưng anh ta có vẻ bối rối, đến nỗi tôi dám tro tráo nói rằng anh ta chớ nên lo lắng quá mức như thế, kéo lại quen nết mà thành người xấu. Nhưng rõ ràng là anh ta không tán thành quan điểm của tôi và rời nhà bỏ đi đâu đó. Đến khuya, qua mùi trầm hương thoang thoảng còn vương trên người anh ta, tôi biết Hoja vừa ở chỗ những người đàn bà ấy trở về.

Hôm sau, ăn trưa xong, để khích lệ Hoja tiếp tục công việc, tôi nói anh ta là người rất có nghị lực, cho nên trò chơi này chẳng có gì là xúc phạm cả. Sau nữa, chúng tôi làm việc đó đâu phải để giết thì giờ, mà là để tìm hiểu, chẳng hạn, tại sao những người mà anh ta gọi là ngu dốt lại ngu dốt như vậy. Chẳng lẽ chúng ta không cảm thấy thú vị khi tìm hiểu nhau đến tận cùng ư? Tôi nói, một người nào đó hiểu ta đến tận chân tơ kẽ tóc thì sẽ khiến ta mê mị chẳng khác nào một giấc mơ làm ta sợ hãi.

Nhưng không phải những lời thuyết phục của tôi, khi tôi đóng vai một thằng hề cung điện, mà là sự tự tin do một ngày mới mang lại, đã thúc giục anh ta lần nữa ngồi vào bàn. Chiều đến, khi rời bàn

đứng dậy, anh ta có vẻ mất tự chủ hơn hôm qua. Tôi thương thay cho Hoja, khi thấy anh ta lại đến chỗ bọn đàn bà nọ.

Và cứ thế, sáng nào anh ta cũng ngồi vào bàn hy vọng ngày hôm nay sẽ viết được về tư cách xấu xa của mình, để khôi phục lại những gì đã mất hôm trước, nhưng rồi đến chiều lại phải đứng lên, vẫn chưa viết được điều mình mong muốn. Bởi giờ đây Hoja đang khinh miệt bản thân mình, anh ta không thể khinh ghét tôi được, nên tôi cảm thấy một sự bình đẳng nào đó với anh ta, cảm giác mà tôi đã từng nhầm tưởng trong những ngày đầu làm việc chung với nhau. Tôi cảm thấy hài lòng. Tôi bắt đầu khiêu khích cho Hoja khó chịu. Anh ta bảo rằng tôi không nhất thiết phải ngồi ở bàn, ấy là một dấu hiệu tốt đẹp, nhưng sự tức giận dồn nén nhiều năm khiến tôi ăn nói bạt mạng. Tôi muốn báo thù, muốn tấn công, cũng như anh ta, tôi mất hết cảm giác chùng mực; tôi có cảm tưởng rằng, nếu như tôi gieo vào lòng Hoja sự nghi ngờ lớn, đọc được một điều gì đó từ những lời thú nhận mà anh ta giấu giếm tôi, và xúc phạm anh ta chút ít, thì không phải tôi mà chính anh ta sẽ là nô lệ, không phải tôi mà chính là anh ta sẽ trở thành kẻ xấu xa trong cái nhà này. Đúng ra mà nói, cũng đã xuất hiện những dấu hiệu nào đó của điều ấy: tôi thấy rằng anh ta muốn tự tin, rằng tôi không còn chọc tức anh ta nữa. Giống như những người do dự khác, anh ta muốn tìm sự khích lệ của tôi, thường xuyên hỏi ý kiến tôi trong những vấn đề cuộc sống hàng ngày: anh ta ăn mặc như thế có được không, trả lời người nào đó như thế đã đúng chưa, nét chữ của anh ta có đẹp không? Để Hoja không từ bỏ trò chơi và rơi vào trầm uất, tôi an ủi anh ta, thỉnh thoảng lại tự nói xấu, hạ thấp bản thân mình. "Ái chà, đúng là cái đồ..." - ánh mắt anh ta như muốn nói vậy, nhưng anh ta không đánh tôi, vì biết rằng chính bản thân mình cũng đáng bị trừng phạt như thế.

Tôi rất muốn biết những lời thú nhận nào đã khiến Hoja khinh ghét bản thân đến mức đó. Bởi những ngày ấy tôi đã quen với việc hạ nhục Hoja, cho dù là sỉ nhục thầm trong bụng, tôi nghĩ lời thú tội

của anh ta chỉ liên quan tới những gì nhỏ nhặt. Tôi tự nhủ sẽ nghĩ ra một số chi tiết cụ thể từ những thú nhận của Hoja mà tôi chưa được đọc dòng nào, để làm cho câu chuyện quá khứ của tôi có vẻ tin được, nhưng chẳng bịa được chuyện gì trong đời sống của Hoja mà lại không phá vỡ câu chuyện về cuộc đời tôi. Nhưng tôi cho rằng, anh ta lại sẽ cảm thấy sự tự tin của một người đang ở trong tình thế của tôi: cần phải nói rằng tôi đã mở ra cho Hoja thấy cái gì khiến cho những người như anh ta trở thành bạc nhược ! Tôi có cảm tưởng rằng, chẳng bao lâu nữa sẽ đến ngày mà tôi nhạo báng không chỉ Hoja mà còn nhạo báng những người khác nữa; tôi sẽ dồn họ vào một góc mà chứng minh rằng họ tồi tệ như thế nào; tôi nghĩ rằng độc giả của tôi đã hiểu được là tôi cũng cần phải học Hoja, như anh ta đã từng học hỏi ở tôi ! Có thể, giờ đây, tôi đã tiếp nhận điều đó như vậy, vì con người khi có tuổi thì thường tìm đến sự hài hòa, thậm chí ngay cả trong cách kể chuyện. Sự căm ghét tích tụ bao nhiêu năm ròng nhất thiết phải nổ vỡ, kích lệ tôi. Sau khi Hoja đã xúc phạm tôi đến nơi đến chốn như vậy, ít ra thì tôi cũng phải bắt anh ta công nhận sự ưu việt của tôi, quyền tự do của tôi, rồi sau đó tôi sẽ mạnh dạn đòi giấy chứng nhận giải phóng. Tôi mơ tưởng đến lúc anh ta chẳng còn gì phản đối nên phải thả tôi ra, và tôi tưởng tượng khi về Tổ quốc sẽ viết về cuộc phiêu lưu của mình và những người Thổ. Tôi đã mơ tưởng quá xa vời. Cái tin mà Hoja thông báo cho tôi vào một buổi sáng đã làm thay đổi tất cả !

Trong thành phố đang có một trận dịch hạch ! Thoạt đầu tôi không tin, vì Hoja báo tin đó với vẻ mặt như thể không phải đang nói về Istanbul, mà là về một thành phố xa xôi nào đó. Tôi hỏi từ đâu mà anh ta hay tin và đòi phải kể lại điều đó thật tỉ mỉ. Người trong thành phố tự nhiên lăn ra chết, không rõ nguyên nhân, nhưng rồi hiểu ra: chính là căn bệnh ấy ! Tôi thoáng nghĩ, chưa chắc đã là dịch hạch, và hỏi Hoja về các triệu chứng. Hoja cười khẩy: nếu bệnh lây đến tận đây thì tôi sẽ lập tức hiểu được các triệu chứng ấy, chỉ cần nói rằng với các con sốt như vậy, ba ngày sau người ta đã chết cháy

hết. Người thì bị những cái hạch sưng lên sau tai, người bị trong nách, có người bị ở bụng, sau đó thì sốt, có khi các hạch đó vỡ ra, người bệnh ho như lao phổi, thổ huyết rồi chết. Khu phố nào cũng đã có vài ba người bị chết rồi. Tôi hỏi về khu phố của mình: thế chẳng lẽ tôi không biết chuyện ông thợ làm hàng rào hay cái cọ với tất cả hàng xóm láng giềng, vì con cái của họ ăn trộm táo của ông ta và gà của họ hay bay sang phá vườn ông ta, tuần trước đã chết trong đau đớn khủng khiếp hay sao ? Ông ấy bị sốt cao, nhưng chỉ bây giờ người ta mới biết ông ta chết vì dịch hạch.

Tôi không muốn tin vào chuyện đó; mọi việc diễn ra vẫn như thường lệ, những người đi lại ngoài cửa sổ nom vẫn hoàn toàn bình thản như cũ. Tôi muốn tìm một ai đó cũng hoảng hốt như tôi, để tin rằng trong thành phố đang có dịch hạch. Sáng hôm sau, khi Hoja đến trường học, tôi chạy ra phố. Tôi tìm những người Italy đã cải đạo thành người Hồi giáo mà tôi quen biết từ mười một năm về trước. Một người trong số đó, bây giờ có tên là Mustafa Reis thì đã đi ra cảng, còn một người khác, tên là Osman Efendi thì mặc dù tôi đâm cửa ầm ầm đã không muốn tiếp tôi, lúc đầu sai đây tớ nói là không có nhà, nhưng sau không chịu nổi phải gọi tôi vào.

Làm sao mà tôi lại hỏi, có đúng là trong thành phố có dịch hạch hay không ! Chẳng lẽ tôi không thấy người ta khiêng xác đi chôn ? Thấy vẻ mặt tôi, anh ta biết tôi hoảng sợ, liền nói sở dĩ tôi sợ hãi là vì cứ khẳng khẳng giữ lấy đạo Cơ Đốc của mình ! Anh ta mắng nhiếc tôi vì chuyện ấy và nói người ta phải trở thành tín đồ Hồi giáo thì mới có thể sung sướng trên mảnh đất này. Trước khi chui vào khoảng tối ẩm ướt trong nhà mình, anh ta cố không chạm vào người tôi và không bắt tay tôi. Đang là giờ cầu nguyện, trông thấy một đám đông trong thánh đường, tôi hoảng sợ và vội vã về nhà. Hồn vía lên mây, tôi chẳng nghĩ ngợi được gì, y như khi người ta gặp tai họa. Như thể quên hết quá khứ, tôi như hóa đá, mọi màu sắc trong kí ức tôi đều bị xóa nhòa. Nhưng tận khi thấy người ta khiêng thây người chết, tôi mới thực sự hoàn toàn mất vía.

Khi Hoja từ trường học trở về, anh ta vui mừng thấy tôi đang trong tình trạng như vậy. Anh ta cho là tôi hèn nhát, và lòng tự tin của anh ta lớn dần. Tuy vậy, tôi muốn anh ta đừng dương dương tự đắc một cách vô tư về sự can đảm của mình như thế. Cố gắng kiềm chế nỗi sợ, tôi trút cho anh ta tất cả những hiểu biết của mình về y khoa và văn học: tôi thuật lại các kịch bản dịch hạch mà tôi nhớ được qua trước tác của Hippocrates, Thucydides, Boccaccio, và nói đây là bệnh truyền nhiễm. Nhưng nghe xong, anh ta càng nhìn tôi khinh bỉ: anh ta sợ gì dịch hạch, bệnh tật là lời cảnh báo của Đức Allah, nếu con người được phán quyết là phải chết thì anh ta sẽ chết, do vậy sợ hãi vô ích, đóng chặt cửa không dám tiếp xúc với thế giới bên ngoài hoặc chạy khỏi Istanbul như tôi thì thật là ngu ngốc. Nếu số phận ta đã được định đoạt, nếu cái chết đến với ta thì ta sẽ chết. Tại sao tôi lại lo sợ? Bởi vì những ngày qua tôi đã viết ra giấy bao điều nhằm nhí tôi tệ! Nói những điều đó, Hoja mỉm cười, đôi mắt anh ta sáng lên hy vọng.

Tôi không biết anh ta có tin vào lời của chính mình không. Trong một khoảnh khắc nào đó, tôi phát hoảng trước sự xác xược của anh ta, nhớ lại những trò chơi đáng sợ mà chúng tôi đã cùng nhau tiến hành khi ngồi sau một chiếc bàn. Anh ta lúc nào cũng quay lại những mô tả khiếm khuyết của chúng tôi và tự mãn lặp đi lặp lại những điều đã khiến tôi giận dữ và đau khổ: nếu như tôi sợ chết, thì có nghĩa là tôi không vượt qua được điều ác mà tôi đã mạnh dạn đề cập đến. Sự mạnh dạn mà tôi đã thể hiện khi kể về những khiếm khuyết, hóa ra chỉ là sự trơ trẽn mà thôi! Còn sự do dự của Hoja trong những ngày ấy được lí giải là anh ta chăm chú phân tích từng hành động, thậm chí cả những hành động nhỏ nhất của tôi. Bây giờ, khi bình tâm lại, anh ta hoàn toàn không sợ chết, chúng tỏ anh ta trong sạch và vô tội.

Nghe những biện bạch mà tôi cho là lối bịch và ngu xuẩn của Hoja với sự ghê tởm, tôi quyết định tranh cãi với anh ta. Tôi bảo thẳng với Hoja rằng anh ta nói như vậy không phải vì anh ta ung

dung và tràn đầy lòng can đảm, chẳng qua là anh ta không nhận thức được cái chết đang tới gần. Tôi giải thích là có thể tránh được cái chết, bằng cách không tiếp xúc, không động chạm tới người bệnh, còn người chết thì phải chôn trong những hố rắc vôi bột, và cần phải hạn chế tối đa tiếp xúc với những người khác, có nghĩa là anh ta không nên đến trường học nữa.

Kết quả là đã xảy ra một điều kinh khủng. Hoja bảo sáng nay anh ta đã chạm đến từng đứa học trò, rồi chìa tay về phía tôi. Biết tôi sợ và không muốn động vào người anh ta, Hoja lại gần tôi và ôm choàng lấy. Tôi muốn hét lên mà không hét nổi, y như khi người ta mê ngủ. Hoja cười khẩy và nói là sẽ dạy cho tôi biết thế nào là lòng can đảm, một câu mà mãi sau này tôi mới hiểu được.

Trận dịch hạch lây lan rất nhanh. Tôi không thể nào đạt được điều mà Hoja gọi là lòng can đảm. Thật ra mà nói, tôi không còn quá thận trọng như những ngày đầu. Tôi đã chán ngấy cảnh giam mình trong phòng như bà đẻ và chỉ nhìn cuộc sống bên ngoài qua ô cửa sổ. Thỉnh thoảng, như người say rượu, tôi ra đường, cố không nghĩ về nạn dịch hạch để ngó những người đàn bà đang mua bán thứ gì đó ở chợ, hoặc những người thợ thủ công làm việc trong các cửa hàng, hoặc đám người tụ tập trong quán cà phê sau khi chôn cất người thân mới chết. Rất có thể là tôi đã quên được trận dịch, nếu như không bị Hoja khích bác liên tục.

Tối nào cũng vậy, anh ta chìa tay về phía tôi, sau khi báo trước là ngày hôm đó anh ta đã chạm vào rất nhiều người. Tôi đứng im không nhúc nhích, giống như một người vừa tỉnh ngủ, bỗng hóa đá vì thay trước mặt có con bọ cạp. Hoja sờ vào người tôi bằng những ngón tay lạnh giá và hỏi: "Sao, sợ à ?" Tôi đứng yên. "Đúng là sợ rồi. Tại sao mi lại sợ cơ chứ ?" Đôi khi tôi muốn hất tay Hoja, nhưng tôi biết làm vậy chỉ khiến anh ta nổi khùng. "Ta bảo cho mi biết lí do vì sao nhé. Mi sợ, vì mi cảm thấy mình có tội. Vì mi chìm đắm trong tội lỗi, vì mi tin tưởng vào ta nhiều hơn là tự tin mình."

Hoja nói chúng tôi cần ngồi vào bàn và viết một cái gì đó. Điều gì chúng tôi cần viết ngay thời điểm này ư ? Tại sao chúng ta lại là chúng ta ? Nhưng rồi anh ta toàn viết về người khác và đưa những trang viết cho tôi xem với vẻ khoe khoang. Anh ta cho rằng tôi sẽ xấu hổ trước những gì do tôi viết ra, còn tôi thì không giấu nổi sự khinh bỉ mà nói, anh ta đang liệt mình vào hàng những kẻ ngu si và anh ta sẽ chết trước tôi.

Lời nói chính là vũ khí công hiệu nhất mà hiện giờ tôi đang có. Vì vậy, tôi nhắc lại với Hoja về các công việc của anh ta trong mười năm trở lại đây, tôi nói về những năm tháng mà anh ta hoang phí cho lí thuyết vũ trụ học, về vô số thì giờ nhìn ngắm sao trời, khiến cho thị lực hư giảm, về những ngày anh ta không rời quyển sách. Tôi tấn công anh ta, bảo rằng chết đơn giản như thế này thật ngu xuẩn. Trong khi có thể phòng tránh để thoát dịch hạch. Những lời tôi nói buộc Hoja phải thừa nhận mối nguy cơ đang treo lơ lửng trên đầu. Đọc những gì anh ta viết, tôi có cảm tưởng là Hoja lại bắt đầu tin tôi, bất chấp bản tính đa nghi của mình.

Trong những ngày ấy, để quên đi hiện thực và những đau khổ của mình, tôi đã ghi chép về những giấc mơ hạnh phúc mà tôi không những mơ thấy vào ban đêm, mà cả trong những giấc ngủ trưa. Khi mới tỉnh dậy, tôi cố gắng ghi chép ngay lập tức bằng ngôn ngữ thơ ca những giấc mơ mà trong đó chỉ các hình tượng là có ý nghĩa. Trong các giấc mơ ấy, khu rừng phía sau ngôi nhà của chúng tôi chính là nơi cư ngụ của những người nắm giữ các điều bí mật mà chúng tôi muốn biết từ lâu; nếu chúng tôi có gan bước vào khu rừng thâm u ấy thì sẽ trở thành bè bạn của họ. Đôi khi tôi lại mơ thấy mặt trời đã lặn mà cái bóng của mình vẫn không mất đi. Những người mà tôi mơ thấy khi ngủ hình như không ra khỏi giấc mộng và bắt đầu sống đâu đấy quanh tôi: dường như tôi và bố mẹ đang lấp đặt những mô hình kim loại nào đó trong vườn, để cho công việc của chúng tôi đỡ phần nặng nhọc.

Không thể nói rằng Hoja không đoán được những giấc mơ ấy chỉ là cái lưới ma quái có thể kéo vào bóng tối tất cả những kiến thức bất hủ của anh ta, nhưng dù sao đi nữa anh ta vẫn hỏi tôi, dù rằng với mỗi một câu hỏi thì anh ta lại mất đi một ít tự chủ: những giấc mơ lạ lùng, kì quái ấy có nghĩa là gì? Có đúng là tôi đã thấy trong mơ những gì tôi kể không? Bằng cách như vậy, thoát đầu tôi tiến hành với Hoja những gì mà sau này tôi và anh ta sẽ thực hiện với Padishah; rõ ràng là, nếu như chúng tôi không ngăn chặn được sự

lan truyền của dịch hạch, thì cũng không ngăn cản được khát vọng của con người vươn tới kiến thức. Dễ dàng đoán được là Hoja sẽ bị lây bệnh, nhưng dù sao đi nữa cũng rất thú vị khi biết được anh ta mơ thấy những gì. Hoja nghe tôi nói với vẻ mỉa mai, nhưng bởi vì khi đưa ra câu hỏi, anh ta đã chế ngự sự kiêu hãnh của mình, nên anh ta không thể tranh cãi với tôi nữa. Khi kể chuyện, tôi nhận thấy anh ta cũng phải thừa nhận những câu chuyện của tôi là thú vị. Tôi thấy mình đã khuấy động sự bình thản mà Hoja bủa giăng quanh mình kể từ khi dịch hạch xảy ra, nỗi khiếp sợ trước cái chết của tôi vẫn không giảm đi, nhưng bây giờ trong nỗi sợ đó tôi đã không còn đơn độc nữa. Dĩ nhiên, tôi phải trả giá cho điều đó bằng những đau khổ hằng đêm, nhưng tôi thấy cuộc đấu tranh của mình không phải là vô ích: khi Hoja chìa tay về phía tôi, tôi nhắc rằng anh ta sẽ chết trước, như những người không biết sợ dịch hạch, không nhận thức được sự nguy hiểm của nó; tôi nhắc nhở Hoja về việc anh ta vẫn chưa hoàn thành công trình nghiên cứu, về những giấc mơ hạnh phúc của tôi mà anh ta vừa đọc trong ngày.

Tuy nhiên, không phải những câu nói của tôi khiến Hoja mất bình tĩnh, mà do một điều khác hẳn. Một hôm, cha của một cậu học trò Hoja, người hàng xóm cùng khu phố chợt đến nhà chúng tôi. Ông ta nom có vẻ băn khoăn, lo lắng. Như một con mèo lười nhác, tôi ngồi trong góc, nghe câu chuyện dài dòng vu vơ của họ. Cuối cùng, vị khách đề cập đến chuyện muốn nói: con gái bà bác của ông ta đã thành gái góa, sau khi chồng bị ngã từ trên nóc nhà xuống. Nhiều người cũng muốn hỏi cô này, nhưng ông ta nhớ tới Hoja, bởi ông ta nghe dân phố kể là Hoja vẫn tiếp những người mới lái. Hoja đáp lại sỗ sàng đến mức không ngờ và giải thích rằng anh ta sẽ không lấy vợ, mà nếu có lấy vợ thì cũng chẳng lấy bà góa. Ông khách liền phản bác: ngay cả Nhà Tiên tri Muhammad cũng chẳng đã lấy Hadije đó sao, không những thế, bà ấy còn là người vợ đầu tiên của nhà tiên tri. Hoja đáp là anh ta cũng đã nghe nói về người đàn bà góa chồng ấy, và chị ta không xứng với ngón tay út của

Hadije. Người đàn ông kia liền chứng tỏ với Hoja rằng ông ta đâu phải là một thằng ngố: dĩ nhiên, ông ta chẳng tin, nhưng dân phố công khai nói rằng Hoja ăn trộm dê cái, chẳng ai ưa được cái chuyện Hoja ngấm sao và chiếc đồng hồ kì quái mà anh ta chế ra từ thấu kính. Rồi như một tiểu thương bực tức vì có người dè bieu món hàng của mình, ông khách nói thêm: người ta còn bảo Hoja khi ăn không ngồi xếp bằng như người đạo Hồi, mà lại ngồi như bọn dị giáo - tức là sau một chiếc bàn; anh ta lại còn mua sách vở với những khoản tiền khổng lồ, rồi sau đó quảng đi, giã lên các trang giấy in tên tuổi Nhà Tiên tri; dù ngồi hàng giờ nhìn lên trời anh ta cũng không thể nào khuất phục được con quỷ trong mình, vì vậy giữa ban ngày anh ta vẫn nằm trên giường, ngó lên trần nhà bần thiêu; anh ta không thích đàn bà, mà chỉ khoái bọn thanh niên, còn tôi, đứa em sinh đôi của Hoja thì không chịu ăn chay trong tháng Ramadan, và chính do tội lỗi của anh ta mà nạn dịch hạch này đã giáng xuống.

Tống cổ khách về rồi, Hoja tức giận điên người. Tôi nghĩ, sự trầm tĩnh mà Hoja có được bởi chia sẻ tâm trạng với tất cả những người khác trong thời kì dịch hạch, đến lúc này đã chấm dứt. Để giáng cho anh ta đòn cuối cùng, tôi nói, mà lại nói hoàn toàn chân thành, chỉ có những kẻ ngu si như ông kia thì mới không sợ dịch hạch. Hoja phát khùng, không biết làm gì, lại bắt đầu khơi lên câu chuyện về bọn ngu si mà thời gian gần đây anh ta chẳng nhắc nhở đến. Khi trời đã tối, Hoja thắp đèn lên rồi đặt trên chiếc bàn kê ở giữa phòng. Anh ta muốn chúng tôi lại viết một điều gì đó.

Chúng tôi ngồi ở hai phía khác nhau và cùng viết gì đó trên những trang giấy trắng trước mặt, giống như hai kẻ độc thân đang bó bài cho chóng tàn những đêm đông vô tận. Chắc là nom chúng tôi buồn cười lắm. Sáng ra tôi đọc những gì Hoja viết và thấy còn lí thú hơn cả bài viết của mình. Bắt chước tôi, anh ta cũng viết về những giấc mơ, nhưng chắc anh ta chẳng mơ thấy gì, mà đã bịa ra tất cả: thế đấy, chúng tôi là anh em sinh đôi, Hoja thấy mình là anh của tôi, còn tôi thì lẽ phép nghe theo những câu chuyện khoa học

của anh ta. Hôm sau, khi ăn sáng, anh ta hỏi tôi có ý kiến như thế nào về những lời đồn thổi của láng giềng rằng chúng tôi là anh em sinh đôi. Câu hỏi đó khiến tôi thích thú, nhưng tôi chẳng thấy có gì đáng kiêu hãnh, nên im lặng, không đáp lại gì cả. Hai hôm nay, đang đêm anh ta đánh thức tôi dậy và nói, những gì anh ta viết đúng là anh ta đã thấy trong mộng. Có thể đó là sự thật, nhưng tôi không chú ý lắm. Tối hôm sau, Hoja thú nhận là anh ta sợ chết vì dịch hạch.

Ngồi nhà mãi đến chán ngấy, chiều đến tôi ra phố. Trong vườn bọn trẻ leo trèo trên cây, bỏ lại bên dưới những đôi giày đủ màu sắc sỡ; những người đàn bà lấm điều đứng xếp hàng lấy nước, thấy tôi đi qua không hề ngừng chuyện; chợ đông người chen chúc, một số người cãi cọ với nhau, một số người tìm cách hòa giải, những người còn lại đứng xem. Tôi muốn thuyết phục mình rằng dịch bệnh đã thuyên giảm, nhưng nhìn thấy người ta kiêng thây người chết từ giáo đường Beyazit đi ra, tôi khiếp hãi quay về. Vào đến phòng mình, tôi nghe Hoja gọi: "Lại đây mà xem này !" Anh ta phanh chiếc áo *muritan* (áo choàng mặc ngoài của người Thổ) để lộ một vết đỏ và mụn sung ở bụng dưới: "Khắp nơi chỗ nào cũng đầy côn trùng." Tôi lại gần nhìn kĩ: đó là một vết đỏ, hơi sưng lên như vết cắn của một con bọ nào đó. Anh ta cho tôi xem với mục đích gì ? Tôi hoảng sợ vì anh ta không cho tôi xem gần hơn. "Con gì đó cắn, đúng không ?" - Hoja hỏi. Anh ta sờ tay vào chỗ sưng: "Hay là rệp nhỉ ?" Tôi im lặng mà không nói là chưa bao giờ nhìn thấy những vết rệp đốt kiểu như vậy.

Tôi kiếm có ra vườn và ở đó đến tận khi mặt trời lặn. Tôi biết mình không nên ở trong nhà, nhưng chẳng biết đi đâu. Hơn nữa, những vết đỏ có vẻ giống như vết côn trùng đốt hơn là nốt dịch hạch. Đi đi lại lại trong vườn trên đám cỏ xanh, tôi nghĩ chắc vài ngày nữa vết đỏ ấy sẽ bùng lên, đỏ rực như hoa, vỡ bung ra và Hoja sẽ chết trong đau đớn. Có lẽ đây là một loài côn trùng nào đó khá lớn, có nguồn gốc từ xứ nóng, thường bay lượn vào ban đêm, nhưng tôi không thể nào nhớ được tên gọi.

Khi chúng tôi ngồi ăn tối, Hoja cố gắng tỏ ra vui vẻ, nói đùa, trêu chọc tôi, nhưng điều đó kéo dài không lâu. Chúng tôi ăn xong bữa tối trong im lặng. Rồi Hoja nói: "Cứ thấy buồn buồn thế nào ấy. Hay chúng ta lại ngồi viết về một điều gì đó nhé". Chắc phải làm thế thì anh ta mới thấy khuây khỏa.

Nhưng rồi Hoja không thể viết được. Tôi viết rất dễ dàng, còn anh ta thì chỉ ngồi theo dõi. "Mi viết gì vậy?" - một lúc lâu sau Hoja hỏi. Tôi đọc cho anh ta nghe đoạn về chuyện hồi học xong năm thứ hai trường kĩ nghệ, tôi cưới ngựa về quê và sốt ruột mong sao cho chóng về đến nhà. Nhưng tôi cũng rất yêu quý các bạn đồng môn. Trong dịp Hè, tôi ngồi một mình đọc hết những cuốn sách mang từ trường về và buồn nhớ họ. Sau một hồi im lặng, Hoja thì thầm hỏi, như thể chia sẻ điều gì bí mật: "Bên ấy ai cũng sống hạnh phúc như vậy sao?" Tôi tưởng anh ta ân hận vì hỏi như vậy, nhưng Hoja vẫn tiếp tục nhìn tôi với sự tò mò như trẻ con. Tôi cũng thì thầm đáp lại: "Tôi đã từng sung sướng!" Mặt anh ta thoáng vẻ ghen tỵ nhẹ nhàng, nhưng không khiến tôi sợ hãi. Rồi anh ta thở dài và bắt đầu kể:

Khi gia đình còn ở Edirne, Hoja mới mười hai tuổi, được theo mẹ và chị gái đến nhà thương trong giáo đường Beyazit để thăm ông ngoại. Mẹ gửi đứa em trai út cho hàng xóm rồi mang chiếc bình đựng sữa chua đã chuẩn bị sẵn, cùng hai chị em Hoja lên đường; họ đi qua con đường tắt mát dịu dưới bóng những cây dương trắng. Ông ngoại hay kể cho họ nghe nhiều chuyện thú vị. Hoja thích những câu chuyện ấy, nhưng lại khoái nhà thương hơn, nên thường trốn ông đi xem xét khắp nơi. Có lần, cậu nghe thấy một bản nhạc người ta biểu diễn cho những người mắc bệnh tâm thần trong ngôi nhà có mái vòm lớn, dưới ánh sáng của cây đèn lồng; bản nhạc nghe như có tiếng suối róc rách; cậu còn thấy những phòng khác, lấp lánh những loại chai lọ lạ mắt đủ màu. Có lần Hoja bị lạc, sợ quá khóc toáng lên, người ta dẫn cậu đi khắp các phòng bệnh, cho đến khi tìm thấy chỗ của Abdullah Efendi. Đôi khi mẹ cậu khóc lóc, đôi khi cùng con gái ngồi nghe những câu chuyện ông ngoại kể, sau đó bà lấy

chiếc bình không ở chỗ ông rồi cùng các con về nhà, dọc đường bà mua bánh *khanva* và nói: "Chúng ta ăn ở đây kéo có người trông thấy". Họ có một chỗ dưới bóng những cây dương trắng, ngay bên bờ sông, cả ba ngồi ở đấy, ngâm chân xuống nước và ăn bánh.

Hoja im bật, một sự im lặng trùm lên bao bọc chúng tôi, khiến cả hai thấy gần nhau trong một tình cảm huynh đệ kì lạ. Hoja cảm thấy bất an. Cửa nhà hàng xóm mở ra rồi đóng sầm lại. Hoja kể lần đầu tiên anh ta cảm thấy quan tâm đến khoa học là khi nhìn thấy chiếc cân tiểu li, những chai lọ của nhà thương và những thứ thuốc làm cho người ốm khỏi bệnh. Nhưng rồi ông ngoai chết, họ không bao giờ trở lại nơi đó nữa. Hoja lúc nào cũng mong ước lớn lên sẽ đến đó, nhưng rồi có lần nước sông Tunja (*một con sông ở phía Tây Bắc Thổ Nhĩ Kỳ*) dâng lên tràn bờ, người ta đưa hết bệnh nhân đi, nước bắn ngập hết nhà cửa, đến khi nước rút thì cái nhà thương tuyệt vời ấy bị vùi một lớp bùn hôi thối, không thể nào tháo rửa được.

Khi Hoja lại im lặng lần nữa, cảm giác gần gũi giữa hai chúng tôi tan biến. Hoja đứng dậy khỏi bàn, tôi liếc thấy chiếc bóng của anh ta lay động trong phòng, rồi anh ta cầm lấy chiếc đèn đặt giữa bàn và tôi không còn nhìn thấy cả bóng lẫn người; rất muốn quay lại để nhìn, nhưng tôi không làm điều đó - như thế sẽ hóa ra tôi lo sợ và chờ đợi điều gì đó chẳng lành. Một lúc sau, tôi nghe tiếng còi áo sột soạt và hoảng hốt ngoảnh lại. Anh ta còi trần đến thắt lưng đứng trước gương và đang xem bụng và ngực mình dưới ánh đèn. "Trời ơi! - Anh ta kêu lên. - Cái nhọt gì thế này? Mi lại đây xem hộ chút." Thấy tôi không dám động đậy, anh ta liền quát: "Lại đây!. Ta bảo mi lại đây cơ mà!" Tôi lại gần, hốt hoảng như cậu học trò lo bị thầy giáo phạt.

Chưa bao giờ đến gần cơ thể để trần của anh ta đến mức như vậy nên tôi khó chịu. Tôi cố tự thuyết phục rằng bởi chính lí do đó nên tôi không muốn đến gần, nhưng thực ra tôi sợ cái nhọt. Hoja hiểu điều đó. Để che giấu tình cảm của mình, tôi cúi lại gần người

anh ta và lâm bẫm, ra vẻ một thầy thuốc đang khám cho người bệnh. "Mi sợ đây là dịch hạch chứ gì ?" Tôi làm ngo như không nghe thấy gì và định nói đây là vết đốt của con côn trùng lạ, rằng hồi trước tôi cũng bị một vết đốt như thế, nhưng tôi không nhớ được tên gọi của con bọ ấy là gì. "Mi thử sờ xem, - Hoja nói, - nếu không thì làm sao mi có thể xác định được đó là cái gì."

Thấy tôi không dám động đến cái nhọt, anh ta vui hẳn lên và dí những ngón tay vừa xoa chỗ sưng tấy lại gần má tôi. Tôi kinh hãi giật mình khiến anh ta phá lên cười, chế giễu tôi đã sợ một vết đốt của con trùng, nhưng rồi nhanh chóng im bật. Anh ta nói: "Ta sợ chết." Như thể nói về một người nào khác, giọng anh ta có vẻ bối rối và giận dữ. "Mi có chắc là mi không có những cái như thế này không ? Cởi áo ra !" Anh ta ép tôi, còn tôi thì cởi áo như đứa bé ngại tắm. Trong phòng ấm áp, cửa sổ đóng kín, nhưng tôi cảm thấy một làn gió lạnh lạnh như toát ra từ chiếc gương. Tôi xấu hổ trước bóng mình trong gương nên vội lùi lại một bước. Liếc chéo qua gương, tôi thấy Hoja cúi cái đầu to tướng sát lại gần, một cái đầu mà người ta bảo giống hệt tôi. *Anh ta muốn áp đảo hồn vía mình đây*, tôi nghĩ bụng; bao nhiêu năm qua chính tôi đã chẳng từng tự hào rằng tôi dạy anh ta đó sao. Nói thì nực cười, nhưng không hiểu sao tôi thoáng nghĩ là dưới ánh đèn, cái đầu có bộ râu trơ tráo ấy đang cúi xuống để hút máu tôi. Hóa ra, tôi rất thích những chuyện rùng rợn được nghe từ nhỏ. Nghĩ về chuyện đó và cảm thấy những ngón tay của anh ta đang lằn trên bụng mình; tôi ước gì có thể bỏ chạy hoặc lấy vật gì đó đập vào đầu anh ta. "Trên người mi không có gì đâu", - Hoja nói. Anh ta khám nách, cổ và tai tôi: - "Cả ở đây cũng không có, mi không bị côn trùng đốt."

Hoja đặt tay lên vai tôi. Như thế tôi là người bạn thời thơ ấu mà anh ta đã từng chia sẻ kho báu. Anh ta sờ gáy tôi và nói: "Chúng mình cùng soi gương nhé." Trong ánh đèn, tôi lại thấy một lần nữa chúng tôi giống nhau đến mức độ nào. Tôi nhớ lại cảm giác của mình khi đang bên cửa phòng khách của Pasha Sadik và lần đầu tiên

trông thấy Hoja. Khi đó tôi đã thấy một người mà tôi cần phải như anh ta,

còn bây giờ tôi nghĩ rằng anh ta cần phải là tôi. Chúng tôi là song tinh, là bản sao của nhau ! Bây giờ tôi đã ý thức được điều đó một cách rõ rệt nhất. Tôi lạng người không dám nhúc nhích, như thể bị trói hết chân tay. Rồi tôi động đậy để xua đi cảm giác đó như thể để hiểu ra tôi - chính là tôi. Tôi đưa tay vuốt tóc. Anh ta cũng làm một động tác y hệt như thế, không hề phá vỡ hình ảnh đối xứng qua tấm gương. Anh ta nhìn như tôi, nghiêng đầu như tôi, anh ta lặp lại động tác và vẻ mặt của tôi, tôi chứng kiến sự khủng khiếp mà tôi không muốn nhìn, nhưng không thể rời mắt, vừa tò mò lại vừa khiếp sợ. Anh ta dần trở nên hân hoan như một đứa trẻ đang nhìn đứa bạn bắt chước cử chỉ của mình để trêu đùa. Đột nhiên anh ta hét lên: "Chúng ta sẽ chết cùng nhau !" Tôi nghĩ bụng: đó chỉ là chuyện nhảm nhí. Tuy vậy, tôi vẫn hoảng sợ. Đó là ngày khủng khiếp nhất trong thời gian tôi chung sống với anh ta.

Sau đó, anh ta bảo ngay từ đầu đã rất sợ dịch hạch, nhưng cố làm tất cả mọi việc để thử thách tôi. Giống như khi đao phủ của Pasha Sadik mang tôi đi hành quyết, cũng như khi những người khác kinh ngạc vì sự giống nhau của chúng tôi. Sau đó, Hoja nói anh ta điều khiển được tinh thần của tôi, anh ta vừa mới lặp lại mọi cử động của tôi, và bây giờ đã biết tất cả những gì tôi biết và tất cả những gì tôi nghĩ. Rồi anh ta hỏi tôi đang nghĩ gì. Tôi đáp là chẳng nghĩ gì cả, nhưng anh ta không chịu, vì hỏi không phải để biết, mà cốt để làm tôi hoảng sợ - để anh ta khỏi sợ hãi, tôi phải gánh chịu dù là một phần nhỏ nỗi sợ của anh ta. Tôi đoán rằng Hoja cảm thấy cô độc nên muốn làm điều ác, tôi nghĩ anh ta muốn làm điều ác bằng cách xoa tay lên mặt cả hai chúng tôi và muốn tôi hoảng sợ về sự giống hệt giữa hai người, nên anh ta bần chồn và kích động hơn tôi. Vì không dám làm điều ác ngay lập tức, nên anh ta bắt tôi đứng trước gương, túm chặt gáy tôi, tuy vậy tôi không cảm thấy kỳ quái hoặc sợ sệt lắm: anh ta có lí, nếu là tôi thì tôi cũng muốn làm như

anh ta, nói như anh ta, thậm chí tôi còn ghen tỵ rằng không phải tôi mà chính anh ta là người đầu tiên đứng trước gương đưa bốn vói dịch hạch và nỗi khiếp sợ.

Tôi cảm thấy tất cả những cái đó chỉ là trò chơi, và không sợ lắm, sau khi bỗng nhiên ngộ ra một điều mà trước đây không hề ngờ đến trong bản thân mình. Hoja thả lỏng các ngón tay đang siết chặt gáy tôi, nhưng vẫn tiếp tục giữ tôi trước tấm gương. "Ta đã trở thành mi rồi, - Hoja nói. - Bây giờ ta đã biết mi hoảng sợ như thế nào. Ta đã là mi rồi!" Tôi muốn coi là ngu ngốc và trẻ con, lời tiên tri mà tôi biết mai đây sẽ được khẳng định, điều này tôi không hề nghi ngờ. Anh ta nói là đã học được cách nhìn nhận thế giới như tôi, rốt cuộc thì anh ta đã hiểu, "người ta" suy nghĩ và cảm nhận như thế nào. Anh ta vừa nói vừa đưa ánh mắt từ gương nhìn sang chiếc bàn, những cái cốc, cái ghế được ánh đèn rọi chiếu tranh tối tranh sáng. Anh ta nói là giờ đây đã có thể bàn luận về những cái mà trước đây không thể nói đến, vì chưa nhìn thấy chúng, nhưng chắc là anh ta sai lầm: cả lời nói lẫn các sự vật vẫn là những cái trước đây từng có. Điều mới mẻ ở đây là nỗi sợ của anh ta, thậm chí không phải nỗi sợ, mà là cách anh ta trải qua nỗi sợ hãi ấy; nhưng dường như cuộc thử thách này cũng chỉ là một trò chơi anh ta bày đặt ra trước tấm gương. Như thế ngoài ý muốn của mình, anh ta đột nhiên chấm dứt một trò chơi, trở lại nốt tấy đỏ trên da và hỏi: đây là vết cắn của côn trùng hay là dịch hạch?

Anh ta nói rằng muốn tiếp nối cuộc đời tôi ở thời điểm mà tôi đã dừng lại. Cả hai chúng tôi đều cúi trần đến thắt lưng và đứng trước gương. Để tiếp tục, anh ta phải thế vào chỗ tôi, còn tôi thì thế chỗ anh ta, để làm điều đó thì chỉ cần trao đổi quần áo cho nhau, anh ta thì cạo râu, tôi thì nuôi râu, và khi đó chẳng ai còn phân biệt được chúng tôi nữa. Và sau đó, Hoja nói tiếp, tôi sẽ giải phóng cho anh ta. Anh ta say sưa nói về những gì sẽ làm khi thay tôi trở về Tổ quốc, rồi kinh ngạc thấy anh ta nhớ được cặn kẽ từng chi tiết trong các câu chuyện của tôi về thời thơ ấu, thời niên thiếu, anh ta hình dung về đất nước tôi như một xứ sở lạ lùng, hoang đường và huyền ảo. Cuộc

sống của tôi không còn thuộc về tôi nữa, nhờ anh ta mà cuộc sống đó đã được chuyển đến những nơi chốn khác, và tôi chỉ còn biết đứng từ xa theo dõi như trong một cơn mơ. Nhưng cuộc chu du của anh ta đến Tổ quốc của tôi trong hình hài của tôi có điều gì đó vừa lạ lùng vừa đáng yêu và cũng rất ngây thơ, không cho phép tôi tin tưởng anh ta một cách hoàn toàn. Mặt khác, tôi sững sốt trước sự tương tượng chính xác của anh ta: tôi sẵn sàng, hay nói đúng hơn, rất có khả năng tôi sẽ sống một cuộc đời đúng y như vậy. Vào thời điểm đó, tôi khám phá ra một điều gì đó thiêng liêng trong cuộc đời Hoja, nhưng đó là cái gì thì tôi không thể nào diễn tả được. Tuy nhiên, khi nghe câu chuyện của anh ta về việc trước đây tôi đã sống như thế nào ở quê hương mà tôi đã buồn nhớ trong nhiều năm ròng, tôi quên hết nỗi khiếp sợ trước nạn dịch hạch.

Thế nhưng điều đó kéo dài không lâu. Hoja muốn tôi kể về những gì mà tôi sẽ làm khi thế chỗ anh ta. Tôi chẳng nghĩ được điều gì, thần kinh căng thẳng đến nỗi tôi không thể nào tập trung được ý nghĩ của mình trong bối cảnh khác thường mà chúng tôi đang đối mặt nên tôi cố gắng giống nhau của chúng tôi và vết côn trùng đốt. Tôi chợt nhớ đến việc: mình muốn viết hồi kí khi về Tổ quốc, nên nói rằng rất có thể từ những gì đã xảy ra với tôi có thể viết thành những câu chuyện thú vị. Anh ta khinh mạn trả lời rằng tôi không hiểu anh ta rõ bằng anh ta hiểu tôi được. Rồi anh ta đẩy tôi sang một bên, một mình đứng trước tấm gương và nói rằng anh ta sẽ tự kể lấy về những gì sẽ xảy ra với tôi, khi tôi thế chỗ của anh ta ! Trước hết, anh ta nói cái mụn sưng tấy này chính là nốt dịch hạch và tôi sẽ chết. Sau đó anh ta giảng giải, tôi sẽ đau đớn như thế nào trước khi chết, và nói rằng nỗi khiếp sợ mà tôi chưa sẵn sàng chịu đựng sẽ còn tồi tệ hơn cả cái chết. Phác vẽ về những nỗi đau đớn của tôi, Hoja rời khỏi chiếc gương, ngả mình xuống chăn đệm trải ngay trên sàn nhà và tiếp tục kể về những nỗi thống khổ mà tôi sẽ phải chịu. Hai tay anh ta khoanh lại đặt trên bụng, và tôi nghĩ rằng đôi tay ấy cần phải xoa đi cái đau mà anh ta đang kể. Anh ta gọi tôi, tôi bước lại gần và lấy

làm tiếc là đã làm điều đó - anh ta tiếp tục quờ tay về phía tôi. Không hiểu sao tôi tin rằng chỗ sưng tấy của anh ta chỉ là vết côn trùng đốt, nhưng dù sao đi nữa vẫn thấy khiếp sợ.

Suốt cả đêm cứ tiếp tục như thế. Anh ta làm tất cả mọi điều để lôi kéo tôi vào căn bệnh và nỗi sợ hãi của mình, và liên tục nhắc đi nhắc lại rằng tôi là anh ta, còn anh ta là tôi. Tôi cho rằng anh ta làm như vậy vì thích nhìn bản thân từ phía bên ngoài, và tôi lặp lại với mình, y như một người muốn thoát khỏi cơn ác mộng, là anh ta đang đùa, mặt khác anh ta toát mồ hôi đầm đìa, nhưng không phải như khi sợ hãi hoặc nóng nực, mà giống như một người đang bị ốm thật sự.

Khi mặt trời bắt đầu lên, anh ta bắt đầu nói về các ngôi sao và cái chết, về những lời tiên đoán không thành hiện thực, về sự ngu ngốc của Padishah và sự vô ơn của Ngài, về những kẻ ngu muội yêu quý của mình, về "chúng ta" và về "chúng nó", về cả chuyện anh ta vẫn ước được thành một người khác ! Nhưng tôi không nghe anh ta nói nữa mà đi ra vườn. Không hiểu sao tôi chợt nhớ lại những danh ngôn về sự bất tử mà tôi đã đọc ở đâu đó trong một cuốn sách cổ. Mọi vật xung quanh yên lặng, tĩnh mịch, chỉ có mấy con chim sẻ ríu rít bay nhảy trên những cành gia. Buổi sáng yên tĩnh làm sao ! Tôi nghĩ về những ngôi nhà khác trong thành phố Istanbul và về những bệnh nhân dịch hạch. Nếu Hoja bị mắc thứ bệnh này thì nó sẽ kéo dài cho đến tận khi anh ta chết, còn nếu như không phải là dịch hạch thì nốt tấy đỏ sẽ bay đi. Tôi cảm thấy mình sẽ không sống được ở đây lâu nữa. Lúc quay vào nhà tôi đã không còn nghĩ về chuyện chạy đi đâu, trốn ở chỗ nào nữa. Tôi chỉ nghĩ về địa điểm nào đó càng xa Hoja và dịch hạch càng tốt. Nhét mấy thứ quần áo vào cái túi *torba* (một loại túi đeo ở mồm ngựa), tôi hiểu rằng đó phải là một nơi không xa lắm, để tôi không bị tóm ở dọc đường.

Tôi đã gom góp được một ít tiền bằng cách lấy cắp tiền lẻ của Hoja và giấu anh ta những khoản mà tôi kiếm thêm. Trước khi ra khỏi nhà, tôi lấy số tiền đó ở một nơi bí mật, từ chiếc tất giấu trong cái hòm đựng những quyển sách mà từ lâu tôi không còn đọc nữa. Vì tò mò, tôi vào phòng Hoja. Đèn vẫn thấp, anh ta đang ngủ, mồ hôi toát ra ướt đẫm. Tôi ngạc nhiên thấy chiếc gương cũng không lớn lắm, vậy mà đêm qua nó đã khiến tôi hoảng sợ vì sự giống hệt giữa hai chúng tôi, một sự giống nhau mà tôi chưa bao giờ tin trọn vẹn. Không chạm vào bất cứ vật gì, tôi vội vã ra khỏi phòng. Khi bước trên những con phố vắng người, cảm nhận làn gió nhẹ thổi qua mặt, tôi liên tục cảm thấy rất muốn rửa tay, tôi biết rõ nơi mình muốn đến và hài lòng vì điều đó. Tôi thích dạo trên phố trong bầu không khí buổi sáng tĩnh lặng, từ trên đồi đi xuống biển, rửa tay ở cheshma (*nguồn nước mạch được dẫn theo ống máng ốp đá*) và ngắm vịnh Sừng Vàng.

Lần đầu tiên tôi nghe một tu sĩ trẻ nói đến đảo Heybeli (*một hòn đảo trong quần đảo Princes, ở vịnh biển Marmara*), anh ta đã từ hòn đảo ấy đến đây, tôi và anh ta gặp nhau tại Galata (*một địa điểm ở Constantinople, phía Đông vịnh Sừng Vàng*), anh ta đã say sưa kể cho tôi nghe về vẻ đẹp của quần đảo Princes. Tôi nhớ mãi điều ấy, và khi ra khỏi khu phố, tôi biết rằng mình sẽ đến đó. Những người chủ thuyền và dân chài mà tôi xin đi nhờ đòi những khoản tiền công đắt kinh khủng, tôi thất vọng, lo họ đoán được tôi bỏ trốn và sẽ khai tôi đi đâu với những người Hoja sai đi lùng. Rồi sau đó họ sẽ dùng chuyện này để dọa những “người Thiên Chúa giáo mà họ khinh thường vì những người ấy sợ dịch hạch, cố không gây chú ý, tôi thỏa thuận được với một người chèo thuyền. Anh này chẳng khỏe mạnh gì, hơn nữa, lẽ ra phải ráng sức

chèo thì cứ luôn mồm ba hoa, bàn luận về chuyện do những tội lỗi nào mà con người bị trừng phạt bằng một trận dịch hạch. Anh ta còn bảo là chẳng thể trốn tránh dịch hạch bằng cách ra đảo. Tôi biết anh ta cũng sợ dịch hạch chẳng kém gì tôi. Chúng tôi lên đênh trên biển sáu tiếng đồng hồ.

Về sau, tôi mới hiểu được mình đã sống trên đảo những ngày sung sướng. Với khoản tiền còm, tôi ở trọ tại nhà một người đánh cá Hy Lạp độc thân, sợ hãi triền miên và cố gắng ra ngoài càng ít càng tốt. Đôi khi tôi đoán chắc Hoja đã chết, có khi lại nghĩ, anh ta đang cho người lòng bắt tôi cũng nên. Trên đảo có nhiều người theo đạo Thiên Chúa cũng chạy tránh dịch hạch như tôi, nhưng tôi không muốn tiếp xúc với họ.

Buổi sáng, tôi cùng những người đánh cá đi thuyền ra biển, chiều đến lại cùng họ trở về. Tôi say sưa dùng lao để bắt cua. Những khi thời tiết xấu không đi đánh cá được, thỉnh thoảng tôi dạo chơi trong vùng, đến tận tu viện và ngủ trong vườn nho. Ở đó có mái che và những dây nho quấn quít, những ngày đẹp trời, đứng từ gốc cây và có thể nhìn thấy cả tu viện Haja Sophia (*giáo đường chính của thành phố Ítanbul*), tôi ngồi hàng giờ dưới bóng cây, nhìn về phía Ítanbul và mơ ước. Có lần tôi mơ thấy Hoja bơi giữa đám cá heo theo một chiếc thuyền ra đảo và hỏi han chúng về tôi, có nghĩa là anh ta đang tìm tôi. Một lần khác, lại thấy anh ta đang đi với mẹ tôi, hai người mắng nhiếc tôi và hỏi vì sao tôi bị muộn. Tỉnh dậy vì mặt trời chiếu thẳng vào mặt, muốn quay lại giấc mơ ấy mà không được, tôi nghĩ chắc là Hoja đã chết.. Không biết ai sẽ bước vào ngôi nhà mà tôi từ bỏ để mang xác đi, những ai sẽ có mặt tại cuộc mai táng nghèo nàn khiêm tốn. Sau đó, tôi suy nghĩ về những lời tiên đoán và những điều tưởng tượng vui vẻ của anh ta, về những kẻ đã đến thăm Hoja khi anh ta bị nổi căm thù và giận dữ xâm chiếm, tôi nghĩ về Padishah và chuồng thú của Ngài; những ảo ảnh ban ngày của tôi lẫn lộn với những con cua có đôi càng ngọ nguậy mà tôi vớt lên, sau khi dùng lao xuyên thủng mai của chúng.

Tôi cố tin là rời đây mình sẽ trốn được về Tổ quốc. Để làm chuyện đó, chỉ cần ăn cắp tiền ở những ngôi nhà quên đóng cửa. Nhưng trước hết phải cố quên Hoja. Suy nghĩ về những điều thú vị mà tôi sẽ kể khi viết về những cuộc phiêu lưu bất ngờ của mình, tôi sẵn sàng tự trách mình vì đã bỏ mặc một người sắp chết, một người giống tôi đến vậy. Tôi buồn nhớ anh ta, tôi cũng không biết mình có thật giống anh ta không, hay là chính tôi đã tưởng tượng ra điều đó. Tôi có cảm tưởng rằng, sau mười một năm sống chung bên cạnh nhau, chưa một lần nào tôi nhìn lâu vào khuôn mặt ấy. Thậm chí, tôi còn muốn chạy về Istanbul để ngó mặt Hoja lần cuối, khi anh ta đã chết. Nhưng tôi tự thuyết phục mình rằng sự giống nhau giữa chúng tôi chẳng qua chỉ là một sự nhầm lẫn mà tôi phải cố quên đi.

May thay, tôi đã không thể quên được điều đó. Bởi vì, vào một ngày đẹp trời, tôi bỗng thấy Hoja lù lù hiện ra trước mặt. Tôi đang nằm sưởi nắng ngoài vườn, hai mắt khép lại và đang thả hồn mơ mộng thì bỗng cảm thấy có một bóng râm phủ lên mặt. Mở mắt ra, tôi thấy Hoja đang đứng nhìn tôi mỉm cười, không phải kiểu cười đóng kịch, mà cười như thể anh ta yêu quý tôi thật sự. Trong thâm tâm, hình như tôi đã chờ đợi điều này, nên lập tức có cảm giác của một tên nô lệ lười nhác, đang hồi lỗi, đầu cúi xuống. Trong khi tôi thu dọn đồ đạc, không phải Hoja căm ghét tôi, mà chính là tôi đã khinh ghét bản thân mình. Hoja trả cho người đánh cá món nợ mà tôi còn thiếu. Anh ta đem theo hai người giúp việc, với bốn tay chèo, chúng tôi nhanh chóng trở về nhà trước khi trời tối. Tôi đã buồn nhớ biết bao khi xa ngôi nhà này. Trên tường không thấy treo tấm gương nữa.

Sáng hôm sau, Hoja gọi tôi và bảo: tội lỗi của tôi rất lớn, không phải vì đã bỏ trốn, mà vì đã nhầm tưởng vết côn trùng đốt là nốt dịch hạch và bỏ anh ta chờ chết một mình. Anh ta định trừng phạt tôi thật nghiêm khắc, nhưng bây giờ tình hình đã thay đổi. Hoja cho biết là tuần trước anh ta được Padishah gọi đến, Ngài hỏi bao giờ thì trận dịch hạch sẽ kết thúc, nó sẽ đem theo bao nhiêu thần dân nữa,

và trận dịch hạch có đe dọa sinh mệnh của Ngài hay không. Hoja hoảng sợ, anh ta chưa sẵn sàng trước một câu hỏi như vậy, nên chỉ đưa ra một lời đáp nửa vờ, nói rằng cần phải nghiên cứu các ngôi sao, nên xin hoàng đế hạn cho một thời gian nữa. Hoja lao về nhà, nhưng không nghĩ ra được điều gì để trả lời. Vì vậy anh ta quyết định đi tìm và đưa tôi trở về.

Đã từ lâu, anh ta biết tôi đang ở ngoài đảo; sau khi tôi trốn đi anh ta bị ốm, chỉ bị cảm lạnh. Ba ngày sau, anh ta có đi tìm tôi, chỉ cần trả một món tiền nhỏ là tìm ra người đánh cá lấm mồm đã chở tôi ra đảo Heybeli. Tôi không thể chạy trốn từ đảo đến một nơi nào khác, nên anh ta yên chí để mặc tôi ở đó. Tôi không thể không đồng tình với Hoja rằng quan hệ của anh ta với Padishah là một cơ hội lớn trong đời. Anh ta thẳng thắn thừa nhận là rất cần đến sự trợ giúp của tôi về mặt kiến thức.

Chúng tôi lập tức bắt tay vào việc. Hoja có cái vẻ quyết tâm của một người biết rõ điều mình mong muốn, tôi rất thích tính tự tin của anh ta mà trước đây tôi không hề nhận thấy. Ngày mai, chắc chắn chúng tôi sẽ được mời vào cung cấm, vì vậy chúng tôi không thể bỏ phí thì giờ. Chúng tôi thỏa thuận với nhau về nguyên tắc cơ bản nhất: không nên đưa ra quá nhiều thông tin, nhưng phải chứng minh được những điều chúng tôi dự báo. Trí tuệ sắc bén của Hoja mà tôi rất yêu mến cho phép lập tức đưa ra công thức: "Bói toán là lừa dối, nhưng có thể sử dụng nó để tác động đến bọn ngu si". Nghe những lí giải của tôi, Hoja có vẻ tán thành rằng dịch hạch chính là tai họa mà người ta chỉ có thể tránh được bằng các phương tiện y học. Cũng như tôi, anh ta không phủ nhận rằng tai họa xảy ra không thể thiếu ý nguyện của Đức Allah, nhưng đó không phải là biểu hiện trực tiếp của ý nguyện ấy, cho nên chúng ta, những kẻ chẳng phải là bất tử, phải xắn tay áo lên để làm một việc gì đó, và điều ấy không hề làm cho Đức Allah bớt thiêng liêng. Chẳng phải là ông Thánh Omar (*Omar I (581/591-644): một trong những chiến hữu thân cận của nhà tiên tri sáng lập đạo Hồi Muhammad*) đã chẳng từng gọi Abu Ubeyde (*Abu Ubeyde (580-639): một trong*

những chiến hữu của nhà tiên tri Muhammad, đã truyền bá đạo Hồi ở Syria) từ Syria đến Medina (*thành phố ở Saudi Arabia*) để cứu quân đội khỏi trận dịch hạch đó sao ? Để bảo vệ Padishah, Hoja đề nghị Ngài càng ít tiếp xúc với những người khác càng tốt. Tôi không thể nói rằng chúng tôi không hề có ý nghĩ lấy cái chết dọa dẫm Padishah để khiến Ngài đưa ra những biện pháp cần thiết, nhưng điều đó quả thực rất mạo hiểm: việc miêu tả hùng hồn về nỗi nguy cơ chết người sẽ không kết thúc đơn giản bằng chuyện hoàng đế hoảng sợ - đám quần thần ngu dốt vây quanh Ngài sẽ làm mọi việc để xoa tan sự sợ hãi đó, nhưng rồi vào bất cứ thời điểm nào sau đó cũng có thể gán cho Hoja cái tội báng bổ. Vì vậy chúng tôi soạn ra một bài phát biểu dựa trên những kiến thức văn học của tôi.

Điều đáng lo sợ nhất đối với Hoja là đoán được bao giờ thì nạn dịch hạch kết thúc. Chúng tôi cần phải biết dữ liệu về số người chết dịch hàng ngày, tôi nói điều này với Hoja, anh ta bảo sẽ nhờ Padishah trợ giúp.

Ngày hôm sau anh ta đi gặp Padishah, còn tôi thì vào thành phố. Tôi vẫn sợ dịch hạch như trước, nhưng vẫn không thể nào thắng được nỗi cảm dỗ ngọt ngào của sự chuyển dịch và cuộc sống. Đó là một ngày hè mát mẻ, gió nhẹ thoang thoảng từng cơn. Dạo bước giữa những người chết hoặc hấp hối, tôi cảm thấy rằng chưa bao giờ mình yêu cuộc đời đến thế. Ngó vào khoảng sân trong giáo đường, tôi đếm số thầy người, sau đó lang thang trong các khu dân cư, cố gắng tìm ra mối liên hệ giữa những gì mình trông thấy và tổng số người chết. Không thể nào bao quát được trong ý nghĩ tất cả mọi ngôi nhà, mọi người, đám đông, nỗi đau khổ và niềm vui sướng. Lạ thay, đôi mắt có ý muốn kì quặc của tôi cứ nhận biết riêng biệt những chi tiết cụ thể, hoặc sự thất vọng của những người này hoặc sự bàng quan của những kẻ khác.

Đến giờ ăn trưa, không thể nào nhìn tiếp những đám đông tụ tập và thầy người chết, tôi đi sang phía bờ đối diện của vịnh Sừng

Vàng, đến khu Halata, lang thang quanh các ụ tàu, ngồi một lúc trong tiệm cà phê, hút thuốc, ăn uống trong tiệm, cốt chỉ để giao tiếp, dạo qua trong ngôi chợ, ngó vào các sạp hàng nhỏ. Tôi muốn ghi nhớ thật kỹ tất cả mọi thứ, để rồi về sau rút ra một kết luận nào đó. Khi trời tối, tôi quay trở về, nghe Hoja kể chuyện anh ta vào cung cấm trong ngày hôm đó.

Mọi chuyện đều tốt đẹp cả. Câu chuyện của chúng tôi gây được ấn tượng mạnh với Padishah, Ngài tán thành rằng trận dịch hạch cố tình đánh lừa Ngài, y như quỷ Shaitan giả trang trong bộ quần áo của con người. Padishah quyết định cấm không cho người ngoại quốc vào cung điện, cửa ngõ ra vào thành phố sẽ được canh gác cẩn mật. Trả lời câu hỏi khi nào thì trận dịch hạch sẽ kết thúc, và kết thúc như thế nào, Hoja tán như khourou, đến nỗi Padishah thú nhận Ngài hình dung rất rõ ràng thần chết Azrael đi lang thang như người say rượu trong thành và sẵn sàng bắt bất cứ ai lọt vào ánh mắt của hắn. Hoja lập tức đỡ lời: không phải thần chết Azrael có lỗi trong việc con người phải chết, mà là quỷ Shaitan. Và không phải Azrael say rượu, mà nó rất khôn ngoan. Như chúng tôi đã thỏa thuận, Hoja bổ sung thêm là phải tìm cách chống lại quỷ Shaitan.

Muốn biết bao giờ trận dịch hạch thôi hoành hành cần phải tìm ra nơi mà quỷ Shaitan đang lẫn trốn.

Mặc dù có kẻ trong đám tùy tùng nói rằng chống lại dịch hạch tức là chống lại ý nguyện của Đức Allah, nhưng Padishah không để tâm đến ý kiến đó, một lúc sau Ngài hỏi: quỷ Shaitan có đến quấy phá các con vật nuôi của Ngài như phượng hoàng, sư tử và khỉ hay không? Hoja lập tức đáp rằng khi đến bắt người thì quỷ Shaitan đội lốt người, còn khi đến bắt các con vật thì quỷ Shaitan lại mang lốt chuột. Ngay lập tức, Padishah xuống chiếu phải đến những vùng xa xôi mà dịch hạch chưa lan đến để đưa về đây năm trăm con mèo, sau đấy Ngài ra lệnh cắt cho Hoja đủ số lượng nhân công mà anh ta cho là cần thiết.

Chúng tôi lập tức sai mười hai người được Padishah cấp tới mọi ngõ ngách của Istanbul, họ đến mọi khu dân cư và kể lại với chúng tôi về mọi điều chúng kiến và số người chết dịch. Trên bàn chúng tôi có một tấm bản đồ mà tôi họa lại từ một quyển sách.

Đêm đến, chúng tôi khiếp hãi đánh dấu trên bản đồ những nơi bệnh dịch hoành hành và thềm cân nhắc trong đầu những lời sẽ tâu với Padishah.

Thoạt đầu chúng tôi chẳng thể nào lạc quan nổi. Bệnh dịch tràn lan trong thành phố không giống như một tên say rượu ma mãnh, mà y như một kẻ sát nhân bàng quan, giết ai cũng vậy mà thôi. Trong vòng một ngày trận dịch đã mang đi sinh mệnh của bốn mươi người ở Aksaray, sau đó nó bỏ qua nơi này để ngó vào Fatih, rồi lại lang thang đến Tophane và Jihangir, về sau hóa ra trận dịch đã có mặt tại Zeirek, rồi lần đến khu phố của chúng tôi ở gần vịnh Sừng Vàng, mang đi hai mươi mạng sống. Dựa theo thống kê số người chết chúng tôi chẳng rút ra được kết luận nào: có ngày chết tới năm trăm người, có ngày chết khoảng một trăm. Phải một thời gian sau chúng tôi mới hiểu ra rằng: điều quan trọng không phải là trận dịch hạch đã khiến cho người chết ở vùng nào, mà quan trọng là lần đầu tiên nó được ghi nhận ở nơi nào. Padishah lại cho gọi Hoja. Chúng tôi suy nghĩ và quyết định: Hoja sẽ tâu với Ngài rằng bệnh dịch đang lang thang ở những chỗ tập trung đông người như chợ búa, nơi con người lùa đảo lẫn nhau, hoặc trong các tiệm ăn, nơi người ta chen chúc chật chội để ngồi lê đôi mách. Đến tối Hoja về nhà kể lại.

Nghe anh ta nói xong, Padishah hỏi: Vậy thì chúng ta phải làm gì ? Hoja nói rằng cần phải giảm thiểu lượng người trong các khu chợ, cho dù phải dùng đến vũ lực. Nghe vậy, những kẻ khôn ranh trong đám tùy tùng của Padishah vội vàng phản bác: nếu cấm buôn bán thì ai sẽ cung cấp cho thành phố mọi thứ cần thiết, làm như vậy cuộc sống sẽ đình trệ mất. Khi biết bệnh dịch đang đội lốt người lan tràn trong thành, dân chúng sẽ hoảng sợ và biết đâu sẽ xảy ra bạo

loạn, sau nữa, chẳng ai muốn ngồi yên trong khu phố của mình, nơi bệnh dịch đang hoành hành, và thế nào cùng xảy ra lộn xộn. "Họ có lý" - Hoja nói. Nhưng ngay lúc ấy, khi một kẻ khôn ranh lên tiếng hỏi, kiếm đâu ra một người có thể dẹp an dân chúng, Padishah lập tức nổi cơn thịnh nộ, Ngài khiến cho mọi người hoảng sợ khi nói rằng sẽ trừng trị tất cả những kẻ nào nghi ngờ vào sức mạnh của Ngài. Trong cơn tức giận, Ngài ra lệnh cứ làm theo tất cả những gì Hoja nói, nhưng Ngài cũng không quên hội ý với đám quần thần của mình. Đại sư chiêm tinh Sitki Êfendi, từ trước tới giờ vẫn hăm hè với Hoja, nhắc lại rằng Hoja vẫn chưa nêu lên ngày tháng cụ thể khi bệnh dịch rời bỏ thành phố. Hoja sợ rằng Padishah nhận ra đại sư chiêm tinh có lý, vội vã nói rằng lần sau đến dự buổi chiều sẽ mang theo lịch.

Chúng tôi trải tấm bản đồ với những dấu hiệu và con số lên bàn, nhưng không thể nào hiểu được bệnh dịch hạch lan truyền trong thành phố theo logic nào. Trong khi đó, đã là ngày thứ ba, kể từ khi lệnh của Padishah được thực hiện nghiêm ngặt. Binh lính triều đình chặn hết các lối vào ở những ngôi chợ, các con phố chỉ rui, các bến thuyền, hễ thấy ai lại gần đều hỏi: Anh là ai? Đi đâu? Đi làm gì? Những người hoảng sợ, lúng túng hoặc đi vu vơ không mục đích liền bị lính canh bắt phải quay về, để quý Shaitan không cảm dỗ họ. Khi được tin cuộc sống đã ngừng lại ở Kapalycharsi (*Chợ lớn có mái che ở trung tâm Istanbul*) và Unkapi (*một khu thuộc phần châu Âu của Istanbul*), chúng tôi treo bảng thống kê người chết trong tháng lên tường và suy nghĩ. Hoja nói, chúng tôi đã phí công chờ đợi trận dịch diễn ra theo một logic nào đó, và để cứu lấy cái đầu của mình, chúng tôi phải nghĩ ra bất kì một sự lừa dối nào để làm yên lòng Padishah.

Một thời gian sau chế độ thẻ thông hành được thực hiện. Người chỉ huy lính canh phân phát giấy phép cho những người cần đi lại để buôn bán, như vậy việc cung cấp nhu yếu phẩm cho thành phố vẫn được tiếp tục. Khi chúng tôi biết bằng cách ấy ông ta thu được nhiều tiền, còn thợ thủ công thì do không muốn nộp thêm một

khoản thuế nên đang chuẩn bị bạo loạn, cũng là lần đầu tiên tôi phát hiện ra một thứ logic nào đó về cách bệnh dịch lan truyền. Tôi nói điều ấy với Hoja, lúc đó đang kể rằng tể tướng Koprulu liên kết với thợ thủ công muốn chứng minh rằng dịch hạch đã từ từ rút khỏi những khu ngoại ô, nơi cư trú của những người nghèo khổ. Hoja không chú ý lắm khi nghe tôi nói, nhưng dù sao cũng sai tôi lập bảng lịch cho Padishah. Anh ta nói: để đánh lạc hướng Padishah, cần phải sáng tác ra một câu chuyện mà không ai hiểu được và không ai có thể rút ra một kết luận nào. Rồi anh ta lại hỏi, liệu có thể bịa ra được một câu chuyện chẳng mang một ý nghĩa gì, nhưng lại khiến người ta thích thú khi nghe và đọc nó? "Giống như âm nhạc, phải không?" - tôi hỏi, và bằng cách đó khiến cho Hoja ngạc nhiên. Chúng tôi bắt đầu suy nghĩ về một câu chuyện thật hấp dẫn, đoạn đầu như truyện cổ tích, đoạn giữa đáng sợ như giấc mơ dữ, còn kết cục thì buồn thảm như câu chuyện tình yêu đôi lứa bị chia lìa. Trước hôm đến cung điện, chúng tôi vui vẻ tán chuyện và làm việc căng thẳng suốt đêm. Ở phòng bên cạnh, người bạn chúng tôi, nhà thư pháp thuận tay trái ngồi chép lại phần đầu câu chuyện do Hoja sáng tác, còn phần cuối thì chúng tôi vẫn chưa nghĩ được. Gần sáng, dựa vào những thống kê không thật sự chính xác có được, tôi đưa ra dự đoán là khoảng hai mươi ngày nữa dịch hạch sẽ kết thúc, sau khi đã mang đi những nạn nhân cuối cùng tại các chợ. Hoja không hỏi dựa vào đâu mà tôi đưa ra những kết luận ấy, chỉ nói rằng ngày thoát khỏi bệnh dịch còn lâu quá, và ra lệnh lập lại một bảng lịch khác, sao cho trận dịch hạch kết thúc sau hai tuần nữa, mà lại phải giấu thời hạn này giữa các con số khác. Tôi không lạc quan đến mức như vậy, nhưng vẫn làm theo lệnh của anh ta. Hoja lập tức sáng tác những câu thơ gán vào một số ngày tháng và đưa bảng lịch cho nhà thư pháp thuận tay trái chép lại. Anh ta nhờ tôi vẽ minh họa cho những câu thơ đó. Anh ta đưa tất cả những gì đã soạn thảo và chép lại sạch sẽ trên loại giấy hoa tiên, bọc vội bằng tấm bì màu xanh và đến gần giờ ăn trưa thì lên đường, nét mặt không vui vẻ lắm. Hoja lo sợ. Anh ta nói là không chỉ hy vọng vào bảng lịch của tôi, mà còn trông chờ

vào những con bò nông, những con bò đực có cánh, những con kiến màu đỏ và những con khỉ biết nói, được vẽ trong những bức họa kèm theo chuyện kể của anh ta.

Chiều hôm đó anh ta về nhà với vẻ xúc động, kể là đã thuyết phục được Padishah tin vào sự đúng đắn của các dự báo, sự hồi hộp của anh ta kéo dài suốt ba tuần liền. "Mọi điều đều có thể xảy ra", anh ta nhắc đi nhắc lại; trong ngày đầu tiên anh ta không có nhiều hy vọng; khi chàng thanh niên tốt giọng đọc câu chuyện của anh ta, trong đám tùy tùng của Padishah có tiếng cười, họ cố tình bật cười để hạ nhục Hoja, nhưng Padishah dập tắt sự nhạo báng của họ và hỏi, dựa vào đâu mà nói rằng hai tuần nữa trận dịch hạch sẽ rút lui. Hoja giải thích là lời giải đáp nằm trong nội dung câu chuyện, nhưng chẳng ai hiểu được điều gì. Sau đó, để lấy lòng Padishah, anh ta vượt lông những con mèo đủ màu sắc được đưa về từ Trabzon (*tên một hải cảng nằm trên bờ biển Hắc Hải của Thổ Nhĩ Kỳ*), lúc nhúc đầy trong sân cung điện và các gian phòng.

Ngày thứ hai, khi từ cung điện trở về, anh ta nói triều đình phân chia ra thành hai phe: một phe, trong đó có pháp sư Sitki Efendi thì đòi phải hủy bỏ các biện pháp đang thi hành trong thành phố, những người khác cùng với Hoja thì nói là phải tiếp tục hạn chế, để quỷ Shaitan không tiếp tục bắt hết dân chúng. Tôi cảm thấy hy vọng, vì càng ngày số người chết dịch càng giảm dần, nhưng Hoja thì rất lo lắng: nghe nói phe thứ nhất do tể tướng Koprulu cầm đầu đang chuẩn bị bạo loạn, mục đích của họ không phải là dẹp dịch hạch, mà cốt thanh toán những kẻ thù địch của mình.

Qua tuần thứ nhất, số người chết giảm thấy rõ, nhưng theo tính toán của tôi thì sau một tuần nữa dịch hạch chưa thể kết thúc được. Tôi bảo Hoja là anh ta sửa lại lịch của tôi thật phí công, nhưng anh ta vững dạ lắm, anh ta hiểu rằng những lời đồn đại về cuộc bạo động của tể tướng Koprulu rốt cuộc chỉ là tin đồn, ông ta sẽ chẳng dám động tĩnh gì. Do vậy, những người cùng phe với Hoja tung tin

rằng tể tướng đã ngã sang phía họ. Kinh hoàng trước các gian kế đó, Padishah chỉ biết tìm sự an ủi nơi những con mèo của mình.

Sang tuần thứ hai, thành phố khổ sở không những vì bệnh dịch, mà còn bởi hậu quả của lệnh cấm. Càng ngày, số người chết dịch càng giảm xuống, nhưng chỉ có những người theo dõi như chúng tôi thì mới nhận rõ điều đó. Có tin nạn đói đang lan ra, Istanbul giống như một thành phố bị ruồng bỏ; tôi không ra khỏi khu phố, chỉ nghe tất cả những điều đó qua lời kể của Hoja, anh ta cảm nhận được sự tuyệt vọng của dân chúng đang chống chọi với dịch hạch đằng sau những cửa chính và cửa sổ đóng kín, chẳng thể chờ đợi gì hơn, ngoài bệnh dịch và cái chết. Sự chờ đợi đó cũng được cảm nhận trong cung cấm: chỉ cần một chiếc chén vỡ rơi xuống, hoặc ai đó cất tiếng ho là những kẻ thông thái đang chờ xem hôm nay Padishah sẽ đưa ra quyết định nào lại lập tức thì thầm to nhỏ, lặng người vì sợ hãi - họ lo lắng hồi hộp như bất cứ ai đã mất hết hy vọng và đang mong ước một điều gì đó xảy ra, cho dù là chuyện gì đi nữa. Hoja cũng bị lây tâm trạng đó, anh ta lần nữa thuyết phục Padishah rằng những tiên đoán là chính xác - dịch hạch đang từ từ rút lui, nhưng Padishah nghe một cách lơ đãng, nên Hoja buộc phải lái câu chuyện sang những con thú.

Hai ngày sau, con số thống kê từ các giáo đường đưa về cho thấy số lượng bệnh nhân đã giảm nhiều, nhưng đó không phải nguyên nhân chính khiến Hoja phấn khởi trong ngày thứ Sáu ấy: một số thợ tiểu thủ công liều mạng đánh nhau với lính canh của triều đình đang gác chặn đường, một số người khác vào hòa với họ; những lính canh bất bình trước các biện pháp đang được thực hiện, vài vị *imam* (người đứng đầu giáo xứ đạo Hồi) ngu ngốc, đủ loại lưu manh, trộm cướp và vô công rồi nghề - những người ấy gào thét rằng dịch hạch là công việc của Đức Allah, không nên can thiệp vào chuyện đó, nhưng cuộc bạo động vừa mới manh nha lập tức bị dập tắt. Và chắc là để cho thấy vụ này nghiêm trọng như thế nào, giáo hội ban lệnh *fatwa*, lập tức có hai mươi người bị treo cổ. Hoja hài lòng lắm.

Buổi chiều hôm sau anh ta tuyên bố về thắng lợi của mình. Trong triều đình không còn ai ho he về việc hủy bỏ các biện pháp đang thi hành; vị chỉ huy lính canh được vờ vào cung điện tâu rằng những kẻ bạo loạn có người ủng hộ trong triều, Padishah nổi giận; những kẻ đối địch Hoja bỏ trốn hết lượt. Người ta còn nói rằng, tể tướng Koprulu, một thời gian nghe đồn ở phe đối lập, nay quyết định thực hiện những biện pháp nghiêm khắc chống lại những kẻ bạo loạn. Hoja mãi nguyện nói rằng anh ta có ảnh hưởng đối với Padishah. Để thuyết phục Padishah, những người tham gia đập tan cuộc bạo loạn cùng nói rằng trận dịch hạch đã thoái lui. Và đó là sự thật. Padishah nói với Hoja những lời khen ngợi mà trước đây Ngài chưa nói bao giờ, rồi dẫn Hoja đến bên một chuồng thú đặc biệt để khoe mấy con khỉ châu Phi. Khi họ ngắm những con khỉ mà sự bần thiú và trơ trẽn của chúng khiến Hoja ghê tởm, Padishah hỏi, liệu có thể dạy khỉ nói được như vẹt hay không. Rồi quay về đám quần thần của mình, Ngài phán rằng muốn thấy Hoja bên cạnh mình thường xuyên hơn, bảng lịch do anh ta soạn hóa ra rất đúng.

Một tháng sau, vào ngày thứ Sáu, Hoja trở thành đại sư chiêm tinh. Hơn thế nữa, khi Padishah khởi hành đi đến giáo đường Hagia Sophia dự buổi cầu nguyện ngày thứ Sáu mà cả thành phố tham gia nhân dịp trận dịch hạch đã kết thúc, Hoja được đi sau hoàng đế một chút. Những biện pháp ngăn sông cấm chợ đã được xóa bỏ, tôi cũng đứng trong đám đông đang cảm tạ Đức Allah và Padishah. Khi Padishah cưỡi ngựa đi ngang qua, đám đông hò reo vỗ cả giọng, rồi bắt đầu chen lấn. Lính canh đẩy chúng tôi ra, có lúc đám đông đẩy tôi vào tận gốc cây, còn tôi thì dùng cùi chõ gạt mọi người để tiến lên phía trước và bắt gặp ánh mắt mãi nguyện, sung sướng của Hoja. Anh ta ngoảnh mặt đi, như không nhận ra tôi. Trong tiếng ồn ào khủng khiếp, tôi bỗng cảm thấy một nỗi hân hoan ngu ngốc xâm chiếm toàn bộ tâm hồn. Cho là Hoja không nhìn thấy mình, tôi gào lên thật to, tôi muốn anh ta biết tôi đang ở đây, như thể thấy tôi thì anh ta sẽ cứu tôi thoát khỏi đám đông này, và tôi sẽ hòa vào đám

diễn hành của đoàn quân mạnh mẽ và chiến thắng ! Tuy nhiên, tôi mong muốn điều ấy không phải để coi mình là kẻ dự phần vào chiến thắng ấy, mà cốt nhận những phần thưởng cho sự lao động của mình, không, một tình cảm khác hẳn tràn ngập trong tôi: tôi cần có mặt ở kia, bởi tôi chính là Hoja ! Dường như tôi đã tách ra khỏi bản thân và đang nhìn mình từ phía bên ngoài, như trong những giấc mơ dữ dội; mà nếu như tôi có thể thấy được bản thân từ phía bên ngoài, có nghĩa rằng tôi là người khác. Tôi có nguyện vọng nhận biết cái người nấp sau vỏ bọc của tôi là ai, tôi hoảng sợ nhìn bản thân tôi đang đi ngang qua mà không nhận biết tôi, và tôi chỉ muốn nhanh chóng liên kết với người đó, nhưng một người lính canh thô bạo đã đẩy tôi lùi lại về phía đám đông.

Một tuần sau khi trận dịch hạch kết thúc, Hoja chẳng những trở thành đại sư chiêm tinh, mà còn gần gũi với Padishah hơn cả chúng tôi mong đợi. Số là, sau trận bạo động không thành, tể tướng tâu với mẫu hậu rằng đã đến lúc phải giải tán đám hề vây quanh Padishah, bởi không chỉ thợ thủ công mà cả lính ngự lâm cũng cho rằng vì Ngài nghe theo những lời khuyến nghị dớ dẩn của bọn ngu dốt mà tai họa đã xảy ra và Ngài phải chịu trách nhiệm về chuyện đó. Do vậy, đồng bọn của cựu đại sư chiêm tinh Sitki Efendi, bị tình nghi chủ mưu vụ bạo động, người thì bị đày, người thì bị tống khỏi cung điện bằng cách cử đi nhận những chức vụ mới, nên công việc của họ cũng được giao cho Hoja.

Bây giờ ngày nào Hoja cũng đến một trong những cung điện của Padishah, Ngài thường xuyên bố trí được thì giờ để đàm đạo với anh ta. Về nhà, Hoja kể lại những cuộc mạn đàm ấy với vẻ đắc thắng: trước hết, anh ta giải những giấc mộng của Padishah - trong tất cả các trách nhiệm phải đảm đương, Hoja thích nhất việc này. Một hôm, khi Padishah buồn rầu thú nhận là đêm đến Ngài không mơ một giấc mơ nào, Hoja liền đề nghị đoán mộng của ai đó. Padishah rất thích ý tưởng này, Ngài lập tức ra lệnh cho thị vệ tìm đưa về ai đó đêm qua mơ thấy giấc mộng lành; cứ thế, đoán mộng buổi sáng trở thành thói quen của Ngài. Thời gian còn lại trong ngày Hoja cùng Padishah dạo chơi trong những khu vườn râm mát, nơi có những cây tiêu huyền cổ thụ, hoặc đi thuyền trên vịnh Bosphorus, Hoja kể cho Padishah nghe những câu chuyện về các con thú yêu quý của Ngài, dĩ nhiên là cả về những con thú mà chúng tôi tưởng tượng. Anh ta nói với Padishah về những chủ đề đã thảo luận với tôi một cách sôi nổi: những hải lưu ở Bosphorus do đâu mà có? Ta có thể thu được lợi gì từ những con kiến tuân thủ quy luật nghiêm khắc

của cuộc đời ? Ngoài ý muốn của Đức Allah, điều gì gây ra lực hút nam châm ? Tại sao cần phải biết các hành tinh chuyển động như thế nào ? Trong đời sống của bọn dị giáo, còn có điều gì đáng được nghiên cứu, ngoài việc chúng là quân dị giáo ? Có thể chế tạo được một loại vũ khí để mãi mãi tống khứ chúng đi nơi khác hay không ? Kể với tôi là Padishah chăm chú nghe những chuyện đó, Hoja bòn chòn ngồi bên bàn, phác thảo trên loại giấy đắt tiền sơ đồ của loại vũ khí ấy: những khẩu đại bác nòng dài, những bộ máy khiến cho súng có thể nổ tự động; những khẩu súng có hình dạng như những con quái vật thần thoại nào đó. Bảo tôi ngồi xuống bên bàn, anh ta yêu cầu tôi chứng kiến trí lực tưởng tượng của mình về những điều mà chẳng bao lâu nữa sẽ trở thành hiện thực.

Tôi muốn được chia sẻ với Hoja những công việc đó. Chắc là bởi tâm trí tôi vẫn còn tập trung vào trận dịch hạch, thời mà tình anh em gắn bó mong manh giữa chúng tôi đã từng tồn tại. Để mừng thành phố đã thoát khỏi bệnh dịch, một cuộc cầu nguyện tạ ơn lớn đã được tổ chức ở giáo đường Hagia Sophia, nhưng dịch hạch vẫn chưa hoàn toàn từ bỏ thành phố. Những khi Hoja vào cung, tôi dạo chơi lang thang trong thành, đếm những cái xác vẫn tiếp tục được khiêng ra từ những giáo đường có các ngôi tháp thâm thấp - các khu phố giàu có, cũng như từ những giáo đường nghèo nàn, với những mái lợp gạch men rêu phủ. Không hiểu sao tôi lại không muốn dịch hạch rời bỏ thành phố và chúng tôi.

Hoja khoe khoang về chuyện anh ta gây được ảnh hưởng đối với Padishah và nói về thắng lợi, nhưng tôi giải thích là trận dịch hạch vẫn chưa dứt hẳn, do các biện pháp phòng tránh đã bị hủy bỏ nên trận dịch có thể bùng phát lần nữa với sức mạnh mới. Hoja giận dữ ngắt lời tôi và nói là tôi ghen tỵ với thành công của anh ta. Tôi tán thành: dĩ nhiên, giờ đây anh ta đã thành đại sư triều đình và sáng nào cũng giải mộng cho Padishah, anh ta bắt được Padishah nghe mình, cho dù bọn quần thần ngu ngốc ngăn cản, đó là những điều mà chúng tôi đã chờ đợi mười lăm năm liền, đây quả là một thắng

lợi. Tuy nhiên, tại sao anh ta lại coi đó chỉ là thành công của riêng mình ? Anh ta dường như đã quên rằng chính tôi là người đề ra các biện pháp đối phó với dịch hạch, và bảng lịch, về sau hóa ra chẳng chính xác lắm, nhưng nói chung vẫn được chấp nhận cũng là do tôi lập ra; và đáng giận thay, anh ta cũng không nhớ tới chuyện đã đâm bổ ra đảo để đón tôi về, mà chỉ nói đến chuyện tôi trốn ra đó.

Có lẽ anh ta đã có lí khi nói là tôi ghen tỵ, nhưng đó là nỗi ghen tỵ của một người anh em không được người ta thừa nhận. Để Hoja hiểu ra như vậy, tôi nhắc cho anh ta nhớ rằng trước trận dịch hạch chúng tôi đã ngồi hàng đêm ở hai phía chiếc bàn, như hai người đọc thân cố quên nỗi cô đơn của mình, tôi nhắc cho anh ta nhớ rằng tôi và anh ta đã từng lo sợ như thế nào, nhưng những nỗi lo ngại đó đã dạy cho chúng tôi khá nhiều điều bổ ích, và khi sống trên đảo, tôi đã buồn nhớ anh ta biết bao. Hoja ngồi nghe với vẻ khinh khỉnh, như thể vạch trần tính giả dối của tôi đang phát lộ trong trò chơi mà chưa bao giờ anh ta tham gia; anh ta không cho tôi một chút hy vọng và cũng chẳng hứa hẹn một lúc nào đó cả hai sẽ trở lại những ngày huynh đệ vui vẻ.

Lang thang qua các khu phố, tôi nhận thấy tuy các phương sách phòng ngừa được hủy bỏ, nhưng trận dịch hạch đã bị đẩy lùi, như thể không muốn gieo rắc nghi ngờ lên cái điều mà Hoja gọi là thắng lợi. Đôi khi tôi lấy làm lạ, không hiểu sao tôi lại thấy buồn bã khi nỗi sợ hãi nặng nề trước cái chết đã biến đi đâu mất. Có khi tôi lại ước sao cho chúng tôi không bàn về những giấc mơ của Padishah và không nói về những đề án Hoja đang đề xuất với Ngài, mà nói về một điều gì khác hơn: từ lâu, mặc dù sợ chết, tôi sẵn sàng cùng anh ta đứng trước chiếc gương đáng sợ mà anh ta đã tháo từ trên tường xuống từ lúc nào ! Nhưng lâu nay Hoja nhìn tôi với vẻ khinh mạn, hoặc làm ra vẻ là đang nhìn tôi như thế, mà tệ hơn, đôi khi anh ta thậm chí chẳng thèm tỏ ra khinh rẻ nữa.

Thỉnh thoảng, để đưa Hoja quay trở về những ngày tháng hạnh phúc trước đây, tôi đề nghị anh ta cùng ngồi xuống bên bàn. Một vài lần tôi ngồi vào bàn và thử viết điều gì đó để làm gương, nhưng anh ta thậm chí không thèm nghe tôi nói. Khi tôi đọc những gì viết được, trong đó hơi phóng đại về nỗi khiếp sợ dịch hạch, về mong muốn thực hiện một hành động xấu xa nào đó, về nỗi sợ bầm sinh, và về nhiều hành vi khác của tôi, anh ta đáp lại một cách thô lỗ, với sự tự tin được nuôi dưỡng không chỉ bằng cảm giác thắng lợi của anh ta mà bằng cả sự thất vọng của tôi: vào những ngày ấy anh ta đã hiểu là tất cả cái trò viết lách ấy chỉ là nhảm nhí, hồi trước anh ta tham gia trò chơi ấy chẳng qua vì buồn chán mà thôi. Anh ta tham gia vào trò nhảm nhí đó để xem thử nó sẽ dẫn đến đâu, và cũng để thử thách tôi; anh ta đã hiểu tôi là loại người như thế nào rồi khi tôi bỏ trốn, tưởng anh ta bị lây dịch hạch ! Tôi là người có lỗi ! Con người ta thường được phân chia thành hai loại: loại đúng đắn như anh ta, và loại như tôi, những kẻ đầy tội lỗi.

Tôi đánh giá những lời đó như sự ngậy ngất chiến thắng và không hề đáp lại. Trí óc tôi vẫn sáng suốt như trước, nên khi quan sát bản thân mình, thấy những cơn giận bột phát trong những tình huống nhỏ nhỏ hàng ngày, tôi nhận ra là mình có thể có những cơn cuồng nộ trong trường hợp Hoja khiêu khích tôi bằng những lời công kích, nhưng tôi không biết Hoja sẽ rơi vào tình trạng thế nào nếu anh ta thấy tôi phản ứng như vậy trước những lời công kích đó. Tôi cảm thấy mình đã không còn nhận thức được mục đích của mình như những ngày tôi trốn Hoja và sống trên đảo Heybeli. Điều gì sẽ xảy ra, nếu tôi trốn được về Venice ? Từ lâu lắm rồi, tôi đã chấp nhận rằng mười lăm năm ấy mẹ tôi đã mất, vợ chưa cưới của tôi đi lấy chồng, đẻ con, càng ngày họ càng ít xuất hiện trong các giấc mơ của tôi, và nếu như những năm đầu tiên tôi dường như sống cùng họ ở Venice, thì giờ đây tôi sống ở Istanbul cùng với họ. Tôi hiểu là nếu về được Venice thì tôi phải bắt đầu cuộc sống không phải ở giai đoạn bị ngắt quãng, mà phải làm lại tất cả từ đầu. Ngoài một vài quyển sách

mà tôi dự định sẽ viết về người Thổ và cuộc sống nô lệ của mình, chẳng có tình tiết nào từ cuộc đời ấy khiến tôi quan tâm nữa.

Có những khi tôi tưởng rằng Hoja khinh bỉ tôi, vì anh ta hiểu được điểm yếu của tôi - sự xa rời Tổ quốc và sự tồn tại vô mục đích - nhưng cũng có thể anh ta chẳng đoán được tôi đang suy nghĩ những gì. Anh ta ngây ngất vì thắng lợi và mơ ước về thứ vũ khí diệu kì mà hàng ngày anh ta miêu tả chi tiết cho Padishah nghe và chắc là gây ấn tượng mạnh đối với Ngài, đến nỗi anh ta chẳng buồn đếm xỉa đến tôi nữa. Tôi nhận thấy mình đang ghen tỵ với sự may mắn của Hoja. Tôi thích thú với sự bồn chồn của anh ta trước một thắng lợi đáng ngờ, trước những đề án vô tận của anh ta, tôi yêu mến ánh mắt của Hoja khi anh ta ngấm đôi tay mình mà nói anh ta đang nắm giữ Padishah. Tôi không thể thú nhận ngay cả với mình, nhưng mỗi khi quan sát dáng đi, cử động của anh ta, có lúc tôi tưởng rằng tôi đang ngấm chính bản thân mình. Đôi khi vẫn có chuyện ai đó dường như nhận ra mình qua một đứa trẻ hoặc chàng trai nào đó, rồi vừa tò mò vừa mến mộ quan sát đứa bé hoặc người thanh niên ấy. Điều đó cũng y hệt như sự tò mò và kinh hãi của tôi. Tôi thường nhớ lại cái lần Hoja dang hai tay ôm lấy đầu tôi và nói: "Ta đã trở thành nhà người rồi", nhưng khi tôi nhắc Hoja về những ngày ấy, anh ta đột ngột ngắt lời tôi và bắt đầu thuật lại những gì anh ta nói với Padishah trong ngày hôm ấy, để Ngài tin khả năng chế tạo một loại vũ khí mới, hoặc giảng giải tỉ mỉ về chuyện anh ta đã đoán mộng cho Padishah như thế nào, để lái các ý nghĩ của Ngài về hướng cần thiết.

Hoja muốn tôi tin tưởng ở những thành công rực rỡ mà anh ta miêu tả một cách sinh động. Thỉnh thoảng tôi cũng tin, tôi sẵn lòng đặt mình vào vị trí của anh ta và hoàn toàn thả mình trôi theo những mơ ước ấy. Những khi đó tôi càng yêu bản thân mình và Hoja hơn, say sưa nghe những câu chuyện của anh ta như một chàng ngốc há mồm nghe chuyện thần thoại, và tôi có cảm tưởng như anh ta đang kể về mục tiêu chung và tương lai tươi đẹp của cả hai chúng tôi.

Và cứ như thế, tôi đã bắt đầu tham gia vào việc giải mộng cho Padishah. Hoja định thức tỉnh Ngài, lúc này đã hai mươi một tuổi, để Ngài nắm chắc hơn nữa quyền lực về tay mình. Anh ta giải thích cho Padishah rằng những con ngựa phóng như bay mà Ngài mơ thấy rất bất hạnh vì chúng không có chủ, còn những con sói khát máu ngoạm vào cổ kẻ thù thì lại sung sướng vì chúng được tự do thực hiện ý đồ của mình, những người thiếu phụ đang khóc và các cô gái mù, cũng như những cây cối bị rụng lá dưới trận mưa đen ngòm đang cầu xin Ngài ra tay cứu độ, những con nhện thiêng và những con chim ưng oai vệ là dấu hiệu của sự cô đơn kiêu hãnh. Chúng tôi mong muốn khi Padishah nắm lấy quyền lực thì Ngài sẽ quan tâm đến sự nghiệp khoa học của chúng tôi, thậm chí chúng tôi sử dụng cả những giấc mơ dữ của Ngài để đạt được điều đó. Giống như phần lớn những người đi săn, sau một ngày mệt nhọc, đêm đến Padishah thường mơ thấy người ta săn đuổi mình, hoặc mơ thấy con trai của Ngài đang ngồi trên ngai vàng. Hoja giải thích là Padishah sẽ luôn luôn trẻ trung khi trị vì đất nước, nhưng muốn thoát được những cạm bẫy mà những kẻ thù tiềm ẩn của chúng tôi đang giăng ra thì Ngài phải sử dụng một loại vũ khí tối tân hơn vũ khí của chúng. Padishah mơ thấy Sultan Murat, ông nội của Ngài, chém con lừa thành hai nửa để biểu diễn sức mạnh đôi tay của mình, rồi cả hai nửa của con lừa đuổi nhau, nhưng mỗi lúc khoảng cách giữa chúng lại càng dài thêm; Ngài mơ thấy mù phù thủy - chính là bà nội Kosem Sultan sống lại, trần truồng, quay về bóp cổ hai mẹ con Ngài; trên những cây và mọc nối tiếp vào hàng tiêu huyền ở At Meydani, lẽ ra phải có những quả vả thì lại thấy những xác người lũng lảng; những kẻ xấu có khuôn mặt giống Ngài theo đuổi Ngài khắp nơi để trùm Ngài vào bao tải mà giết; một đàn rùa biển hướng tới cung điện, trên mai chúng có những ngọn nến đang cháy, gió cũng không thổi tắt được. Padishah kể lại những giấc mơ ấy, còn chúng tôi nghĩ thật bất công khi có những kẻ nói Ngài bỏ bê công việc, chỉ say mê săn bắn và súc vật. Tôi kiên nhẫn chép các giấc mơ ấy vào quyển vở

và cố bản luận sao cho có lợi cho khoa học và vũ khí cực kì tối tân mà chúng tôi sẽ chế tạo.

Hoja cho rằng càng ngày chúng tôi càng có ảnh hưởng đối với Padishah, nhưng tôi chẳng tin lắm vào thành công của mình. Hoja được Padishah hứa là sẽ xây đài thiên văn hoặc ngôi nhà khoa học, hoặc chế tạo vũ khí mới, nhưng sau những đêm chúng tôi sôi nổi bàn tính kế hoạch tương lai, nhiều tháng đã trôi qua, trước khi Hoja có được dịp đề cập lại một cách nghiêm túc với Ngài về vấn đề đó dù chỉ một lần. Một năm sau khi tể tướng Koprulu mất, Hoja lại có cơ để hy vọng: trước đây Padishah sợ Koprulu hùng mạnh và không dám thực hiện các ý tưởng của mình, nhưng bây giờ viên tể tướng này đã chết, con trai ông ta lên nắm chức vụ đó lại không có được sức mạnh và ảnh hưởng của cha mình, đã đến lúc chờ Padishah đưa ra những quyết định táo bạo.

Ba năm tiếp theo chúng tôi sống trong sự chờ đợi các quyết định đó. Tôi không cảm thấy kinh ngạc vì Padishah lần nữa do mãi mê với các cuộc đi săn và những giấc mộng, mà ngạc nhiên vì đến tận lúc này Hoja vẫn gắn kết những niềm hy vọng của mình với Ngài. Suốt những năm tháng đó tôi vẫn chờ đợi cái ngày mà anh ta thất vọng và trở nên giống như tôi ! Hoja đã không còn nói về thắng lợi của mình với sự háo hức như trước kia nữa, tôi không cảm thấy ở anh ta sự hào hứng như hồi nào sau trận dịch hạch, nhưng anh ta vẫn còn hy vọng là sẽ thúc đẩy Padishah thực hiện những dự định to tát. Và lúc nào anh ta cũng kiếm được lí do để bào chữa cho sự chần chừ của Padishah: sau trận hỏa hoạn lớn ập xuống Istanbul, nếu Padishah chi khối lượng tiền lớn cho dự án thì những kẻ thù địch sẽ đưa em trai Ngài lên ngôi; hiện giờ Padishah không thể làm gì, vì quân đội của Ngài đang hành binh tới Hungary; đến năm tới thì lại do quân đội đánh bại Đức; sau đó thì lại phải xây cho xong giáo đường Eni Jamy (*thánh đường Hồi giáo ở Istanbul (1594-1663)*) trên bờ vịnh Sừng Vàng, một công trình rất tốn phí, nơi Hoja vẫn cùng Padishah và mẫu hậu Turhan Sultana (*mẹ của sultan Thổ Nhĩ Kỳ Mehmet IV*) của Ngài

thường đến; rồi lại còn vô số những cuộc đi săn mà tôi không tham gia. Trong khi chờ Hoja đi săn trở về, tôi cố gắng thực hiện các ủy thác của anh ta, lười biếng giở những trang sách để tìm kiếm những ý tưởng lỗi lạc dành cho cái mà anh ta gọi là "dự án lớn" hoặc "khoa học".

Tôi đã không còn thấy phần chần chừ trước những mơ ước về các dự định mà dù có được thực hiện thì thành quả của chúng cũng chẳng khiến tôi quan tâm. Cũng như tôi, Hoja biết là trong các hiểu biết của chúng tôi về thiên văn, địa lý hay khoa học tự nhiên, những thứ mà chúng tôi say mê trong những năm đầu tiên gặp nhau, giờ đây chẳng bám víu được vào cái gì: chiếc đồng hồ, các thiết bị, các mô hình đã bị quên lãng và han gỉ từ lâu. Chúng tôi đã gác tất cả những cái đó cho đến khi có cơ hội thực hiện cái điều mơ hồ mà Hoja gọi là "khoa học", chúng tôi bị hấp dẫn không chỉ bởi cái "dự án lớn" sẽ cứu chúng tôi thoát khỏi thảm họa, mà cả những mơ ước về vô số dự án. Để được ở bên cạnh Hoja, tôi cố gắng tin tưởng vào những ý tưởng viễn vông mà tôi thấy chẳng có gì hấp dẫn, cố gắng nhìn bằng đôi mắt của anh ta những trang sách mà tôi lật giở, những ý tưởng có lúc đã hiện ra trong đầu tôi, tóm lại tôi cố gắng đặt mình vào vị trí của anh ta. Khi Hoja đi săn trở về, tôi làm ra vẽ đã tìm được một điều gì đó mới mẻ cho dự định mà trước khi ra đi anh ta bảo tôi suy nghĩ, và làm ra vẽ nhờ những tìm kiếm của tôi mà chúng tôi sẽ có thể thay đổi tất cả mọi việc; tôi nói về sự lên xuống của thủy triều có thể liên quan đến nhiệt độ của nước sông đổ vào biển, hoặc về chuyện dịch hạch lây lan qua những giọt nước li ti trong không khí và sẽ lui dần khi thời tiết thay đổi; hay về chuyện chúng ta có thể chiến thắng tất cả mọi kẻ thù, nếu chế tạo được những đại bác rất mạnh, có bánh lăn và nòng súng dài; hoặc về chuyện Vũ trụ quay quanh Mặt Trời, còn Mặt Trời thì quay quanh Mặt Trăng. Vừa nghe tôi nói, Hoja vừa cởi bộ quần áo đi săn bụi bặm và lúc nào cũng nói một câu duy nhất khiến tôi không khỏi mỉm cười: "Thế mà bọn ngu dốt của chúng ta không hề ngờ được là có những điều như thế !"

Sau đó một con giện dữ xâm chiếm anh ta, khiến tôi cũng thấy giện lây: anh ta kể là Padishah ngồi trên lưng ngựa mấy tiếng đồng hồ liền để đuổi theo một con lợn lòi phát cuồng hoặc tuôn nước mắt một cách ngu ngốc trước con thỏ bị lũ chó săn vồ được; vừa tức giận, Hoja vừa thú nhận là những gì anh ta nói với Padishah trong buổi đi săn đã từ tai này chui qua tai kia như nước đổ lá khoai, rồi anh ta nhắc đi nhắc lại: "Biết đến bao giờ bọn ngu muội này mới thấy được chân lý ? Không biết vì ngẫu nhiên hay do quy luật mà bọn ngu muội ấy tìm thấy nhau ? Sao mà chúng nó ngu muội như vậy ?"

Cứ như thế, anh ta bắt đầu nhận thức được cần quay lại theo đuổi cái mà anh ta gọi là "khoa học" - Lần này là để hiểu được đầu chúng nó nhét đầy những thứ gì. Khi hai chúng tôi, hầu như đã căm thù nhau, cùng ngồi vào hai phía chiếc bàn, tôi thiết tha khao khát muốn bắt đầu làm cái mà anh ta gọi là "khoa học", bởi tôi nhớ lại những ngày tuyệt vời khi chúng tôi cùng giống nhau đến vậy, nhưng sau một vài cố gắng, chúng tôi đều hiểu ra mọi thứ đã không còn như trước đây nữa.

Giờ thì tôi không còn đá kích Hoja như trước được nữa, vì tôi không biết lái anh ta về hướng nào và tác động bằng cách nào. Nhưng điều quan trọng hơn cả là giờ đây tôi đã tiếp nhận những đau khổ và thất bại của anh ta như của chính bản thân mình. Một hôm, tôi quan sát Hoja, khi tôi nhắc Hoja về sự ngu muội của những nhà cầm quyền sở tại, thậm chí tôi còn phóng đại sự ngu muội đó lên, bắt Hoja cảm thấy anh ta cũng chẳng khác gì bọn họ và sẽ không tránh khỏi thất bại. Anh ta phản đối tôi kịch liệt và khẳng định rằng thất bại là không nhất thiết, bởi vì, nếu như chúng tôi vượt lên trước "bọn chúng", nếu như chúng tôi thực hiện được dự án chế tạo vũ khí mới của mình, thì dòng chảy của con sông đang cố kéo chúng tôi quay ngược lại sẽ được nắn dòng về hướng mà chúng tôi mong muốn. Anh ta khiến cho tôi hời hợt vì đã không nói về một đề án cụ thể nào, mà nói về "những dự án", như đã từng làm trong những ngày chúng tôi rơi vào thất vọng. Nhưng cũng trong thời

gian đó, anh ta bị nỗi lo sợ thất bại xâm chiếm, và tôi thấy anh ta hết như một đứa bé mồ côi, tôi thích nỗi buồn rầu và con giận dữ của anh ta, nhắc tôi nhớ lại những ngày đầu chung sống; tôi muốn mình cũng thành một người giống như anh ta vậy. Khi tôi ngắm anh ta đi lại vật vờ trong nhà hoặc bước ra con phố bẩn thỉu dưới cơn mưa như trút, hoặc khi anh ta nhìn ánh sáng mờ nhạt lay động bên trong những ô cửa sổ những ngôi nhà bên vịnh Sừng Vàng, như thể tìm kiếm một thứ gì ở đó có thể phục hồi hy vọng, tôi nghĩ đó không phải là Hoja, mà chính là tuổi trẻ của tôi đang quần quai trong những nỗi thống khổ. Như thể cái người đã từng là tôi đã bỏ tôi lại nơi đây mà đi mất, còn tôi thì đang thêm thiếp ngủ trong góc nhà, cố tìm cách hồi tưởng về quá khứ để khôi phục lại khát vọng được sống.

Tôi đã quá mệt mỏi trước những xúc cảm triền miên vô tận ấy. Kể từ khi Hoja trở thành đại sư chiêm tinh của triều đình, lãnh địa của chúng tôi ở Gebze mở rộng thêm, thu nhập tăng lên. Hoja không cần phải làm thêm gì, ngoài việc suốt ngày đàm đạo với Padishah. Thỉnh thoảng chúng tôi về Gebze, thăm lại những cối xay cũ đổ nát, hoặc những làng mạc có những đàn chó chăn cừu chạy ra đón chúng tôi trước tiên, kiểm tra sổ sách, tìm cách xác định xem đã bị kiahia lừa mất bao nhiêu tiền. Thi thoảng chúng tôi cảm thấy vui vẻ, còn phần nhiều thường ngồi buồn bã và thờ dài mà viết những câu chuyện dâng lên Padishah để Ngài giải trí. Ngoài ra chúng tôi chẳng biết làm gì khác. Nếu như tôi không vật nài cho kì được, chắc cả tôi lẫn Hoja cũng sẽ từ bỏ những cuộc tiêu khiển thú vị với đàn bà mà thỉnh thoảng chúng tôi bày ra.

Điều khiến Hoja cảm thấy xúc phạm nhất là sau khi quân đội và các vị quan rời Istanbul hành binh đến Đức và các pháo đài trên đảo Cret (*đảo ở phía Đông Địa Trung Hải, thuộc Hy Lạp. Năm 1669, bị đế quốc Ottoman (Thổ Nhĩ Kỳ) xâm chiếm*), Padishah bạo dạn hẳn lên, Ngài không nghe theo lời khuyên của mẫu hậu, lại tập hợp quanh mình những kẻ nói phét, ngu dốt và ăn bám đã từng bị tống cổ ra khỏi triều đình. Cảm thấy

ghê tởm trước bọn lừa đảo ấy, Hoja quyết định không gần gũi tiếp xúc với họ, để tách khỏi đám đông đó và thể hiện ưu thế của mình, nhưng theo lệnh Padishah, mấy lần anh ta buộc phải nghe những cuộc tranh cãi của họ. Tại các cuộc luận đàm ấy bọn họ bàn cãi xem loài vật có linh hồn hay không, nếu có thì là những loài cụ thể nào, những loài nào sẽ lên thiên đường còn những loài nào phải xuống địa ngục, con hào cái khác con hào đục như thế nào, mỗi buổi sáng lại có một mặt trời mới mọc lên, hay vẫn chỉ mỗi một mặt trời ấy... Sau những cuộc tranh luận như vậy Hoja đi về, mất hết hy vọng vào tương lai và nói rằng nếu sắp tới không làm một điều gì đó thì Padishah sẽ tuột khỏi tay chúng tôi mất.

Tôi vui mừng đồng ý với Hoja, vì anh ta nói về những đề án của "chúng ta", về tương lai của "chúng ta". Để phân tích điều gì hiện giờ đang xảy ra với Padishah, có lần chúng tôi lôi ra những quyển vở từ nhiều năm trước tôi đã ghi chép các sự kiện, cũng như các hồi kí của hai người. Chúng tôi tìm cách sắp xếp lại các ý kiến của Padishah để hiểu được tâm tư của Ngài, nhưng kết quả chẳng có gì đáng an ủi. Hoja vẫn tiếp tục nói về thứ vũ khí lạ thường sẽ cứu vớt chúng tôi, về những nhiệm vụ mà chúng tôi phải khẩn trương giải quyết, nhưng anh ta xử sự như thể không nhận ra tai họa khủng khiếp đang đến gần. Chúng tôi bàn luận về chủ đề này hàng mấy tháng liền.

Liệu chúng tôi có hiểu được chuyện hết nước này đến nước khác tách khỏi đế chế đang là một thảm họa hay không? Chúng tôi đem bản đồ trải trên bàn rồi buồn rầu xác định - lúc đầu là những nước nào, sau đó là những núi nào, sông nào đế chế đã mất đi. Hay thảm họa chính là sự thay đổi không nhận thấy của con người và niềm tin? Chúng tôi hình dung một ngày đẹp trời nào đó, dân chúng Istanbul bỗng thức dậy từ chăn đệm ấm áp và trở thành những người xa lạ, họ không còn biết cách mặc quần áo quen thuộc của mình, không còn nhớ các ngọn tháp của giáo đường dùng để làm gì. Mà có thể tai họa chính là khi ta nhìn thấy ưu thế của người

khác và cố gắng bắt chước cho giống họ ? Những khi đó Hoja lại đề nghị tôi kể về cuộc sống ở Venice, rồi chúng tôi đối chiếu cuộc sống ở đây với những hồi tưởng của tôi về thời thơ ấu.

Chúng tôi quyết định tâm với Padishah về những mơ ước của mình, những mơ ước đang khiến cho thời gian trôi đi không thể nhận thấy, như một phương tiện cứu vãn cuối cùng. Chúng tôi đồ rằng những cảnh tượng thảm họa được thấy tựa như trong những giấc mơ nhiều màu sắc sẽ khiến cho Ngài lo lắng. Những cảnh tượng đó, suốt hàng tháng liền, trong những lúc tiêu khiển buồn bã và vô vọng, chúng tôi đã bịa ra, và trong những đêm tăm tối tĩnh lặng chúng tôi mô tả lại trong quyển sách hình ảnh những người gù khốn khổ, những con đường lầy lội bẩn thỉu, những tòa nhà xây dựng dở dang, những đường phố tăm tối quái gở; những con người đang đọc kinh cầu nguyện mà chính họ chẳng hiểu gì, những ông bố bà mẹ âu lo, những con người bất hạnh có dùng cả đời cũng không đủ thời gian kể cho chúng tôi về các công trình được sáng tạo, được viết ra ở các xứ sở khác; những bộ máy không vận hành được; những con người tuôn lệ khóc thương thời hạnh phúc đã qua; những con chó hoang gầy còm, da bọc xương; những nông dân không ruộng đất, những thị dân thất nghiệp lang thang, những giáo dân đạo Hồi vô học mặc quần *(thông thường, do khí hậu nóng nực, những người Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ thời ấy chỉ mặc loại áo choàng mintan rộng, nên coi việc mặc quần là chuyện khác thường)* và tất cả các cuộc chiến tranh đều có kết cục thất bại. Trong phần khác của quyển sách, chúng tôi mô tả những hồi tưởng của tôi, đưa vào một vài cảnh tươi sáng và hạnh phúc, có tính chất răn dạy từ giai đoạn tôi sống cùng bố mẹ và anh em trai hồi học phổ thông ở Venice: ý nói rằng những kẻ sẽ thắng chúng ta đều sống như thế đấy, chúng ta cần tìm cách mà vượt lên trước chúng ! Trong chương kết thúc cuốn sách, do bạn chúng tôi - một nhà thư pháp thuận tay trái chép lại - chúng tôi dẫn một bài thơ mà Hoja rất thích, có thể coi như nhập đề cho những câu đố và điều bí mật ẩn giấu trong những cái đầu y hệt chiếc tủ bị nhồi nhét chặt cứng của chúng tôi. Sự mơ hồ tinh tế của

bài thơ đó đã buồn bã kết thúc quyển sách xuất sắc nhất trong số những gì mà tôi và Hoja viết được từ trước tới nay.

Một tháng sau khi Hoja dâng quyển sách đó lên Padishah, anh ta nhận được lệnh bắt tay vào chế tạo loại vũ khí kì lạ. Chúng tôi sửng sốt và không thể nào biết được quyển sách ấy có đóng vai trò nào đó trong thành công của mình hay không.

Khi Padishah nói: "Thôi được, hãy làm thứ vũ khí phi thường của nhà ngươi có thể khiến tất cả kẻ thù của ta phải kinh ngạc đi!", có lẽ Ngài muốn thử thách Hoja, nhưng cũng có thể Ngài thấy một giấc mơ nào đó nhưng không kể với Hoja, cũng có thể Ngài muốn chứng tỏ cho mẹ và các vị Pasha thấy rằng bọn ngu muội trong đám tùy tùng quanh Ngài cũng có khả năng mang lại một lợi ích nào đó, hoặc Ngài nghĩ rằng sau trận thắng dịch hạch Hoja còn có thể tạo thêm một điều kì diệu nào đó, hoặc cũng có thể Padishah chịu ảnh hưởng của những cơn mơ về tai họa mà chúng tôi viết trong sách dâng Ngài, cũng còn có thể Padishah không sợ những tai họa đó, mà sợ những thất bại quân sự và lo người ta lật đổ ngài và rồi đưa em Ngài lên ngôi. Chúng tôi bối rối suy nghĩ về tất cả những điều đó trong khi tính toán các khoản thu nhập từ các ngôi làng, nhà cửa và những rừng ôliu mà Padishah ban cho chúng tôi, để có đủ chi phí chế vũ khí mới.

Mãi rồi Hoja nói: sao chúng tôi cứ ngạc nhiên trước cái điều chẳng có gì đáng ngạc nhiên, chẳng lẽ tất cả mọi câu chuyện, những lý giải và các quyển sách bao năm qua chúng tôi dâng lên Padishah không phải là sự thật hay sao, và bây giờ, khi Ngài đã tin vào những thứ đó thì chúng tôi lại bắt đầu đâm ra hoài nghi. Lại còn một chuyện nữa: Padishah bắt đầu quan tâm, muốn biết điều gì đang xảy ra trong tâm trí chúng tôi. Hoja bèn chồn hỏi: liệu có phải đó chính là thành công mà chúng tôi mong đợi trong bấy nhiêu năm hay không?

Phải, đúng là như thế, lần này hai chúng tôi cùng chia sẻ thắng lợi đó với nhau và cùng bắt tay vào việc; tôi cảm thấy rất hạnh phúc, hơn nữa, khác với anh ta, dù kết quả công việc thế nào tôi cũng chẳng quan tâm. Sáu năm liên tiếp chế tạo vũ khí là những năm

nguy hiểm nhất đối với chúng tôi. Không phải do chúng tôi tiếp xúc với thuốc nổ, cũng không phải vì chúng tôi bị khống chế dưới sự ghen ghét của những kẻ thù địch, mà bởi mọi người ai cũng nóng lòng mong chờ hoặc thành công hoặc thất bại của chúng tôi, nên chúng tôi cũng khiếp sợ đợi chờ điều ấy.

Thoạt đầu, hai chúng tôi ngồi bên chiếc bàn, tiêu phí cả mùa Đông. Chúng tôi rất hào hứng, khát khao làm việc, nhưng chẳng có gì trong tay ngoài sự hình dung mơ hồ và vô định về loại vũ khí khủng khiếp có thể đánh đuổi tất cả mọi kẻ thù. Sau đó, chúng tôi quyết định bắt đầu làm thuốc nổ. Như những ngày làm pháo hoa trước kia, chúng tôi ngồi dưới bóng mát của những cây đại thụ, những người giúp việc chế thuốc nổ theo công thức của chúng tôi rồi đem thử ở chỗ cách xa nhà. Nghe tiếng nổ và nhìn thấy khói, hầu như tất cả những người tò mò của toàn thành Istanbul kéo nhau đến xem. Đám đông những kẻ tò mò tụ tập như đi xem hội trên các bãi cỏ có dựng những tấm bia và mấy chiếc lều, nơi chúng tôi đúc khẩu đại bác có chiếc nòng dài. Đến cuối Hè thì đích thân Padishah cũng đến thị sát.

Chúng tôi tổ chức một cuộc trình diễn, bắt trời đất phải rền lên để Ngài ngự lãm, chúng tôi trình Ngài những thùng đựng hỗn hợp thuốc nổ, các quả đạn, những khẩu đại bác, các bản vẽ của những chiếc nòng súng chưa đúc và đồ án các quả đạn sẽ tự động bốc cháy. Nhưng Padishah lại quan tâm đến tôi nhất. Hoja quyết định tách tôi khỏi Padishah càng xa càng tốt, nhưng Ngài vẫn chú ý đến tôi, vì khi buổi trình diễn bắt đầu, Ngài thấy tôi cũng đưa ra những mệnh lệnh ngang với Hoja và người ta cũng nêu những câu hỏi với tôi y như với anh ta.

Padishah nhìn tôi, như thể ngắm một người mà hình như trước đây Ngài từng quen biết, nhưng không nhớ ra được. Ngài có vẻ mặt như một người đang nhắm mắt thử đoán xem đang ăn loại quả gì. Tôi hôn lên gấu áo của Ngài. Ngài không hề phật ý khi biết tôi ở đây

đã hai mươi năm mà vẫn chưa thành người Hồi giáo. Ngài đang nghĩ gì đó về một điều khác hẳn. "Hóa ra là hai mươi năm ? Lạ thật !" Sau đó Ngài lại hỏi: "Nhà người đã dạy cho hẳn ta tất cả mọi thứ đó, đúng không ?" Nhưng không đợi trả lời, Ngài ra khỏi chiếc lều tá toi, sặc sụa mùi diêm sinh của chúng tôi, tiến tới con ngựa trắng xinh đẹp của mình rồi chột dừng lại, ngoảnh về phía chúng tôi và mỉm cười như thể Ngài vừa chiêm ngưỡng một kì quan có một không hai, chẳng gì sánh được mà Đức Allah tạo ra để dẹp bớt lòng kiêu ngạo của con người, để chỉ cho họ thấy được tất cả những cái vô tích sự của mình: hoặc một người lùn tí, hoặc là hai anh em sinh đôi giống nhau đến mức khó tin.

Đêm đến tôi nghĩ về chuyện đó, nhưng không phải như Hoja. Anh ta vẫn tiếp tục tức giận Padishah, nhưng tôi bảo không nên giận hoặc cố hạ thấp Ngài. Tôi rất thích ở Ngài về ung dung tự tại, khuôn mặt đáng mến và cách xử sự của một đứa trẻ được nuông chiều, biết mình được quyền nói bất cứ điều gì chột hiện trong tâm trí. Giá mà tôi cũng được như Ngài, trở thành bạn của Ngài. Khi Hoja đã nguôi nguôi và thiếp ngủ trên giường tôi, tôi nghĩ Padishah không đáng bị lừa dối, tôi muốn thú thật với Ngài tất cả mọi chuyện. Nhưng "tất cả" là những chuyện gì ?

Hóa ra đó là mỗi quan tâm hai chiều. Một hôm Hoja bảo Padishah đang chờ tôi, và cả hai cùng lên đường. Đó là một ngày thu đẹp trời, thoảng mùi biển và mùi các loài thủy sinh. Chúng tôi ngồi suốt buổi sáng bên bể nước thả hoa súng, dưới bóng những cây tiêu huyền phương Đông, dưới vòm cây lá đỏ rơi lãng đãng. Padishah muốn nói về những con ếch đang chen chúc trong bể nước. Nhưng Hoja không muốn nói về điều đó, nên chỉ buông mấy câu đái bôi chẳng có nghĩa gì. Chuyện hỗn hào đó khiến tôi sùng sốt nhưng Padishah chẳng hề để ý. Ngài tỏ ra quan tâm đến tôi hơn.

Tôi nói khá lâu về cấu tạo của những con ếch, về sự tuần hoàn máu của chúng, về chuyện nếu cẩn thận tách tim của chúng ra khỏi

cơ thể thì quả tim đó còn đập được khá lâu, về các loại ruồi muỗi và sâu họ mà chúng thường ăn. Để diễn giải về quá trình phát triển từ trứng đến những con ếch, tôi hỏi xin một tờ giấy và chiếc bút lông. Padishah thích thú quan sát tôi vẽ bằng chiếc bút bông lau lấy từ chiếc hộp khám đá rubi vừa được mang đến. Ngài vui vẻ nghe tôi kể những chuyện cổ tích mà tôi được nghe hồi nhỏ, đến đoạn nàng công chúa cúi hôn con ếch Ngài nhăn mặt ghê sợ, nhưng không hề giống anh chàng ngốc trẻ tuổi mà Hoja thường kể lại với tôi, mà có lẽ đúng hơn là giống một cậu thiếu nhi quan tâm đến khoa học và nghệ thuật. Đến cuối cuộc mạn đàm thú vị, mặc dù Hoja liên tục cau có nhìn những bức hình vẽ ếch mà Padishah cầm trên tay, Padishah nói: "Trăm ngờ rằng tất cả các câu chuyện là do nhà người viết ra. Có nghĩa là những bức vẽ cũng của người nót !" Sau đó Ngài lại hỏi về những con ếch có ria mép.

Những cuộc gặp gỡ của tôi với Padishah đã bắt đầu như thế. Giờ đây tôi luôn luôn đi với Hoja vào cung. Thời gian đầu Hoja chủ yếu là im lặng, chỉ có tôi và Padishah nói chuyện với nhau. Đàm đạo với con người thông minh thích bông đùa đang ngồi đối diện về những giấc mơ, những nỗi lo âu, sợ hãi, về quá khứ và tương lai, tôi nghĩ Ngài đâu có giống vị ấu vương mà bao nhiêu năm nay Hoja đã kể cho tôi nghe. Qua những câu hỏi khôn ngoan mà Padishah đặt ra, qua những kiểu ranh vặt của Ngài, tôi hiểu được trong khi đọc những quyển sách của chúng tôi Ngài đã cố đoán xem, trong Hoja có mấy phần là của Hoja và mấy phần là của tôi, còn trong tôi có mấy phần là của tôi và mấy phần của Hoja. Hoja dường như không để ý đến sự tò mò mà anh ta cho là ngốc nghếch đó, thời kì ấy anh ta đang mải mê bận bịu với những khẩu đại bác nòng dài.

Sau khi bắt đầu làm vũ khí được sáu tháng, Hoja lo lắng nghe nói vị chỉ huy pháo binh của triều đình tức giận vì chúng tôi thò mũi vào chuyện không phải của mình, ông ta đòi Padishah hoặc cách chức ông ta hoặc tổng cổ khỏi Istanbul mấy tháng điên rồ đang mượn có cải tiến để phá phách nghề làm đại bác; viên võ tướng này

có thời tìm cách kết thân với Hoja nhưng anh ta không chịu đáp lại. Một tháng sau, khi Padishah lệnh cho chúng tôi không cải tiến đại bác nữa mà chế tạo loại vũ khí khác, Hoja cũng chẳng lấy thế làm buồn lòng. Cả hai chúng tôi đều hiểu những khẩu đại bác chúng tôi mới đúc được chẳng hơn gì loại trước đây từng sử dụng.

Hoja cho rằng chúng tôi lại một lần nữa chuyển sang giai đoạn mới, chúng tôi sẽ có thêm những hoài bão mới và cần phải suy tính mọi chuyện lần nữa. Tôi đã quen với những con giận dữ bột phát và cả những điều tưởng tượng hão huyền của anh ta; đối với tôi, chỉ có sự làm quen với Padishah là mới mẻ. Padishah cũng hài lòng vì quen với chúng tôi. Một ông bố chu đáo phân xử hai anh em cãi nhau khi chơi đùa, tranh nhau những hòn bi: "cái này của anh, cái này của em" như thế nào, thì Ngài cũng xử sự như thế khi nghe chúng tôi nói và quan sát chúng tôi. Tôi thấy những nhận xét của Ngài khá thú vị, đôi khi ngây thơ một cách trẻ con, đôi khi thông minh theo kiểu người lớn; tôi tin là, cố không để chúng tôi nhận thấy, Ngài thầm tách cá tính của tôi ra khỏi con người tôi, gắn nó với cá tính của Hoja, lấy cá tính của Hoja gắn với cá tính của tôi, và tôi có cảm tưởng rằng Ngài hiểu chúng tôi hơn cả bản thân chúng tôi, khi liên kết chúng tôi trong trí tưởng tượng của Ngài.

Khi chúng tôi giải mộng cho Ngài hoặc nói về vũ khí mà khi đó chúng tôi chỉ mới mơ tưởng đến, Padishah bỗng ngắt lời và nói: "Không, đó không phải là ý nghĩ của người, mà là của hấn." Thỉnh thoảng Ngài nói: "Người đang nhìn như thể hấn nhìn, hãy nhìn theo cách của người đi chứ!" Thấy tôi mỉm cười ngạc nhiên, Ngài bèn nói thêm: "Phải thế chứ, khá lắm ! Các người không bao giờ cùng soi gương chung với nhau hay sao ?" Ngài hỏi, khi chúng tôi cùng soi gương thì từng người một bảo tồn được bản thể của mình tới mức nào. Một hôm, Ngài sai rải trước mặt mình tất cả những quyển sách về động vật, những luận văn, những bảng lịch mà chúng tôi đã dâng Ngài suốt bấy nhiêu năm qua, rồi Ngài lần giở những trang sách và phán rằng đoạn này do tôi hay Hoja viết, đoạn này là do ai, vì sao

mà chúng tôi lại đổi chỗ cho nhau. Lần khác, Ngài cho gọi một người có tài bắt chước đến để nhại chúng tôi, khiến Hoja tức giận, còn tôi thì rất thán phục.

Về thân hình và vẻ mặt, người này hoàn toàn chẳng có gì giống chúng tôi, ông ta tầm thước và hơi béo, quần áo mặc cũng khác hẳn, nhưng khi ông ta cất tiếng nói, tôi giật mình kinh hãi: người đang nói không phải ông ta, mà chính là Hoja. Y như Hoja, ông ta cũng cúi sát vào tai Padishah, như thể đang thổ lộ một điều bí mật, cũng nói một cách chăm chú với vẻ mặt đăm chiêu như Hoja, cũng hạ thấp giọng như Hoja khi đi vào chi tiết, cũng khua mạnh tay để thuyết phục người ngồi đối diện, có điều ông ta không nói về các ngôi sao như Hoja, cũng không nói về vũ khí mới, mà liệt kê các món ăn cung đình và các gia vị cần thiết để nấu các món đó. Paishah mỉm cười, còn kẻ bắt chước thì vừa nhìn vẻ mặt thay đổi của Hoja, vừa tiếp tục kể tên các thành phố trên đường từ Istanbul đến Aleppo (*một thành phố ở Syria*). Sau đó Padishah bảo người nhại giỏi bắt chước tôi. Trong diễn tả của ông ta, tôi giống như một thằng ngốc đang há mồm kinh ngạc. Khi Padishah bảo người này vừa bắt chước tôi vừa bắt chước Hoja, tôi vô cùng thán phục. Nhìn theo cử động của ông ta, tôi thầm ghi nhận:

"Đây là mình, đây là Hoja", - nhưng chính người nhại đã dùng ngón tay lần lượt trỏ vào người mà ông ta bắt chước. Padishah khen ngợi ông ta và bảo chúng tôi hãy suy nghĩ về chuyện này.

Những lời đó ngụ ý gì ? Chiều hôm đó tôi nói với Hoja là Padishah thông thái hơn rất nhiều so với những gì anh ta vẫn kể tôi nghe, Padishah sẽ đi theo con đường mà Ngài muốn thuyết phục chúng tôi, nhưng Hoja vẫn cứ nổi giận. Tôi rất hiểu Hoja, khi bị bắt chước thì quả là ai cũng cảm thấy không thể nào chịu nổi. Sau sự việc đó Hoja bảo là nếu không đặc biệt cần thiết thì anh ta sẽ chẳng bao giờ thèm đặt chân đến cung điện nữa. Khi mà rốt cuộc anh ta có được cơ hội đã mong chờ bấy nhiêu năm, anh ta lại không muốn

hiện diện giữa đám người ngu xuẩn và đem thân ra làm trò cười cho họ. Nếu như tôi đã biết Padishah ham thích những gì, nếu như tôi hâm mộ những trò đùa cợt, thì tôi cứ việc thế chỗ anh ta mà vào cung cấm. Khi tôi nói Hoja bị ốm, Padishah không tin.

'Thôi cứ để hẳn ta làm vũ khí', Ngài nói.

Vậy là trong khoảng thời gian bốn năm, khi Hoja làm vũ khí, tôi thế chân anh ta vào cung điện, còn anh ta thì ở nhà cùng những mơ ước của mình, giống như tôi trước đây.

Trong bốn năm đó, tôi biết được rằng đời tôi không chỉ là chờ đợi, mà còn là hoan lạc. Những người khác thấy tôi được Padishah sủng ái không kém Hoja đã tranh nhau mời mọc tôi tới dự các buổi lễ lạt và tiệc tùng liên miên hầu như ngày nào cũng được tổ chức. Khi thì con gái quan đại thần lấy chồng, khi thì Padishah vừa sinh thêm hoàng tử, rồi các con Ngài chịu lễ cắt da quy đầu, hôm sau lại là ngày đánh chiếm được thành trì người Hung, tiếp đến là lễ mừng thế tử bắt đầu đi học, rồi đến tháng chay Ramadan, sau đó hội hè lại tiếp tục. Trong những cuộc chè chén liên miên ấy tôi ăn quá nhiều thịt mỡ, *pilar* ((hoặc *plov*, *pilat*, *pulao*, *pulav*... tùy mỗi nước): món ăn của nhiều nước Trung Đông, Trung Á và Nam Á, gồm cơm nấu với thịt cừu và cà rốt băm nhỏ), những con sư tử, đà điểu, những nàng tiên cá nặn bằng đường, và hạt hồ trăn tử, nên chẳng bao lâu tôi trở nên béo quay. Nhiều ngày liền tôi ở lại xem các trận so tài đọ sức giữa các võ sĩ cho đến tận khi ngã ngũ thắng bại, những nghệ sĩ cầm sào đi trên sợi dây chằng giữa hai ngọn tháp giáo đường, những lực sĩ dùng răng cắn nát chiếc móng sắt đóng chân ngựa, những nghệ sĩ phóng dao, những nhà quý thuật lôi ra từ trong áo quần của mình những con rắn, bồ câu và khí, những nhà ảo thuật lấy cắp chiếc chén từ tay ta hoặc tiền từ túi ta nhanh như chớp, hoặc xem những trận đấu khâu do Karagoz và Harvat (các nhân vật dân gian quen thuộc trong nhà hát bóng Thổ Nhĩ Kỳ) trình diễn mà tôi rất mê. Đêm đến, nếu không có pháo hoa, như mọi người khác, tôi cùng những người bạn mới quen đến một trong các cung điện hoặc biệt thự để tiêu khiển,

uống rượu *raki* (một loại rượu Anis của Thổ Nhĩ Kỳ, khi pha thêm nước thì ngả màu trắng, nên còn có tên là "sữa sư tử") và rượu vang hàng giờ liền, nghe nhạc và vừa ngắm những vũ nữ tuyệt đẹp đang bắt chước những con linh dương ngái ngủ, hoặc những chàng trai và các cô gái đáng yêu múa ba lê, nghe các nhạc sĩ đến từ Venice biểu diễn và sung sướng với tiếng tăm ngày càng nổi của mình.

Tôi thường đến các tòa biệt thự của các đại sứ quán, nơi người ta cũng chú ý đến tôi, để xem các vũ công mặc giả đàn bà, vừa chạm cốc cùng các nghệ sĩ đang hát những bài cảm động hoặc vui nhộn bằng giọng ca mùi mẫn.

Chiều chiều tôi từ các dinh thự và chốn cung đình trở về nhà với cái đầu ngậy ngất rượu vang, tâm trí còn lớn vờn dáng hình những tấm thân tuyệt đẹp được chiêm ngưỡng, và thường gặp Hoja đang làm việc sau chiếc bàn đóng từ hai mươi năm trước của chúng tôi. Anh ta làm việc với tốc độ ghê gớm mà trước đây tôi chưa từng thấy, chiếc bàn xếp đầy những vật lạ lùng mà tôi chẳng biết để làm gì, những tờ giấy có các hình vẽ hoặc ghi chép bằng nét chữ kích động. Anh ta đề nghị tôi kể lại những gì tôi đã thấy và làm trong ngày hôm ấy, đôi khi bắt bình ngắt lời tôi, gọi những thứ giải trí ấy là bất nhã và ngu xuẩn, rồi bắt đầu nói về "chúng ta", "chúng nó", và giảng giải cho tôi hiểu về dự án của mình.

Hoja lặp lại lần nữa rằng tất cả mọi điều này đều liên quan tới những gì chứa đựng trong đầu chúng tôi, anh ta dựa vào đó để đặt cơ sở cho dự án của mình. Anh ta xúc động nói về bộ óc như một cái tủ chất đầy các thứ lặt vặt một cách đối xứng hoặc lộn xộn, nhưng tôi không thể hiểu được thứ vũ khí chứa đựng tất cả mọi hy vọng của anh ta, tất cả mọi hy vọng của chúng tôi sẽ có hình thù như thế nào. Tôi không nghĩ rằng trên đời này có ai đó lại có thể hiểu được điều ấy, thậm chí đôi lúc tôi có cảm tưởng rằng chính bản thân Hoja cũng chẳng hiểu được. Anh ta bảo đến một lúc nào đó sẽ có ai đó bỏ đầu chúng tôi ra và chứng minh rằng những ý nghĩ của anh ta có lý.

Hoja nói về sự thật vĩ đại mà anh ta đã đoán ra khi chúng tôi cùng nhìn vào tấm gương trong thời kỳ dịch hạch, bây giờ anh ta cảm thấy mọi thứ đã sáng tỏ và đang vạch ra cách hoàn thiện vũ khí bằng cách dựa vào sự thật ấy ! Khi thấy những lời xúc động của anh ta không thấu tai tôi, anh ta trở ngón tay vào tờ giấy, chỉ cho tôi xem một vệt đen có hình thù kì quái.

Mỗi lần xem, dường như hình dạng của vệt đen ấy lại hơi thay đổi, gọi cho tôi nhớ về một điều gì đó. Nhìn vào bức vẽ, có lúc tôi chợt liên tưởng đến hình ảnh quỷ Shaitan, tôi giật mình thoáng nghĩ có lẽ mình có thể kể lại những gì đã thấy, nhưng có lí do nào đó ngăn không cho tôi thực hiện điều ấy ngay lập tức, và tôi nghĩ chắc đó chỉ là trò đùa lạ lùng của trí tưởng tượng của mình mà thôi. Trong suốt bốn năm tôi đã nhìn đồ án với những chi tiết phác vẽ lộn xộn trên những tờ giấy khác nhau và phát triển dần dần để có được hình dạng cuối cùng; khi được thực hiện, có thể dự án này sẽ ngốn hết tất cả khoản tiền chúng tôi gom góp được trong những năm qua, và tất cả sức lao động chúng tôi đổ vào cho nó. Tôi gắn đồ án này với những gì chúng tôi đã luận bàn từ nhiều năm trước, khi biết bao nhiêu lần chúng tôi đã chia sẻ với nhau những hồi tưởng của mình, đôi khi là hiện thực, đôi khi tự bịa ra, nhưng ý nghĩ của tôi không thành hình được, và tôi đã uống công vượt qua sự mơ hồ đó, khi cố hy vọng là rốt cuộc điều bí mật của vũ khí sẽ tự mình bộc lộ. Sau bốn năm, các chi tiết nhỏ đã biến thành một vật quái dị khủng khiếp có kích thước bằng cả một ngôi giáo đường lớn, khiến cho cả thành Istanbul xôn xao bàn tán và so sánh với đủ thứ trên đời. Hoja quả quyết đây là một loại vũ khí đặc biệt, không sánh được, còn tôi thì cố tìm cách đi sâu vào những chi tiết cụ thể của đề án mà Hoja thường nói đến, khi tiên đoán về thành công trong tương lai của loại vũ khí mà anh ta đang chế tạo.

Sáng nào cũng vậy, khi đến cung điện, tôi kể cho Padishah nghe một cách tỉ mỉ về sáng chế của chúng tôi, như thể cố nhớ lại giấc mơ tối qua đang nhòa dần trong ý thức. Tôi nói về những bánh

xe, những khối, những tháp, về thuốc nổ và tay gạt mà Hoja bèn bí giảng giải cho tôi nghe. Lời lẽ không phải của tôi, và trong chúng không có sự hào hứng bốc lửa của Hoja, nhưng tôi thấy chúng gây cho Padishah những ấn tượng mạnh. Tôi cũng cảm thấy xúc động chứng kiến con người tôi coi là thông thái ấy tràn ngập hy vọng khi nghe bài thơ trác việt của Hoja về chiến thắng và sự giải thoát qua lời thuật lại không chính xác của tôi. Padishah bảo anh chàng Hoja đang ở nhà chính là tôi. Tôi đã quen với trò đánh đố trí tuệ mà trước đây từng khiến tôi luống cuống. Khi Ngài nói tôi là Hoja, tôi nghĩ tốt hơn hết là đừng cố hiểu làm gì, vì ngay sau đó ắt Ngài sẽ bảo tất cả những thứ đó là tôi dạy cho Hoja. Cái người uể oải là tôi hôm nay, đó không phải là tôi, mà là cái thằng tôi ngày trước đã làm thay đổi Hoja ! Sẽ tốt hơn nếu chúng tôi nói về các thú tiêu khiển, về những con vật, về cuộc tuần hành của thợ thủ công sắp tới, tôi nghĩ bụng. Sau đó Padishah nói mọi người đều biết tôi mới là kẻ đứng đằng sau dự án về vũ khí này.

Điều khiến tôi lo ngại nhất chính là chuyện đó. Một thời gian dài Hoja chẳng đi đâu, hầu như mọi người đã quên lãng anh ta, họ thường thấy bản thân tôi bên cạnh Padishah trong các biệt thự, các cung điện, trong thành phố, và tôi bắt đầu bị người ta ghen ghét ! Ngày này qua ngày khác, những chuyện đàm tiếu ấy càng lan rộng, mà hoàn toàn không phải vì chúng tôi thu được nhiều lợi tức từ các ngôi làng, các khu vườn trồng ôliu và nhà cửa được cấp để chi tiêu cho việc làm vũ khí, cũng không phải vì tôi gần gũi Padishah, mà bởi tôi là kẻ ngoại đạo, và bởi cùng với thứ vũ khí ấy chúng tôi đã chúí mũi vào những công việc không phải của mình. Khi tôi không còn sức để nghe tất cả những điều đó, tôi đã nói về lo ngại của mình với Hoja và Padishah.

Nhưng họ chẳng mấy may chú ý đến những lời tôi nói. Hoja thì để hết tâm trí vào công việc. Tôi ghen tỵ với anh ta, như người già ghen tỵ lòng say mê của cánh thanh niên. Mấy tháng gần đây, khi anh ta chuyển sang trực tiếp chế tạo thứ vũ khí đáng sợ như một

con quái vật và ném vào đó những khoản tiền không thể tin được, và đúc chiếc nòng súng có kích thước mà không một quả đạn nào có thể bay qua, anh ta không muốn nghe bất cứ điều gì về những lời đàm tiếu của thiên hạ mà tôi kể lại. Hoja chỉ quan tâm đến mỗi chuyện duy nhất: trong các tòa đại sứ người ta có bàn tán gì về chuyện ấy không, các vị đại sứ là người như thế nào? Đầu óc của họ làm việc ra sao? Họ nghĩ gì về vũ khí này? Và điều chính yếu: tại sao Padishah không cử đại sứ thường trực đến các quốc gia ấy? Tôi cảm thấy anh ta sẵn lòng nhận chức vụ ấy để thoát khỏi bọn ngu xuẩn ở đây, nhưng anh ta không nói thẳng ra chuyện đó, thậm chí ngay cả khi gặp khó khăn trong việc thực thi dự án, khi tấm thép anh ta đúc ra bị gãy, hay khi rơi vào tuyệt vọng vì lo sợ không đủ kinh phí. Chỉ có mấy lần anh ta buột miệng: giá mà liên hệ được với các nhà khoa học "của họ"; biết đâu họ sẽ hiểu được sự đúng đắn trong các ý tưởng của chúng tôi. Anh ta muốn trao đổi thư từ với các nhà khoa học ở Venice, ở Florence, anh ta nêu tên một số quốc gia ở xa hơn vừa chợt nhớ ra. Không biết trong số những nhà khoa học ấy, những ai là người xuất sắc nhất, họ sống ở đâu, có thể viết thư cho họ được không, liệu tôi có thể hỏi về những điều ấy trong các tòa đại sứ? Nhưng tôi quá mải mê với các trò tiêu khiển và chẳng còn quan tâm đến việc chế tạo vũ khí, nên quên mất lời đề nghị có phần buồn chán đó, những lời mà kẻ thù của chúng tôi nghe được ắt phải phẫn khởi vô cùng.

Padishah không để ý đến những câu chuyện đơm đặt của bọn thù ghét chúng tôi. Khi tôi phàn nàn với Ngài rằng trong thời gian Hoja tìm kiếm những người to gan sẽ chui vào con quái vật bằng thép ấy và sẽ quay chiếc bánh xe trong mùi gỉ sắt nóng nực thiêu đốt lỗ mũi, người ta đã thêu dệt đủ chuyện về anh ta, Padishah thậm chí không buồn nghe tôi kể lại. Như thường lệ, Ngài nhắc lại cho tôi về những lời Hoja nói. Cũng như Hoja, Ngài nói về những gì chứa đựng trong đầu người ta, và đồng thời, cũng như Hoja trước đây, Ngài hỏi người dân ở quê cũ của tôi sinh sống như thế nào.

Tôi kể cho Ngài nghe về những điều tưởng tượng của mình. Tôi thường nói về điều đó nhiều đến nỗi chính bản thân tôi cũng tin vào những điều tưởng tượng của mình và không còn hiểu được đó có phải là những sự kiện mà tôi đã trải qua thời trẻ hay không, hay là những câu chuyện bịa đặt, do ngòi bút tôi hư cấu ra khi tôi ngồi bên bàn viết sách; đôi khi tôi mua vui cho Ngài bằng những điều tưởng tượng chợt đến với tôi; đôi khi tôi kể lại những chuyện cổ tích cũ hay sáng tác những câu chuyện mới. Bởi Padishah rất thích chi tiết cụ thể, tôi nhất thiết nhắc đi nhắc lại rằng quần áo của tất cả mọi người ở quê tôi đều đơm rất nhiều cúc, chính bản thân tôi cũng đã không thể hiểu được, những chi tiết nào tôi đã gạn lọc từ trong kí ức và những chi tiết nào do tôi tưởng tượng ra. Nhưng có một số hồi ức thực tế không bị xóa nhòa sau hai mươi năm, chẳng hạn câu chuyện của tôi với mẹ, bố và mấy người anh em trai khi ăn sáng dưới bóng những cây bồ đề trong vườn. Padishah rất thích những câu chuyện đó. Một hôm, Ngài bảo tôi rằng phần nhiều tất cả các cuộc đời đều giống nhau. Không hiểu sao, những lời ấy khiến tôi hoảng sợ, chắc tại Padishah có vẻ mặt ranh mãnh mà tôi chưa từng thấy bao giờ. Tôi muốn hỏi xem những lời ấy có nghĩa là gì. Tôi lo sợ nhìn Ngài và muốn nói rằng: "Thần chính là thần đây." Dường như, nếu mà tôi dám nói mấy lời rỗng tuếch đó, tôi sẽ vô hiệu hóa mọi âm mưu của bọn ngòi lê đôi mách, của Hoja và của Padishah, những người muốn biến tôi thành người khác, và tôi sẽ yên ổn sống trọn cuộc đời mình. Nhưng tôi sợ hãi im lặng, như tất cả những ai sợ hãi bất kì lời nói khó hiểu nào của Ngài, vì không muốn đánh mất cuộc sống yên ổn của mình.

Điều đó xảy ra vào mùa Xuân, khi Hoja kết thúc việc chế tạo vũ khí nhưng chưa tiến hành thử nghiệm bởi chưa kiếm được đủ số người cần thiết. Chúng tôi sững sốt khi biết một tuần sau đó Padishah đã cùng quân đội hành binh đi Ba Lan. Tại sao Ngài không mang theo thứ vũ khí mới chế tạo có thể quét sạch mọi kẻ thù, tại sao Ngài không đưa tôi đi cùng, tại sao Ngài không tin cậy chúng tôi

? Giống như những ai ở lại Istanbul, chúng tôi nghĩ chắc là trên thực tế Padishah không những ra trận, mà còn làm một chuyến đi săn. Hoja hài lòng vì còn những một năm trì hoãn, còn tôi thì chẳng biết làm gì. Và chúng tôi lại cùng nhau hoàn thiện vũ khí.

Phải vất vả lắm chúng tôi mới kiếm được đủ người để thử nghiệm. Chẳng ai muốn chui vào bên trong công trình có vẻ ngoài đáng sợ và khó hiểu ấy. Hoja phải hứa trả nhiều tiền, chúng tôi cho người rao tìm khắp bến tàu, nhà máy đúc súng, tìm kiếm giữa đám thất nghiệp ở các tiệm cà phê, trong đám trộm cướp và bọn thích phiêu lưu. Phần lớn những người chúng tôi tìm được đều cố trấn áp nỗi sợ hãi để chui vào trong bụng cái công trình lạ lùng ấy, nhưng chẳng ai chịu đựng nổi vì họ phải quay bánh xe trong cái nóng đáng sợ, và rốt cuộc họ bỏ trốn hết thảy. Dưới ánh nhìn sợ hãi và kinh ngạc của những người tò mò, trong tiếng reo hò đắc thắng, vũ khí của chúng tôi vung về nhúc nhích, rung lên, các khẩu đại bác phóng đạn về phía pháo đài giả định rồi đứng ì ra. Tiền bạc từ các làng và những vườn ôliu vẫn tiếp tục đổ về, nhưng do tiêu pha quá tốn kém nên Hoja đành giải tán nhóm người mà khó khăn lắm chúng tôi mới tuyển mộ được.

Mùa Đông trôi qua trong chờ đợi. Padishah trở về sau chuyến đi săn và ngự lại trong tòa lâu đài yêu quý ở Edirne; chẳng ai gọi tôi vào cung, nên tôi cùng Hoja ngồi ở nhà. Chẳng có ai để mà kể những câu chuyện li kì, tối đến, trong biệt thự chẳng có ai để cùng giải trí cho khuây khỏa, cũng chẳng có việc gì để làm. Tôi cố giết thì giờ bằng cách thuê một họa sĩ đến từ Venice vẽ bức chân dung của tôi và học chơi đàn oud (*một loại đàn dây cổ*); Hoja thì thỉnh thoảng lại đến Kuledibi, nơi anh ta cất giữ vũ khí và cất cử người canh gác. Anh ta vẫn tiếp tục hoàn thiện sáng chế của mình, bổ sung thứ này thứ nọ, nhưng chẳng bao lâu sau điều đó khiến anh ta chán ngấy. Trong những ngày đông cuối cùng mà chúng tôi sống cùng nhau, anh ta không nói với tôi về vũ khí và về chuyện anh ta sẽ làm gì với vũ khí đó. Hoja rơi vào một trạng thái uể oải chán ngán, nhưng không phải

vì lòng hăng hái đã nguội lạnh, mà do tôi không hưởng ứng sự quan tâm của anh ta đối với vũ khí vừa sáng chế xong.

Và thế là các buổi tối của chúng tôi lại trôi đi trong chờ đợi: khi thì chờ đến lúc mưa tạnh hay gió ngừng, khi thì chờ đến khi người bán ngẫu tượng đến, khi thì chờ đến lúc phải bỏ thêm củi vào lò. Chờ cho đến khi ngọn đèn lay lắt cuối cùng phía bên kia vịnh Sừng Vàng tắt hẳn, chờ khi nào giấc ngủ kéo đến mà mãi nó không chịu đến cho, chờ tiếng chuông Azart gọi giờ cầu kinh buổi sáng... Vào một buổi tối, khi chúng tôi hầu như không nói năng gì với nhau mà cùng đắm chìm trong mơ tưởng, Hoja đột ngột bảo là tôi đã thay đổi rất nhiều và đã trở thành một người hoàn toàn khác hẳn. Tôi bỗng thấy choáng váng, thậm chí toát mồ hôi hột, tôi muốn phản đối và nói là anh ta đã nhầm. Tôi vẫn y như trước kia đấy chứ, tôi và anh ta vốn giống nhau, cần phải làm sao để tôi quan tâm đến anh ta như trước, chúng tôi còn nhiều chủ đề để luận bàn với nhau. Nhưng khi người họa sĩ mang tấm chân dung đến cho tôi vào buổi sáng ấy và treo lên tường, tôi biết Hoja nói đúng: tôi đã thay đổi nhiều, đã trở nên đầy đà hơn sau các bữa tiệc chiêu đãi, cảm tôi đã xuất hiện vòng gấn thứ hai, bắp thịt nhão hơn, cử động chậm chạp, tệ nhất là khuôn mặt tôi trở nên khác hẳn, bởi các nụ hôn mà hai mép tôi in dấu sự tro trẽn, vì ngủ nghê không giờ giấc mà mắt tôi có vẻ mệt mỏi, còn ánh nhìn thì trở nên đờ đẫn, như thường thấy ở những kẻ đần độn luôn bằng lòng với cuộc sống, thế giới xung quanh và bản thân. Nhưng tôi cảm thấy hài lòng với diện mạo mới của mình, nên tôi im lặng.

Sau này, khi chúng tôi được báo tin là Padishah cho gọi chúng tôi đem vũ khí đến Edirne, tôi thường mơ thấy mỗi một giấc mơ ấy: dường như chúng tôi đang tiêu khiển tại một vũ hội giả trang ở Venice, có vẻ giống như những cuộc chơi ở Istanbul; tôi thấy mẹ và vị hôn thê của mình, khi họ bỏ tấm mặt nạ giả làm người hạ lưu xuống, tôi cũng bỏ mặt nạ của mình để họ thấy tôi, nhưng họ không biết rằng tôi - chính là tôi. Họ lấy chiếc mặt nạ đánh vào chiếc que để

trở ai đó; tôi ngoảnh lại và trông thấy Hoja - người mà họ nhầm tưởng là tôi. Để giúp mẹ và vị hôn thê nhận ra mình, tôi lao về phía Hoja với niềm hy vọng, nhưng khi anh ta tháo mặt nạ ra, tôi đã thấy lại hình ảnh của bản thân hồi còn thanh niên và giật mình tỉnh dậy với sự kinh hãi và cảm giác có lỗi.

Đầu mùa Hè, khi biết Padishah đang đợi chúng tôi và vũ khí tại Edirne, Hoja bắt đầu hành động. Hóa ra, anh ta đã chuẩn bị sẵn sàng và suốt mùa Đông luôn giữ liên lạc với những người phụ việc được tuyển lựa trước đây. Sau ba ngày chuẩn bị, chúng tôi đã sẵn sàng lên đường. Tối hôm trước, Hoja xem xét lại tất cả những quyển sách cũ gáy bìa sòn rách, những trước tác dang dở, những bản thảo giấy đã ngả vàng và dọn dẹp đồ đạc, như thể chúng tôi sắp chuyển đến nhà mới. Suốt cả đêm, anh ta lên giây chiếc đồng hồ định giờ cầu nguyện đã han gỉ, lau bụi bám trên những thiết bị thiên văn, lục lọi bản vẽ các thiết bị và những bản thảo mà chúng tôi đã viết trong suốt hai mươi lăm năm. Khi trời gần sáng, tôi thấy anh ta lật giở những trang giấy ố vàng rách nát của quyển vở mà tôi ghi chép thời chúng tôi cùng làm pháo hoa và ngượng ngịu hỏi: có đưa nó theo không, biết đâu chẳng có lúc cần ? Ánh mắt bàng quan của tôi khiến Hoja nổi giận, anh ta ném quyển vở vào xó nhà.

Nhưng dù sao đi nữa, trong chuyến chu du kéo dài suốt mười ngày ròn rã đến Edirne, chúng tôi cảm thấy gần gũi nhau hơn. Trước hết, đó là bởi khi thấy vũ khí của chúng tôi - khẩu súng bị gọi là quái vật, là côn trùng, là quỷ Shaitan, là con rùa có những mũi tên, là pháo đài lặn, là người khổng lồ bằng sắt, là cái chảo có bánh xe, là con lạc đà, là quỷ độc nhãn Cyclops... - âm ì rên xiết trên đường, phát ra tiếng động kinh khiếp, khiến ai trông thấy cũng phải hãi hùng, Hoja lại bắt đầu hy vọng. Hoja phấn chấn hẳn lên khi thấy dọc đường, những người tò mò từ các làng lân cận đổ ra xem vũ khí của chúng tôi, nhưng họ chỉ đứng trên những ngọn đồi xa xa, sợ hãi ngó xuống mà không dám lại gần. Đêm đến, khi đám người phụ việc của chúng tôi đã lặn ra ngủ mê mệt sau một ngày vất vả, trong màn đêm hoàn toàn yên lặng chỉ bị phá vỡ bởi tiếng côn trùng rên rĩ, Hoja kể

cho tôi nghe vũ khí không lồ sẽ chiến đấu ra sao với quân thù. Thực ra mà nói, Hoja không còn hào hứng như thuở ban đầu - cũng giống như tôi, anh ta lo lắng, hồi hộp chưa biết Padishah và đám quần thần sẽ tiếp nhận vũ khí ra sao, nó sẽ có vị trí thế nào trong quân đội. Tuy vậy, anh ta vẫn nói một cách bình thản và tự tin về "cơ hội cuối cùng của chúng ta", về dòng chảy của con sông mà chúng tôi cần nắm về phía cần thiết, và chủ yếu là nói về "chúng ta" và "chúng nó".

Vũ khí được đưa đến Edirne một cách long trọng, nhưng chẳng khiến ai thích thú, ngoại trừ Padishah và một vài kẻ ăn bám trong đám tùy tùng của Ngài. Padishah chào đón Hoja như một người bạn cũ, Ngài nói về các khả năng của cuộc chiến tranh, nhưng không tỏ ra lo lắng và sẵn sàng một cách đặc biệt. Hai người lại tiếp tục ở bên nhau suốt ngày. Tôi cũng sát nhập với họ, tháp tùng hai người khi họ đi ngựa qua đám rừng âm u nghe chim hót, hoặc quan sát ếch nhái trong những cuộc dạo chơi dọc sông Tunja và Merich, hoặc đến sân giáo đường Selimiye xem những con cò bị thương trong trận giao đấu với chim ưng, hoặc ngắm nghía vũ khí mới, để lần nữa đánh giá các phẩm chất và tính ưu việt của nó. Tôi cay đắng nhận ra là mình chẳng thể nào xen được vào câu chuyện của họ, không thể kể cho hai người nghe một điều gì đó khiến họ thực sự chú ý. Có thể là tôi ghen tỵ với tình bạn của họ, nhưng ngoài điều đó, tôi đã chán ngấy điệp khúc của Hoja về thắng lợi, về ưu thế đối với những người khác, về sự cần thiết phải khuấy động tinh thần binh sĩ và chuyển sang tấn công; tôi ngạc nhiên khi thấy Padishah tin tưởng vào những câu chuyện huyền thoại về tương lai ấy.

Đến giữa mùa hè, những câu chuyện về chiến tranh càng được đề cập đến thường xuyên hơn. Hoja gọi tôi và tuyên bố rằng anh ta cần một người tin cậy và mạnh mẽ. Chúng tôi vội vã rảo bước trên đường phố Hairne, qua các khu Digan và Do Thái, theo những con phố xám xịt buồn thảm mà trước đó tôi đã có lần dạo chơi, qua những ngôi nhà nghèo nàn giống nhau như đúc. Bất ngờ, tôi phát hiện ra phía bên kia đường mấy ngôi nhà được bao phủ bởi những

dãy nho vắn vít mà chúng tôi vừa mới đi qua, và hiểu rằng này giờ mình đang quanh quẩn trên cùng một con phố. Tôi nói điều đó với Hoja, anh ta đáp: phải rồi, chúng ta đang đi trong khu phố Fildami. Đúng lúc ấy anh ta gõ cửa ngôi nhà, một cậu bé mắt xanh chừng tám tuổi ra mở cửa. "Chúng tôi đi tìm những con sư tử của Padishah bị sống chuồng", Hoja bảo cậu bé. Anh ta gạt nó sang một bên và bước vào nhà, tôi vội bước theo. Mùi xà phòng, mùi gỗ và bụi bặm xông lên nồng nặc. Chúng tôi bước vội lên lầu theo chiếc cầu thang gỗ tranh tối tranh sáng kê cốt kết đế vào phòng ngoài. Hoja mở hết cửa nọ đến cửa kia. Ở phòng thứ nhất có một ông già đang gà gật ngủ, cái miệng rưng hết răng há hốc, hai đứa bé đang ghé sát bộ râu của ông ta để hỏi điều gì đó cùng giật mình sợ hãi khi cửa mở ra. Hoja khép cửa lại và mở cánh cửa khác, trong phòng có một đồng chăn lớn và những mảnh vải để may chăn. Cậu bé vừa mở cửa cho chúng tôi vào nhà lúc này vội chạy tới, đứng cản trước cánh cửa phòng thứ ba trước khi Hoja bước đến: "Ở đây không có con sư tử nào đâu, chỉ có mẹ và chị dâu thôi" nhưng Hoja đã mở toang cửa: hai người đàn bà ngoảnh lưng về phía chúng tôi đang cầu nguyện trong ánh sáng lò mờ. Ở phòng khác, một người đang khâu chăn, anh ta không có râu nên có vẻ giống tôi; thấy Hoja, anh ta nhòm dậy: "Thằng điên kia, mày về làm gì ? Mày cần gì ở chúng tao hả ?". "Chị Semra đâu ?" - Hoja hỏi "Nó đi Istanbul từ mười năm trước rồi, - người kia trả lời, - nó đã chết vì dịch hạch. Sao mày không nghèo đi cho rồi ?" Hoja không đáp, theo cầu thang đi xuống và ra khỏi cửa. Đi theo anh ta, tôi nghe thằng bé lúc này lớn tiếng hỏi và tiếng người đàn bà trả lời: "Có phải là sư tử đến không hả mẹ ?" - "Không, đây là bác của con và em trai của bác ấy !"

Có thể do tôi không thể quên được chuyện xảy ra hôm ấy hoặc giả do chuẩn bị trước cho quyển sách mà quý vị đang kiên nhẫn đọc, sau đó khoảng một tuần tôi đã quay lại ngôi nhà ấy. Trong ánh sáng ban ngày chật vật lắm tôi mới tìm được con phố và ngôi nhà ấy, và khi đã tìm được, tôi cố xác định con đường ngắn nhất từ đây tới giáo

đường Beyazit. Có lẽ tôi đã nhầm khi cho rằng mẹ con họ thường đi lối đường tắt ngắn nhất, nên không thể tìm được lối đi qua chiếc cầu có những cây phong tỏa bóng mát hai bên, còn con đường với những hàng phong mà rốt cuộc tôi tìm thấy thì lại không chạy dọc bờ sông, để có thể ngồi đó vừa ăn bánh khanva vừa ngâm chân xuống nước. Và cái nhà thương ở đó chẳng có gì trùng với những điều chúng tôi đã hình dung, không có bùn đất bẩn thỉu - có thể nói đây là một nhà thương rất sạch sẽ, - cũng chẳng nghe thấy tiếng nước nhỏ giọt và những chai lọ nhiều màu. Thấy một bệnh nhân bị xiềng, không tìm được nên tôi buột miệng hỏi người thầy thuốc về anh ta: người này bị rồ tình, và cũng như phần lớn người điên, anh ta tưởng mình là người khác - người thầy thuốc giải thích và chắc là sẽ còn kể nhiều hơn, nhưng tôi đã không còn lắng nghe nữa.

Quyết định về cuộc hành binh được ban ra hoàn toàn bất ngờ: sau trận chiến bại năm ngoái, những người Ba Lan trước đây buộc phải cống nạp nhiều hơn, nay bỗng bấn tin: "Hãy đến đây dùng gươm mà thu thuế!" Hoja muốn nổ tung vì tức giận: quân đội chuẩn bị hành binh mà không hề có kế hoạch mang theo vũ khí của anh ta; không ai muốn thấy cái đồng sắt thép khổng lồ ấy bên cạnh mình, không ai chờ đợi điều gì tốt đẹp từ cái chảo quái dị đó, đã thế, người ta còn cho rằng nó sẽ mang theo tai họa ! Đêm trước cuộc hành quân ra trận, khi Hoja đang ngồi viết lời hoan tống cho vũ khí của mình, những kẻ thù địch với chúng tôi đã láo xược công khai tuyên bố rằng: vũ khí mới rất có thể sẽ đem lại thắng lợi, nhưng cũng có thể mang theo thất bại. Tôi đâm ra hoảng sợ khi Hoja kể với tôi rằng chúng sẽ coi tôi, chứ không phải anh ta, là nguyên nhân của sự thất bại đó. Padishah bảo Hoja là Ngài tin tưởng vào vũ khí mới, và nó sẽ thuộc quyền điều khiển trực tiếp của Ngài. Chúng tôi lên đường đi Edirne vào một ngày tháng Chín nóng nực.

Mọi người đều nghĩ rằng khởi đầu cuộc hành binh vào giai đoạn ấy trong năm là hơi muộn, nhưng ai cũng cố gắng không nói điều đó thành tiếng: lần đầu tiên tôi được biết rằng khi ra trận binh

sĩ sợ điềm gở không kém gì sợ kẻ thù, nhưng họ cố chế ngự nỗi sợ hãi ấy. Ngày đầu tiên trên đường tiến về phía Bắc, chúng tôi đi qua những làng mạc giàu có, qua những chiếc cầu oằn xuống dưới sức nặng của khí tài. Tối đến, Padishah gọi chúng tôi tới lầu của Ngài khiến chúng tôi không khỏi cảm thấy bất ngờ. Cũng giống như các binh sĩ khác, Padishah có vẻ háo hức, tò mò và hồi hộp của một đứa trẻ bắt đầu một trò chơi mới.

Ngài bảo Hoja giải đáp về những việc xảy ra trong ngày: đám mây đỏ khi mặt trời lặn, những con chim ưng sà thắp trên ống khói nứt vỡ của một ngôi nhà trong làng, những con sếu bay về phương Nam... có ý nghĩa gì ? Dĩ nhiên, Hoja đoán giải những điều đó như là các điềm may mắn.

Nhiệm vụ của chúng tôi không chỉ có vậy: hóa ra trong thời gian chiến trận, Padishah vẫn thích nghe kể những chuyện đáng sợ. Dựa vào nguồn cảm hứng từ những câu thơ mà Padishah yêu thích nhất trong những quyển sách chúng tôi dâng lên Ngài từ nhiều năm trước, Hoja bịa ra các trận đánh đẫm máu, các cuộc chiến bại, lời nguyện rửa, sự phản bội và cảnh bần cùng - những bức tranh đen tối nhất, nhưng chỉ ở mức sao cho ánh mắt hãi hùng của Padishah vẫn thấy được ráng hồng thắp lợi thấp thoáng phía chân trời xa thẳm. Chúng tôi cần phải gồng hết tất cả trí tưởng tượng để kích lệ, động viên Ngài. Sau các câu chuyện về "chúng ta" và "chúng nó", cần phải làm cho Padishah quan tâm đến những ý tưởng của chúng tôi. Những ý tưởng mà Hoja đã đề cập đến trong ngàn ấy năm ròn, mà tôi thì chỉ muốn cho vào dĩ vãng ! Chắc là để Padishah không thấy nhàm chán, mỗi một buổi tối Hoja lại tô đậm thêm cảnh khủng khiếp, đen tối và gớm ghiếc trong các câu chuyện của mình, mà tôi đã thấy chán ghét. Nhưng tôi nhận thấy rằng Padishah hài lòng nghe nói về những ý tưởng mà chúng tôi đeo đuổi nhiều năm ròn. Một tuần sau khi bắt đầu khởi binh, những cuộc đi săn đã được tổ chức. Có những người được huấn luyện đặc biệt cùng đi với quân đội để làm điều đó. Thoạt đầu họ đi thám thính, sau đó

Padishah, những người thợ săn và chúng tôi tách khỏi đoàn quân, tiến vào cánh rừng vốn nổi tiếng có nhiều linh dương hoặc lên những sườn đồi, nơi người ta dồn đuổi lợn lòi, hoặc vào các khu rừng nhan nhản thỏ và cáo. Sau những chuyến xuất hành chớp nhoáng, chỉ kéo dài chừng vài tiếng đồng hồ, chúng tôi long trọng trở về với đoàn quân như thể sau một cuộc đại thắng. Quân đội vui mừng chào đón Padishah còn chúng tôi thì đi theo ngay sau lưng Ngài. Tôi rất hâm mộ các nghi lễ như vậy, còn Hoja thì ghét cay ghét đắng - tối đến tôi thích nói về chuyện đi săn với Padishah hơn là bàn luận về cuộc di chuyển của quân đội, về tình trạng các thôn xóm làng mạc mà đội quân kéo qua, hoặc những tin tức về đối phương lọt đến. Tiếp theo, Hoja bắt đầu kể các câu chuyện, sự ám đạm của chúng càng khiến anh ta thêm bực tức trước những điều ba hoa rỗng tuếch và vô dụng. Rồi anh ta khó chịu trước các điều tiên đoán của chính mình. Sự căm giận của Padishah đối với những câu chuyện càng ngày càng đáng sợ hơn này và đối với những câu chuyện tầm phào về ý tưởng của chúng tôi, khiến tôi cũng như kẻ này người khác trong đám tùy tùng của Ngài đau lòng, phiền muộn.

Nhưng tôi còn phải chứng kiến một chuyện tồi tệ hơn nữa ! Chúng tôi cùng tham gia cuộc đi săn: tất cả dân chúng trong ngôi làng gần nơi Padishah săn bắn đều phải vào rừng, gõ hộp sắt tây, hò hét để xua lợn lòi và hươu nai ra chỗ chúng tôi đang cưỡi ngựa đứng chờ, nhưng đến tận giờ ăn trưa vẫn chẳng có con thú nào chạy qua. Mệt mỏi bởi cái nóng giữa trưa, Padishah bảo chúng tôi kể câu chuyện gì đó thật đáng sợ để xua đi sự chán nản. Chúng tôi di chuyển chậm chạp, lắng tai nghe tiếng gõ hộp sắt tây vọng tới, rồi dừng lại bên ngôi làng của những người Thiên Chúa giáo. Tôi thấy Hoja và Padishah dừng lại trước một ngôi nhà bỏ hoang. Một lúc sau, có một ông lão ốm yếu từ sau cánh cửa khép hờ cà nhắc đi tới chỗ chúng tôi. Hoja và Padishah vừa mới nói về những thứ trong đầu óc của "chúng nó". Thấy Padishah tỏ vẻ chú ý và Hoja đang hỏi ông lão một điều gì đấy thông qua phiên dịch, tôi vội bước lại gần,

trong lòng chợt thấy lo sợ trước những ý nghĩ vừa thoáng hiện trong đầu.

Hoja đang tra hỏi và bắt ông lão phải trả lời ngay lập tức, không được nghĩ ngợi: tội lỗi nào lớn nhất mà ông ta mắc phải trong đời mình ? Ông lão lắp bắp điều gì đó bằng một thứ tiếng Slave, người thông ngôn lập tức dịch lại: ông già cho là mình vô tội và trong sáng. Nóng nảy một cách khó hiểu, Hoja tiếp tục bắt ông ta kể về cuộc đời mình. Thấy Padishah cũng quan tâm đến câu trả lời của mình không khác gì Hoja, ông già miễn cưỡng thú nhận: ông ta quả là có tội lớn, lẽ ra phải cùng dân làng đuổi thú cho Padishah săn bắn, nhưng ông đã già rồi, không còn khỏe để chạy suốt ngày trong rừng nữa. Ông lão đặt tay lên trái tim cúi xin Padishah tha tội. Hoja nổi giận, anh ta quát to là không hỏi về chuyện đó, mà về những tội lỗi thật sự kia. Nhưng ông lão dường như không hiểu câu hỏi mà người thông ngôn đã nhắc lại cho nghe, và cứ đứng không nhúc nhích, tay áp trên ngực. Người ta dẫn ông lão đi. Một người khác được đưa đến. Nghe người này nhắc lại đúng câu trả lời của ông già, Hoja đỏ mặt tía tai tức giận. Để mách nước cho người thứ hai này, Hoja liệt kê những tội lỗi mà tôi mắc phải hồi còn nhỏ - chuyện dối trá mà tôi bịa ra để được cha mẹ yêu hơn những người anh khác, những chuyện trai gái lẳng nhăng trong trường đại học... Nghe Hoja nhắc lại những tội lỗi ấy, tôi cảm thấy xấu hổ và ghê tởm nhớ lại thời dịch hạch hoành hành. Và bây giờ, khi ngồi viết quyển sách mà bạn đang đọc, tôi cũng rất buồn nhớ tới thời kì ấy. Hoja hơi bình tâm lại khi người thứ ba được dẫn tới. Người nông dân chân khập khiễng này thì thào thú nhận là đã xem trộm đàn bà tắm dưới sông. Đây nhé, khi bị dồn vào thế bí thì "bọn chúng" xử sự như vậy đó, chúng ta có thể theo dõi điều đó: chúng ta đã biết đầu óc chúng cấu tạo như thế nào, v.v... và v.v... Tôi chỉ muốn tin rằng anh ta chưa thuyết phục được Padishah một cách trọn vẹn.

Thế nhưng Padishah lại rất quan tâm đến ý tưởng này. Hai ngày sau, trong cuộc săn bắn, khi chúng tôi đuổi theo những con

hươu, màn kịch ấy lại tái diễn lần nữa - có thể Hoja đã thuyết phục được Padishah xiêu lòng, mà cũng có thể Ngài thích xem những cuộc hỏi cung hơn mức tôi tưởng. Chúng tôi đã qua sông Danube, lại lần nữa đang ở trong một làng Thiên Chúa giáo, có điều ở đây người ta nói bằng thứ ngôn ngữ La tinh nào đó. Hoja lặp lại những câu hỏi hôm trước. Thoạt đầu, thậm chí tôi chẳng thích nghe các câu hỏi của vị quan tòa lạ lùng ấy, còn Padishah thì đồng tình im lặng. Những câu hỏi đó khiến tôi nhớ tới con thịnh nộ đã từng chứng kiến hồi còn dịch hạch, khi tôi bắt Hoja viết về thói hư tật xấu của anh ta. Tôi cảm thấy chán ghét trong lòng, không chỉ tức Hoja, mà giận cả Padishah, vì Ngài tin tưởng Hoja và không cưỡng lại được sức hấp dẫn của một trò chơi chẳng tốt lành gì. Nhưng chẳng bao lâu sau tôi cũng đâm ra tò mò và cho rằng nếu chỉ nghe thôi thì cũng chẳng làm nên chuyện gì xấu xa, và thế là tôi cũng đến gần chỗ họ. Những tội lỗi được xưng to lên mà tôi lắng nghe một cách thú vị, phần lớn chỉ là những chuyện vặt vãnh giống nhau như hệt: đó là những lừa dối nho nhỏ, một vài cuộc phản bội, tội to nhất là ăn cắp vặt !

Chiều đến, Hoja bảo là những người nông dân vẫn chưa kể hết, họ còn che giấu sự thật, hồi trước tôi còn đi xa hơn nhiều. Nghĩa là họ thực sự có những tội lỗi nghiêm trọng. Và đó chính là điều khác biệt giữa "chúng ta" và "chúng nó". Để thuyết phục Padishah và biết được sự thật, để chứng minh "chúng ta" khác "chúng nó" như thế nào, anh ta sẵn sàng sử dụng vũ lực.

Những ngày sau đó, Hoja như thể bị ám ảnh bởi một đam mê nào đó, càng ngày càng điên rồ hơn.

Thoạt đầu mọi thứ đều đơn giản: chúng tôi giống như những đứa trẻ đang chơi với nhau, bêu riếu nhau để mua vui và đưa ra những trò đùa thô bạo.

Những cuộc bồi cung lúc đầu giống như các màn kịch mà chúng tôi bày ra để tiêu khiển trong cuộc săn bắn, nhưng về sau đã

trở thành một nghi thức bắt buộc, làm hao kiệt toàn bộ sức lực, khát vọng và thần kinh của chúng tôi. Những người nông dân luống cuống sợ hãi trước những câu hỏi và con cuồng nộ vô có của Hoja, và nếu như họ hiểu được người ta muốn gì ở mình, chắc là họ đã kể hết. Tôi đã thấy những cụ già móm mém mệt nhọc tụ tập trên bãi trong trong làng, trước khi kể về những tội lỗi có thực hoặc tưởng tượng, họ đưa mắt nhìn quanh một cách tuyệt vọng, như thể cầu xin những người khác và chúng tôi giúp đỡ. Tôi đã thấy những người trẻ tuổi với những tội lỗi mà Hoja cho là chưa đủ thành thật. Tôi chợt nhớ Hoja đã từng dằn vặt như thế nào, đã từng tức giận kêu lên là không thể nào hiểu được làm sao tôi lại có thể trở thành một người giống như anh ta, và khi đọc xong những gì tôi viết, đã đâm đầu vào lưng tôi: "Ta cho nhà ngươi một trận bây giờ !" Giờ đây, có thể anh ta cũng không biết một cách rõ ràng và triệt để là mình đang mong muốn tìm kiếm điều gì và sẽ đạt được kết quả như thế nào. Hoja cũng thử nghiệm cả phương pháp khác: thỉnh thoảng anh ta đánh đập kẻ đang xưng tội và tuyên bố tội nhân dối trá; lập tức người của chúng tôi xông vào tra tấn tiếp. Có khi Hoja đột ngột ngắt lời người xưng tội, nói rằng bạn anh ta đã tố cáo anh ta nói dối. Cũng có khi Hoja tra khảo hai người cùng một lúc. Anh ta tức giận vì không bắt được hai người kia thú tội, cho dù người của chúng tôi đánh đập dã man thế nào đi nữa; những người nông dân xấu hổ, không dám nói về tội lỗi của mình trước mặt người quen trong làng.

Đến thời kì đó, khi những trận mưa dầm dề bắt đầu rơi xuống, tôi đã quen với mọi việc đang diễn ra. Tôi nhớ là sau khi bị đánh đập hàng giờ đồng hồ, những người nông dân ướt như chuột đứng trên bãi đất rộng trong làng không biết nói thêm điều gì, mà cũng không định nói gì thêm nữa. Càng ngày, những cuộc đi săn của chúng tôi càng thưa dần. Thực ra mà nói, thỉnh thoảng chúng tôi cũng bắt được con linh dương có đôi mắt tuyệt đẹp, khiến Padishah rất phiền lòng, hoặc một con lợn lòi lớn tướng, nhưng đầu óc chúng tôi không còn tập trung vào những cuộc đi săn nữa, mà chỉ để ý những cuộc

hỏi cung mà chúng tôi đã chuẩn bị từ đêm hôm trước không khác gì cho các chuyến đi săn. Tối đến, Hoja tâm sự với tôi, dường như hối hận về những gì đã thực hiện trong ngày. Bản thân anh ta không thấy hài lòng về sự khắc nghiệt của mình và những gì xảy ra, nhưng vẫn cố gắng để có được các minh chứng và kiến thức cần thiết cho tất cả chúng tôi, trong đó có Padishah. Sau nữa, anh ta muốn hiểu vì sao những người nông dân ấy lại giấu giếm sự thật? Hoja bảo rằng khi đến những xóm Hồi giáo, chúng tôi cũng phải tổ chức những cuộc hỏi cung như vậy. Nhưng rồi kế hoạch đó chẳng thành công: những người Hồi giáo cũng trả lời y như những người Thiên Chúa giáo láng giềng của họ, cũng thú nhận những tội lỗi và kể lại những câu chuyện y như những người kia. Vào một ngày mưa gió khó chịu nhất, Hoja đã cần nhằn rằng mấy kẻ đó đâu phải là người Hồi giáo chân chính.

Con thịnh nộ ngày càng gia tăng của Hoja khiến tôi rất tò mò nhưng Padishah thì không hài lòng khi phải chứng kiến; hình như nó đã giúp anh ta tiến hành đến cùng dự định, đó là hy vọng cuối cùng của Hoja. Tiến dần về phía Bắc, chúng tôi lọt vào miền rừng bạt ngàn, giờ đây dân cư trong vùng lại là những người nói tiếng Slave. Trong ngôi làng nhỏ xinh xắn, chúng tôi chứng kiến Hoja đánh đập một anh chàng đẹp trai. Sau đó, anh ta nói sẽ không bao giờ lặp lại hành động như vậy. Đêm đến, tôi có cảm giác anh ta vô cùng hối hận. Một lần khác, tôi tận mắt chứng kiến cảnh những người nông dân đứng dưới màn mưa xám xịt khóc lóc vì những gì xảy ra với họ. Người của chúng tôi nay đã thiện nghệ lắm rồi, song cũng bắt đầu chán ngấy; thỉnh thoảng họ không xin phép chúng tôi mà tự tiện chọn lấy người để tra khảo, và người thông ngôn thì tự đặt những câu hỏi đầu tiên trước cả khi Hoja đã mệt phờ vì con thịnh nộ của chính mình kịp mở miệng. Không thể nói là trong những cuộc tra khảo đang được người dân địa phương thăm thì đồn đại như một huyền thoại, khi bị đối xử thành kiến và hung bạo, các nạn nhân của chúng tôi đã hoàn toàn không phơi bày những điều bí

mật của mình. Thậm chí, do quá sợ hãi và lo lắng trước công lý tối thượng, họ còn thú nhận một cách tỉ mỉ về những tội lỗi của mình, như thể lâu nay đã chờ đợi cuộc hỏi cung đó. Nhưng Hoja đã không còn muốn nghe những câu chuyện chồng phản bội vợ và ghen ghét những người hàng xóm giàu có nữa. Lúc nào anh ta cũng nhắc đi nhắc lại là có một sự thật sâu kín hơn nhiều, nhưng tôi cho rằng bản thân anh ta cũng như những người khác đều chẳng tin là sẽ đạt tới điều đó. Tuy nhiên, cả Padishah lẫn chúng tôi đều linh cảm là Hoja sẽ không bỏ cuộc. Vì vậy, chúng tôi chỉ theo dõi anh ta điều khiển mọi việc. Một lần, chúng tôi thấy lóe lên một thoáng hy vọng, khi một thanh niên bị tra khảo rất lâu ở chỗ chúng tôi trú mưa đã thú nhận là rất căm thù bố dượng vì ông này đối xử thậm tệ với mẹ mình và căm ghét cả mấy đứa em cùng mẹ khác cha, nhưng sau đó, khi đêm đến, không hiểu sao Hoja lại nói là chúng tôi phải quên lời thú nhận ấy đi.

Đội quân đang di chuyển rất chậm chạp giữa những ngọn núi cao hiểm trở, theo con đường lầy lội bẩn thỉu giữa những cánh rừng rậm rạp, tối tăm. Tôi rất thích không khí mát mẻ, âm u trong cánh rừng đầy thông và bạch dương, sự im lặng thận trọng khiến người ta cảnh giác. Không biết tên gọi của địa phương này là gì, nhưng có cảm tưởng là chúng tôi đang ở chân núi Carpat. Hồi nhỏ, tôi đã thấy những minh họa về dãy núi này trong tập bản đồ châu Âu của bố, do một họa sĩ kém cỏi vẽ nên - Carpat được đánh dấu bằng những con hươu và những ngọn tháp Gothic. Hoja bị cảm lạnh vì ướt mưa. Mỗi buổi sáng chúng tôi lại rẽ sang một con đường ngoằn ngoèo dẫn sâu vào rừng, có vẻ như cố tình ngăn cản chúng tôi đến đích. Săn bắn bị quên hẳn, chúng tôi không còn tiêu khiển bằng cách giết hươu nai trên bờ hồ chứa nước hoặc bên bờ vực thẳm, mà giải trí bằng cách làm cho những người nông dân căng thẳng, chờ đợi, chuẩn bị đón chờ chúng tôi kéo đến ! Chúng tôi vào một trong những ngôi làng và kéo theo Hoja. Làm xong công việc của mình mà vẫn không tìm ra ẩn số, lần nào anh ta cũng bắt chúng tôi phải đến

làng khác ngay lập tức, để quên đi những người nông dân bị đánh đập, quên đi chuyện chưa đạt được mục đích của mình, vẫn như trước đây, thỉnh thoảng Hoja lại thay đổi phương cách hỏi cung. Có lần Padishah, thường ngày vốn nhẫn nại và tò mò khiến tôi kinh ngạc, sai đưa đến hai mươi lính janissary (*Một loại lính bộ binh đặc biệt, quân đội riêng và cận vệ của hoàng gia - đế quốc Ottoman*). Hoja đặt ra cho những người nông dân tóc sáng màu đang đứng trước nhà mình các câu hỏi giống nhau, khiến họ ngỡ ngàng. Lần khác, anh ta dẫn nông dân đến chỗ đóng quân, cho họ xem vũ khí kì lạ của chúng tôi đang âm ỉ lăn bánh theo sau xe của Padishah, và hỏi xem họ nghĩ gì. Viên lục sự ghi lại các câu hỏi và câu trả lời. Chẳng hiểu vì sao, hoặc bởi chúng tôi không muốn nhận biết chân lý như lời Hoja nói, hoặc bởi anh ta đã quá mệt mỏi, hoặc do cảm giác hối hận thường đến với anh ta vào ban đêm, hoặc anh ta đã chán ngấy những lời căn nhắc của binh lính và các vị pasha về chuyện vũ khí mới và những chuyện xảy ra trong rừng, hoặc đơn giản là do anh ta bị ốm, nên Hoja dần-dần kiệt sức. Hoja ho nhiều, giọng nói không còn âm vang như trước, anh ta không còn đưa ra những câu hỏi nghiêm khắc, mà các câu trả lời thì đã thuộc lòng. Đêm đến, khi bàn bạc về chuyện chúng tôi phải tiến lên phía trước, anh ta tránh nói về trận thắng sắp tới, có vẻ như chính bản thân anh ta cũng không tin vào giọng nói yếu ớt của mình.

Tôi nhớ cái lần cuối cùng ấy, trong màn mưa nom như một vùng mây xám xịt, anh ta hỏi cung những nông dân gốc Slave với vẻ chẳng có gì là phấn chấn. Chúng tôi đã không còn muốn nghe nữa, nên đứng cách đấy một quãng khá xa. Trong ánh sáng trong suốt và nhạt nhòa dưới mưa, những người nông dân ngó ngẩn nhìn vào tấm gương có khung thếp vàng mà Hoja lần lượt trao cho họ.

Từ đó chúng tôi không "đi săn" nữa. Qua một con sông, chúng tôi đặt chân lên đất Ba Lan. Vũ khí mới của chúng tôi không thể cơ động được trên con đường bẩn thỉu bị mưa xói mòn, khiến cho đoàn quân chững lại. Những lời xì xầm rằng vũ khí này sẽ mang lại tai họa lại nổi lên, lời căn nhắc của những người lính janissary tham gia

các cuộc hỏi cung của Hoja càng khiến những chuyện đồn đại ấy bị hâm nóng thêm. Và như thường lệ, người bị kết tội không phải là Hoja, mà chính là tôi - một tên dị giáo. Khi Hoja bắt đầu câu chuyện ba hoa trác việt đã thành chán ngấy ngay cả với Padishah của anh ta: về sự hùng mạnh của đối phương, về vũ khí mới và sự cần thiết phải hành động, các vị pasha ngồi trong lều của Padishah càng tin rằng chúng tôi là phường lừa đảo, còn vũ khí của chúng tôi thì đã bị nguyên rủa. Họ nhìn Hoja như nhìn một kẻ bệnh hoạn, nhưng chưa phải là vô phương cứu chữa. Chính tôi mới là hiểm họa chính, là người có lỗi, kẻ mưu mô, lừa dối cả Padishah lẫn Hoja. Khi chúng tôi về lều của mình, Hoja nói về bọn họ bằng cái giọng ồm yếu khản đặc một cách khinh thị và công phẫn, như trước đây anh ta nói về những kẻ ngu dốt, nhưng niềm hy vọng mà thời trước tôi rất tin là sẽ giúp chúng tôi đứng vững, nay không còn tồn tại trong lòng anh ta nữa.

Tuy nhiên, tôi thấy rằng anh ta không có ý định đầu hàng một cách dễ dàng như thế. Hai ngày sau, vũ khí của chúng tôi bị mắc kẹt trong lớp đất sét trên đường và ách cả đoàn quân lại. Tôi rên rỉ thất vọng, còn Hoja thì dù đang ốm cũng tìm cách cứu vãn. Chẳng ai cấp người, hoặc ít nhất là cấp ngựa cho chúng tôi. Hoja đi thỉnh cầu Padishah và xin được chừng bốn mươi con ngựa. Anh ta buộc dây xích vào vũ khí mới, tập hợp mọi người và quần quật với công việc đó cả ngày. Rốt cuộc, trước sự chứng kiến của những kẻ đang cầu cho khẩu súng của chúng tôi vĩnh viễn nằm lại trong bùn, Hoja ra roi quất ngựa như điên và đã khiến con bọ hung khổng lồ của chúng tôi nhúc nhích. Tối đó, anh ta thuyết phục Padishah, vốn đang muốn từ bỏ chúng tôi cùng khẩu súng, đừng làm điều ấy.

Sau đó, chúng tôi ngồi trong túp lều của mình.

Tôi cầm cây đàn oud mà tôi mang theo cuộc hành binh, định chơi một điệu gì đấy, nhưng Hajo giật đàn ném vào trong xó. Anh ta hỏi: liệu tôi có biết là chúng nó đang muốn cho tôi chết hay không ?

Anh ta sẽ sung sướng hơn nếu chúng nó không muốn lấy đầu tôi, mà lấy đầu anh ta. Tôi cũng đã đoán về điều đó, nhưng không nói gì. Tôi muốn cầm lấy cây đàn oud lên nhưng Hoja ngăn lại, bảo tôi kể cho anh ta nghe lần nữa về đất nước tôi. Tôi kể một vài câu chuyện ngắn gọn, như đã kể với Padishah, nhưng anh ta nổi giận. Anh ta muốn biết sự thật, chứ không phải những điều bịa đặt tùm mùn ấy. Anh ta hỏi về mẹ tôi, về những người anh em trai, về vị hôn thê của tôi. Khi tôi đang kể về những "chuyện thật" thì anh ta ngắt lời, lẩm bẩm mấy câu ngắn gọn và rời rạc bằng tiếng Italy, mà tôi không hiểu được ý nghĩa.

Mấy hôm sau, khi Hoja xem xét những công sự của địch mà đội quân tiên tiêu của chúng tôi chiếm được và phá tan tành, tôi có cảm tưởng là anh ta đã mất hết hy vọng và đang nung nấu những ý định u ám nào đó. Buổi sáng, khi di chuyển chậm chạp về phía ngôi làng đang bốc cháy, chúng tôi thấy có những người bị thương nằm hấp hối sát hàng rào. Hoja xuống ngựa và chạy đến bên họ. Theo dõi anh ta từ đằng xa, tôi cho là anh ta muốn giúp đỡ những người ấy, và nếu có thông ngôn bên cạnh, chắc anh ta sẽ hỏi về tai họa của họ, nhưng tôi bỗng giật mình: có thể anh ta sẽ hỏi những câu hỏi hoàn toàn khác hẳn. Ngày hôm sau, khi chúng tôi cùng Padishah đi xem những phòng tuyến, những pháo đài nhỏ của địch ở hai bên đường mà quân đội vừa chiếm được, Hoja cũng rất bồn chồn và hồi hộp. Nếu phát hiện giữa những ngôi nhà đổ nát hoặc bên những bức tường gỗ bị đại bác xẻ nát có những người lính sắp chết vì trọng thương, lập tức anh ta chạy bỏ lại. Biết ý định của Hoja, vì chính anh ta tiết lộ, tôi liền đi theo, chẳng biết để ngăn anh ta không làm điều gì tồi tệ, hay chỉ đơn giản vì tò mò. Hoja cho rằng trước khi chết những người lính bị pháo hoặc đạn làm cho bị thương toi tả sẽ nói với anh ta điều gì đó lạ thường.

Hoja chuẩn bị sẵn câu hỏi cho những người này, hy vọng họ sẽ cho biết một chân lý nào đó có thể đảo ngược tất cả. Nhưng tôi chỉ thấy sự vô vọng trên mặt những người đã chạm tay vào cái chết, sự

vô vọng đó hòa tan vào nỗi thất vọng của chính Hoja - anh ta đến gần họ và sống người trong im lặng.

Vào hôm mà Padishah nổi cơn thịnh nộ vì không chiếm được lâu đài Doppio, Hoja đánh bạo tới yết kiến Ngài. Khi trở về anh ta rất phấn khích, nhưng bản thân có vẻ như không hiểu phấn khích vì điều cụ thể nào. Padishah nói rằng đã đến lúc đưa vũ khí của chúng tôi ra sử dụng, chẳng gì thì cũng đã mất bao nhiêu năm để chế tạo ra nó, nhưng đồng thời Ngài nhắc nhở rằng cần phải chờ Pasha Huseyn, người đã lĩnh ý chỉ phải đánh chiếm tòa lâu đài này.

Tại sao Ngài lại nói đến Pasha Huseyn ? Đó là câu hỏi mà chẳng biết anh ta đưa ra để hỏi tôi hay hỏi chính mình, không hiểu sao tôi nghĩ là Hoja đã quá mệt mỏi trước tình hình không rõ ràng và bất ổn. Một lần sau. Hoja tự mình trả lời câu hỏi: chắc họ sợ phải cùng anh ta chia sẻ thắng lợi.

Đến trưa hôm sau, khi chúng tôi hay tin Pasha Huseyn vẫn chưa chiếm được lâu đài, Hoja dùng hết tất cả sức mạnh tinh thần của mình để thuyết phục bản thân tin vào sự đúng đắn của lời đáp đó. Vì những lời đồn đại đang lan truyền rộng rãi rằng tôi là gián điệp và đem lại xúi quẩy, tôi không còn đến lều Padishah nữa, Hoja đến đó một mình, để đoán quẻ về những chuyện xảy ra trong ngày hôm trước. Anh ta đã trình bày với Padishah câu chuyện về thắng lợi và may mắn, và hình như Padishah đã tin chuyện đó. Quay về lều của chúng tôi, anh ta cố tỏ ra tin tưởng rằng cuối cùng mọi việc sẽ tốt đẹp. Nhưng tôi thấy đó không phải sự lạc quan giả tạo, mà là sự cố gắng để chứng minh rằng mình vẫn còn đứng vững.

Anh ta lại nói lần nữa, rồi lần nữa về những chủ đề yêu thích, nhưng với một nỗi buồn mà trước đây tôi không hề nhận thấy, như thể anh ta nói về những hồi ức thơ ấu của chúng tôi mà cả hai đều biết rõ, vì chúng tôi đã sống cùng nhau. Anh ta không phản đối khi

tôi cầm lấy cây đàn oud và bắt đầu chơi một cách loạc choạc, anh ta lại nói về những ngày mai tuyệt đẹp và dòng chảy con sông của chúng tôi nhưng cả hai chúng tôi cùng hiểu rằng anh ta đang nói về dĩ vãng: trước mắt tôi hiện lên những cây cối trong khu vườn nhà tôi, những văn phòng ấm áp, sáng sủa, những tiệc tùng với vô số những người thân trong gia đình. Lần đầu tiên trong bao nhiêu năm qua. Hoja gieo vào lòng tôi sự yên tĩnh. Tôi tán thành ý kiến của Hoja, khi anh ta nói là rất yêu mến tất cả những thứ đó và chia tay với chúng sẽ rất khó khăn. Nhưng khi tôi nhắc về sự ngu dốt của những người xung quanh, anh ta nổi giận. Hoặc là tôi thấy sự tin tưởng của anh ta đã không còn vờ vĩnh nữa, hoặc là cả hai chúng tôi đều hiểu rằng tới tới đây sẽ có một cuộc đời khác, hoặc là tôi nghĩ rằng, nếu tôi ở vào địa vị của anh ta, tôi cũng sẽ xử sự y như thế.

Sáng hôm sau, chúng tôi được phái tới một trong các tuyến phòng thủ của địch để mang vũ khí mới ra thử nhưng chúng tôi linh cảm rằng vũ khí sẽ không hiệu nghiệm như chúng tôi mong đợi. Chúng tôi vừa bắt đầu cho vũ khí mới hoạt động thì một trăm người được phái đến để hỗ trợ chúng tôi bỏ chạy tán loạn. Một số bị đè chết, số khác bị giết, còn bản thân vũ khí thì sau mấy đợt bắn không thành đã kẹt sâu trong lớp đất sét. Chúng tôi không thể nào dồn trở lại đám người đã bỏ chạy vì coi vũ khí của chúng tôi là điếm dũ, nên không chuẩn bị được cho đợt tấn công mới. Hình như cả hai chúng tôi đều cùng nghĩ đến một điều.

Về sau, chỉ trong vòng một giờ đồng hồ và với những tổn thất không lớn, quân lính của Pasha Sisman Hasan chiếm được lâu đài. Hoja định tranh công ấy cho chúng tôi. Tất cả những kẻ bảo vệ lâu đài đều rơi đầu dưới gươm, đến nỗi không còn lấy một mống nào hấp hối sau những bức tường đổ nát. Hoja đi xem những chiếc đầu người được xếp sang một bên để trình Padishah, nhưng tôi không muốn nhìn thấy cảnh đó, nên quay mặt đi. Một lúc sau, tôi ngoảnh lại và thấy anh ta đang rời khỏi đồng đầu người đó.

Đến bữa trưa, chúng tôi quay về trại và hay tin vẫn chưa chiếm được Doppio. Padishah giận lắm, Ngài bảo sẽ trừng trị Pasha Sara Huseyn và chúng tôi sẽ cùng tất cả quân đội tiến đến đó ! Padishah bảo Hoja rằng nếu đến chiều vẫn không chiếm được lâu đài thì sáng mai sẽ đưa vũ khí mới ra sử dụng. Theo lệnh Padishah, người ta chặt đầu viên chỉ huy đã suốt một ngày ròng không chiếm được một tuyến phòng thủ không lớn lắm của đối phương. Thậm chí Padishah không thèm để ý đến cuộc thử nghiệm thất bại của chúng tôi và những lời xì xầm về điem gờ. Hoja không nói gì thêm về công lao của chúng tôi trong trận thắng.

Tôi biết anh ta đang suy tư về kết cục của những vị đại sư chiếm tinh đã giữ trọng trách này trước mình. Tôi hiểu là Hoja đang nghĩ về cơ hội cuối cùng của chúng tôi - có thể chiến thắng trong trận đánh chiếm lâu đài - nhưng tôi không tin vào vận số đó, mà cũng chẳng mong một cơ may như vậy. Anh ta đang mơ tưởng đến cuộc đời mới sẽ khởi đầu với bài nguyện của một vị giáo sĩ đạo Hồi sau khi tòa lâu đài kiên cố đó bị hủy diệt một cách khốc liệt và ngôi giáo đường Thiên Chúa nho nhỏ có một cái tháp chuông ở trong làng bốc cháy dữ dội. Tôi có cảm tưởng là chúng tôi càng đến gần lâu đài thì vầng mặt trời đang chìm xuống sau đồi cây bên trái chúng tôi càng khơi dậy trong anh ta cũng như trong bản thân tôi cảm giác về một điều kì diệu nào đó.

Khi hoàng hôn xuống, chúng tôi đã chứng kiến không chỉ thất bại của Pasha Sara Huseyn mà cả của chính tòa lâu đài Doppio, nơi ngoài những người Ba Lan, còn có người Á, người Hungary và người Kazak cùng cố thủ. Tòa lâu đài đứng sừng sững trên đỉnh một ngọn đồi cao, vầng mặt trời dần khuất trừu mến hắt nắng lên các đỉnh tháp treo cờ khiến nó trắng ngời lên diễm lệ. Không hiểu đâu tôi chợt có ý nghĩ rằng một vẻ đẹp và sự toàn mỹ như thế chỉ có thể thấy trong giấc mơ mà thôi. Trong giấc mơ ấy, lòng đầy âu lo, bạn chạy theo một lối đường lắt léo trong khu rừng âm u, chỉ mong sao chóng đến được cái nơi diệu kì lóng lánh tinh khôi trên đỉnh ngọn

đôi kia, nơi ngự trị niềm vui rộn rã mà bạn những muốn dự phần, nhưng con đường tuồng như sắp kết thúc không hiểu sao lại cứ vươn mãi, vươn mãi khi biết tin bộ binh đã ra khỏi khu rừng tối và vượt miền bình nguyên đã biến thành một đầm lầy hôi thối do nước lũ từ các con sông không ngớt đổ về, nhưng, bất chấp sự hỗ trợ của đại bác, họ vẫn không thể nào tiến lên đỉnh đồi nơi tòa lâu đài tọa lạc, tôi chợt nghĩ về con đường đã dẫn chúng tôi đến nơi này. Tất cả mọi thứ đều có vẻ hoàn hảo: từ phong cảnh tòa lâu đài sáng trắng với hàng đàn chim bay liệng bên trên, cho đến dốc đá lởm chởm đang tối dần và cánh rừng u ám tĩnh lặng. Tôi biết là cũng như tôi, Hoja đang nghĩ rằng có nhiều chuyện mà bao nhiêu năm qua chúng tôi tưởng là ngẫu nhiên, giờ đây bỗng trở nên hợp quy luật, và nhất định quân lính của chúng tôi sẽ chẳng bao giờ lên được tới chân tường của tòa lâu đài màu trắng.

Sáng hôm sau, quân đội lại mở cuộc tấn công mới, và tôi hiểu rõ mười mươi, rằng cũng như tôi, Hoja biết vũ khí mới của chúng tôi sẽ chìm ngấm dưới đầm lầy, những kẻ ở bên trong và quanh nó sẽ chẳng cách nào thoát chết. Những lời xì xầm về sự nguyên rủa đe nặng trên nó sẽ được dịp lộ lên, và chỉ có một cách duy nhất là lấy đầu tôi để trấn yên quân lính. Tôi chợt nhớ đến chuyện nhiều năm về trước chính tôi đã khuyến khích Hoja kể về bản thân, đã chia sẻ với anh ta kỉ niệm về người bạn thời ấu thơ đã cùng tôi nghĩ đến một điều, chỉ một điều mà thôi.

Đến tận khuya hôm ấy Hoja mới tới lều Padishah và ở lại đó rất lâu. Tôi hình dung rất rõ ràng về những điều mà anh ta sẽ nói với Padishah, khi phân tích cho Ngài và các vị pasha tụ họp trong lều về những gì xảy ra trong ngày hôm ấy và phỏng đoán về những gì sẽ tới trong tương lai, nên tôi thoáng nghĩ: chắc anh ta sẽ bị giết chết ngay lập tức và chẳng bao lâu sau bọn đao phủ sẽ đến đây để bắt tôi. Rồi tôi lại tưởng tượng cảnh Hoja bước ra khỏi lều, không nói không rằng gì với tôi mà đi thẳng đến những bức tường của tòa lâu đài trắng ngời lên trong bóng tối, vượt qua các vụng gác, đầm lầy và

rừng núi, và giờ đây anh ta đã đến tận lâu đài. Chẳng xúc động cho lắm, tôi đang nghĩ về một cuộc sống mới và chờ trời sáng thì Hoja xuất hiện. Tôi hiểu rằng, khi ở trong lâu Padishah, anh ta đã nói về chính cái điều mà tôi dự đoán, mãi sau này, khi nhiều năm trôi qua rồi, tôi mới được biết rằng anh ta đã dè dặt thuyết phục họ rất lâu. Nhưng, lúc đó Hoja tuyệt nhiên không hề kể với tôi điều gì - anh ta vội vã như người đang chuẩn bị cho một chuyến đi xa. Anh ta chỉ nói rằng, khi màn mây mù dày đặc kia buông xuống thì tôi sẽ hiểu tất cả.

Đến tận khi trời sáng, tôi kể cho anh ta nghe về những người mà tôi đã bỏ lại nơi quê cũ, hướng dẫn cách tìm đến nhà tôi, về chuyện dòng họ chúng tôi ở Empoli và Florence quyền quý ra sao, bố mẹ và anh em tôi tính tình như thế nào. Tôi nhớ, thậm chí mình đã kể về nốt ruồi trên lưng đứa em trai mà trước đây tôi cũng từng kể với anh ta. Khi đó, tôi thành thực tin tưởng vào câu chuyện của mình, mặc dù, khi kể lại với Padishah hoặc khi viết quyển sách này, đôi khi tôi có cảm tưởng là mình đã bịa ra tất cả. Thực ra, những điều đó đều là sự thật: từ chuyện chị gái tôi hơi nói lấp một chút, chuyện quần áo chúng tôi mặc có rất nhiều cúc, cho đến phong cảnh từ ô cửa sổ nhìn ra vườn. Đến tận sáng, tôi có cảm tưởng là đã thuyết phục được anh ta, cho dù rất muộn màng, rằng tất cả mọi điều rồi sẽ tiếp nối ở nơi mà có lần nào đó đã bị đứt đoạn. Hoja hẳn hoan tin tưởng vào những câu chuyện tôi đã kể.

Chúng tôi bình thản và im lặng đối áo quần cho nhau. Tôi đưa cho anh ta chiếc nhẫn và sợi dây chuyền lông hình trái tim mà đến tận bây giờ vẫn giấu biệt. Bên trong hình trái tim là chân dung bà cố tôi và một lọn tóc nhỏ đã phai màu của người vợ chưa cưới của tôi; xem chừng anh ta thích vật này và lập tức đeo nó vào cổ. Hoja bước ra khỏi lâu. Tôi nhìn theo bóng anh ta nhòa dần trong sương. Trời đã sáng, tôi buồn ngủ riu cả mắt: tôi nằm xuống giường anh ta và thanh thản thiếp đi.

Vậy là tôi đã viết đến hồi kết quyển sách của mình. Có thể, độc giả thông minh từ lâu đã quá quyết rằng câu chuyện của tôi đã kết thúc và để nó sang một bên. Đã có lúc cả tôi cũng từng nghĩ sau khi viết xong tôi sẽ ném vào xó nhà những trang sách này để không bao giờ phải đọc lại nữa. Bấy giờ tôi từng mơ ước dành cả đời mình để viết nên những câu chuyện, không phải để dâng lên Padishah, mà cốt cho bản thân mình tiêu khiển, tôi đã ao ước viết nên những câu chuyện tình yêu xảy ra ở những xứ sở mà tôi chưa từng thấy bao giờ, nhưng sẽ đặt chân tới với tư cách một thương gia, trên những sa mạc hoang vắng không người và những khu rừng âm u giá lạnh; nhưng riêng câu chuyện này thì tôi muốn quên hẳn. Có thể tôi đã làm được điều đó, mặc dù tôi hiểu rằng, sau tất cả những điều đã trải qua, sau chừng ấy những câu chuyện và lời thêu dệt gièm pha, tôi chẳng dễ mà thực hiện được ý định ấy; nhưng rồi hai tuần trước, có một vị khách tìm đến gặp tôi và thuyết phục tôi quay trở lại với cuốn sách này. Bây giờ, đây là quyển sách tôi yêu quý nhất, và tôi sẽ kết thúc nó như cần thiết, như là tôi mong muốn và theo cách mà tôi đang hình dung.

Tôi ngồi xuống sau chiếc bàn cũ kỹ để viết nốt phần kết của cuốn sách, và hình dung một chiếc thuyền buồm bé nhỏ đang đi từ Jennethisar đến Istanbul, chiếc cối xay giữa vườn ôliu xa xôi, những đứa trẻ nô đùa trong khu vườn trồng cây vả, con đường bụi bặm từ Istanbul đến Gebze. Mùa Đông, những con đường tuyết phủ vắng teo, nhưng khi Xuân đến hoặc Hè tới, tôi lại thấy những đoàn caravan đi về phương Đông, đến tận Baghdad và Damascus. Những cỗ xe ngựa cũ kỹ cọt két đi ngang qua nhà, thỉnh thoảng tôi lại hồi hộp dõi theo bóng người kỵ sĩ trong bộ trang phục nom không rõ khi còn ở xa, nhưng khi người ấy tới gần thì tôi hiểu đó không phải là khách

của mình: thời gian gần đây không ai đến thăm tôi, và tôi biết rằng tới đây cũng chẳng có ai đến.

Nhưng tôi chẳng phàn nàn và cũng không đau khổ vì cô độc: khi còn đương chức đại sứ chiêm tinh, tôi đã tích góp được khối tiền, tôi cưới vợ, sinh bốn người con; tôi từ quan - bằng kinh nghiệm nghề nghiệp của mình, tôi tiên đoán là sắp xảy ra tai họa; tôi chạy tới Gebze này trước khi quân đội của Padishah tiến về thành Vienna, trước khi đám công thần đê tiện của Padishah điên khùng vì thất trận đã chặt đầu vị đại sứ chiêm tinh kế nhiệm tôi, trước khi người ta phế truất Padishah - vị hoàng đế yêu động vật. Tôi xây ngôi biệt thự này, chuyển đến định cư ở đây cùng những quyển sách yêu quý, vợ con và vài tên đầy tớ. Người phụ nữ tôi cưới làm vợ khi còn đương chức đại sứ chiêm tinh trẻ hơn tôi nhiều, nàng trông nom nhà cửa chu đáo, giúp tôi trong những việc vặt và tôn trọng sự cô độc của tôi - ở độ tuổi thất thập tôi có thể ngồi một mình, viết sách và mơ ước. Cho nên tôi tha hồ nghĩ về Người Ấy, để rút ra kết luận thích hợp cho quyển sách và cho cả cuộc đời mình.

Tuy vậy, những năm đầu tiên tôi đã cố không làm việc đó. Mấy lần Padishah toan hỏi về Người Ấy, nhưng thấy chủ đề này khiến tôi khó chịu nên Ngài thôi không hỏi nữa. Tôi nghĩ rằng, chính Ngài cũng hài lòng về điều đó, đơn giản là Ngài chỉ tò mò, nhưng tò mò về điều gì và ở mức độ nào thì tôi không thể hiểu được. Padishah lập tức nói rằng tôi không nên xấu hổ vì chịu ảnh hưởng của Người Ấy và những kiến thức học được từ anh ta. Ngay từ đầu, Padishah đã đoán ra rằng, tất cả mọi quyển sách, mọi tấm lịch và những lời tiên đoán được dâng lên Ngài đều do Người Ấy viết ra - ngay từ khi tôi ngồi nhà nghiên cứu chế tạo vũ khí, Padishah đã nói điều phỏng đoán này với Người Ấy. Ngài tin là nhất định Người Ấy đã kể lại với tôi, bởi vì có chuyện gì mà Người Ấy chẳng kể với tôi, cũng như tôi có chuyện gì cũng kể với Người Ấy vậy. Chắc là vào thời điểm đó, hai chúng tôi - cả tôi và Padishah - đều hơi láu cá một chút, nhưng tôi cảm thấy Ngài có vẻ tự tin hơn. Khi ấy, tôi chợt nghĩ rằng

Padishah thông minh hơn tôi và những gì cần biết thì Ngài đều đã biết, nhưng Ngài vẫn tham dự vào trò chơi của mình, cốt để khống chế tôi. Có thể, ý kiến của tôi chịu ảnh hưởng bởi lòng tri ân đối với Ngài, chẳng gì thì Ngài đã cứu tôi thoát khỏi con cuồng nộ của các võ tướng sau trận thất thủ trên đầm lầy. Khi đó, biết bọn dị giáo thắng trận, một số người trong bọn họ đòi chặt đầu tôi. Và trong những năm đầu tiên ấy, nếu như Ngài hỏi thẳng, chắc tôi đã thú nhận tất cả. Hồi ấy vẫn chưa có những lời đồn đại rằng tôi không phải là tôi, hơn nữa tôi cũng muốn chia sẻ với ai đó và buồn nhớ Người Ấy vô cùng.

Cuộc sống đơn độc trong ngôi nhà bao nhiêu năm qua chúng tôi từng chung sống khiến tôi cảm thấy nặng nề. Túi đầy tiền bạc, tôi thường ra chợ, nơi người ta bán nô lệ, dạo quanh hàng tháng trời cho đến khi tìm được thứ mình cần. Rốt cuộc, tôi mua một đứa nô lệ, chẳng giống tôi mà cũng chẳng giống Người Ấy. Một buổi chiều, tôi bảo hấn dạy tôi tất cả những gì hấn biết, bắt hấn kể về đất nước, quá khứ và những thói xấu mà hấn có, rồi kéo hấn đứng trước tấm gương, kết quả là đã làm cho hấn hoảng sợ. Đó là một buổi tối tồi tệ, tôi thương hại kẻ khốn khổ ấy, định phóng thích hấn, nhưng lòng tham nổi lên khiến tôi lại đem hấn ra chợ nô lệ để bán đi. Sau đó, tôi loan tin trong khu phố là muốn lấy vợ. Hàng xóm láng giềng kéo đến, ai cũng vui mừng vì tôi sẽ thành một người giống như bọn họ và từ nay trở đi khu phố sẽ được yên ổn. Tôi cũng hài lòng vì sẽ giống tất cả mọi người, tôi hy vọng được sống yên ổn nhiều năm nữa để viết sử cho Padishah. Tôi chọn khá lâu mới được vợ, thậm chí chiều chiều còn bắt nàng chơi đàn oud.

Khi những lời đồn đại lan ra, thoát đầu tôi nghĩ, chắc đây là trò chơi do Padishah bày đặt, Ngài rất thích quan sát sự bất an của tôi, thích đặt những câu hỏi bất ngờ khiến tôi bị bắt nạt. Ngay từ đầu, khi Ngài vô cớ nói một câu gì đó kiểu như: "Chúng ta có hiểu bản thân mình hay không ? Con người cần hiểu rõ mình là ai", tôi chẳng thấy lo lắng gì cho lắm, đồ rằng đó là câu hỏi do một kẻ khôn ngoan

nào đó say mê triết học Hy Lạp trong đám quần thần bịp bợm mà Ngài lần nữa tập họp lại quanh mình đã mách nước cho Ngài. Ngài đề nghị tôi viết về chủ đề này, tôi dâng lên Ngài quyển sách về những con chim ác là và chim sẻ lúc nào cũng vui sống vì chúng hoàn toàn chẳng nghĩ ngợi gì về bản thân và chẳng cần biết chúng là ai. Tôi yên lòng khi biết rằng Padishah tiếp nhận quyển sách một cách nghiêm túc và hài lòng đọc nó, nhưng lời đồn đại vẫn không lắng xuống: tôi biết Padishah là một kẻ ngốc, tôi hoàn toàn chẳng giống người mà tôi thế chỗ - Người Ấy gầy, tôi thì đậm người hơn; tôi đã nói không đúng sự thật khi bảo là tôi không thể biết tất cả những gì Người Ấy biết; chẳng phải Người Ấy, mà chính tôi đã chạy trốn, sau khi bị nguyên rửa bởi vũ khí của mình. Và chính tôi đã tiết lộ bí mật quân sự cho đối phương, gây nên trận chiến bại, V.V... ! Cho rằng tất cả những điều đó đều xuất phát từ Padishah, để tránh mọi đồn đại thất thiệt, tôi cố tránh mọi cuộc tiêu khiển, hầu như không lộ mặt ở những chỗ đông người, gầy hẩn đi và tìm cách dò hỏi cận kề để tìm hiểu xem họ đã nói chuyện gì vào đêm cuối cùng trong lều Padishah.

Vợ tôi sinh con, đứa nọ tiếp đứa kia, thu nhập của tôi rất khá, tôi muốn quên hết những chuyện xì xào, quên cả quá khứ lẫn Người Ấy và tiếp tục yên ổn làm công việc của mình.

Tôi chịu đựng được bảy năm, nếu tôi cứng vía hơn và không linh cảm thấy Padishah sắp sửa xua đuổi đám cận thần, biết đâu tôi đã đi được tới cùng; bởi khi bước vào cánh cửa mà Padishah mở ra cho mình, tôi dường như trở về hình hài cũ mà tôi đang muốn quên lãng. Thời gian đầu, khi được hỏi về nhân cách - vấn đề tôi quan tâm - tôi đáp một cách tự tin rằng nhân cách con người đâu có nghĩa lý gì, điều quan trọng chính là những hành động mà chúng ta đang và sắp thực hiện. Tôi nghĩ rằng Padishah đã đi vào tâm hồn tôi bằng chính cánh cửa đó. Có lần Ngài bảo tôi kể về Italy, xứ sở mà Người Ấy đã trốn đến, tôi đáp rằng mình chẳng biết gì nhiều về đất nước đó khiến Ngài nổi giận: Người Ấy từng nói với Ngài là đã kể cho tôi

nghe mọi chuyện rồi, việc gì tôi phải hoảng hốt như vậy, chỉ cần tôi cố nhớ lại những gì Người Ấy đã kể mà thôi. Tôi lặp lại cho Padishah nghe về tuổi thơ của Người Ấy, kể tỉ mỉ về những hồi ức dễ chịu mà tôi đã viết qua loa trong quyển sách này. Thoạt đầu, Padishah nghe tôi nói như thể nghe bất cứ người kể chuyện nào, nhưng về sau Ngài bắt đầu như thể đang nghe Người Ấy kể chuyện. Ngài hỏi tôi về những gì mà chỉ Người Ấy mới biết được và yêu cầu tôi không được sợ hãi mà phải trả lời ngay lập tức các câu hỏi: tại sao trước khi chị gái bắt đầu mắc tật nói lắp, Người Ấy lại không được nhận vào trường Đại học Tổng hợp Padua, y phục của người anh trai có màu gì, lần đầu tiên hai anh em xem pháo hoa ở Venice là khi nào ? Tôi cùng Padishah hết ngao du bằng thuyền lại dạo chơi trên bờ hồ nước thả nhiều hoa súng, đây ếch nhái, hết đi qua những chiếc lồng nhốt lũ khỉ trơ trẽn không biết xấu hổ, lại bách bộ trong khu vườn đầy kỉ niệm, nơi tôi và Người Ấy đã từng sánh bước, vốn yêu thích các câu chuyện và sự lóng lánh của những sắc màu này nở trong kí ức, vào những lúc như vậy, Padishah trở nên cởi mở hơn và thường nói về Người Ấy như một người bạn cũ phản bội. Ngài tuyên bố: may mà Người Ấy trốn, vì dù rằng Người Ấy mua vui cho Ngài, nhưng nhiều lần Ngài đã toan ra lệnh giết chết Người Ấy vì tội hỗn xược. Có lần, tôi không còn nhớ khi đó Padishah nói về ai trong hai chúng tôi, Ngài chia sẻ với tôi những chi tiết khiến tôi hoảng sợ, nhưng Ngài chia sẻ những điều đó không phải với sự giận dữ mà với lòng yêu mến: có những ngày Ngài đã sợ rằng sẽ ra lệnh xử trảm, vì Người Ấy thường hay quá trốn, không tự biết mình, còn đêm cuối cùng thì suýt nữa Ngài đã cho gọi đao phủ ! Sau đó, Ngài bảo tôi chẳng phải là một kẻ kiêu ngạo; tôi không cho mình là người thông minh nhất và có năng khiếu nhất trần đời; tôi không cố gắng giảng giải sự khủng khiếp của bệnh dịch hạch một cách vụ lợi; tôi không làm cho ai đó phải mất ngủ bằng những câu chuyện về vị ấu vương bị đóng cọc; tôi chẳng có ai để khi về nhà có thể mĩa mai kể về những giấc mơ của Padishah, không có ai để tôi có thể viết những câu chuyện vớ vẩn ngu ngốc cốt đánh lừa Ngài ! Nghe tất cả những

điều đó, tôi như nhìn thấy bản thân mình và dường như nhìn thấy hai chúng tôi từ bên ngoài và lo sợ bởi ý thức được rằng, ngay từ thời kì ấy chúng tôi đã bỏ lỡ cơ hội ảnh hưởng đến Padishah. Trong những tháng cuối, như thể muốn làm tôi phát điên, Padishah đã kể tiếp: tôi không giống như Người Ấy, tôi không làm rối loạn đầu óc bằng những chuyện vớ vẩn để phân biệt "chúng ta" và "chúng nó" ! Nhiều năm trước, khi Padishah mới tám tuổi và chưa quen chúng tôi, Ngài đã thấy pháo hoa trên bờ vịnh Sừng Vàng mà chúng tôi tổ chức; quỷ Shaitan khi đó đã chiến thắng trên bầu trời đen tối, giờ đây quỷ Shaitan đã theo Người Ấy đến xứ sở mà nó hy vọng sẽ cùng Người Ấy tìm được sự yên bình ! Thỉnh thoảng, trong những buổi dạo chơi buồn chán và đơn điệu, Padishah thận trọng dò hỏi: không biết có cần phải là hoàng đế thì mới hiểu được có những người sống ở những nơi khác nhau trên thế giới với những khí hậu khác nhau mà lại rất giống nhau hay không. Tôi im lặng lo sợ, Ngài lại hỏi lần nữa, chẳng lẽ chuyện họ đổi chỗ cho nhau không phải là một minh chứng cho điều đó hay sao ?

Đến đây, mọi chuyện đã trở nên quá rõ ràng.

Chắc là tôi vẫn tiếp tục tham gia vào những trò chơi đó như không có gì xảy ra, vì tin rằng, cũng như tôi, Padishah sẽ quên Người Ấy, tôi vẫn hy vọng kiếm thêm nhiều tiền bạc; hơn nữa, tôi đã quen với cái khủng khiếp của sự vô định; nhưng một lần ở trong rừng, khi chúng tôi đuổi theo con thỏ rồi bị lạc đường, Padishah làm như thể dạo chơi vô mục đích, bắt đầu uy hiếp tinh thần tôi một cách không thương tiếc, hơn nữa lại trước mặt đoàn tùy tùng, trong số đó có những kẻ mưu mô xảo quyệt mà Ngài lại vừa mới thu nạp dưới trướng. Lúc đó tôi nghĩ rằng Ngài đang sắp sửa xua đuổi và tịch biên gia sản của những người thân cận - tôi linh cảm về một tai họa đang đến gần. Vào cái ngày Padishah nhắc lại với tôi về chiếc khăn bàn bằng ren trải trên chiếc bàn Người Ấy vẫn ăn sáng thời thơ ấu, về chuyện suýt nữa Người Ấy bị chặt đầu khi người ta thuyết phục Người Ấy gia nhập đạo Hồi; khi Padishah bắt tôi mô tả về phong

cánh từ cửa sổ của tôi nhìn ra khoảng vườn sau nhà và bảo tôi viết một quyển sách như thế những chuyện đó đã xảy ra với mình, tôi quyết định chạy trốn khỏi Istanbul.

Thoạt tiên, chúng tôi chuyển đến một ngôi nhà khác. Thời gian đầu tôi sợ triều đình sẽ cho người tới bắt, nhưng rồi chẳng có ai hỏi han, tò mò về thu nhập của tôi, có thể do tôi đã bị quên lãng, hoặc tôi đang bị Padishah bí mật theo dõi. Theo nhu cầu nội tâm của mình, tôi bận bịu suốt ngày, tôi xây nhà, trồng cây ở vườn sau như ý muốn; thỉnh thoảng tôi đọc sách, viết sử, không phải để kiếm tiền mà cốt tiêu khiển, đôi khi tôi tiếp các vị khách đến xin lời khuyên, với tư cách là cựu đại sứ chiêm tinh. Chính vào thời kì ấy tôi đã tìm hiểu được nhiều nhất về đất nước mà tôi từng sống từ thời còn trẻ: trước khi đoán tương lai cho những người tàn tật, những người bị chấn động tinh thần sau khi mất con trai hoặc em trai, những người mắc bệnh nan y, những ông bố có con gái ế chồng, những người lùn mong được cao lớn, những ông chồng ghen tuông, những người khiếm thị, các chàng thủy thủ yêu đương vô vọng - bao giờ tôi cũng bắt phải kể thật tỉ mỉ cho tôi biết về cuộc đời họ, rồi đêm đến tôi ngồi chép lại những lời kể đó vào vở, để sau này có dịp thì sử dụng cho các câu chuyện của mình.

Vào những năm ấy, tôi làm quen với một ông già mà mỗi khi ông ta đến, căn phòng tôi lại ngập tràn một nỗi buồn sâu sắc. Ông ta già hơn tôi chừng mười, mười lăm tuổi, tên là Evliya (*Evliya Chelebi* (khoảng 1611-1682): tác giả cuốn *Sách về Du lịch nổi tiếng; Seyahatnâme - nhan đề cuốn sách - là một thuật ngữ Ba Tư, dùng dưới thời Ottoman thế kỷ XVII*). Nhìn những dấu ấn đau khổ trên mặt ông ta, tôi tưởng nỗi đau khổ ấy là hệ quả của sự cô đơn, nhưng tôi đã nhầm: suốt cuộc đời mình, ông ta dấn thân vào những cuộc chu du đây đó để rồi mô tả những chuyến xê dịch đó trong một công trình đồ sộ mười tập; trước khi chết, ông ta dành thời gian hành hương tới những nơi gần gũi nhất với tâm hồn ông là Mecca và Medina và viết về những vùng đất thánh đó. Nhưng trong những quyển sách của ông có những phần còn để trống mà ông rất

quan tâm - ông ta rất muốn kể với độc giả về những cây cầu và đài phun nước ở Italy, những danh lam thắng cảnh mà ông đã nghe nói rất nhiều, ông ta chủ định đến gặp tôi vì nghe đồn về tiếng tăm của tôi, may ra tôi có thể giúp ông ta được gì chăng ? Khi tôi bảo rằng cũng như mọi người khác, tôi chưa bao giờ đến Italy, Evliya nói ông cũng biết điều đó, nhưng nhờ đâu tôi đã được nghe người nô lệ kể chuyện, và nếu như tôi kể cho ông ta biết những gì tôi đã nghe, thì đổi lại, Evliya cũng có câu chuyện để kể cho tôi biết: chẳng lẽ kể lại và được nghe những câu chuyện hấp dẫn như thế không phải là công việc thú vị nhất trên đời hay sao ? Ông ta lấy trong túi ra một tấm bản đồ Italy nhàu nhĩ, và tôi quyết định kể.

Với bàn tay mồm mĩm như tay con nít, ông ta ghi dấu trên bản đồ, đánh vần và cẩn thận chép lại những câu chuyện tường tượng của tôi. Ông ta nhất định muốn biết một câu chuyện lạ lùng nào đó về mỗi thành phố. Bằng cách như vậy, chúng tôi đi khắp nước Italy từ Bắc chí Nam và đã đến ba mươi thành phố, sau đó lại quay về Istanbul trên một con thuyền. Công việc đó chiếm của chúng tôi hết cả buổi sáng, ông ta rất hài lòng về những câu chuyện của tôi, và tỏ ý mua vui cho tôi, ông ta kể cho tôi nghe chuyện những người đi trên dây đã bị lạc trên bầu trời thành phố Acre (*thành phố ở Israel*), chuyện người đàn bà đã sinh ra một con voi ở thành phố Konya (*thành phố phía Nam Thổ Nhĩ Kỳ*), về đứa con của bà này, về những con bò có đôi cánh màu xanh da trời trên bờ sông Nile, về lũ mèo hồng, ông ta nhe cười phô ra những chiếc răng cửa được trồng cho ở thành Vienna, khi kể về cái hang biết nói trên bờ biển Azov, về những con kiến lửa đỏ chót ở châu Mỹ. Không hiểu sao những câu chuyện của ông ta đánh thức trong tôi một nỗi buồn kỳ dị đến chừng muốn khóc. Mặt trời đã lặn, Livliya hỏi tôi có biết câu chuyện kỳ ảo nào không; tôi bảo ông ta và những người đi theo hãy nghỉ lại ở nhà tôi, tôi có thể kể cho ông ta nghe một câu chuyện mà có lẽ ông ta sẽ thích thú - về hai con người đã thế chỗ cho nhau.

Khi mọi người đã tản về những chỗ dành cho họ, và sự tĩnh mịch mong đợi từ lâu ập đến, chúng tôi trở vào căn phòng của tôi. Bây giờ, tôi đã quyết định sẽ kể hết ngọn ngành câu chuyện mà các bạn đang đọc nốt đây ! Những gì mà tôi đã kể không hề là chuyện hư cấu, mà dường như có ai đó thầm thì nói vào tai tôi, câu nọ nối tiếp câu kia: "Khi bị những chiến thuyền Thổ Nhĩ Kỳ chặn lại, chúng tôi đang trên đường từ Venice đi Naples..."

Đến tận khuya, khi kể xong câu chuyện của mình, tôi chợt cảm thấy rằng, giống như tôi, ông khách cũng đang nghĩ về Người Ấy. Nhưng hình dung của Evliya về Người Ấy nhất định sẽ hoàn toàn khác. Tôi chẳng may may nghi ngờ rằng ông ta cũng đang nghĩ về cuộc đời mình ! Tôi thì nghĩ về cuộc đời tôi, về Người Ấy, về việc tôi thích câu chuyện của tôi, tôi tự hào về những gì mình đã trải qua, những điều từng mơ ước. Căn phòng mà chúng tôi đang ngồi tràn ngập những hồi ức u buồn về chuyện tôi và vị khách của tôi đã từng mơ ước ra sao và chúng tôi đã thành những con người như thế nào. Vào chính khoảnh khắc đó, tôi chợt ngộ ra hết sức rõ ràng rằng tôi sẽ không thể quên Người Ấy, và điều này sẽ biến tôi thành kẻ bất hạnh cho đến tận những tháng ngày cuối cùng của cuộc đời tôi; nhưng giờ đây tôi đã biết là mình sẽ không bao giờ sống trong cô độc: như thể cùng với câu chuyện của tôi, có một bóng ma nào đây sức quyến dụ đã bước vào căn phòng này, khiến hai chúng tôi cùng tò mò, lo ngại. Đến gần sáng, thoát đầu vị khách nói rằng ông ta rất thích câu chuyện của tôi, khiến tôi rất phấn khởi, sau đó ông ta bổ sung thêm là muốn phát biểu một vài nhận xét. Tôi chăm chú lắng nghe ông ta, để gạt bỏ những hồi tưởng khiến cả hai chúng tôi ưu tư và nhanh chóng chuyển sang một cuộc đời mới.

Ông ta nói rằng chúng tôi cần phải tìm ra một điều gì đó lạ lùng và đáng kinh ngạc nhất trong câu chuyện của tôi, thôi được, có thể, đó là điều duy nhất mà chúng tôi có khả năng thực hiện để vượt qua nỗi ưu phiền trĩu nặng của thế giới này; bởi vì từ những tháng năm thơ ấu ông đã biết đến vòng luân hồi bất tận của hết thảy mọi

sự trên cõi thế, ngay cả trong ý nghĩ ông ta cũng không hề có ý định giam mình trong bốn bức tường; chính vì lẽ ấy mà suốt đời ông đã lao vào những chuyến phiêu du bất tận để kiếm tìm những câu chuyện lạ lùng. Và thứ đáng kinh ngạc mà ta phải tìm kiếm lại ở trong thế gian này, chứ không ở trong chính bản thân ta ! Một cuộc kiếm tìm nội tại, những suy tư quá sức dai dẳng về bản thể khiến chúng ta trở thành bất hạnh. Chính điều đó đã xảy ra với các nhân vật trong câu chuyện của tôi, do vậy họ chẳng thể nào mong muốn trở thành chính mình, do vậy mà họ đã ấp ủ mong muốn trở thành kẻ khác. Sau đó, ông ta hỏi tôi: "Cứ cho tất cả mọi điều trong câu chuyện đó là sự thật đi. Thế thì, liệu tôi có tin được rằng những người đổi chỗ cho nhau có thể sống sung sướng hạnh phúc được hay không ?" Tôi im lặng. Không hiểu sao ông ta nhắc tôi về một chi tiết trong câu chuyện mà tôi đã kể: chúng ta không nên gieo hy vọng cho những kẻ giống như người nô lệ Tây Ban Nha bị cụt tay ! Evliya nói tiếp: khi dựng nên những câu chuyện như thế và tìm kiếm sự kì ảo trong ta, chúng ta sẽ trở thành người khác, cầu xin Đức Allah giải cứu chúng ta và độc giả thoát khỏi điều đó ! Thậm chí, ông ta không muốn nghĩ về cái thế giới kinh khủng, nơi người ta thường xuyên nói về bản thân và những điều gàn dở, kỳ quặc của mình, đã thế lại còn viết những quyển sách, những câu chuyện kể về điều đó nữa.

Nhưng tôi thì tôi lại muốn nghe ! Và sáng ra, khi ông già nhỏ thó mà vừa gặp tôi đã cảm mến kia ngủ dậy, sửa soạn cùng đoàn người của mình ra phố để khởi hành đi Mecca và biến nhanh như thể bốc hơi trên đường, tôi lập tức ngồi vào bàn viết nốt quyển sách của mình. Chắc là để hình dung về những con người của thế giới tương lai kinh khủng được tốt hơn, tôi càng viết nhiều thêm về bản thân hoặc về Người Ấy, người mà tôi không tách biệt khỏi mình. Nhưng hôm nay, khi đọc lại quyển sách ấy, quyển sách mà tôi xếp xó từ mười sáu năm trước, tôi nghĩ những gì tôi đã làm được hóa ra cũng không phải là nhiều lắm. Vì vậy, tôi xin lỗi các vị độc giả không ưa những người hay nói về bản thân mình, nhất là khi những

người này ngả theo những cảm xúc dâng trào, tôi xin được bổ sung cho quyển sách của mình thêm mấy trang nữa:

Tôi yêu quý Người ấy, như yêu quý hình ảnh kỳ lạ, đáng thương của chính bản thân mình, hình ảnh vẫn thường hiện lên trong những giấc mơ, khi tôi nghệt thở vì giận dữ, vì lỗi lầm hay buồn chán và cảm thấy xấu hổ trước con dã thú ấy, con thú đã chết trong đau buồn; với một sự ghê tởm không hiểu được và một nỗi vui mừng không hiểu được. Tôi yêu mến và dường như nhận thấy trong Người Ấy hình ảnh của mình; mà có thể tôi đã gần bó quen thuộc với hình ảnh Người Ấy, như quen với cử động của đôi tay mình, khó nhận thấy giống tầm bay một con côn trùng, hoặc như thể quen với những suy tư không hề được nuôi dưỡng bằng bất cứ thứ gì từ bên ngoài, dội từ những bức tường ý thức của tôi mà quay về cùng tôi và tàn lụi đi mỗi ngày; hoặc như đã quen với cái mùi ẩm mốc đặc biệt của tấm thân đáng thương, mái tóc dễ gãy, cái miệng xấu xí, cái tay cầm bút lông vàng vọt của tôi. Sau khi tôi viết xong quyển sách và cất nó đi, hy vọng là sẽ quên được Người Ấy, tôi chưa một lần nào tin những lời đồn đại và các mảnh khéo bản thủ của những kẻ muốn sử dụng danh tiếng của chúng tôi ! Họ quả quyết rằng, dường như Người Ấy đang chế tạo loại vũ khí mới ở Cairo dưới sự bảo trợ của Pasha ! Trong thời kì chiến bại ở ngoại ô thành Vienna, Người Ấy có mặt trong thành phố và dạy cho kẻ thù cách làm sao nhanh chóng thắng được chúng tôi ! Có kẻ nhìn thấy Người Ấy ở Edirne, trong bộ dạng hành khất, đang xúi giục những người thợ thủ công ẩu đá lẫn nhau. Người Ấy đâm dao vào người thợ chân chẵn và lẫn mất trong đám đông ! Ở một trong những khu dân cư Anatoly, Người Ấy trở thành thầy Imam tại một giáo đường nhỏ, xây xong một tháp đồng hồ - những người kể chuyện này đập đầu thề thốt là nói đúng sự thật. - Người Ấy lại bắt tay quyền tiền xây tháp đồng hồ nữa ở Tây Ban Nha, nơi Người Ấy đến sau trận dịch hạch, Người Ấy viết sách và trở nên giàu sụ !

Họ còn đồn rằng Người Ấy bày ra những âm mưu chính trị, hậu quả là vị Padishah tội nghiệp của chúng ta bị phế truất ! Tại các khu dân cư Slave, Người Ấy thu thập những lời thú tội chân thành của những kẻ tôn xưng Người Ấy là cha linh hồn đáng kính, rồi dựa trên cơ sở đó để viết nên những quyển sách điên rồ ! Người Ấy lang thang ở Aluttoly kêu gọi phế truất những vị Padishah ngu ngốc, đi theo sau là hàng đoàn người mê hoặc bởi những lời tiên tri và những câu thơ của mình. Người ấy cũng kêu gọi cả tôi đến với mình ! Trong khoảng thời gian mười sáu năm qua, khi tôi viết các câu chuyện để quên được Người Ấy và cố khuây khỏa bằng thế giới tương lai khủng khiếp mà tôi dựng lên trong tưởng tượng, tôi đã nghe bao điều đồn đại nhưng chưa bao giờ tin một chuyện nào trong số đó. Tôi không biết đã có ai gặp chuyện như vậy chưa nhưng khi chúng tôi biến ngôi nhà không xa vịnh Sừng Vàng thành nhà tù giam nhau, đợi chờ vô vọng để một trong hai người được mời đến dinh thự hoặc cung điện, đôi khi căm ghét nhau, đôi khi vừa giễu nhại vừa viết những luận đề dâng lên Padishah, đã có lúc chúng tôi tập trung chú ý vào những chi tiết nhỏ nhặt: con chó ướt mưa mà chúng tôi nhìn thấy vào buổi sớm, sự kết hợp giữa màu sắc và đường nét hình học dường như được tạo nên một cách cố ý từ bộ quần áo phơi trên sợi dây căng giữa hai cái cây mà chúng tôi bất ngờ phát hiện ta sự so sánh ngôn ngữ, bỗng đột ngột bộc lộ cái cân xứng của đời sống ! Giờ đây, tôi buồn nhớ biết bao về những điều đó ! Chính vì lẽ ấy mà tôi đã trở lại với quyển sách về người đồng hành - bóng ma của mình, mà không hề quan tâm là nhiều năm hoặc nhiều thế kỷ sau, khi Người Ấy đã chết, liệu có ai đọc quyển sách này và suy ngẫm không chỉ về chúng tôi, mà về cả cuộc đời của bản thân mình hay không, nhưng cho dù không có ai đọc quyển sách này thì tôi cũng chẳng bận tâm cho lắm. Dù chẳng mấy thận trọng, tôi cố gắng giấu kín tên tuổi Người Ấy để lần nữa hình dung lại về những buổi tối trong thời dịch hạch, về tuổi thơ tôi ở Edirne, về những giờ phút tuyệt vời mà tôi được đi dạo trong các khu vườn của Padishah, về nỗi khiếp sợ mà tôi cảm nhận bằng tấm lưng của mình, khi lần

đầu tiên nhìn thấy khuôn mặt không có râu hàm của Người Ấy bên khung cửa nhà Pasha. Dĩ nhiên, cần phải hồi tưởng mọi điều một lần nữa, để lấy lại cuộc đời đã mất: tôi tin vào câu chuyện của mình !

Tôi sẽ kết thúc quyển sách của mình vào cái ngày định kết thúc: hai tuần trước, khi ngồi bên bàn và cố nghĩ ra câu chuyện nào đó, tôi nhìn thấy một người kỹ sĩ đang từ phía Istanbul đi tới. Thời gian gần đây chẳng có ai đến để mang tới cho tôi tin tức của Người Ấy, chắc bởi tôi chẳng có phản ứng gì đối với những thông báo của họ, và tôi cũng không nghĩ rằng sẽ xuất hiện một ai đó nữa, nhưng khi thấy người lữ hành khoác cái áo choàng ngắn và chiếc ô trong tay, tôi lập tức hiểu là người đó đang đến gặp mình. Tôi nghe thấy người khách lên tiếng trước khi ông ta bước vào phòng. Không hẳn như Người Ấy, nhưng người lữ hành nói tiếng Thổ với những lỗi sai kiểu Người Ấy, khi vào phòng tôi rồi, ông ta bắt đầu nói bằng tiếng Italy. Thấy tôi không đáp lại, ông ta nói tưởng tôi biết một ít tiếng Italy. Rồi giải thích là qua Người Ấy, ông ta biết tên tuổi tôi và biết được tôi là người như thế nào. Sau khi về nước, Người Ấy viết một loạt sách về những cuộc phiêu lưu giữa những người Thổ, về vị Padishah cuối cùng - người yêu động vật, về những giấc mơ của Ngài, về trận dịch hạch, về triều đình và cách thức điều binh khiển tướng của chúng ta. Bởi giới quý tộc, đặc biệt là các bà các cô có học vấn bắt đầu tỏ ra quan tâm đến phương Đông bí ẩn, những quyển sách của Người Ấy rất được chú ý, Người Ấy đi giảng bài tại Viện Hàn lâm và trở nên giàu có. Xúc động vì những câu chuyện của Người Ấy, vị hôn thê xưa kia, cho dù tuổi tác khá cao, bèn ly hôn với chồng, hai người cưới nhau, mua ngôi nhà cũ sắp đổ của dòng họ, dọn đến ở rồi phục hồi lại ngôi nhà và khuôn viên như trước. Vị khách của tôi biết tất cả những điều đó, vì đã đến thăm Người Ấy, do đọc sách của Người Ấy rồi sinh

lòng cảm mến. Người Ấy rất lịch lãm, suốt ngày thù tiếp vị khách của tôi, trả lời những câu hỏi, kể lại lần nữa những câu chuyện đã viết trong các quyển sách của mình. Người Ấy kể rất nhiều về tôi và

nói rằng sẽ viết một quyển sách về tôi nhan đề là *Một người Thổ mà tôi biết rõ*. Người Ấy định kể với độc giả hiếu kỳ Italy về tuổi thơ của tôi ở Edime, toàn bộ cuộc đời tôi cho đến tận ngày chia biệt, củng cố thêm bằng những nhận xét sắc sảo về những đặc tính của người Thổ. Ông khách của tôi nói: "Ngài đã kể cho ông ấy nghe nhiều chuyện thế!" Rồi để tôi kinh ngạc, ông khách thuật lại những chi tiết tỉ mỉ trong quyển sách mà ông ta đã đọc: thuở nhỏ tôi rất thông minh, bị bọn trẻ con hàng xóm đánh đập dã man, tôi rất xấu hổ vì điều đó và thường khóc một cách cay đắng, chỉ qua sáu tháng là tôi đã học hết toàn bộ môn thiên văn do Người Ấy dạy, tôi rất yêu chị gái của mình, tôi ngoan đạo và lúc nào cũng cầu nguyện đúng thể thức namaz, tôi thích ăn mứt anh đào, đặc biệt rất quan tâm đến công việc chần chẫn, vốn là nghề kiếm sống của cha dượng, v.v... và v.v... Tôi biết là sau những câu chuyện như vậy mình khó lòng có thể dừng dưng với con người ngu ngốc này, tôi dẫn ông ta đi xem nhà mình, hết phòng này đến phòng khác, vì rằng những người như thế thường rất hiếu kì. Sau đó, ông ta hỏi han về những trò chơi mà mấy đứa con nhỏ của tôi đang chơi với bạn ngoài vườn, ông ta không chỉ ghi vào quyển vở trò đánh khăng, mà còn ghi chép cả trò bịt mắt bắt dê, riêng trò nhảy cừu thì ông ta không thích. Vào lúc đó, ông ta nói Người Ấy là bạn của những người Thổ. Ông ta nhắc lại câu đó sau bữa ăn trưa, khi được tôi dẫn ra xem vườn, rồi chẳng còn gì để làm, tôi đưa ông ta đi xem ngôi nhà mà tôi cùng Người Ấy đã chung sống từ nhiều năm trước. Ông ta đi trong hầm kho của chúng tôi, giữa những chiếc lọ đựng mứt và dưa muối, những chai dầu ôliu và giấm. Sau đó, khi dạo trong những căn phòng, ngắm bức chân dung của tôi do người họa sĩ Venice vẽ, như thế tiết lộ một điều bí mật, ông khách nói: thật ra, trên thực tế, Người Ấy không hẳn là một người bạn lớn của người Thổ, vì đã viết nhiều điều không hay về họ, chẳng hạn, Người Ấy bảo chúng tôi đang tuột dốc, hoặc nói đầu chúng tôi là những chiếc tủ chất đầy những thứ đồ đạc cũ rích, phục sinh là điều không tưởng, và chúng tôi không có con đường nào khác ngoài việc phải phục tùng họ. Để ông ta không kéo dài câu

chuyện, tôi nói: "Nhưng Người Ấy muốn cứu giúp chúng tôi." Ông khách liền đáp rằng, đúng thế, thậm chí ông ta đã chế tạo ra vũ khí để làm điều đó, nhưng chúng tôi đã không hiểu ông ta, vũ khí ấy bị chìm ngấm trong đầm lầy vào một buổi sáng sương mù dày đặc và nằm lại nơi ấy, như con tàu của quân cướp biển bị bão tố quăng lên núi đá. Rồi bổ sung thêm: đúng vậy, Người Ấy muốn, rất muốn cứu giúp chúng tôi. Người Ấy không coi vũ khí đó là quý dữ. Tất cả các vĩ nhân đều như thế ! Ông khách nâng bức chân dung của tôi lên tay, nhìn chăm chú và lẩm bẫm điều gì đó về thiên tài: nếu Người Ấy không bị rơi vào vòng nô lệ mà sống ở cố quốc suốt đời, ông ta có thể trở thành một Leonard của thế kỷ XVII. Rồi quay về chủ đề cái Ác mà xem ra ông rất quan tâm, vị khách của tôi kể một vài câu chuyện đồn thổi liên quan với tiền bạc còn đọng lại trong trí nhớ về Người Ấy. "Lạ thật, - ông ta nói thêm, - sao mà Ngài lại không chịu ảnh hưởng của ông ta nhỉ." Giờ đây, sau khi được làm quen với tôi, sau khi tôi đã khiến ông ta yêu mến và ngưỡng mộ, ông ta vẫn không thể nào hiểu được, tại sao lại có chuyện hai người sống bên cạnh nhau ngàn ấy năm mà lại có thể khác nhau đến mức như vậy. Ông ta không hỏi xin tấm chân dung như tôi lo ngại, mà treo nó về chỗ cũ rồi hỏi, liệu có thể xem những tấm chân được không ? "Chắn nào nhỉ ?" - tôi hỏi một cách ngây ngô. Ông ta kinh ngạc: chẳng lẽ tôi không chần chừ vào những lúc rỗi rãi hay sao ? Lúc ấy, tôi quyết định cho ông ta xem quyển sách mà tôi không cầm lên tay đã mười sáu năm ròng.

Ông ta vô cùng xúc động, nói là có thể đọc bằng tiếng Thổ, và dĩ nhiên, được đọc quyển sách viết về Người Ấy thì thật thú vị. Chúng tôi cùng đi lên căn phòng có cửa sổ trông thẳng ra vườn của tôi ở trên gác. Ngồi xuống chiếc bàn của tôi và Người Ấy, tôi lập tức tìm thấy quyển sách tại nơi mà tôi đã đặt nó từ mười sáu năm về trước và đưa cho ông khách. Ông ta đọc quyển sách viết bằng tiếng Thổ, nhưng hơi khó khăn một chút. Ông ta mãi mê chìm đắm vào quyển sách của tôi, mong đọc được những gì lạ thường, đáng kinh

ngạc nhưng lại không mâu thuẫn với thế giới lành mạnh và tin cậy của ông ta, một nguyện vọng khó chịu đối với tôi, mà tôi nhận thấy các vị du khách đều có. Để mặc vị khách ngồi một mình, tôi ra vườn ngồi trên chiếc sofa, sao cho vẫn nhìn thấy ông ta qua ô cửa sổ để ngỏ. Thoạt đầu ông ta vui vẻ nói vọng ra: "Mới đọc đã thấy rõ là Ngài chưa đến Italy bao giờ !" Nhưng rồi ông ta quên bẵng cả tôi. Thình thoảng lăm mới nhìn về phía cửa sổ, tôi ngồi trong vườn ba tiếng đồng hồ, chờ cho ông ta đọc hết quyển sách. Khi đọc xong, khuôn mặt vị khách thoáng chút tần ngần - ông ta đã hiểu tất cả; ông ta thốt lên mấy lần tên gọi của lâu đài trắng và khu đầm lầy đã nuốt mất vũ khí của chúng tôi; thậm chí ông ta còn nói với tôi điều gì đó bằng tiếng Italy. Sau đó, để suy ngẫm về những gì vừa đọc và tránh bối rối, ông ta đưa mắt nhìn mãi ra phía cửa sổ. Tôi lặng im ngồi theo dõi, thấy ông ta nhìn đâu đó rất xa xăm bằng ánh mắt mông lung, như không nhận thấy gì, hết như những người khác trong trường hợp như vậy, rồi sau đó, như tôi dự đoán, ánh nhìn của ông ta bừng tỉnh: cảnh vật bên ngoài ô cửa sổ dường như khiến ông ta mê đắm. Không, chắc các độc giả thông tuệ đã hiểu ra rằng ông ta không hề ngu si như tôi đã thoáng nghĩ. Ông ta nôn nóng lật giở những trang sách, tìm kiếm gì đó và đọc lại khi đã tìm được. Rồi ông ta ngược mắt nhìn qua cửa sổ ra vườn: có thể thấy những gì từ ô cửa đó ? Dĩ nhiên, tôi biết rõ ông ta tìm gì: trên bàn có chiếc khay khám trai đựng những trái đào và anh đào, sau bàn là chiếc ghế sofa bằng mây đan, trên ghế có những chiếc gối nhồi lông điệp màu với khung cửa sổ màu xanh, xa hơn chút nữa là vành giếng có những con chim sẻ đang đậu, rồi đến những cây anh đào, cây ôliu. Giữa những bụi cây ấy, một gốc dẻ cao vượt lên, chiếc võng buộc vào cành nó đứng đưa khe khẽ trong làn gió thoảng...

HẾT

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 9316289 - 9316211 - 8465595 - 8465596 - 9350973

Fax: 08.8437450 E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Số 20 ngõ 91 Nguyễn Chí Thanh - Quận Đống Đa - Hà nội

ĐT: (04) 77345441 Fax: (04) 7734544 E-mail:
vanphongnxbtre@hn.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản TS. Quách Thu Nguyệt

Biên tập: HẢI VÂN

Thiết kế bìa: THÙY ANH

Trình bày: HỒNG NHUNG

Sửa bản in: CAO ĐĂNG

Liên kết xuất bản và phát hành

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÃ NAM

1B/IF1, Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.5146875 Faxes 04.5146965

Blog: <http://360.yahoo.com/nhanambook>

Email: nhanambook@vnn.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Van Huê, Phường 9, Quận Phú
Nhuận, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.8479853 Email: nhanamhcm@hcm.ffpl.vn

In 2.000 cuốn, khổ 13x20.5cm tại Công ty In và DVTM Phú
Thịnh. Căn cứ trên số đăng ký kế hoạch xuất bản: 55-2008/CXB/705-
187/Tre và quyết định xuất bản số 09B/QĐ-Tre của Nhà xuất bản Trẻ
ngày 21.1.2008. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2008.